

BỘ QUỐC PHÒNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4630 /BQP-PC

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2021

V/v đề nghị tham gia ý kiến đối
với Hồ sơ đề nghị xây dựng
Luật Công nghiệp quốc phòng,
động viên công nghiệp

Kính gửi:

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...S.....
Ngày: 28/11/2021	



- Các Bộ: Tư pháp, Ngoại giao, Nội vụ, Tài chính, Công an, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam;
- Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Chính phủ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đà Nẵng, Hải Phòng, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020); Bộ Quốc phòng đã hoàn thành Tổng kết Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng (CNQP) và Pháp lệnh Động viên công nghiệp (ĐVCN), triển khai xây dựng Hồ sơ lập đề nghị 02 dự án luật (Luật CNQP và Luật ĐVCN) và gửi Công văn xin ý kiến các Ban, Bộ, ngành, địa phương (số 2948/BQP-PC ngày 17/8/2021, số 3177/BQP-PC ngày 27/8/2021). Các ý kiến đóng góp cơ bản đều đồng thuận và nhất trí cao với 02 dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật; một số ý kiến đề nghị bổ sung, giải trình, làm rõ, Bộ Quốc phòng tổng hợp chi tiết có phụ lục I, II kèm theo dự thảo Tờ trình. Tuy nhiên, có một số ý kiến đề nghị hợp nhất hai dự án Luật CNQP và Luật ĐVCN do nội hàm hai dự án Luật này có liên quan. Tiếp thu ý kiến đóng góp, căn cứ các quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn, Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật CNQP, ĐVCN.

Để có cơ sở hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật CNQP, ĐVCN gửi Bộ Tư pháp thẩm định, Bộ Quốc phòng đề nghị Quý Ban, Bộ, ngành, địa phương tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản và gửi về Bộ Quốc phòng **trước ngày 05/12/2021** để tiếp thu, hoàn chỉnh.

Hồ sơ gửi kèm gồm: (1) dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật CNQP, ĐVCN; (2) dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách dự án Luật CNQP, ĐVCN; (3) dự thảo Đề cương dự án Luật CNQP, ĐVCN; (4) Báo cáo Tổng

kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP; (5) Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh ĐVCN.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Ban, Bộ, ngành, địa phương. / *HV*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Thứ trưởng Phạm Hoài Nam;
- Cổng TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng TTĐT Bộ Quốc phòng (để đăng tải);
- Tổng cục CNQP;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, PC(P1). N30.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phó Đô đốc Phạm Hoài Nam

Số: /TT-Br-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 10/11/2017 và Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/8/2020, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị Quân đội tổ chức tổng kết Pháp lệnh Động viên công nghiệp (ĐVCN) và Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng (CNQP) (gọi chung là các Pháp lệnh); đã xây dựng các báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai thực hiện (Báo cáo số 12012/BC-BQP ngày 28/10/2018 về tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh ĐVCN, Báo cáo số 2934/BC-BQP ngày 16/8/2021 về tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP). Bên cạnh việc đánh giá cao những đóng góp tích cực của các Pháp lệnh, các bộ, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng đều thống nhất đề nghị Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Luật CNQP thay thế Pháp lệnh CNQP và ban hành Luật ĐVCN thay thế Pháp lệnh ĐVCN, để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tạo cơ sở pháp lý vững chắc, phù hợp thực hiện xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng của đất nước; xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Triển khai kế hoạch xây dựng luật, Bộ Quốc phòng đã chủ trì xây dựng hồ sơ lập đề nghị 02 dự án luật (Luật CNQP và Luật ĐVCN) dự kiến sẽ trình Chính phủ vào cuối tháng 11/2021; theo đó, Bộ Quốc phòng đã có Công văn số 2948/BQP-PC ngày 17/8/2021 gửi xin ý kiến 39 đầu mối gồm các bộ, ban, ngành, địa phương về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật ĐVCN và Công văn số 3177/BQP-PC ngày 27/8/2021 gửi xin ý kiến 21 đầu mối gồm các bộ, ban, ngành, địa phương về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật CNQP. Các ý kiến đóng góp cơ bản đều đồng thuận và nhất trí cao với 02 dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật; một số ý kiến đề nghị bổ sung, giải trình, làm rõ, Bộ Quốc phòng tổng hợp chi tiết có phụ lục I, II kèm theo. Tuy nhiên, có một số ý kiến đề nghị hợp nhất hai dự án Luật CNQP và Luật ĐVCN do nội hàm hai dự án luật này có liên quan. Tiếp thu ý kiến đóng góp, căn cứ các quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn, Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật

Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp (CNQP, ĐVCN). Bộ Quốc phòng xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Pháp lệnh ĐVCN đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI thông qua ngày 25/02/2003 và Pháp lệnh CNQP số 02/2008/UBTVQH12 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII thông qua ngày 26/01/2008, được sửa đổi, bổ sung tại Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV. Các Pháp lệnh được ban hành là cơ sở pháp lý để các bộ, ngành, địa phương, đơn vị Quân đội quán triệt, tổ chức thực hiện ĐVCN và xây dựng, phát triển CNQP. Qua đó, đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước, quản lý ngành đối với các hoạt động CNQP, ĐVCN. Tuy nhiên, sau gần 20 năm triển khai Pháp lệnh ĐVCN và hơn 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP, trước yêu cầu của thực tiễn phát triển CNQP, ĐVCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đòi hỏi hòa nhập cùng sự phát triển của đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với nhiều thời cơ và thách thức, góp phần thực hiện tốt những chủ trương, chính sách lớn, mục tiêu trước mắt và lâu dài của Đảng “đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”... đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về CNQP, ĐVCN, trong đó việc xây dựng Luật CNQP, ĐVCN là cấp thiết, vì những lý do sau:

Một là, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng về phát triển CNQP, ĐVCN

Bộ Chính trị đã ban hành 03 Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển CNQP (Nghị quyết số 05/NQ-TW ngày 20/7/1993; Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 16/6/2003; Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 16/7/2011) với những quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, giải pháp xây dựng và phát triển CNQP phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước, trong đó xác định: “*Xây dựng và phát triển CNQP là nhiệm vụ cơ bản vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân*”, “*CNQP là ngành đặc thù, phải được chăm lo xây dựng và phát triển theo một cơ chế đặc thù và được ưu tiên trong đầu tư phát triển*”, “*Coi trọng phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học - công nghệ, huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ CNQP; tập trung đầu tư có trọng điểm cho các sản phẩm mũi nhọn với trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại; tăng tính lưỡng dụng trong đầu tư phát triển; kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất quốc phòng với kinh tế*”, “*Huy động sự tham gia tích cực, đầy đủ của công nghiệp quốc gia trong các khâu, các bước của CNQP, nhất là việc huy động đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ và các cơ sở công nghiệp dân sinh sản xuất các nguyên, vật liệu chính cho CNQP*”. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển CNQP và ĐVCN như sau: “*Xây dựng, phát triển CNQP, công nghiệp an ninh hiện đại, lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội; có cơ chế huy động*

nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh tại các khu vực phòng thủ. Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Nghị quyết cũng khẳng định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “*Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh,... xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân*”, “*Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại*”. Để thực hiện, Nghị quyết cũng đề ra nhiệm vụ và giải pháp cho phát triển CNQP: “*Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”, “*Nghiên cứu, sản xuất được một số chủng loại vũ khí, trang bị, khí tài hiện đại cần thiết cho phòng thủ, bảo vệ đất nước, nhất là các loại vũ khí chiến lược*”, “*Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh và liên quan đến quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới. Chủ động tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh*”, “*Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh phù hợp với hội nhập quốc tế và yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”.

Hai là, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật

Trong thời gian qua, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013 và nhiều luật, bộ luật có những quy định tác động đến CNQP, ĐVCN như: quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; quy định của Luật Quốc phòng năm 2018 và Luật Công an nhân dân năm 2018 về nội dung CNQP, an ninh; quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 về sử dụng và quản lý vốn đầu tư công; quy định của Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2015 về lập, chấp hành NSNN; quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ; quy định của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2019 về đăng ký, sử dụng, chuyển giao thông tin, tài liệu, sáng chế; quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2016 về tuyển dụng, tuyển chọn, chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng... đặt ra yêu cầu phải ban hành văn bản Luật để điều chỉnh những quy định về CNQP, ĐVCN nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nhất là sự phân định giữa CNQP và công nghiệp an ninh để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ trong đảm bảo vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang.

Ba là, khắc phục kịp thời những khó khăn, vướng mắc, bất cập xuất hiện trong quá trình thực thi Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN trong tình hình hiện nay

Thực tiễn thi hành Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực cũng đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, bất cập như:

(1) Về hệ thống tổ chức CNQP: Chức năng quản lý nhà nước về CNQP của Bộ Quốc phòng chưa phát huy tối đa hiệu lực, hiệu quả, chưa tập trung, còn phân tán ở nhiều đầu mối cơ quan trực thuộc. Chức năng, nhiệm vụ các khôi: Đặt hàng - giao nhiệm vụ; sản xuất - sửa chữa; khai thác sử dụng chưa được phân định rõ. Hệ thống các cơ sở CNQP tuy nhiều về số lượng (79 cơ sở CNQP nòng cốt, 37 cơ sở công nghiệp động viên), nhưng quy mô nhỏ, tính quy tụ về đặc điểm công nghệ, sản phẩm chưa cao; sự gắn kết giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sản xuất với sửa chữa chưa chặt chẽ, đồng bộ. Chuyển đổi hoạt động của các Viện nghiên cứu sang mô hình đơn vị tự chủ về tài chính còn vướng mắc.

(2) Về cơ chế thực hiện quốc phòng kết hợp kinh tế, kinh tế kết hợp quốc phòng: Cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý sản xuất quốc phòng (SXQP) chưa đồng bộ, còn khép kín trong Bộ Quốc phòng; đối tượng doanh nghiệp và lĩnh vực công nghệ được ĐVCN còn bó hẹp, chưa sát với thực tiễn; sự thu hút, tạo động lực để huy động và tận dụng năng lực sẵn có của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang, các thành phần kinh tế dân sinh tham gia SXQP còn nhiều hạn chế; cơ chế ưu tiên sử dụng các sản phẩm do CNQP sản xuất chưa được hoàn thiện. Mức độ tham gia phát triển kinh tế đất nước của CNQP chưa tương xứng tiềm năng.

(3) Về tạo nguồn lực và phát triển khoa học công nghệ (KHCN): Cơ chế ưu tiên nguồn lực cho xây dựng và phát triển CNQP còn hạn chế; chưa có chính sách hiệu quả để thúc đẩy KHCN trở thành động lực cho phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm quốc phòng; chính sách trên các nội dung trọng yếu của CNQP như: đào tạo, gìn giữ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động tiềm lực và đầu tư nâng cao tiềm lực cho CNQP chưa xứng tầm và hiệu quả chưa cao. Việc áp dụng Luật Sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trang bị kỹ thuật (TBKT) mới còn lúng túng. Thiếu các quy định về cơ chế đặc thù trong mua sắm vật tư, linh kiện, thiết bị, máy móc phục vụ cho các nhiệm vụ CNQP.

(4) Về hợp tác, hội nhập quốc tế: CNQP chủ yếu diễn ra một chiều, phần lớn là nhập khẩu vũ khí trang bị từ các nước, chưa thâm nhập sâu rộng vào thị trường xuất khẩu vũ khí. Hoạt động xuất khẩu vũ khí trang bị quân sự và xúc tiến thương mại quân sự chưa được quy định trong Pháp lệnh. Sản phẩm quốc phòng xuất khẩu, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của nhiều doanh nghiệp CNQP còn hạn chế.

Từ những căn cứ nêu trên, cho thấy việc xây dựng dự án Luật CNQP, ĐVCN trình Quốc hội xem xét thông qua là rất cần thiết nhằm giải quyết những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và trong các quy định của Pháp lệnh CNQP và Pháp lệnh ĐVCN, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ CNQP trong tình hình mới, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích xây dựng Luật

- Phát huy vai trò chức năng, nhiệm vụ của CNQP, ĐVCN trong đảm bảo vũ khí, trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang; tổ chức sáp xếp, tái cơ cấu hệ

thống cơ sở phù hợp đặc thù CNQP, ĐVCN và gắn với quá trình tổ chức lực lượng và phương thức tác chiến của Quân đội, đảm bảo thích ứng với nền kinh tế thị trường, hội nhập xu hướng toàn cầu hóa; bảo đảm tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về CNQP, ĐVCN.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN trước mắt và lâu dài, trong đó, tập trung vào các nội dung: Nguồn vốn cho đầu tư; nghiên cứu phát triển TBKT công nghệ cao; thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực có chất lượng, khuyến khích nhân tài phục vụ cho xây dựng và phát triển CNQP; huy động các thành phần kinh tế, doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang có tiềm lực về tài chính và KHCN tham gia đầu tư phát triển CNQP, ĐVCN; sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang; triển khai các dự án đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mũi nhọn; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ sở CNQP, cơ sở ĐVCN.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN. Thể chế đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển CNQP, ĐVCN. Tuân thủ mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng yêu cầu chiến lược trang bị cho lực lượng vũ trang.

- Tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với Luật Quốc phòng năm 2018 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Khắc phục những vướng mắc, bất cập; kế thừa những quy định còn giá trị của các Pháp lệnh và sửa đổi, bổ sung các quy định mới về: quản lý nhà nước và tổ chức lực lượng CNQP, hoạt động ĐVCN; giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý SXQP; hoạt động KHCN; nguồn lực tài chính cho phát triển CNQP, ĐVCN; các chính sách đặc thù cho doanh nghiệp CNQP và kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng.

- Nghiên cứu những ưu điểm, tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, các nhóm giải pháp, kiến nghị, đề xuất rút ra từ quá trình tổng kết các Pháp lệnh; tiếp thu những ý kiến hợp lý của các bộ, ngành, các nhà khoa học, chuyên gia trong quá trình soạn thảo, bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, khả thi;

- Nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc các quy định pháp luật về CNQP của các nước có nền CNQP tiên tiến trên thế giới để vận dụng phù hợp với điều kiện của nước ta.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật CNQP, ĐVCN quy định về xây dựng và phát triển CNQP; nhiệm vụ của CNQP; tổ chức, hoạt động CNQP; chuẩn bị và thực hành ĐVCN; chế độ,

chính sách đối với CNQP, ĐVCN; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến CNQP, ĐVCN.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức và cá nhân là người nước ngoài sinh sống và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG DỰ ÁN LUẬT, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC LỰA CHỌN VÀ LÝ DO CỦA VIỆC LỰA CHỌN

1. Chính sách 1: Phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công nghiệp quốc phòng

a) Mục tiêu của chính sách:

- Xây dựng các quy định, hành lang pháp lý để định hướng phát triển CNQP có hàm lượng công nghệ lưỡng dụng cao, bảo đảm sự tham gia của công nghiệp dân sinh trong hoạt động CNQP;
- Xây dựng cơ chế phát huy hiệu quả vốn đầu tư và năng lực của các dây chuyền quốc phòng trong phục vụ nhu cầu dân sinh; cơ chế ưu đãi, khuyến khích các cơ sở CNQP sản xuất sản phẩm kinh tế;
- Tạo cơ sở pháp lý để huy động tối đa năng lực sản xuất, công nghệ của các thành phần kinh tế công nghiệp dân sinh cho phát triển CNQP lưỡng dụng.

b) Nội dung của chính sách: Phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Luật giao Bộ Quốc phòng đề xuất lĩnh vực, ngành nghề lưỡng dụng¹ trình Chính phủ phê duyệt để làm tiêu chí ưu tiên, định hướng chung cho các dự án đầu tư CNQP; quy định các chính sách ưu đãi thuế, phí, vốn vay cho doanh nghiệp để đầu tư sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ lưỡng dụng; quy định các điều kiện nội địa hóa sản xuất, chuyển giao công nghệ lưỡng dụng đối với các hợp đồng nhập khẩu sản phẩm quốc phòng²; quy định đánh giá tiêu chí lưỡng dụng trong xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, các dự án đầu tư xây dựng và phát triển CNQP.

¹ Hiện nay công nghệ lưỡng dụng hiện đại tập trung vào một số lĩnh vực sau: Vũ trang và vũ khí; Không gian mạng; Công nghệ lượng tử (chế tạo siêu máy tính); trí tuệ nhân tạo; các thiết bị tự hành (thiết bị bay, lặn không người lái, xe chiến đấu; công nghiệp rô bốt (kết hợp trí tuệ nhân tạo và thiết bị tự hành để sản xuất robot chiến đấu thay con người), công nghệ vật liệu mới.

² Quy định việc các hợp đồng nhập khẩu sản phẩm quốc phòng từ nước ngoài có số lượng lớn hơn 5000 sản phẩm hoặc giá trị lớn hơn 100 triệu USD phải xem xét điều kiện chuyển giao công nghệ trên cơ sở đánh giá tính lưỡng dụng của công nghệ đó.

Đồng bộ hoá các quy trình huy động dân sinh như: Quy định cơ chế ĐVCN sử dụng NSNN để hình thành dây chuyền ĐVCN; quy định về đấu thầu, đặt hàng các cơ sở dân sinh đủ điều kiện tham gia hoạt động CNQP; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân bỏ vốn đầu tư phát triển để có sản phẩm phục vụ QPAN; khuyến khích đầu tư công kết hợp nguồn vốn của tư nhân.

- Đối với các dự án đầu tư của Nhà nước cho công nghiệp dân sinh, có đánh giá mức độ đáp ứng cho CNQP³.

- Cho phép các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế của công nghiệp dân sinh tham gia hoạt động CNQP, Luật giao Chính phủ quy định phạm vi, lĩnh vực hoạt động CNQP mà công nghiệp dân sinh tham gia⁴; chính sách thu hút của Nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (cả trong nước và ngoài nước) tham gia hoạt động CNQP⁵. Luật giao Chính phủ quy định điều kiện tham gia các hoạt động CNQP; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động CNQP.

- Có chính sách hỗ trợ các cơ sở CNQP nòng cốt phát triển công nghệ lưỡng dụng, nâng cao năng lực sản xuất kinh tế phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phân công chuyên môn hóa cho CNQP nòng cốt một số lĩnh vực công nghệ đặc thù phục vụ dân sinh⁶.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng về phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, có trình độ KHCN cao, là một bộ phận quan trọng và trở thành mũi nhọn của công nghiệp gia.

- Phát huy, tận dụng được năng lực dư thừa công suất dây chuyền cơ sở CNQP vào phát triển các sản phẩm lưỡng dụng phục vụ cho kinh tế đất nước.

- Chính sách đưa ra giúp Nhà nước có thể bố trí vốn đầu tư, nâng cao tiềm lực cho doanh nghiệp dân sinh để thực hiện sản xuất một số sản phẩm quốc phòng (mang lại hiệu quả đầu tư cao hơn so với thực hiện đầu tư mới tại doanh nghiệp quốc phòng). Mở rộng khả năng hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh giữa các cơ sở CNQP và các tổ chức, cá nhân ngoài Quân đội trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế; đồng thời, thu hút được các thành phần kinh tế tham gia hoạt động CNQP, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa CNQP với công nghiệp quốc gia.

- Việc mở rộng đầu tư, hợp tác kinh doanh bằng các nguồn vốn từ khu vực ngoài NSNN vào CNQP sẽ góp phần giảm bớt áp lực về NSNN, qua đó NSNN

³ Các dự án đầu tư từ NSNN cho ngành sản xuất nguyên liệu, bán thành phẩm: như luyện kim, hóa chất, điện, điện tử, viễn thông,... cần có đánh giá thêm yếu tố lưỡng dụng, khả năng đáp ứng nhu cầu cho CNQP.

⁴ Hóa chất, luyện kim, cơ khí chế tạo máy, điện tử, tin học, viễn thông, vật liệu,...

⁵ Đối với doanh nghiệp: Ưu đãi về thuế; giảm hoặc miễn trách nhiệm tài sản; hỗ trợ ngân sách để đầu tư hoàn thiện công nghệ lưỡng dụng. Đối với người lao động: Phụ cấp ưu đãi, miễn lao động công ích; trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bị thương,...

⁶ hoá nổ, đóng tàu, cơ khí dân dụng ...

được sử dụng có hiệu quả hơn, tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu, trọng yếu nhất. Nâng cao khả năng hợp tác nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ sản xuất, sửa chữa sản phẩm quốc phòng và tiếp cận các công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới.

2. Chính sách 2: Quy hoạch hệ thống tổ chức Công nghiệp quốc phòng

a) Mục tiêu của chính sách:

- Tạo cơ sở pháp lý để kiện toàn đồng bộ cơ cấu ngành CNQP từ cơ quan quản lý nhà nước đến các cơ sở CNQP, ĐVCN với lộ trình, bước đi phù hợp, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và triển khai hoạt động CNQP.

- Nâng cao năng lực thích ứng với nền kinh tế thị trường của các cơ sở CNQP nòng cốt; đảm bảo tập trung có trọng tâm, trọng điểm nguồn lực đầu tư; đảm bảo tính đồng bộ, gắn kết các khâu trong chu trình sản xuất vũ khí trang bị.

b) Nội dung của chính sách: Quy định hệ thống tổ chức CNQP.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý CNQP trong Bộ Quốc phòng theo hướng tập trung chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về CNQP cho một cơ quan chuyên trách chủ trì thực hiện, khắc phục triệt để các khâu trung gian, chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan.

- Thực hiện tổ chức sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt theo lộ trình 2 bước:

- + Bước 1: Tổ chức cơ cấu, sắp xếp lại các cơ sở CNQP theo hướng quy tụ giảm số lượng đầu mối, tăng quy mô của các cơ sở CNQP nòng cốt bám sát nhiệm vụ SXQP theo chuyên ngành sản phẩm và thế bố trí chiến lược, bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả; thực hiện cơ chế tự chủ cho các cơ sở nghiên cứu để tiến hành chuyển đổi thành doanh nghiệp KHCN.

- + Bước 2: Phát triển, hình thành các tập đoàn CNQP theo hướng hiện đại, lưỡng dụng, có trình độ KHCN cao, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vũ khí, trang bị cho lực lượng vũ trang, đủ năng lực thích ứng với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- Đây là giải pháp mang tính chiến lược đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Việc kiện toàn lại tổ chức quản lý nhà nước về CNQP trong Bộ Quốc phòng theo đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan giúp nâng cao hiệu quả hoạt động. Qua đó, cùng với sự sắp xếp các cơ sở CNQP theo hướng tinh gọn sẽ tối ưu hóa nguồn lực đầu tư cho CNQP. Tập trung chức năng quản lý nhà nước trong Bộ Quốc phòng cho một cơ quan chuyên trách sẽ tăng hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý, điều phối quy trình SXQP, đảm bảo kiểm định, giữ chuẩn về tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng sản phẩm TBKT.

- Khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý theo hướng tinh gọn, tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa, hoạt động với tư cách pháp nhân kép thì hiệu quả sử dụng nguồn lực dành cho CNQP sẽ tăng cao, giảm chi phí doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh, năng xuất lao động... dẫn đến đóng góp của các doanh nghiệp CNQP cho xây dựng lực lượng vũ trang và nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng.

Tuy nhiên, việc tổ chức sắp xếp các cơ sở CNQP cần theo lộ trình để đảm bảo sự bền vững phát triển của cơ sở CNQP, phù hợp nhiệm vụ trước mắt và định hướng phát triển lâu dài của cơ sở CNQP nòng cốt, không tạo ra sự chuyển biến đột ngột, đứt gãy trong sản xuất sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh. Qua đó, đẩy mạnh sự tích tụ làm cho doanh nghiệp CNQP có sự chuyển biến về chất trở thành các Tập đoàn CNQP, thực sự tham gia hiệu quả vào nền kinh tế quốc dân, đủ lực để có thể vận hành theo cơ chế thị trường, giảm sự phụ thuộc vào NSNN, giảm chi đầu tư công cho đầu tư phát triển CNQP.

3. Chính sách 3: Thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ phục vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng

a) Mục tiêu của chính sách:

- Thúc đẩy ứng dụng KHCN trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm quốc phòng, nhất là những sản phẩm tích hợp, công nghệ cao, công nghệ mới.
- Xây dựng chế độ, chính sách phù hợp trong đầu tư, giao nhiệm vụ và đối tượng đai ngộ trong hoạt động KHCN đảm bảo gắn với đặc thù chủ trình khoa học - công nghệ - sản xuất nhằm thúc đẩy sự phát triển KHCN trong CNQP nói chung và trong nghiên cứu, chế tạo TBKT nói riêng.
- Tăng cường tự chủ của các cơ sở CNQP, mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài quân đội để sản xuất sản phẩm quốc phòng cũng như phục vụ dân sinh.

b) Nội dung của chính sách: Thúc đẩy hoạt động KHCN phục vụ phát triển CNQP.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Luật hóa các quy định về quản lý thiết kế, công nghệ sản xuất sản phẩm quốc phòng.
- Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, ủy quyền quản lý các chương trình nghiên cứu, phát triển, sản xuất TBKT gắn với triển khai xuyên suốt các khâu từ nghiên cứu thiết kế, chế thử đến sản xuất sản phẩm đưa vào trang bị trên cơ sở phù hợp chiến lược, kế hoạch trang bị; chiến lược, kế hoạch đảm bảo kỹ thuật. Quy định chính sách huy động nguồn lực từ các ngân sách và các Quỹ đảm bảo đầy đủ các khâu của quá trình phát triển TBKT.

- Quy định cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả KHCN để tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới.

- Xây dựng chính sách đặc thù về thủ tục mua sắm sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm... phục vụ nghiên cứu, phát triển TBKT.

- Quy định chính sách bảo mật trong hợp tác nghiên cứu sản phẩm phục vụ quốc phòng và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở CNQP và viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài quân đội.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng về vai trò của KHCN đối với phát triển lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm CNQP.

- Đây là chính sách tháo gỡ những điểm nghẽn trong hoạt động KHCN, trong thực tiễn thời gian qua, cho phép tăng tính chủ động trong hoạt động KHCN, phát huy đổi mới, sáng tạo, đầy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học, đẩy nhanh triển khai ứng dụng các thành tựu nghiên cứu về TBKT, làm cho các khâu từ nghiên cứu, đến ứng dụng kết quả KHCN vào sản xuất đưa vào trang bị được thông suốt, gắn kết chặt chẽ.

4. Chính sách 4: Huy động nguồn lực cho phát triển Công nghiệp quốc phòng

a) Mục tiêu của chính sách:

- Xây dựng hành lang pháp lý để nâng cao chất lượng, tạo động lực đột phá cho xây dựng và phát triển CNQP theo hướng đổi mới, đồng bộ, hiệu quả. Bảo đảm phân bổ, bố trí vốn từ NSNN đầu tư cho CNQP có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với mục tiêu chiến lược đề ra; có cơ chế ưu tiên nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển cho một số lĩnh vực đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài NSNN, vốn vay tín dụng, ưu đãi, huy động tài chính, công nghệ chuyển giao từ các nhà tài trợ,... để triển khai chiến lược quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển kết hợp với NSNN nhằm bổ sung, tăng cường kinh phí bảo đảm cho CNQP.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách thu hút, huy động nguồn nhân lực chất lượng cao ở trong và ngoài nước tham gia xây dựng và phát triển CNQP, đồng thời có cơ chế duy trì, phát triển nguồn nhân lực hiện có, đặc biệt là người lao động lành nghề, các cán bộ, chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực CNQP.

b) Nội dung của chính sách: Huy động nguồn lực cho phát triển CNQP.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Quy định cơ chế, chính sách Nhà nước bảo đảm cho phát triển CNQP như: bố trí, phân bổ vốn NSNN đầu tư cho CNQP thành khoản mục riêng trong hệ thống danh mục; dự trữ nguồn lực vật tư chiến lược trong hệ thống dự trữ vật tư quốc gia để đáp ứng nhu cầu thời bình thời chiến và CNQP nòng cốt và

ĐVCN; bố trí quỹ đất đảm bảo cho phát triển CNQP, vành đai an toàn cho CNQP trong điều kiện đô thị hóa.

- Hình thành Quỹ phát triển CNQP⁷ (từ lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp CNQP; địa phương hỗ trợ; huy động từ các tổ chức, cá nhân có tiềm lực tài chính ngoài Quân đội; từ NSNN bổ sung). Trong đó, Luật giao Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu, tổ chức, cơ chế hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển CNQP.

- Xây dựng chính sách thu hút, tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển CNQP. Có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với một số ngành nghề đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các thành phần kinh tế tham gia hỗ trợ phát triển CNQP về nguồn vốn, nhân lực chất lượng cao theo nguyên tắc các bên cùng được hưởng lợi, sẵn sàng chia sẻ một số bí quyết công nghệ có tính lưỡng dụng.

- Huy động vốn vay ưu đãi, chuyển giao công nghệ, hợp tác với các nhà tài trợ nước ngoài để phát triển, nghiên cứu, sản xuất, chế tạo một số sản phẩm quốc phòng, lưỡng dụng kỹ thuật, công nghệ cao.

- Hoàn thiện các chính sách thu hút, ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ, năng lực chuyên môn cao tham gia một số hoạt động tại các cơ sở CNQP nòng cốt (như quy trình, thủ tục để thẩm định, miễn giấy phép lao động, chỉ định lựa chọn, trả thù lao đặc biệt theo hợp đồng thuê khoán, miễn giảm một phần các loại thuế, phí).

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- Đây là giải pháp đồng bộ, hiệu quả tháo gỡ những vướng mắc trong đảm bảo nguồn lực cho phát triển CNQP, ĐVCN; giúp tăng cường nguồn ngân sách cho đầu tư phát triển CNQP bảo đảm có tính rõ ràng, ổn định và tiên lượng cao hơn trong dài hạn. Việc hình thành Quỹ Phát triển CNQP sẽ đáp ứng được yêu cầu nguồn lực tập trung cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm, TBKT mới có trọng tâm, trọng điểm giúp nâng cao tính chủ động trong việc chi cho các hoạt động phát triển CNQP của Bộ Quốc phòng.

- Chính sách sẽ nâng cao tính tự chủ của doanh nghiệp CNQP trong việc nghiên cứu, triển khai kết quả nghiên cứu trên thực tiễn và trong hoạt động sản

⁷ Quỹ phát triển CNQP tích tụ nguồn lực tài chính từ các nguồn vốn hợp pháp khác nhau (trích khoảng 3-5% từ lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp CNQP; địa phương hỗ trợ; huy động từ các tổ chức, cá nhân có tiềm lực tài chính ngoài Quân đội;...) nhằm triển khai chiến lược quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng và phát triển CNQP theo định hướng đổi mới, sáng tạo, đồng bộ, thống nhất, trọng tâm là một số lĩnh vực đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”; kết hợp với NSNN để bổ sung, tăng cường kinh phí bảo đảm cho CNQP.

xuất kinh doanh, góp phần nâng cao doanh thu, lợi nhuận và mức đóng góp cho NSNN. Các giải pháp chính sách đặc thù sẽ giúp thu hút người lao động và nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của doanh nghiệp CNQP.

5. Chính sách 5: Bảo đảm hiệu quả hoạt động động viên công nghiệp

a) Mục tiêu của chính sách:

- Huy động tối đa mọi tiềm lực công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để nâng cao năng lực ĐVCN sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; tạo tiền đề xây dựng kế hoạch, phương án, quyết định số lượng, nhiệm vụ và chỉ tiêu sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật đối với từng doanh nghiệp khi thực hành ĐVCN.

- Xây dựng cơ chế pháp lý đồng bộ, triển khai việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý sản xuất các sản phẩm ĐVCN bảo đảm khoa học, chặt chẽ, minh bạch, hiệu quả; sản phẩm ĐVCN có tính năng kỹ chiến thuật phù hợp với phương thức tác chiến của Quân đội và Dân quân tự vệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng. Tăng cường công tác quản lý, điều độ, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; gắn trách nhiệm của cơ quan trực tiếp giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu với cơ quan quản lý lĩnh vực, ngành, đơn vị nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và đơn vị sử dụng; huy động cao nhất tiềm lực công nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện ĐVCN.

- Phân định rõ trách nhiệm của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN; tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm tính chủ động cho bộ, ngành, địa phương trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN; phân định, xác định thẩm quyền của chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền trong thực hiện ĐVCN phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chức năng quản lý theo địa bàn, khu vực phòng thủ.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện chính sách đối với doanh nghiệp tham gia ĐVCN; bảo đảm tính đúng, tính đủ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp và người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN, phù hợp với tính chất hoạt động trong ĐVCN; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

b) Nội dung của chính sách: Quy định về phạm vi, đối tượng tham gia ĐVCN của các doanh nghiệp, tổ chức ngoài lực lượng vũ trang; cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp tham gia ĐVCN; cách thức tiến hành chuẩn bị và thực hành ĐVCN để bảo đảm hiệu quả ĐVCN.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Mở rộng phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN (*trong đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ vốn góp không có quyền quyết định*); mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm động

viên công nghiệp (gồm Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ). Luật giao Thủ tướng Chính phủ quyết định đối tượng, nội dung, phương pháp khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

- Hoàn thiện phương thức thực hiện ĐVCN theo hướng bổ sung phương thức đặt hàng, đấu thầu. Quy định trách nhiệm trong quản lý nhà nước và phân cấp quản lý trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN. Luật giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phương thức và trình tự, thủ tục giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong các trường hợp cụ thể.

- Quy định trách nhiệm trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức thực hiện đối với nhiệm vụ ĐVCN: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ĐVCN; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý về ĐVCN; bộ, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN. Đồng thời, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm, quyền hạn thực hiện ĐVCN trong địa bàn quản lý phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi tham gia ĐVCN tương ứng như chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và lực lượng khác (Lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ) khi tham gia hoạt động quốc phòng, trong cùng điều kiện, tính chất hoạt động đã được quy định tại các hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- Đảm bảo thể chế hóa quan điểm của Đảng về huy động tiềm lực quốc gia cho sản xuất, sửa chữa TBKT cho lực lượng Quân đội và Dân quân tự vệ. Phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giảm tối đa việc đầu tư cho CNQP đối với các lĩnh vực, ngành công nghiệp mà doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang có thể mạnh.

- Thúc đẩy phát triển CNQP và công nghiệp quốc gia; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ĐVCN; huy động được tiềm năng kinh tế, công nghệ tiên tiến của doanh nghiệp ngoài quân đội vào nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị. Qua đó, nâng cao tính tự chủ, chủ động trong sản xuất trang bị kỹ thuật, giảm nhập khẩu từ nước ngoài.

- Giảm các chi phí không cần thiết do xác định hợp lý trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện ĐVCN; góp phần tiết kiệm NSNN.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có điều kiện tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và trách nhiệm tham gia xây dựng củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; góp phần giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về nguồn lực

a) Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành Luật như sau:

- Kinh phí để triển khai Luật bao gồm: Kinh phí để xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; kinh phí tổ chức triển khai Luật; kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật; kinh phí theo dõi thi hành Luật; kinh phí đầu tư cho các cơ sở CNQP, ĐVCN, bảo đảm dự trữ vật tư kỹ thuật cho CNQP; kinh phí hỗ trợ chế độ, chính sách cho cơ sở CNQP nòng cốt, doanh nghiệp tham gia ĐVCN, các tổ chức, cá nhân tham gia CNQP; kinh phí thực hiện khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư về CNQP; kinh phí thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thi hành Luật; kinh phí sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật...

- Nguồn kinh phí gồm: Nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Dự kiến nguồn nhân lực để thi hành Luật:

Tổng số lao động hiện nay trong các cơ sở CNQP nòng cốt trực tiếp nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa TBKT khoảng 70.000 người; những quy định mới trong Luật sẽ ảnh hưởng thay đổi về tổ chức, biên chế dẫn đến thay đổi số nhân lực thi hành Luật. Số liệu tăng, giảm dự kiến trong 3-5 năm tới sẽ được tính toán trong các bước tiếp theo.

2. Về điều kiện đảm bảo

Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Về ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật CNQP, ĐVCN và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Về tuyên truyền, phổ biến, tập huấn thực hiện Luật CNQP, ĐVCN và các văn bản hướng dẫn thi hành: Xây dựng nội dung và thông tin bằng nhiều hình thức và phương tiện thông tin khác nhau về quy định của Luật CNQP, ĐVCN đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện có hiệu quả.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn để bộ, ngành, địa phương, cơ quan đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức triển khai thực hiện Luật CNQP, ĐVCN.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật; ngoài nguồn kinh phí NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương bảo đảm cho việc thực hiện Luật CNQP, ĐVCN.

- Thực hiện công tác kiểm tra, thành tra, giám sát tình hình thi hành Luật CNQP, ĐVCN và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật CNQP, ĐVCN.

- Bộ Quốc phòng theo dõi, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI THÔNG QUA

Dự án Luật CNQP, ĐVCN được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2023, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại hai kỳ họp, cụ thể là:

1. Trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến dự án Luật CNQP, ĐVCN tại kỳ họp thứ 5 (*tháng 5/2023*).

2. Trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật CNQP, ĐVCN tại kỳ họp thứ 6 (*tháng 10/2023*).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Dự án Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

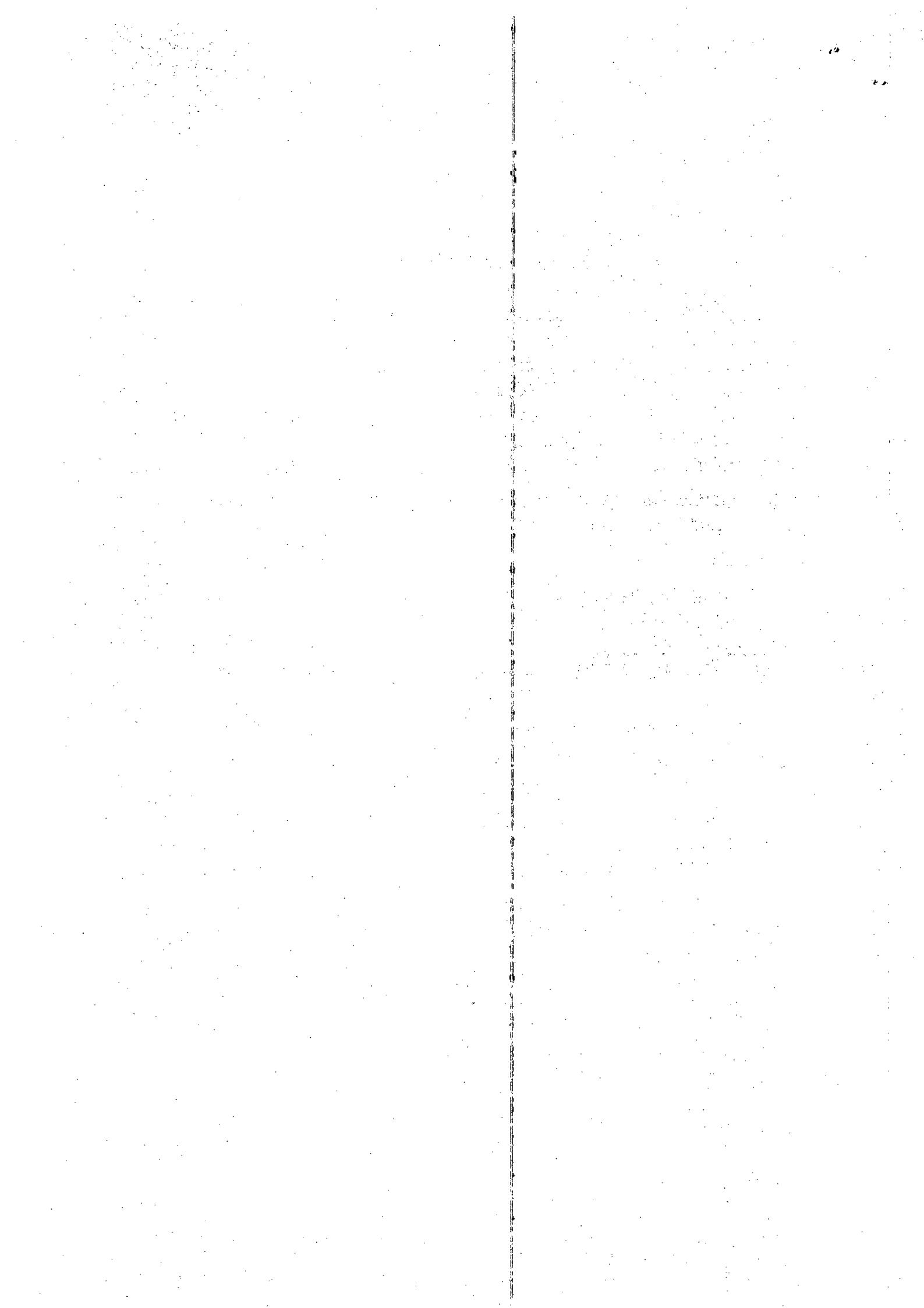
(Xin gửi kèm theo: Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo tổng kết Pháp lệnh CNQP, Báo cáo tổng kết Pháp lệnh ĐVCN; Đề cương chi tiết Luật CNQP, ĐVCN; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP⁽⁸⁾;
- Bộ Tư pháp;
- Uỷ ban QP&AN của Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị;
- Tổng cục CNQP;
- Văn phòng BQP;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, TCCNQP. S...

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang



Phụ lục I
BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
Ý kiến tham gia của các bộ, ban, ngành và địa phương về dự thảo Hồ sơ
đề nghị xây dựng dự án Luật Công nghiệp quốc phòng

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-BQP ngày tháng năm 2021 của Bộ Quốc phòng)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội.

Ngày 27/8/2021, Bộ Quốc phòng có Công văn số 3177/BQP-PC gửi xin ý kiến 21 đầu mối gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật CNQP; có 03 ý kiến tham gia hoàn toàn nhất trí; một số ý kiến tham gia góp ý vào nội dung dự thảo hồ sơ, Bộ Quốc phòng tổng hợp, tiếp thu, giải trình, như sau:

I. DỰ THẢO TỜ TRÌNH

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
I	Mục I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
1	* Bộ Tư pháp: - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, thuyết minh rõ những chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP thời gian qua, những vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân cần quy định tại luật để phù hợp với Hiến pháp 2013...	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu. Bổ sung vào dự thảo những quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP trong Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị và văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.
2	* Bộ Tài chính: Về nguồn lực tại điểm a khoản 1 Mục V của dự thảo Tờ trình, đề nghị Bộ Quốc phòng chỉnh sửa theo hướng nguồn lực cho việc thi hành Luật là từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa lại điểm a, khoản 1, Mục V.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác.	
3	<p>* Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</p> <p>Để kịp thời sửa đổi, bổ sung những hạn chế, vướng mắc, bất cập và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật về quốc phòng, an ninh thì việc sửa đổi các quy định tại Pháp lệnh CNQP đảm bảo phù hợp với thực tiễn hiện nay là cần thiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần làm rõ những kết quả đạt được, tồn tại của từng chính sách trong thực hiện CNQP thời gian vừa qua; số lượng tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các hoạt động cụ thể trong quá trình tham gia CNQP theo các quy định tại Pháp lệnh CNQP và văn bản hướng dẫn. - Bổ sung kinh nghiệm quốc tế về các chính sách hỗ trợ và Nhà nước và cơ chế hợp tác giữa Nhà nước với các cơ sở thực hiện nhiệm vụ CNQP. - Bổ sung mục ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan 	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng sau khi nghiên cứu có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung này đã có trong Báo cáo tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP và Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh ĐVCN, đồng thời, Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, bổ sung cụ thể thêm trong Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách trong Hồ sơ dự án Luật. - Nội dung này đã được đề cập tại mục 2 phần II “Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật” - Mục ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan sẽ được kèm theo Hồ sơ dự án Luật
4	<p>* Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:</p> <p>Đề nghị thể hiện sâu sắc hơn sự cần thiết cả về lý luận và thực tiễn, theo đó nhấn mạnh hơn nữa một số nội dung như: Tầm quan trọng của CNQP trong giai đoạn hiện nay; một số nội dung trong Pháp lệnh không còn phù hợp với văn bản hiện hành; bổ sung quan điểm của Đảng theo Nghị quyết Trung ương 8 Khóa IX về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung mục I “sự cần thiết ban hành Luật” xuất phát từ 3 tiêu chí: (1) để thể chế hóa quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP, trong đó bổ sung quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của CNQP “là một bộ phận quan trọng, mũi nhọn của công nghiệp quốc gia....”; (2) để phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam; (3) để khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Pháp lệnh, trong đó nêu ra một số nội dung của Pháp lệnh không còn phù hợp, cần điều chỉnh như quy định về hợp tác quốc tế, về quy hoạch... để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
II	Mục II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
1	<p>* Bộ Ngoại giao: Tại khoản 2: Đề nghị bổ sung “Nguyên tắc tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”.</p>	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung vào khoản 2 “Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật”.
2	<p>* Bộ Nội vụ: Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung: “Phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, nghiên cứu sản xuất vũ khí công nghệ cao; tăng cường tiềm lực tận dụng và đẩy mạnh phát triển liên kết CNQP, an ninh và công nghiệp dân sinh”. Bảo đảm phù hợp với chủ trương xây dựng và phát triển CNQP tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đưa vào dự thảo tại phần I “Sự cần thiết phải ban hành văn bản”, trong đó có nêu quan điểm, chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII về xây dựng và phát triển CNQP.
III	Mục III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ BỘ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA VĂN BẢN	
1	<p>* Bộ Tư pháp: - Điều 12 Luật Quốc phòng quy định về CNQP, an ninh nói chung mà không tách bạch và chỉ quy định riêng về CNQP. Bộ Tư pháp cho rằng, CNQP và công nghiệp an ninh có sự gắn kết chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau để cùng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền CNQP, an ninh, đáp ứng yêu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân nói chung. Việc điều chỉnh CNQP và công nghiệp an ninh trong cùng một đạo luật cũng nhằm tập trung nguồn lực đầu tư của nhà nước cho nền CNQP, an ninh, tránh đầu tư dàn trải hoặc trùng lắp, gây lãng phí cho ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị cân nhắc việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của dự án Luật theo hướng quy định về CNQP, an ninh để tạo cơ sở pháp lý</p>	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhận định không nhất thiết đưa mở rộng phạm vi theo hướng đưa công nghiệp an ninh (CNAN) vào Luật CNQP, ĐVCN xuất phát từ những lý do sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 5, Điều 32, điều 34) để mở rộng phạm vi điều chỉnh bao gồm cả công nghiệp an ninh thì cần phải tiến tổng kết đánh giá việc thi hành các luật có liên quan đến CNAN (Luật Công an nhân dân, Nghị định 63/2020/NĐ-CP về công nghiệp an ninh). Nội dung này chưa được tiến hành. 2. CNQP và CNAN có sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau để cùng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền CNQP, an ninh, đáp ứng yêu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân nói chung. Tuy nhiên, CNQP và CNAN cũng mang những tính chất đặc thù riêng gắn với chức

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	thống nhất, đồng bộ về vấn đề này.	<p>năng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang tương ứng (quân đội nhân dân và công an nhân dân) mà CNQP và CNAN hướng tới phục vụ. Việc tách riêng nội hàm của CNAN và CNQP không dẫn đến việc đầu tư trùng lắp, đầu tư dàn trải mà phù hợp với yêu cầu phát triển của mỗi ngành, đáp ứng nhu cầu sản xuất ra các sản phẩm chuyên dụng. Các sản phẩm do CNAN, CNQP sản xuất đã được Chính phủ quy định cụ thể tại Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020, trong đó CNAN tập trung đảm bảo phát triển các sản phẩm liên quan đến công cụ hỗ trợ, các sản phẩm chuyên dụng phục vụ nghiệp vụ cho lực lượng công an nhân dân, các sản phẩm còn lại về trang bị kỹ thuật cơ bản do các doanh nghiệp CNQP sản xuất.</p> <p>3. Do các đối tượng chịu tác động có sự độc lập (các cơ sở CNAN do Bộ Công an quản lý, các cơ sở CNQP nòng cốt do Bộ Quốc phòng quản lý) nên việc hợp nhất vào một Luật sẽ ảnh hưởng đến tính bao quát của các chính sách, dễ dẫn đến những chính sách được ban hành chưa sát với đặc thù của mỗi ngành, gây khó khăn trong quá trình thực thi, sẽ không đáp ứng tốt việc phục vụ phát triển CNQP, CNAN.</p> <p>4. Trong dự thảo Đề cương chi tiết của Luật sẽ có quy định chính sách đảm bảo vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang, trong đó đề cập đến hoạt động của CNQP phục vụ an ninh, danh mục các sản phẩm phục vụ an ninh do CNQP nghiên cứu, sản xuất để tránh chồng chéo, trùng lắp về sản phẩm. Quy định trách nhiệm cho Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trong phối hợp với nhau để phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư của nhà nước cho nền CNQP, an ninh, tránh đầu tư dàn trải hoặc trùng lắp, gây lãng phí cho ngân sách nhà nước.</p> <p>5. CNAN đã được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh là Luật Công an nhân dân và Nghị định</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>- Một nội dung quan trọng dự kiến có sự thay đổi so với Pháp lệnh là không tiếp tục quy định về chính sách đối với CNQP nói chung mà chỉ tập trung quy định chính sách đặc thù đối với cơ sở CNQP nòng cốt. Để có đầy đủ cơ sở xem xét, đánh giá tính hợp lý của sự thay đổi này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thuyết minh về thực trạng thực hiện các quy định về chính sách đối với CNQP thời gian qua, những chủ trương mới của Đảng và Nhà nước cũng như yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi chỉ tập trung quy định chính sách đặc thù đối với cơ sở CNQP nòng cốt.</p>	<p>63/2020/NĐ-CP, do đó việc đưa CNAN vào Luật CNQP và đổi thành Luật CNQP, AN sẽ dẫn đến tình trạng có 02 văn bản quy phạm pháp luật ngang cấp cùng điều chỉnh một đối tượng. Điều này sẽ gây chồng chéo, khó khăn trong thực thi.</p>
IV	MỤC IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT	
1	<p>* Bộ Nội vụ: Tại Chính sách I khoản I Mục IV: Đề nghị Bộ Quốc phòng rà soát, hoàn thiện các nội dung trong quá trình xây dựng Luật CNQP, bảo đảm không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy của CNQP thuộc thẩm quyền của Chính phủ vào trong các quy định của Luật; trường hợp cần thiết thì phải có quy định thẩm định, thẩm tra, đánh giá tác động chặt chẽ, bảo đảm không làm tăng biên chế công chức và số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội.</p>	<p>Vấn đề này Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến như sau: Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Trong đó, chính sách I, khoản I, Mục IV đã kết cấu lại thành chính sách về “Quy hoạch hệ thống tổ chức CNQP” và các quy định sẽ chỉnh sửa để chỉ mang tính định hướng yêu cầu, tiêu chí quy định về hệ thống tổ chức CNQP từ Trung ương đến địa phương đảm bảo tạo thành một thể thống nhất nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong hoạt động của CNQP, đồng thời cũng thể hiện tinh thần sắp xếp tổ chức CNQP theo chủ trương của Đảng và Đè án đã được phê duyệt. Luật này sẽ không quy định cụ thể về tổ chức bộ máy của</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
		CNQP, mà dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tổ chức thực hiện (Điều này được thể hiện đề cập tại Điều 18 và Điều 55 của Đề cương chi tiết Luật).
V	Mục V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA	
I	<p>* Bộ Nội vụ: Đề nghị có đánh giá và làm rõ nguồn nhân lực bảo đảm cho việc thi hành sau khi dự án Luật được thông qua tại khoản 1. Dự kiến nguồn nhân lực để thi hành Luật.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu: Sẽ bổ sung, đánh giá nguồn lực bảo đảm cho việc thi hành các chính sách của dự án Luật. Trong đó nêu rõ dự kiến nguồn lực để thi hành Luật.

II. DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
I	Ý KIẾN CHUNG	
I	<p>* Bộ Tư pháp: - Về lựa chọn chính sách đánh giá tác động: Cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn 06 chính sách dự kiến điều chỉnh tại dự án Luật để đánh giá tác động. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng, để tránh trùng lặp trong đầu tư và sản xuất giữa CNQP và CNAN, đồng thời, từng bước xã hội hóa những sản phẩm mà khu vực bên ngoài có thể sản xuất, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc đưa các nội dung: (i) xác định những sản phẩm CNQP sản xuất, những sản phẩm công nghiệp an ninh sản xuất và (ii) những sản phẩm chuyển giao cho khu vực ngoài quốc phòng, an ninh sản xuất thành chính sách để đánh giá tác động. Theo đó, lực lượng CNQP cần tập trung vào các lĩnh vực công nghệ khó, cốt lõi, có tính dẫn hướng, tiên phong trong thiết kế, chế tạo</p>	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, nghiên cứu và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Đề cương chi tiết Luật đã phân định sản phẩm phục vụ an ninh do CNQP sản xuất, không để xảy ra hiện tượng trùng lặp về sản phẩm giữa CNQP và CNAN, thực hiện đúng nguyên tắc sản phẩm nào CNQP đã làm được thì không đầu tư cho CNAN và ngược lại. - Tại chính sách “Phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng và bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>vũ khí mới, nhất là ở các khâu tích hợp hệ thống, kiểm tra, thử nghiệm vũ khí. Đồng thời, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào phát triển công nghiệp phụ trợ cho CNQP.</p>	<p>trong hoạt động CNQP” đã thể hiện đầy đủ ý kiến của Bộ Tư pháp về khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào phát triển công nghiệp phục trợ cho CNQP.</p>
	<p>- Về phương pháp đánh giá tác động: Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật cơ bản bám sát các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020). Theo đó, đối với mỗi chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo đã nêu được: vấn đề cần giải quyết; mục tiêu của chính sách; giải pháp để thực hiện chính sách; đánh giá tác động về kinh tế, xã hội; tác động về giới; tác động về thủ tục hành chính; tác động đối với hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, các giải pháp được lựa chọn đều theo hướng thực hiện đồng thời giải pháp 2 và giải pháp 3 là cần được cân nhắc. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì quá trình đánh giá tác động cần so sánh chi phí, lợi ích của từng giải pháp để lựa chọn ra giải pháp tối ưu nhất. Do đó, việc dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đề xuất 03 giải pháp (trong đó có 01 giải pháp giữ nguyên như quy định hiện hành) và lựa chọn đồng thời cả 02 giải pháp còn lại chưa bảo đảm có sự so sánh giữa các giải pháp để tìm ra giải pháp tối ưu nhất.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa bổ cục các giải pháp của từng chính sách. Theo đó, mỗi chính sách sẽ đưa ra 03 giải pháp và qua phân tích, đánh giá tác động của chính sách trên 05 tiêu chí theo quy định sẽ lựa chọn ra giải pháp tối ưu.</p>
	<p>- Phần lớn các giải pháp được đề xuất tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đều là các giải pháp liên quan đến cơ chế, chính sách ưu đãi, đặc thù dành cho CNQP. Những đề xuất này sẽ ảnh hưởng tới hệ thống pháp luật hiện hành ở nhiều lĩnh vực như: ngân sách nhà nước, đầu tư, đầu thầu, khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tại mỗi giải pháp theo quy định đều có đánh giá tác động đến hệ thống pháp luật. Do đó, nếu chính sách trong dự thảo Luật CNQP, ĐVCN có sự mâu thuẫn, chồng chéo với các luật

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, chỉ rõ những quy định sẽ có sự mâu thuẫn, chồng chéo nếu dự án Luật CNQP được ban hành và đề xuất phương án xử lý cụ thể đối với các quy định đó. Mặt khác, những cơ chế, chính sách đặc thù mà cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất sẽ tác động đến ngân sách nhà nước nhưng nội dung đánh giá tác động mới chủ yếu mang tính định tính mà chưa có định lượng cụ thể. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần bổ sung đánh giá định lượng tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động để cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	<p>hiện hành khác thì sẽ được chỉ rõ trong mục này.</p> <p>2. Sẽ bổ sung các đánh giá định lượng tại các giải pháp để làm rõ hơn chi phí, lợi ích của từng giải pháp.</p>
2	<p>* Bộ Nội vụ: Các giải pháp đưa ra còn chung chung, chưa làm rõ chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và khả thi, đề nghị bổ sung đầy đủ nội dung đánh giá chính sách theo quy định tại Điều 5 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu: sẽ bổ sung đánh giá thông tin về chí phí, lợi ích của giải pháp. Qua đó, có sự so sánh cho phép lựa chọn giải pháp tối ưu.</p>
3	<p>* Văn phòng Chính phủ: Đối với mỗi chính sách, trong từng giải pháp cụ thể cần đánh giá tác động đầy đủ, chi tiết để làm cơ sở cho việc kiến nghị chỉ chọn 1 trong 3 giải pháp được đánh giá</p>	<p>Về vấn đề này trùng với ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã giải trình ở phần trên.</p>
4	<p>* UBND Thành phố Hải phòng - Mỗi chính sách đều đề xuất 03 giải pháp để giải quyết các vấn đề bất cập trong quá trình triển khai thi hành Pháp lệnh CNQP; kiến</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và giải trình như sau:</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>nghị lựa chọn đồng thời giải pháp 2 và giải pháp 3 để giải quyết được các vấn đề bất cập của chính sách. Do đó, đề nghị xem xét gộp nội dung giải pháp 2 và 3 thành một giải pháp để thuận lợi cho việc đánh giá, so sánh và lựa chọn giải pháp thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giải pháp 2 và giải pháp 3 được lựa chọn để giải quyết các vấn đề bất cập tại chính sách 2, chính sách 3, chính sách 5 đều phát sinh thủ tục hành chính. Theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Tác động của thủ tục hành chính được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính thực hiện chính sách. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, đã bố trí kết cấu lại các chính sách cho phù hợp. Theo đó, mỗi chính sách sẽ có 03 giải pháp, và chỉ có 01 giải pháp tối ưu được lựa chọn. - Những chính sách có phát sinh thủ tục hành chính sẽ bổ sung phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính thực hiện chính sách tại các giải pháp làm phát sinh thủ tục hành chính.
III	Phần II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH	
1	1. Về chính sách 1: Quản lý nhà nước và tổ chức lực lượng công nghiệp quốc phòng	
1.1	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về tên gọi của chính sách: Quản lý nhà nước là hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm điều hành, quản lý các hoạt động trong xã hội diễn ra theo một trật tự nhất định. Nội hàm của quản lý nhà nước tương đối rộng, bao gồm tổng thể những hoạt động mà cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước được thực hiện để điều hành lĩnh vực được phân công. Trong khi đó, những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về CNQP được nêu tại Báo cáo đánh giá tác động chủ yếu xuất phát từ công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương với Bộ Quốc phòng chưa đáp ứng yêu cầu mà không phải tổng thể các hoạt động quản lý nhà nước về CNQP. 	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Trong đó, tên chính sách “Quản lý Nhà nước và tổ chức lực lượng CNQP” đổi thành chính sách “Quy hoạch hệ thống tổ chức CNQP” và chỉnh sửa các nội dung tương ứng cho phù hợp với tên gọi của chính sách.</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>Do đó, tên chính sách 1 vừa quá rộng vừa chưa thật sự chính xác. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ hoạt động cụ thể mà Bộ Quốc phòng đang thực hiện với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về CNQP nhưng có vướng mắc, bất cập xuất phát từ quy định của pháp luật cần được sửa đổi. Trên cơ sở đó, đề nghị giới hạn phạm vi và đổi tên của chính sách 1 cho phù hợp.</p>	
	<p>- Về thành lập cơ quan quản lý nhà nước về CNQP với cơ cấu liên ngành: Bộ Tư pháp cho rằng, giải pháp này chưa bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của một cơ quan quản lý nhà nước vì một tổ chức liên ngành không thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, việc thành lập một cơ quan mới (không phải Bộ Quốc phòng) để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về CNQP trong bối cảnh hiện nay cũng không phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Mặt khác, những vướng mắc, bất cập được nêu tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến vấn đề này có thể khắc phục trong quá trình tổ chức thực thi hoặc sửa đổi, bổ sung/ban hành mới Nghị định của Chính phủ để nâng cao năng lực quản lý và tăng cường cơ chế phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan mà không nhất thiết phải thành lập một cơ quan mới để thực hiện chức năng này.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Sau khi họp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Bỏ nội dung giải pháp “thành lập cơ quan quản lý Nhà nước về CNQP với cơ cấu liên ngành” tại Báo cáo đánh giá tác động.</p>
	<p>- Về tổ chức lực lượng CNQP: việc tổ chức cơ cấu, sắp xếp lại các cơ sở CNQP theo hướng tích tụ, tập trung là một chính sách lớn, quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của nền CNQP. Do đó, đề nghị tách nội dung này thành một chính sách riêng và đánh giá kỹ tác động của chính sách này.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và tách thành một chính sách riêng “Quy hoạch hệ thống tổ chức CNQP” trong dự thảo hợp nhất Luật CNQP, ĐVCN.</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
1.2	<p>* Bộ Khoa học và Công nghệ: Nhóm chính sách này hiện mới thể hiện ở mức độ ý tưởng và chưa thực sự rõ ràng. Đề nghị bổ sung thông tin về phương thức tổ chức hoạt động CNQP của một số quốc gia điển hình trên thế giới, phân tích rõ ưu, nhược điểm và kiến nghị sơ bộ khung cơ cấu tổ chức cũng như nguồn lực để triển khai hoạt động của CNQP theo phương thức mới.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến giải trình như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổ chức mô hình hoạt động CNQP của các nước trên thế giới rất đa dạng, khác nhau. Tùy thuộc vào thể chế chính trị, tiềm lực công nghiệp quốc gia, tiềm lực KHcn của đất nước, vị trí địa chính trị,... mà hình thành nên mô hình phù hợp. Vì vậy, việc phân tích ưu, nhược điểm là rất khó và ít có giá trị áp dụng. Chủ yếu chính sách được đưa ra dựa trên thông tin đánh giá thực tiễn triển khai hoạt động CNQP trong thời gian qua. Những vấn đề này đã được làm rõ trong báo cáo Tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP. Sơ bộ khung về tổ chức của hoạt động CNQP gồm: hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước về CNQP và hệ thống các cơ sở CNQP. Thực tế, việc tổ chức sắp xếp lại hệ thống tổ chức CNQP hướng đến mục tiêu “tinh, gọn, hiệu quả”, vì vậy nguồn lực triển khai hoạt động của CNQP vẫn không thay đổi, chỉ khác là với hệ thống mới sẽ làm cho nguồn lực đầu tư của Nhà nước phát huy hiệu quả hơn.
1.3	<p>* Bộ Nội vụ: Về kiến nghị lựa chọn giải pháp đối với chính sách 1 (Khoản 5 Mục 1, Phần II): Đề nghị Bộ Quốc phòng kiến nghị lựa chọn một giải pháp.</p>	<p>Về vấn đề này trùng với ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã giải trình ở phần trên.</p>
2	Chính sách 2: Giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý sản xuất quốc phòng	
2.1	<p>* Bộ Tư pháp: Tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 03 giải pháp nhằm thực hiện chính sách giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý sản xuất quốc phòng, trong đó có 01 giải pháp giữ nguyên quy định hiện hành. Tuy nhiên, giải pháp 3 và giải</p>	<p>Vấn đề này trùng với ý kiến phía trên, Bộ Quốc phòng đã giải trình ở phần trên.</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	pháp 2 có sự trùng lắp nên có thể ghép chung vào một giải pháp. Đồng thời, Bộ Tư pháp cho rằng, cơ quan chủ trì soạn thảo nên nghiên cứu, xác định các giải pháp theo hướng đề xuất cụ thể các trường hợp giao nhiệm vụ, trường hợp đặt hàng, trường hợp đấu thầu và các vấn đề có liên quan đến từng trường hợp (thẩm quyền, trình tự, thủ tục...) để cơ quan có thẩm quyền có cơ sở xem xét, đánh giá tính hợp lý, khả thi của chính sách này.	
2.2	<p>* Thành phố Hải phòng:</p> <p>Nội dung đánh giá tác động hệ thống pháp luật của giải pháp 2 tại chính sách 2 mới chỉ nêu: “<i>Phải xây dựng Luật CNQP và các văn bản dưới Luật để quy định chi tiết</i>”. Tuy nhiên, việc quy định quy trình, thủ tục để thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu, quản lý sản xuất quốc phòng với các cơ sở CNQP và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động CNQP có thể tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Đề nghị đánh giá chi tiết, cụ thể hơn.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: quy định “quy trình, thủ tục để thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu, quản lý sản xuất quốc phòng với các cơ sở CNQP và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động CNQP” là nhằm mục đích định rõ các trường hợp giao nhiệm vụ, trường hợp đặt hàng, trường hợp đấu thầu trong hoạt động CNQP để tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện. Các quy định này hoàn toàn đảm bảo tính đồng bộ, tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng. Do đó, không nhất thiết phải bắt buộc đánh giá chi tiết cụ thể.
3	Chính sách 3: Hoạt động khoa học công nghệ trong công nghiệp quốc phòng	
3.1	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về giải pháp 2: đề nghị bổ sung phương thức kiểm soát để tránh lãng phí nguồn lực đầu tư nhằm khắc phục hạn chế đã được nêu ra trong quá trình đánh giá tác động của giải pháp này, làm cơ sở để xuất lựa chọn giải pháp - Về giải pháp 3: đề nghị tách nội dung về nâng cao khả năng thu hút, đào tạo, đổi ngô, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao 	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ bổ sung phương thức kiểm soát để tránh lãng phí nguồn lực đầu tư nhằm khắc phục hạn chế đã được nêu ra.</p> <p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau:</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	phục vụ trong các cơ sở CNQP thành một giải pháp độc lập và đánh giá tác động của giải pháp này.	Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, đã bố trí kết cấu lại các chính sách cho phù hợp. Nội dung thu hút, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao được đưa vào chính sách “Huy động nguồn lực cho phát triển CNQP” và sẽ đánh giá tác động của nội dung này.
3.2	<p>* Bộ Khoa học và Công nghệ:</p> <p>Thực tiễn hoạt động CNQP giai đoạn vừa qua đã đạt được một số kết quả khả quan như đã chủ động nghiên cứu, chế tạo và đưa vào sử dụng nhiều sản phẩm VKTBKT phục vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu (trong đó, trên 80% là từ kết quả tự nghiên cứu trong nước, chỉ có khoảng 20% là do nước ngoài chuyển giao công nghệ). Tuy nhiên, các hoạt động KHCN nêu trên hiện chủ yếu chỉ được thực hiện trong nội bộ các đơn vị trực thuộc CNQP và chưa thực sự quan tâm việc huy động tiềm lực KHCN quốc gia phục vụ CNQP. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nhóm giải pháp về huy động tiềm lực KHCN ngoài dân sinh phục vụ quốc phòng.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và bổ sung nhóm giải pháp huy động tiềm lực KHCN ngoài dân sinh phục vụ quốc phòng, như quy định chính sách khuyến khích sự phối hợp thực hiện nghiên cứu giữa cơ sở CNQP với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu ngoài quân đội,....
4	Nền CNQP Việt Nam có xuất phát điểm khiêm tốn, dựa trên nền tảng ban đầu là sửa chữa, bảo đảm kỹ thuật cho các loại vũ khí trang bị kỹ thuật trong quân đội. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật và công nghệ như hiện nay, việc phát triển CNQP không thể bỏ qua hoạt động hợp tác quốc tế. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nhóm chính sách hợp tác quốc tế về CNQP (đặc biệt là với các đối tác chiến lược) hoặc lồng ghép nội dung này vào nhóm chính sách 3.	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và xin giải trình như sau:</p> <p>Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh. Nhóm giải pháp chính sách hợp tác quốc tế về CNQP được lồng ghép vào chính sách “phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, bảo đảm sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP” và trong Đề cương chi tiết Luật có một chương riêng về “Hợp tác quốc tế”.</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
4.1	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <p>- Về giải pháp 2: Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất nguồn lực tài chính đầu tư cho CNQP phải được quy định thành khoản mục riêng trong quá trình phân bổ và giải ngân ngân sách cho phát triển CNQP; xây dựng cơ chế đầu tư công trong những tình huống cấp bách nhằm kịp thời thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng đối với lĩnh vực CNQP. Tuy nhiên, các khoản, mục trong quá trình phân bổ ngân sách cần tuân thủ các nguyên tắc chung về ngân sách nhà nước và bảo đảm sự tương quan với các mục chi ở các lĩnh vực khác. Vấn đề này đã được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, do đó, giải pháp mà cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất có thể làm phá vỡ tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về ngân sách nhà nước. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc giải pháp này và có thể nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, bổ sung tại Luật Ngân sách nhà nước.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng giải trình như sau:</p> <p>Việc đề xuất nguồn lực chính đầu tư cho CNQP phải được quy định thành khoản mục riêng trong hệ thống danh mục, quy định như vậy cũng không trái với các quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Giải pháp này nhằm hướng đến đảm bảo nguồn lực cho phát triển CNQP, giải quyết những hạn chế, bất cập thời gian qua trong phân bổ ngân sách đảm bảo cho CNQP.</p>
	<p>Để có cơ sở xem xét, đánh giá đề xuất xây dựng cơ chế đầu tư công trong những tình huống cấp bách nhằm kịp thời thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng đối với lĩnh vực CNQP, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ những vướng mắc, bất cập xuất phát từ các quy định của pháp luật liên quan đến cơ chế đầu tư công làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng trong thời gian qua.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau: Trong Luật đầu tư công có quy định cơ chế đầu tư công trong những tình huống cấp bách nhằm kịp thời thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng. Thực tiễn đặt ra yêu cầu cần có cơ chế này đối với lĩnh vực CNQP, chẳng hạn trong đợt dịch COVID-19 bùng phát, CNQP đã triển khai nhiều nhiệm vụ mang tính cấp bách để kịp thời đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ phòng chống dịch như chế tạo khẩu trang, giường dã chiến, robot hỗ trợ y tế.... hoặc tình huống cảng thẳng trên biển Đông đòi hỏi cần đóng gấp các tàu, sửa chữa các tàu bị đói phuong va đâm để tiếp tục bám</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>- Về giải pháp 3: cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất hình thành Quỹ Phát triển CNQP từ nguồn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp quốc phòng và các nguồn hợp pháp khác. Về vấn đề này, ngày 22/10/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước. Tại Nghị quyết này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu Chính phủ “Xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể đối với các quỹ thuộc thẩm quyền của Chính phủ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu để ra hoặc không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chỉ với ngân sách nhà nước. Báo cáo Quốc hội xem, xét quyết định đối với các quỹ thuộc thẩm quyền của Quốc hội”. Do đó, việc đề xuất thành lập Quỹ Phát triển CNQP trong điều kiện hiện nay là chưa thật sự phù hợp. Mặt khác, việc thành lập Quỹ tại dự án Luật cũng cần được nghiên cứu, giải trình rõ để bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội.</p>	<p>biển, bảo vệ Tổ quốc. Nếu thực hiện theo trình tự thủ tục thông thường sẽ không đảm bảo tiến độ.</p> <p>Vấn đề này trùng với ý kiến phía trên, Bộ Quốc phòng đã giải trình ở phần trên.</p>
5	Chính sách 5: Cơ chế đặc thù cho các doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng nòng cốt	
5.1	* Bộ Tư pháp:	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến giải trình như sau:

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>- Hiện nay, chính sách của Nhà nước đối với cơ sở và lao động trong cơ sở CNQP nòng cốt đang được quy định tại Nghị định số 46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh CNQP. Theo đó, cơ sở quốc phòng nòng cốt và người lao động tại các cơ sở này đã và đang được hưởng được hưởng nhiều chính sách ưu tiên, ưu đãi và hỗ trợ đặc thù hơn so với các cơ sở CNQP. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ những chính sách hiện hành dành cho cơ sở CNQP nòng cốt sẽ tiếp tục được thực hiện, đồng thời bổ sung các chính sách đặc thù tại giải pháp 2, giải pháp 3 hay các chính sách tại giải pháp 2, giải pháp 3 sẽ thay thế cho các chính sách đang được quy định tại Nghị định số 46/2009/NĐ-CP</p>	<p>Những chính sách đặc thù cho CNQP nòng cốt được quy định tại Nghị định số 46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 của Chính phủ vẫn tiếp tục được áp dụng thực hiện. Tuy nhiên trong Nghị định 46/2009/NĐ-CP chưa quy định rõ chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, do đó trong dự thảo Luật sẽ kế thừa và bổ sung thêm giải pháp chính sách về nguồn lực nói chung trong đó có cho cơ sở quốc phòng nòng cốt phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đồng thời phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay.</p>
	<p>Tại giải pháp 3, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất xây dựng chế độ, chính sách tuyển dụng, tuyển chọn, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...; chính sách đặc thù về thuế, phí, giá đối với sản phẩm kinh tế, sản phẩm lưỡng dụng của doanh nghiệp quốc phòng nòng cốt. Đây là hai nội dung lớn và độc lập với nhau, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tách nội dung này thành 02 giải pháp độc lập để đánh giá tác động được chính xác hơn</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng xin có ý kiến giải trình như sau: Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh. Nội dung xây dựng chế độ, chính sách tuyển dụng, tuyển chọn, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...; chính sách đặc thù về thuế, phí, giá đối với sản phẩm kinh tế, sản phẩm lưỡng dụng của doanh nghiệp quốc phòng nòng cốt được đưa vào chính sách “Huy động nguồn lực cho phát triển CNQP”. Đây là 02 giải pháp trên cùng hướng đến mục tiêu tạo nguồn lực về tài chính và nhân lực cho phát triển CNQP nên ghép trong cùng chính sách là phù hợp.</p>
	<p>Bên cạnh cơ chế đặc thù đối với doanh nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ quan chủ trì soạn thảo cũng cần rà soát, nghiên cứu, đánh</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và xin có ý kiến giải trình như sau:</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>giá lại cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp quốc phòng nòng cốt theo hướng tập trung vào lĩnh vực nòng cốt, giảm số lượng doanh nghiệp, tăng quy mô, đồng thời có sự gắn kết với công nghiệp dân sinh.</p>	<p>Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Trong đó chính sách “Quy hoạch tổ chức lực lượng CNQP” đã nêu tiêu chí cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp quốc phòng nòng cốt theo hướng tập trung vào lĩnh vực nòng cốt, giảm số lượng doanh nghiệp, tăng quy mô. Đồng thời, chính sách “Phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP” đã quy định các giải pháp để tạo sự gắn kết giữa CNQP và công nghiệp dân sinh.</p>
5.2	<p>* Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Cơ quan chủ trì soạn thảo chưa thể hiện rõ cơ chế đặc thù của ngành CNQP. Những lĩnh vực, những doanh nghiệp quốc phòng nào được hưởng cơ chế đặc thù. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ hơn.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng xin có ý kiến giải trình như sau: Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Tại các chính sách “Bảo đảm hiệu quả hoạt động ĐVCN”, “Phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP” sẽ quy định cơ chế đặc thù tương ứng với sự tham gia hoạt động CNQP theo từng lĩnh vực của mỗi loại hình doanh nghiệp. Chẳng hạn, cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng áp dụng đối với cơ sở CNQP nòng cốt; hình thức đặt hàng áp dụng đối với cơ sở ĐVCN khi đặt hàng sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị; hình thức đấu thầu được tiến hành đối với những sản phẩm không có tính bí mật quân sự, quốc phòng nhằm bảo đảm bí mật nhà nước trong lĩnh vực này,...</p>
6	Chính sách 6: Kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng trong hoạt động công nghiệp quốc phòng	
6.1	<p>* Bộ Tư pháp: - Về tên gọi của chính sách: Điều 15 Luật Quốc phòng quy định về</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau:</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng. Theo đó, một trong những nhiệm vụ kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng là “<i>tổ chức, quản lý hoạt động của doanh nghiệp phục vụ quốc phòng và đơn vị quân đội được giao thực hiện nhiệm vụ kinh tế kết hợp với quốc phòng theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc</i>” (điểm c khoản 2). Đồng thời, theo quy định tại Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng thì doanh nghiệp phục vụ quốc phòng là doanh nghiệp được thành lập hoặc tổ chức theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và tham gia phát triển kinh tế - xã hội (khoản 6 Điều 3). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình rõ doanh nghiệp CNQP có phải là doanh nghiệp phục vụ quốc phòng hay không để bảo đảm thực hiện chức năng kết hợp quốc phòng với kinh tế là có cơ sở hoặc nghiên cứu, cân nhắc tên gọi của chính sách để bảo đảm phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng.</p>	<p>Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Theo đó, đã đổi tên chính sách thành “Phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP” cho phù hợp. Đồng thời, cũng xác định làm rõ thêm: doanh nghiệp CNQP là doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng quản lý vừa có nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, vừa có nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế - xã hội.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Về các giải pháp: theo dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, một trong những hạn chế của việc thu hút các cơ sở công nghiệp dân sinh vào phát triển các sản phẩm phục vụ quốc phòng (giải pháp 2) là có thể gây tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội nếu không được quản lý chặt chẽ; việc cho phép doanh nghiệp CNQP hợp tác với nước ngoài (giải pháp 3) có thể gây tiềm ẩn nguy cơ lộ, lọt bí mật quân sự. Đây là những hạn chế rất quan trọng, có tính chất quyết định đến 	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Tại chính sách “Phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng, bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP” để vừa đảm bảo thu hút,</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>việc lựa chọn giải pháp để bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động quốc phòng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ tác động của những hạn chế này, đồng thời, đề xuất phương án cụ thể để khắc phục những hạn chế đó, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	<p>tham gia của công nghiệp dân sinh (kể cả có yếu tố nước ngoài) vào hoạt động CNQP, vừa phải đảm bảo được bí mật quân sự quốc phòng, đã đề xuất phương án Chính phủ quy định về điều kiện tham gia hoạt động CNQP và Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục những lĩnh vực CNQP mà công nghiệp dân sinh được tham gia, đồng thời trong dự thảo Luật cũng quy định những nguyên tắc bị nghiêm cấm trong hoạt động CNQP, những nguyên tắc trong hợp tác quốc tế để đảm bảo giải quyết những vấn đề mà Bộ Tư pháp đã nêu.</p>
6.2	<p>* Bộ Ngoại giao: Kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng trong hoạt động CNQP: Bổ sung báo cáo đánh giá tác động của chính sách về sự phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong bối cảnh các doanh nghiệp quốc phòng sẽ có quyền ưu tiên hơn so với các doanh nghiệp thông thường trong tiếp cận về vốn, tài nguyên đất và nhân lực.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng xin có ý kiến giải trình như sau: Trong mục 2 phần II “Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật” đã có nêu nguyên tắc “Tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”, do đó các chính sách đưa ra đã được soát và đảm bảo không vi phạm các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>
6.3	<p>* Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Đây là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian qua. Hoạt động CNQP mang tính lưỡng dụng vừa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và phục vụ dân sinh. Tuy nhiên, để tránh việc lợi dụng danh nghĩa Doanh nghiệp Quốc phòng làm thất thoát tài sản nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm các giải pháp quản lý nhà nước đối với chính sách trên.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và xin có ý kiến giải trình như sau: Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã xác định lại các chính sách cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật. Trong chính sách “Quy hoạch hệ thống tổ chức CNQP” đã bổ sung giải pháp tập trung chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về CNQP cho một cơ quan chuyên trách chủ trì thực hiện, khắc phục triệt để các khâu trung gian, chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan. Cơ quan này phải chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện các chính sách trong hoạt động CNQP của các doanh nghiệp CNQP để đảm bảo tránh việc lợi dụng danh nghĩa làm thất thoát tài sản nhà nước.</p>

III. DỰ THẢO LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
I	Ý KIẾN CHUNG	
1	<p>* Bộ Công thương: Đề nghị xem xét gộp Điều 1 và Điều 2 thành Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, trong đó lồng ghép luôn nội dung về đối tượng áp dụng.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo Đề cương.
2	<p>* Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: - Một số Điều trong Dự thảo Luật còn sao chép lại nguyên văn Pháp lệnh CNQP như Điều 5, Điều 6. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu thêm để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hơn với hoạt động CNQP trong tình hình hiện nay.</p> <p>- Sớm hoàn thiện một số Điều luật còn để trống, chưa rõ nội dung như khoản 2,3,4,7,8 Điều 3 và Điều 7 của dự thảo Luật.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ bổ sung chỉnh sửa theo hướng: 1. Những nội dung vẫn còn phù hợp trong Pháp lệnh thì sẽ kế thừa và giữ nguyên. 2. Những nội dung không còn phù hợp với thực tiễn hoặc trái/chưa thể hiện được quan điểm chủ trương mới của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP sẽ tiến hành sửa đổi, bổ sung, thay thế. 3. Dự thảo gửi xin ý kiến mới là Đề cương chi tiết Luật, chưa phải dự thảo Luật nên cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn đang tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các nội dung các nội dung trong quá trình xây dựng Luật. Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ bổ sung khi tiến hành xây dựng dự thảo Luật trên cơ sở dự thảo Đề cương chi tiết Luật đã gửi.
3	<p>* Văn phòng Chính phủ: - Cần xây dựng chi tiết hơn một số nội dung của các chính sách đã lựa chọn</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ bổ sung khi tiến hành xây dựng dự thảo Luật trên cơ sở dự thảo Đề cương chi tiết Luật đã gửi.

	<p>- Đề nghị cân nhắc không quy định hệ thống quản lý nhà nước về CNQP trong dự thảo Luật để bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội là không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, UBTQH không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và xin có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN đã chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp với quy định của hệ thống văn bản pháp luật, trong đó có Nghị quyết 56/2017/QH14 của Quốc hội. Đối với các cơ quan có quản lý Nhà nước về CNQP, Luật sẽ quy định về nhiệm vụ của các cơ quan này trong hoạt động CNQP, không quy định cụ thể về tổ chức bộ máy tại Luật.</p>
4	<p>* Thành phố Hải phòng: Đề nghị thêm cụm từ “ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT” vào dự án Luật CNQP theo mẫu số 04, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, do nội dung dự thảo Luật chưa hoàn thiện, một số nội dung còn để trống (tại khoản 7, khoản 8 Điều 3, Chương I. Những quy định chung).</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện những nội dung còn để trống trong quá trình xây dựng dự thảo Luật.</p>
II	Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
2.1	<p>* Thành phố Hải phòng: Đề nghị bổ sung cụm từ “của Việt Nam” vào cuối đoạn để đảm bảo cụ thể, rõ nghĩa.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu. Tuy nhiên, trong Đề cương Luật CNQP, ĐVCN Bộ Quốc phòng đã cập nhật bổ cục theo quy định mới nên bỏ Điều “Đối tượng áp dụng”.</p>
3	Điều 3. Giải thích từ ngữ	
3.1	<p>* Bộ Công thương: Cần giải thích đầy đủ cụm từ: Tổ hợp CNQP, cơ sở CNQP nòng</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ bổ sung hoàn thiện những nội dung còn để trống trong quá trình xây</p>

	cốt, cơ sở ĐVCN, tư cách pháp nhân kép.	dựng dự thảo Luật.
3.2	<p>* Tỉnh Tuyên Quang: Chuyển nội dung điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 8 sang khoản 3, khoản 4 Điều 3. Vì: khoản 3, khoản 4 Điều 8 là các định nghĩa để giải thích các thuật ngữ “Cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở ĐVCN”, giúp cho người áp dụng hiểu một cách chính sách về CNQP, các thuật ngữ đó không chỉ áp dụng trong một phần, một chương, một mục mà áp dụng cho cả văn bản, như vậy để ở Điều 3 sẽ hợp lý hơn. Khi đó, khoản 3, khoản 4 Điều 3 được viết lại thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 3: Cơ sở CNQP nòng cốt là các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa lớn, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, vật tư kỹ thuật được Nhà nước đầu tư phục vụ quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt xây dựng và phát triển CNQP do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý. - Khoản 4 Điều 3: Cơ sở công nghiệp động viên là cơ sở sản xuất công nghiệp được Nhà nước đầu tư xây dựng năng lực sản xuất phục vụ quốc phòng theo quy định của Pháp lệnh ĐVCN. 	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ chuyển nội dung này khi xây dựng dự thảo Luật.
4	Điều 4. Vị trí, nhiệm vụ của Công nghiệp quốc phòng	
4.1	<p>* Bộ Nội vụ: Đề nghị chuyển nội dung quy định về nhiệm vụ tại khoản 1 vào khoản 2 của Điều này và biên tập lại để bảo đảm thống nhất khi quy định về nhiệm vụ của CNQP.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ chỉnh sửa, biên tập lại như sau: tại khoản 1 chỉ nêu vị trí của CNQP không nêu nhiệm vụ CNQP, khoản 2 là nhiệm vụ của CNQP.
5	Điều 5. Nguyên tắc xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng	
5.1	<p>* Bộ Ngoại giao: Đề nghị bổ sung nguyên tắc tuân thủ các Điều ước quốc tế mà Việt</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ bổ sung “Tuân thủ các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” vào Điều 4 “Nguyên tắc xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN”.

	Nam là thành viên.	
III	Chương II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
1	Điều 8. Hệ thống các cơ sở CNQP	
1.1	<p>* Bộ Công thương: Đề nghị đưa nội dung điểm a khoản 1: "Cơ sở CNQP nòng cốt là các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp sản xuất, sửa chữa lớn, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, vật tư kỹ thuật được Nhà nước đầu tư phục vụ quốc phòng, an ninh làm nòng cốt xây dựng và phát triển CNQP hoàn chỉnh cụm từ Cơ sở CNQP do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý" lên Điều 3 Giải thích từ ngữ hoàn chỉnh cụm từ Cơ sở CNQP nòng cốt. Đưa nội dung điểm c khoản 1 "Các cơ sở CNQP nòng cốt là đơn vị có tư cách pháp nhân kép... pháp nhân doanh nghiệp để hoạt động theo Luật doanh nghiệp và pháp nhân đơn vị hành chính quân sự theo Luật Quốc phòng" lên Điều 3 để hoàn chỉnh cụm từ Tư cách pháp nhân kép. Đưa nội dung Khoản 2: Cơ sở công nghiệp động viên là cơ sở sản xuất công nghiệp được Nhà nước đầu tư xây dựng năng lực sản xuất phục vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật ĐVCN lên Điều 3 để hoàn chỉnh cụm từ cơ sở ĐVCN.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ chuyển nội dung này khi xây dựng dự thảo Luật.
1.2	<p>* Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Điểm c khoản 1 Điều 8 dự thảo Đề cương quy định các doanh nghiệp CNQP nòng cốt có tư cách pháp nhân kép, trong đó pháp nhân doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, pháp nhân đơn vị hành chính quân sự hoạt động theo Luật Quốc phòng, đề nghị bổ sung làm rõ căn cứ và sự phù hợp trong thực tiễn hoạt động khi quy định nội dung này.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng xin có ý kiến giải trình như sau: Tư cách pháp nhân kép là đặc thù của các cơ sở CNQP nòng cốt. Thực tiễn các cơ sở CNQP là các đơn vị tự hạch toán, sản xuất kinh doanh tuân theo Luật doanh nghiệp, nhưng cơ cấu tổ chức theo đơn vị hành chính quân sự (có các phòng, ban thực hiện nhiệm vụ hành chính, quân sự, chính trị) và phải thực hiện các nhiệm vụ hành chính quân sự theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng. Trong đó, nhiệm vụ đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh phải được đặt lên hàng đầu.

	Điều 9. Hoạt động của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt	
	<p>* Bộ Kế hoạch và đầu tư</p> <p>Đề nghị rà soát một số nội dung để đảm bảo tính thống nhất, do các nội dung này đã được quy định trong các Luật khác có liên quan như: Luật Đầu tư, Luật Đầu thầu... Mục 2 Điều 9 quy định về hoạt động của cơ sở CNQP nòng cốt, trong khi Luật Đầu tư cho phép đầu tư các ngành nghề mà pháp luật không cấm, do đó các cơ quan, cơ sở tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động CNQP cũng chịu sự điều chỉnh của Luật này; mục 3 quy định về đấu thầu sản phẩm quốc phòng, trong khi tại Điều 22 Luật Đầu thầu quy định về chỉ định thầu đối với gói thầu cần thực hiện đảm bảo bí mật nhà nước, bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia và Điều 26 Luật Đầu thầu quy định lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Sau khi họp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN đã chỉnh sửa một số nội dung cho đồng bộ với các quy định của hệ thống văn bản pháp luật, trong đó đã quy định hình thức đấu thầu phù hợp với đặc điểm của từng sản phẩm quốc phòng. Những sản phẩm nào liên quan đến bí mật nhà nước, bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia thì sẽ được tiến hành theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng; những sản phẩm dịch vụ nào phục vụ quốc phòng nhưng không chứa bí mật nhà nước thì thực hiện theo hình thức đấu thầu (như các công trình xây dựng không phải công trình quốc phòng,...).</p>
IV	Chương III. QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
1	Điều 20. Thủ tướng phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng	
1.1	<p>* Bộ Tài chính:</p> <p>Tại khoản 1 có nêu: "Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển CNQP". Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 34 của Luật Quy hoạch quy định: "Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh". Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Quốc phòng chỉnh sửa khoản 1 Điều 20 của dự thảo Luật cho phù hợp với Điều 34 Luật Quy hoạch. Tương tự, đề nghị Bộ Quốc phòng chỉnh sửa khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 26 của dự thảo Luật.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Đề cương.</p>

2	Điều 21. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư về công nghiệp quốc phòng	
2.1	<p>* Bộ Kế hoạch và đầu tư:</p> <p>Cần phân loại rõ chương trình, dự án thuộc đầu tư công (chương trình, dự án có sử dụng vốn đầu tư công) thì thực hiện theo Luật Đầu tư công; các chương trình, dự án không phải là chương trình, dự án đầu tư công thì thực hiện theo quy định của các Luật chuyên ngành có liên quan. Đề nghị rà soát để thống nhất tên quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch, không quy định chung theo cụm từ “<i>quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển CNQP</i>”; đồng thời bổ sung các quy định cụ thể về nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch, nội dung quy hoạch, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, công bố và thực hiện quy hoạch, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch đối với: “<i>Mục 1. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, CNQP</i>”.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ tiến hành chỉnh sửa, bổ sung trong quá trình hoàn thiện Luật.
V	Chương IV. NGUỒN LỰC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
1	Điều 23. Nguồn vốn đầu tư phát triển Công nghiệp quốc phòng	
1.1	<p>* Bộ Tài chính:</p> <p>Đề nghị Bộ Quốc phòng chỉnh sửa điểm a khoản 1 như sau: “Nhà nước ưu tiên bố trí kinh phí ngân sách nhà nước cho phát triển CNQP theo kế hoạch và quy hoạch được cấp có thẩm quyền và khả năng ngân sách nhà nước theo từng thời kỳ”</p> <p>Tại khoản 3, khoản 4 Điều 23 có đề cập đến việc hình thành và quản lý sử dụng Quỹ phát triển CNQP: Bộ Tài chính đề nghị Bộ Quốc phòng rà soát các quy định pháp luật về tài chính, thuế, xác định căn cứ hình thành Quỹ để tránh xung đột pháp luật trong quá</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo.</p> <p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu.</p>

	trình thực hiện.	
1.2	<p>* Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị không quy định vốn ngân sách nhà nước bố trí cho CNQP được lập thành dòng (khoản mục) ngân sách riêng vì không phù hợp với phân loại ngành, lĩnh vực theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công. - Việc hình thành các Quỹ phát triển CNQP cần nghiên cứu, xem xét kỹ, bảo đảm Quỹ có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước 2015. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề này trùng với ý kiến phía trên. Bộ Quốc phòng đã giải trình ở phần trên. - Về nội dung này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu.
2	Điều 25. Nhập khẩu và dự trữ vật tư kỹ thuật cho Công nghiệp quốc phòng	
	<p>* Bộ Tài chính:</p> <p>Đề nghị sửa khoản 2 như sau: “Vật tư kỹ thuật để phục vụ cho CNQP được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”.</p>	<p>Về vấn đề này Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Vật tư kỹ thuật nhập khẩu cho CNQP cần thuộc đối tượng được xét miễn hoặc giảm thuế không chỉ thuế xuất nhập khẩu mà còn các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế.</p>
VI	Chương V. CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ VỚI CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
1	Điều 27. Chính sách đối với cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt	
1.1	<p>* Bộ Tài chính:</p> <p>Điểm d khoản 1 Điều 27 có nêu: “d) Được hưởng quy định ưu đãi, giảm về thuế, phí, giá đối với sản phẩm kinh tế, sản phẩm lưỡng dụng”.</p> <p>Liên quan đến nội dung thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, căn cứ khoản 22 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016,</p>	<p>Về nội dung này, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự</p>

<p>pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã có quy định về ưu đãi, miễn, giảm thuế đối với các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh.</p> <p>Theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, thì thuế GTGT, thuế TTĐB thu theo hàng hóa và dịch vụ, không phân biệt đối tượng cung cấp hàng hóa dịch vụ đó.</p> <p>Ngoài ra, về chính sách phí và lệ phí tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí quy định: “Điều 10. Miễn giảm phí, lệ phí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật”. - Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm án phí và lệ phí tòa án. - Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền. - Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”. <p>Căn cứ quy định nêu trên thì: (i) Việc miễn, giảm phí thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản quy định cụ thể đối với từng khoản phí. (ii) Nội dung miễn, giảm phí thực hiện đối với các đối tượng quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí, không quy định miễn, giảm phí đối với “sản phẩm”.</p> <p>Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị bỏ nội dung về giảm thuế, phí và lệ phí tại điểm d khoản 1 Điều 27 nêu trên do pháp luật hiện hành đã quy định cụ thể về ưu đãi, giảm thuế, phí và lệ phí.</p>	<p>thảo và xin có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Các sản phẩm kinh tế, sản phẩm lưỡng dụng được sản xuất trên cơ sở tận dụng năng lực của dây chuyền đầu tư để sản xuất sản phẩm quốc phòng nên chi phí sản xuất chưa tối ưu. Để đảm bảo sự cạnh tranh về giá thành sản phẩm cần có ưu đãi về thuế, phí, giá.</p>
<p>Tại điểm c khoản 2 Điều 27 dự thảo Luật CNQP có nêu:</p> <p>“c) Được miễn tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất</p>	<p>Về nội dung này, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo và xin có ý kiến giải trình như sau:</p>

	<p>đối với diện tích đất cần thiết được sử dụng trong thời gian trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng;..."</p> <p>Đề nghị Bộ Quốc phòng chỉnh sửa lại như sau:</p> <p>"c) Được ưu đãi tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất cần thiết được sử dụng trong thời gian trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế;..."</p>	<p>Trong thời gian cơ sở CNQP nòng cốt thực hiện hoạt động trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, là những nhiệm vụ có tính chất mệnh lệnh quân sự nên cần phải được miễn, chứ không chỉ ưu đãi về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất.</p>
1.2	<p>* Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</p> <p>Điểm b khoản 1 Điều 27 quy định các chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đối với lĩnh vực sản xuất vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao... Tuy nhiên, tại Chương III "Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư" Nghị định số 31/2021/NĐ-CP về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đầu tư đã quy định về ngành nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư, vì vậy đề nghị rà soát quy định này để đảm bảo thống nhất.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu.
2	Điều 30. Chế độ trả lương và ưu đãi cho cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng	
2.1	<p>* Bộ Tài chính</p> <p>Điểm d khoản 3 Điều 30 dự thảo Luật CNQP có nêu: "d) Cơ sở quốc phòng được hạch toán các chi phí đãi ngộ, thu hút các chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học, tổng công trình sư vào chi phí sản xuất".</p> <p>Đề nghị Bộ Quốc phòng tách riêng điểm d ra thành khoản 4 mới, do nội dung tại khoản 3 Điều 30 đang quy định về chế độ ưu đãi đối với chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học, còn nội dung tại điểm d khoản 3 Điều 30 thì quy định cho cơ sở CNQP.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ chuyển quy định này vào Điều khoản "Chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt".
	<p>* Bộ Nội vụ:</p> <p>Đề nghị Bộ Quốc phòng cân nhắc việc sử dụng khái niệm "Cán bộ"</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

2.2	<p>cho phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức</p>	
	<p>Về chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt (Điều 27), chính sách đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động CNQP (Điều 28) và chế độ trả lương và ưu đãi cho cá nhân tham gia hoạt động CNQP (Điều 30): Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8476/VPCP-KTTH ngày 06/9/2018 của Văn phòng Chính phủ: “Từ nay đến khi ban hành các văn bản quy định chế độ tiền lương mới để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, không xem xét ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách tiền lương hiện hành” và tại Điểm d, Khoản 4, Mục II Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW đã giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an đề xuất và phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng 3 bảng lương đối với lực lượng vũ trang, gồm: 01 bảng lương sĩ quan quân đội, sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ công an (theo chức vụ, chức danh và cấp bậc quân hàm hoặc cấp hàm); 01 bảng lương quân nhân chuyên nghiệp, chuyên môn kỹ thuật công an và 01 bảng lương công nhân quốc phòng, công an nhân dân và phụ cấp đặc thù đối với lực lượng vũ trang.</p> <p>Theo lộ trình nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW thì từ năm 2021 sẽ áp dụng chế độ tiền lương mới thống nhất đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang trong toàn hệ thống chính trị. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế còn khó khăn, chịu sự tác động của nhiều yếu tố bất lợi, đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên Hội nghị Trung ương 13 Khóa XII đã chỉ đạo thời điểm thực hiện chế độ tiền lương mới từ ngày 01/7/2022. Vì vậy, đề nghị bỏ điểm e khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 28 và điểm b, điểm c khoản</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ rà soát sửa đổi để phù hợp với quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW và bảng lương mới đối với lực lượng vũ trang để đảm bảo chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động CNQP.</p>

	1 Điều 30 của Dự thảo Luật CNQP để thực hiện chế độ tiền lương mới từ tháng 7/2022.	
	Về điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng, tuyển chọn công dân vào cơ sở CNQP (Điều 29): Đề nghị rà soát lại Điều này để thống nhất thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ tiến hành rà soát và bổ sung các nội dung phù hợp khi tiến hành xây dựng dự thảo Luật.
2.3	* Thành phố Hải phòng: Tại điểm b khoản 2 Điều 30: Đề nghị quy định rõ nội dung “được tạo điều kiện về vị trí việc làm” đảm bảo khả năng thực thi và phù hợp với các chủ trương chung về vấn đề này	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ tiến hành rà soát và bổ sung các nội dung phù hợp khi tiến hành xây dựng dự thảo Luật.
VII	Chương VI. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG	
1	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:	
1.1	Tại khoản 1 Điều 33 quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Theo quy định của pháp luật hiện hành thì chủ thể giám sát, phản biện xã hội là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Theo đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện lại nội dung điều Luật này theo hướng: <i>“1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hoạt động CNQP. 2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy chức năng giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển CNQP theo quy định của pháp luật”.</i>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa vào Điều quy định về “Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận” trong Luật CNQP, ĐVCN như sau: 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hoạt động CNQP, ĐVCN. 2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy chức năng giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển CNQP, việc thực hiện pháp luật về động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật.

VIII	Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
1	Bộ Công thương	
	<p>Đề nghị làm rõ quy định về Quy hoạch xây dựng và phát triển CNQP có thuộc phạm vi của Quy hoạch an ninh, quốc phòng theo quy định của Luật quy hoạch và làm rõ khái niệm “Tư cách pháp nhân kép” trong mối tương quan với các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật như pháp luật dân sự, doanh nghiệp,...</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quy hoạch xây dựng và phát triển CNQP nằm trong tổng thể chung của Quy hoạch hệ thống phòng thủ... của Quân đội theo Luật Quy hoạch. Khái niệm “tư cách pháp nhân kép” đã được giải trình tại phần ý kiến của Cục Kế hoạch và Đầu tư.

IV. Ý KIẾN CHUNG VÀO HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
1	Bộ Khoa học công nghệ	<p>Đề nghị lập bảng so sánh các nội dung tương ứng của Pháp lệnh CNQP và dự thảo Luật CNQP để các cơ quan liên quan có thể dễ dàng kiểm tra, đánh giá trong quá trình góp ý hay thẩm định của cơ quan chức năng sau này</p>
2	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Các chính sách đề xuất trong Dự án Luật CNQP đều là những chính sách lớn, có tác động đền tình hình an ninh, chính trị, kinh tế. Do vậy, cần nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện, xem xét đầy đủ các mặt an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; đảm bảo cân bằng lợi ích giữa các bên khi xây dựng chính sách về cơ sở đặc thù cho các doanh nghiệp CNQP nòng cốt (chính sách 5) và chính sách về kết hợp quốc</p>

	<p>phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng trong hoạt động CNQP (chính sách 6). Đồng thời, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, khu vực và các nước có điều kiện, hoàn cảnh tương đồng nước ta.</p>	
4	<p>Bộ Công an</p> <p><i>Thứ nhất</i>, sau khi nghiên cứu Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật CNQP, Bộ Công an nhận thấy đây là chủ trương lớn, liên quan trực tiếp tới nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Công an (CNAN). Vì vậy, Bộ Công an đề nghị Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ, cấp có thẩm quyền thay thế tên gọi của dự án Luật này thành Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh. Lý do:</p> <p>Nhiệm vụ xây dựng CNQP, an ninh đã được xác định là hai thành tố chính, song song trong xây dựng công nghiệp quốc gia (Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hiến pháp, Luật Quốc phòng, Luật Công an nhân dân...). Cụ thể như:</p> <p>Trong nội dung về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 10 năm 2021-2025 tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nêu “... phát triển CNQP, an ninh theo hướng lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học – công nghệ cao, là bộ phận quan trọng và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia...”.</p> <p>Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 142-TB/TW ngày 08/8/2013 về Đề án “Chiến lược phát triển CNQP an ninh giai đoạn 2013-2020 và định hướng 2030” đã chỉ rõ một số nội dung liên quan đến CNAN “... Phải gắn kết với công nghiệp quốc gia, CNQP; bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tránh trùng lắp, lồng ghép”.</p> <p>Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định: “Phát triển CNQP, an ninh theo hướng lưỡng dụng, thực sự trở thành mũi nhọn của công</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng xin có ý kiến giải trình như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. CNQP và CNAN có sự gắn kết, bổ trợ lẫn nhau để cùng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền CNQP, an ninh, đáp ứng yêu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân nói chung. Tuy nhiên, CNQP và công nghiệp an ninh cũng mang những tính chất đặc thù riêng gắn với chức năng, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang tương ứng (Quân đội nhân dân và Công an nhân dân) mà CNQP và CNAN hướng tới phục vụ. Việc tách riêng nội hàm của CNAN và CNQP không dẫn đến việc đầu tư trùng lắp, đầu tư dàn trải mà phù hợp với yêu cầu phát triển của mỗi ngành, đáp ứng nhu cầu sản xuất ra các sản phẩm chuyên dụng. Các sản phẩm do CNAN, CNQP sản xuất đã được Chính phủ quy định cụ thể tại Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020, trong đó CNAN tập trung đảm bảo phát triển các sản phẩm liên quan đến công cụ hỗ trợ, các sản phẩm chuyên dụng phục vụ nghiệp vụ cho lực lượng Công an nhân dân, các sản phẩm còn lại về trang bị kỹ thuật cơ bản do các doanh nghiệp CNQP sản xuất. 2. Do các đối tượng chịu tác động có sự độc lập (các cơ sở công nghiệp an ninh do Bộ Công an quản lý, các cơ sở CNQP nòng cốt do Bộ Quốc phòng quản lý) nên việc hợp nhất vào một Luật sẽ ảnh hưởng đến tính bao quát của các chính sách, dễ dẫn đến những chính sách được ban hành chưa sát với đặc thù của mỗi ngành, gây khó khăn trong quá trình thực thi, sẽ không đáp ứng tốt việc phục vụ phát triển CNQP, CNAN. 3. Trong dự thảo Đề cương chi tiết của Luật sẽ có quy định

nghiệp quốc gia; tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết CNQP, an ninh và công nghiệp dân sinh”.

Điều 68 Hiến pháp 2013 đã nêu: “... xây dựng CNQP, an ninh; bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh...”.

Điều 34 Luật Công an nhân dân quy định về CNAN cũng đã xác định: “*C NAN là bộ phận của CNQP, an ninh...*”.

Điều 12 Luật Quốc phòng quy định về CNQP, an ninh đã xác định: “*CNQP, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh...*”.

Từ những lý do nêu trên, để đảm bảo tương quan, tiết kiệm, đúng chủ trương, cơ sở pháp lý thì việc xây dựng dự án Luật CNQP, an ninh là hết sức phù hợp và cần thiết, nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách trong công tác quản lý nhà nước và phát triển đồng bộ CNQP, an ninh trong tình hình mới theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, phù hợp với các quy định của Hiến pháp, pháp luật hiện hành nêu trên và một số văn bản cụ thể như: Thông báo số 25-TB/TW ngày 11/4/2017 về đẩy mạnh phát triển CNQP, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Thông báo số 1279/VPCP-NC ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 93/2015/NĐ-CP ngày 15/10/2015 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

Thứ hai, từ nội dung định hướng xây dựng Luật CNQP, an ninh, đề nghị Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ, cấp có thẩm quyền để sớm phối hợp với Bộ Công an xây dựng 01 báo cáo tổng kết chung về hai nhiệm vụ: CNQP - CNAN. Trên cơ sở đó sẽ thống nhất xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo từng nội dung và dự thảo Tờ trình và nội dung Đề cương dự án Luật phù hợp.

chính sách đảm bảo vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang, trong đó đề cập đến hoạt động của CNQP phục vụ an ninh, danh mục các sản phẩm phục vụ an ninh do CNQP nghiên cứu, sản xuất để tránh chồng chéo, trùng lắp về sản phẩm. Quy định trách nhiệm cho Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trong phối hợp với nhau để phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư của nhà nước cho nền CNQP, an ninh, tránh đầu tư dàn trải hoặc trùng lắp, gây lãng phí cho ngân sách nhà nước.

4. CNAN đã được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh là Luật Công an nhân dân và Nghị định 63/2020/NĐ-CP, do đó việc đưa CNAN vào Luật CNQP và đổi thành Luật CNQP, AN sẽ dẫn đến tình trạng có 02 văn bản quy phạm pháp luật ngang cấp cùng điều chỉnh một đối tượng. Điều này sẽ gây chồng chéo, khó khăn trong thực thi.

Với những lý do như trên, sau khi hợp nhất thành Luật CNQP, ĐVCN các nội dung của dự thảo đã đáp ứng thể hóa các quan điểm của Đảng về phát triển CNQP, an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, an ninh. Đồng thời, vừa đảm bảo tránh trùng đâm trong đầu tư, tiết kiệm ngân sách Nhà nước, vừa đảm bảo điều kiện để phát triển phù hợp với đặc thù của mỗi ngành. Do vậy, không nên ghép CNAN vào Luật CNQP, ĐVCN và vì vậy không đổi tên thành Luật CNQP, an ninh.

4	Ban Kinh tế Trung ương	
4.1	<p>- Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2021, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ chủ trì, xây dựng Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo, Đề án tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam trong tình hình mới. <i>Ban Kinh tế Trung ương đề nghị Bộ Quốc phòng cân nhắc thời gian xây dựng Luật CNQP phù hợp bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP, an ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</i></p>	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí nghiên cứu tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau: Bộ Quốc phòng đã giao cho Tổng cục CNQP (là đầu mối chuẩn bị nội dung Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo, đồng thời cũng là cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật CNQP) tiếp tục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình xây dựng để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP, an ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>
4.2	<p>- Tại phiên họp ngày 17/3/2017, sau khi xem xét Tờ trình của Quân ủy Trung ương về Đề án đẩy mạnh phát triển CNQP, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Bộ Chính trị đã có Thông bá số 25-TB/TW ngày 11/4/2017, theo đó đã nhấn mạnh phát triển CNQP, an ninh cần được đặt trong tổng thể phát triển công nghiệp quốc gia. <i>Đề nghị Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an bổ sung nội dung xây dựng và phát triển CNAN, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật CNQP, an ninh</i></p>	<p>Về ý kiến này trùng với ý kiến của Bộ Tư pháp và Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã giải trình phía trên.</p>
4.3	<p>Nhằm chủ động ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và nghiên cứu, chế tạo vũ khí, trang bị kỹ thuật, <i>đề nghị Bộ Quốc phòng bổ sung những nội dung thể chế hóa quan điểm của Đảng về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương,</i></p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến như sau: Tại Tờ trình Chính phủ và Báo cáo Tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP đã nêu một trong những nguyên nhân cần nâng cấp Pháp lệnh CNQP thành Luật CNQP là để thể chế hóa, Luật hóa những chính sách, chủ trương mới của Đảng.</p>

	<i>chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư), nhất là chủ trương, chính sách: Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia; Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia; Chính sách phát triển nguồn nhân lực; Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên; Chính sách hội nhập quốc tế, trong nhiệm vụ nghiên cứu sản xuất vũ khí công nghệ cao, phát triển CNQP, an ninh ở những lĩnh vực mũi nhọn (cơ khí chế tạo, luyện kim hợp kim đặc biệt, vật liệu mới, điện tử viễn thông,...).</i>	
5	Văn phòng Chính phủ	
	Hiện nay, Bộ Quốc phòng đang đồng thời lập Đề nghị xây dựng Luật CNQP và Luật ĐVCN, Văn phòng Chính phủ nhận thấy nội hàm các dự án Luật này có phần liên quan. Đề nghị Bộ Quốc phòng cân nhắc, nghiên cứu gộp 02 dự án Luật này (nếu có thể).	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, đã tiến hành gộp 02 dự án Luật CNQP và Luật ĐVCN trong cùng 1 Luật.

Ngoài ra, có một số ý kiến về chính tả, kỹ thuật văn bản, Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, tiếp thu, đồng thời rà soát, chỉnh lý hồ sơ dự thảo./.

Phụ lục II:
BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
Ý kiến tham gia của các bộ, ban, ngành và địa phương về dự thảo Hồ sơ
đề nghị xây dựng dự án Luật Động viên công nghiệp

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-BQP ngày tháng năm 2021 của Bộ Quốc phòng)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội.

Ngày 17/8/2021, Bộ Quốc phòng có Công văn số: 2948/BQP-PC gửi xin ý kiến 39 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Động viên công nghiệp; có 19 ý kiến tham gia hoàn toàn nhất trí; một số ý kiến tham gia góp ý vào nội dung dự thảo Hồ sơ, Bộ Quốc phòng tổng hợp, tiếp thu, giải trình, như sau:

I. DỰ THẢO TỜ TRÌNH

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
I	Mục I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP	
1	* Bộ Tư pháp: - Đề nghị giải thích về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự án Luật này, nêu rõ những nội dung được kế thừa từ Pháp lệnh, những nội dung thay đổi hoặc bổ sung so với Pháp lệnh.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung mục I “sự cần thiết ban hành Luật” xuất phát từ 3 tiêu chí: (1) để thể chế hóa quan điểm của Đảng; (2) để phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam; (3) để khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Pháp lệnh, trong đó nêu ra một số nội dung của Pháp lệnh ĐVCN chưa phù hợp, cần điều chỉnh như phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng,...để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
2	* Bộ Ngoại giao: Đề nghị bổ sung “Luật Quốc phòng năm 2018” làm căn cứ để xây	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	dựng Luật.	chỉnh sửa vào dự thảo.
3	* Tỉnh Quảng Ninh: Đề nghị chỉnh lý câu “ <i>Người lao động được bố trí trong dây chuyền DVCN có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn nhưng cơ quan chức năng không đủ cơ sở pháp lý để xử lý</i> ” thành “ <i>Người lao động được bố trí trong dây chuyền DVCN có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn do chưa có chế tài quản lý</i> ”; chỉnh lý lại một số lỗi chính tả tại dòng 25 trang 4.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu (bỏ) không đưa vào dự thảo.
4	* Thành phố Hải Phòng: Tại điểm 1.3.2. Lý do lựa chọn giải pháp: Đề nghị bỏ đoạn “ <i>Người lao động được bố trí trong dây chuyền DVCN có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn nhưng cơ quan chức năng không đủ cơ sở pháp lý để xử lý</i> ”.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu (bỏ) không đưa vào dự thảo.
II MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP		
1	* Bộ Ngoại giao: Tại khoản 2: Đề nghị bổ sung “ <i>Nguyên tắc tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i> ”.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo.
2	* Bộ Tư pháp: - Về mục đích xây dựng Luật: Đề nghị cân nhắc nội dung “... <i>bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội</i> ”, vì đây không phải là mục đích trực tiếp và chủ yếu của việc xây dựng dự án Luật DVCN.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu (bỏ) không đưa vào dự thảo.
3	- Một số nội dung trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật chưa bảo đảm tính thống nhất, nhất quán. Ví dụ như trang 5 dự thảo Tờ trình nêu mục đích xây dựng Luật và khoản 1 Điều 2 dự thảo Đề cương quy định	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa nội dung Giải pháp 2 của Chính sách 2 cho thống nhất với quy định của động viên công nghiệp là

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	động viên công nghiệp là “huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang”. Tuy nhiên, nội dung giải pháp 2 của Chính sách 2 có đề xuất “thực hiện phương thức giao kè hoạch, chỉ tiêu cho cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, cơ sở kỹ thuật của đơn vị Quân đội...” (trang 9 dự thảo Tờ trình, trang 12 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách). Do đó, đề nghị rà soát, chỉnh lý để bảo đảm tính thống nhất của hồ sơ đề nghị xây dựng Luật.	“huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang”.
III	Mục III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT	
	Không có ý kiến tham gia đóng góp	
IV	Mục IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT	
1	<p>* Bộ Tư pháp: Đề nghị nghiên cứu bổ sung các đánh giá về định lượng (nhất là các tác động về kinh tế) và phân tích cụ thể hơn tác động đối với hệ thống pháp luật của từng giải pháp chính sách</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu: sẽ bổ sung đánh giá thông tin về chí phí, lợi ích của giải pháp. Nếu giải pháp chính sách trong dự thảo có sự mâu thuẫn, chòng chéo với hệ thống pháp luật khác thì sẽ có những đánh giá làm rõ.
2	Chính sách 1: Mở rộng phạm vi đối tượng động viên công nghiệp	
2.1	<p>* Bộ Ngoại giao: Đề nghị cân nhắc có giải trình và đánh giá tác động của nội dung “bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhưng tỷ lệ góp vốn nước ngoài không có quyền quyết định” do: (i) nội dung này có khả năng hợp pháp vi áp dụng là “doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế”; và (ii) Báo cáo đánh giá tác động chưa trình bày về sự cần thiết phải nhấn mạnh “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhưng tỷ lệ góp vốn nước ngoài không có quyền quyết định” mà không đề cập đến các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến giải trình như sau: chính sách mở rộng đối tượng động viên công nghiệp để bảo đảm tính khả thi trong việc huy động doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động ĐVCN, trong đó bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, đối tượng doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài thì chỉ huy động doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc có đồng nước ngoài có tỷ lệ vốn góp không có quyền quyết định, điều này sẽ làm giảm rủi ro, tăng hiệu quả thực

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
2.2	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị nghiên cứu chỉnh lý tên gọi của chính sách này cho phù hợp với nội dung giải pháp được lựa chọn của chính sách là Giải pháp 3, bao gồm mở rộng phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN và đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN; - Về mở rộng đối tượng tham gia động viên công nghiệp: Phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN tại dự thảo Luật được mở rất rộng so với quy định hiện hành của Pháp lệnh. Việc mở rộng đối tượng tham gia ĐVCN cần được cân nhắc, nghiên cứu kỹ trên cơ sở nhu cầu huy động và khả năng đáp ứng của doanh nghiệp được động viên tham gia vào sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo: Đánh giá tác động kỹ lưỡng giải pháp chính sách này, nhất là tác động về kinh tế (đối với ngân sách nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp) và tác động về xã hội (trong đó có vấn đề bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp và người lao động trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN); làm rõ phạm vi những doanh nghiệp công nghiệp thuộc diện huy động (bên cạnh tiêu chí về thành phần kinh tế thì còn có tiêu chí về lĩnh vực hoạt động); đánh giá tác động cụ thể đối với các doanh nghiệp thuộc trường hợp mở rộng theo chính sách này của dự án Luật (như doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang; các doanh nghiệp công nghệ thông tin, tự động hóa, viễn thông, vật liệu mới, năng lượng, công nghiệp phụ trợ...); - Về mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động về việc mở rộng phạm vi đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN đối với lực lượng Dân quân tự vệ; 	<p>hiện trong quá trình triển khai động viên công nghiệp.</p> <p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>ĐVCN là nhiệm vụ quan trọng trong đường lối, chủ trương của Đảng về kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố, tăng cường quốc phòng; khai thác mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh để xây dựng tiềm lực quốc phòng với phát triển kinh tế-xã hội (Nghị quyết Đại hội XIII); chuẩn bị mọi mặt nhằm thực hiện động viên cục bộ, tổng động viên, đáp ứng yêu cầu chiến đấu lâu dài, sẵn sàng vũ trang toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Tuân thủ quy định tại Luật Quốc phòng, Dự án Luật đã xác định ĐVCN là một nhiệm vụ trong động viên quốc phòng, là một phần quan trọng trong chiến lược bảo đảm trang bị kỹ thuật cho Quân đội (<i>mua sắm, CNQP nòng cốt, ĐVCN</i>); trong thời bình thực hiện chuẩn bị ĐVCN (<i>xây dựng kế hoạch; chuẩn bị, dự trữ năng lực của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang (DN); sẵn sàng sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ</i>); thực hành ĐVCN (<i>tiến hành sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ</i>) khi có lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ và trong chiến tranh. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Dự án Luật là cơ quan, tổ chức, DN và cá nhân trong chuẩn bị, thực hành ĐVCN; nội hàm các vấn đề liên quan đến nội dung này (<i>trang bị kỹ thuật, sản phẩm ĐVCN, dây chuyền ĐVCN, DN ĐVCN, chuẩn bị ĐVCN, thực hành ĐVCN...</i>) đã được nêu, đồng thời đã tiếp thu, làm rõ, bổ sung trong Dự</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>- Đề nghị cân nhắc tính hợp lý, phù hợp của việc nêu lý do lựa chọn giải pháp 2 là “một số cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức và một bộ phận Nhân dân nhận thức chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, còn chủ quan, xem nhẹ về nhiệm vụ động viên công nghiệp. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa thường xuyên gắn với thực hiện động viên công nghiệp với thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành, địa phương, đơn vị; chưa phát huy hết hiệu lực của các cấp chính quyền, cơ quan chức năng, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Nhiều chủ doanh nghiệp né tránh không thực hiện nhiệm vụ; chưa kịp thời thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người lao động được bố trí trong dây chuyền động viên công nghiệp có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn nhưng cơ quan chức năng không đủ cơ sở pháp lý để xử lý” vì không bảo đảm tính thuyết phục và logic cho lập luận về việc lựa chọn giải pháp chính sách này.</p>	<p>thảo Tờ trình và các văn bản trong Dự thảo Hồ sơ.</p> <p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu (bỏ) không đưa vào dự thảo.</p>
2.3	<p>* Thành phố Hải Phòng: Tại điểm 1.3.2. Lý do lựa chọn giải pháp: Đề nghị bỏ đoạn “Người lao động được bố trí trong dây chuyền ĐVCN có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn nhưng cơ quan chức năng không đủ cơ sở pháp lý để xử lý”.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu (bỏ) không đưa vào dự thảo.</p>
2.4	<p>* Bộ Tài chính: Đề nghị cân nhắc quy định cụ thể “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhưng tỷ lệ góp vốn nước ngoài không có quyền quyết định” theo hướng căn cứ trên tỷ lệ phủ quyết (trên 35%) theo pháp luật doanh nghiệp hay tỷ lệ chi phối (trên 50%) theo pháp luật kế toán.</p>	<p>Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và giải trình như sau: đánh giá về tỷ lệ góp vốn không có quyền quyết định sẽ căn cứ tiêu chí được quy định theo pháp luật doanh nghiệp.</p>
3	Khoản 2. Chính sách 2: Hoàn thiện phương thức thực hiện động viên công nghiệp	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
3.1	<p>* Bộ Thông tin và Truyền thông: Nội dung giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn trong dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chưa thể hiện được đầy đủ, thống nhất trong dự thảo Luật (Điều 3). Do đó, đề nghị thống nhất nội dung này tại các văn bản nêu trên.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và sẽ tiến hành rà soát và chỉnh sửa để tạo sự thống nhất trong các dự thảo của hồ sơ Luật.
3.2	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với phương thức thực hiện ĐVCN: Đề nghị rà soát, nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan về doanh nghiệp, đầu tư, đầu thầu, giá... để bảo đảm nội dung chính sách phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; phân tích, đánh giá kỹ lưỡng hơn tác động của chính sách này, bao gồm đánh giá tác động đối với từng đối tượng chịu tác động là các loại hình doanh nghiệp khác nhau. - Đối với nội dung đánh giá tác động về kinh tế: Đề nghị nghiên cứu bổ sung các đánh giá mang tính chất định lượng và cụ thể hơn. 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN và có ý kiến giải trình như sau: Dự án Luật hoàn thiện phương thức thực hiện ĐVCN trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh (chỉ bổ sung phương thức về đấu thầu); đồng thời, rà soát, nghiên cứu quy định pháp luật có liên quan về DN, ngân sách nhà nước, đầu tư, đầu tư công, quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư và sản xuất, kinh doanh tại DN, đấu thầu, giá, xây dựng..., bảo đảm nội dung của chính sách phù hợp với pháp luật hiện hành. Về cơ bản, các phương thức này đã và đang thực hiện theo quy định pháp luật về mua sắm, sản xuất hàng trong nước phục vụ nhiệm vụ quốc phòng thuộc phạm vi Bộ Quốc phòng quản lý. Dự án Luật chỉ bổ sung, luật hóa các quy định này để tạo hành lang pháp lý, thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện.
3.3	<p>* Bộ Tài chính: Đề nghị cân nhắc lại phương thức “đầu tư” và lý do “phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật về đầu tư” nêu tại khoản này do tại Điều 1 Luật Đầu tư năm 2020 quy định phạm vi điều chỉnh “... về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài”, không điều chỉnh hoạt động sử dụng ngân sách.</p>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo (bỏ phương thức đầu tư).

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
4	Khoản 3. Chính sách 3: Hoàn thiện quy định về phân cấp quản lý, thực hiện động viên công nghiệp	
4.1	<p>* Bộ Nội vụ:</p> <p>Đề nghị rà soát, biên tập lại nội dung này theo hướng không quy định phân quyền trực tiếp cho các bộ ở trong Luật ĐVCN; đẩy mạnh phân quyền giữa Chính phủ với chính quyền địa phương, quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong Luật; bảo đảm quản lý thống nhất của Chính phủ và phù hợp với quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN.
4.2	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị làm rõ cơ quan, tổ chức có trách nhiệm “quản lý, thực hiện động viên công nghiệp” để cản nhắc, đề xuất nội dung chính sách này cho phù hợp; bảo đảm xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan gắn với quy trình, thủ tục thực hiện động viên công nghiệp (bao gồm chuẩn bị động viên công nghiệp và thực hành động viên công nghiệp); - Một số quy định tại dự thảo Luật liên quan đến thẩm quyền của một số cơ quan cũng cần được nghiên cứu, cân nhắc. Ví dụ như quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền “quyết định khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp” (khoản 1 Điều 7) không rõ về thời gian, thời hạn thực hiện việc quyết định khảo sát; việc tiếp tục giữ quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (điểm b khoản 3 Điều 8) cần được cân nhắc về sự cần thiết cũng như sự phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. 	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN và có ý kiến giải trình như sau:</p> <p>Pháp lệnh quy định ĐVCN gồm nhiều nội dung nhiệm vụ, được triển khai theo giai đoạn và liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, hệ thống từ trung ương đến địa phương; các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn tổng công ty có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN; đồng thời, phân định, phân cấp, phân quyền về quản lý, triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo hệ thống tổ chức, cơ cấu về quan hệ ngành dọc; phân định DN, gồm: DN thuộc quyền của bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty (DN trung ương), DN do địa phương quản lý (DN địa phương). Quy định này có nhiều điểm chưa phù hợp, còn chồng chéo, phân tán, chưa cụ thể, chưa phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật về DN hiện nay (các nội dung bất cập đã được đánh giá trong Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách).</p> <p>Dự án Luật kế thừa quy định tại Pháp lệnh, rà soát hệ thống pháp luật liên quan, thực tiễn triển khai qua tổng kết Pháp lệnh, đề xuất nội dung chính sách trên cơ sở</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
		<p>phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức liên quan gắn với quy trình thực hiện từng nhiệm vụ ĐVCN cụ thể: (1) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN. Bộ, ngành khác: Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ĐVCN đối với lĩnh vực, ngành được phân công; quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được giao (2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ĐVCN đối với lĩnh vực, ngành được phân công; quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được giao. Trên cơ sở bảo đảm sự quản lý thống nhất của trung ương, phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc, lĩnh vực trên địa bàn phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ. (3) Không quy định vai trò quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN của tập đoàn, tổng công ty.</p>
5	Khoản 4. Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về chế độ, chính sách trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp	
5.1	<p>* Bộ Ngoại giao: Đề nghị làm rõ thêm nội dung “hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất” có bao gồm việc đầu tư, cấp vốn của Bộ Quốc phòng đối với các doanh nghiệp tư nhân hay không; nội dung này có thể bị xem là “trợ cấp” nếu không thuộc 03 ngoại lệ (hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ vùng khó khăn hoặc đáp ứng yêu cầu mới về bảo vệ môi trường) của Hiệp định Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM) của WTO.</p>	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN và có ý kiến giải trình như sau: Đối tượng tham gia ĐVCN gồm doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nhà nước, tập thể, tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài (như đã đề cập trong Dự thảo Hồ sơ Dự án Luật) có quyền và nghĩa vụ bình đẳng trước pháp luật. Việc đầu tư, cấp vốn cho doanh nghiệp trong việc “hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất” và thực hiện các nhiệm vụ ĐVCN khác đã được xác định rõ và tuân thủ theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đấu thầu, giá..; do vậy,</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
		không được xem là “trợ cấp” dưới bất kỳ hình thức nào.
5.2	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị phân tích, đánh giá tác động kĩ lưỡng đối với kinh tế, nhất là các giải pháp làm phát sinh thêm chi phí do bổ sung chế độ, chính sách mới. Ví dụ: quy định “<i>doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ và hoạt động trên địa bàn chiến lược thì được hưởng chính sách ưu đãi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>”, “<i>được hạch toán một số khoản chi đặc thù vào giá thành sản phẩm trong trường hợp giá sản phẩm được duyệt theo kế hoạch không đủ so với thực tế sản xuất khi thực hành động viên công nghiệp</i>”, “<i>được doanh nghiệp chi trả phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh như đối với người lao động trong doanh nghiệp quốc phòng, an ninh</i>” (điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật). - Đề nghị cân nhắc việc quy định “<i>hưởng chính sách ưu đãi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>” (điểm đ khoản 2 Điều 19) vì Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền ban hành các chế độ, chính sách cụ thể. Đồng thời, đề nghị cân nhắc việc quy định cụ thể tại dự án Luật này các <i>nội dung chi</i> cho chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp (Điều 22 và Điều 23 dự thảo Đề cương chi tiết). 	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN và có ý kiến giải trình như sau: Chế độ chính sách trong Dự án Luật được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định còn phù hợp tại Pháp lệnh; rà soát quy định về chính sách đối với doanh nghiệp tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan để hoàn thiện quy định về chế độ, chính sách theo hướng: Bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi tham gia ĐVCN tương ứng như chế độ, chính sách đối với lực lượng khác khi tham gia hoạt động quốc phòng, trong cùng điều kiện, tính chất hoạt động đã được quy định tại các hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan, như: (1) Doanh nghiệp được thực hiện nhiệm vụ và hoạt động trên địa bàn (cấp xã) trong điểm về quốc phòng an ninh chiến lược thì được hưởng chính sách ưu đãi” như lực lượng Dân quân tự vệ; 2) “DN thực hiện nhiệm vụ và hoạt động trên địa bàn chiến lược thì được hưởng chính sách ưu đãi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”; được hạch toán một số khoản chi đặc thù vào giá thành sản phẩm; được nhà nước cấp kinh phí bù đắp chi phí trong trường hợp giá sản phẩm được duyệt theo kế hoạch không đủ so với thực tế sản xuất khi thực hành ĐVCN hoặc kinh phí cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa vận hành dây chuyền sản xuất sản phẩm ĐVCN trong trường hợp tạm ngừng sản xuất mà không có khả năng tự bù đắp chi phí” tương tự như DN quốc phòng, an ninh; người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN trong thời gian được huy động trực tiếp tham gia sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội “Được doanh nghiệp chi trả phụ</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
		cấp đặc thù như đối với người lao động trong doanh nghiệp quốc phòng, an ninh” tương tự như đối với khi huy động lực lượng dự bị động viên. Các quy định này vừa xác định cụ thể đối tượng được thụ hưởng, vừa xác định nguồn chi trả, trách nhiệm chi trả phù hợp với quy định về dự toán ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách
V	Mục V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA	
1	<p>* Bộ Nội vụ: Đề nghị có đánh giá và làm rõ nguồn nhân lực bảo đảm cho việc thi hành sau khi dự án Luật được thông qua tại điểm 1.2. Dự kiến nguồn nhân lực để thi hành Luật</p>	
	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN</p>	

II. DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
I	Ý KIẾN CHUNG	
1	<p>* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Về phương pháp đánh giá tác động của chính sách: Tác động của chính sách trong báo cáo được đánh giá theo phương pháp định tính, đề nghị nêu rõ lý do không thể áp dụng phương pháp định lượng trong báo cáo.</p>	
II	Mục I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẶP TỔNG QUAN	
1	<p>Khoản 1. Bối cảnh xây dựng chính sách</p>	
1.1	<p>* Tỉnh Quảng Ninh: Đề nghị chỉnh lý câu “<i>Người lao động được bố trí trong dây chuyền ĐVCN có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn nhưng cơ quan chức năng không đủ cơ sở pháp lý để xử lý</i>” thành “<i>Người lao động được bố trí trong dây chuyền ĐVCN có xu</i></p>	
	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ chỉnh sửa vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN cho phù hợp.</p>	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<i>hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn do chưa có chế tài quản lý"; chỉnh lý lại một số lỗi chính tả tại dòng 5 trang 4.</i>	
1.2	<p>* Thành phố Hải Phòng: Đề nghị bỏ đoạn “<i>Người lao động được bố trí trong dây chuyền ĐVCN có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn nhưng cơ quan chức năng không đủ cơ sở pháp lý để xử lý</i>”.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên (bổ).
1.3	<p>* Bộ Tư pháp: Để làm sâu sắc hơn các cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc đề nghị xây dựng Luật, đồng thời bảo đảm tính thuyết phục của các giải pháp chính sách, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các quy định pháp luật có liên quan (như pháp luật về quốc phòng, doanh nghiệp, đầu tư, ngân sách nhà nước, đấu thầu, giá...); chỉ rõ những quy định của Pháp lệnh chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật và những quy định của Pháp lệnh đã không còn phù hợp với thực tiễn; nghiên cứu thêm kinh nghiệm nước ngoài về ĐVCN để tham khảo cho quá trình nghiên cứu, xây dựng dự án Luật.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và giải trình như sau: nội dung mục “bối cảnh xây dựng chính sách” xuất phát từ 3 yêu cầu thực tiễn: (1) những quan điểm mới của Đảng; (2) sự tương thích với hệ thống pháp luật Việt Nam; (3) khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Pháp lệnh ĐVCN. Trên cơ sở đó, sẽ tiếp tục nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoàn thiện các dự thảo Luật CNQP, ĐVCN.
2	Khoản 2. Mục tiêu xây dựng chính sách	
2.1	<p>* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành phố Hải Phòng: Đề nghị chỉnh lý lại bối cảnh của khoản này bao gồm mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, phù hợp với quy định tại Nghị định 154/2020/NĐ-CP</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, đã tiến hành chỉnh sửa khoản 2 hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
III	Mục II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH	
1	Ý kiến chung	
1.1	<p>* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: - Về đối tượng chịu sự tác động của chính sách: Đề nghị xác định rõ trong báo cáo những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan để phân tích cụ thể những tác động về xã hội,</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ tiến hành đánh giá trên các tiêu chí theo đúng quy định của mỗi giải pháp để lựa chọn giải pháp tối ưu.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>kinh tế, pháp luật, thủ tục hành chính, giới (nếu có) tương ứng với những đối tượng này, đặc biệt là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến nghị giải pháp lựa chọn ở các chính sách: Đề nghị bổ sung xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết các vấn đề bát cập (ở Luật/Nghị định/Thông tư). 	
1.2	<p>* Bộ Tư pháp: Đề nghị nghiên cứu bổ sung các đánh giá về định lượng (nhất là các tác động về kinh tế) và phân tích cụ thể hơn tác động đối với hệ thống pháp luật của từng giải pháp chính sách.</p>	Vấn đề này trùng với ý kiến đối với dự thảo Tờ trình, Bộ Quốc phòng đã giải trình ở trên.
1.3	<p>* Thành phố Hải Phòng: Đề nghị rà soát lại việc trùng nội dung đánh giá tác động về giới đối với Giải pháp 1 của Chính sách 1 và Chính sách 2.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.
1.4	<p>* Bộ Tài chính: Đề nghị bổ sung đánh giá nguồn lực tài chính thực hiện Pháp lệnh hiện hành và đánh giá tác động cụ thể khi ban hành Luật mới theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN.
2	Khoản 1. Chính sách 1: Mở rộng phạm vi đối tượng động viên công nghiệp	
2.1	<p>* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đề nghị đánh giá kỹ lưỡng chính sách này các tác động về kinh tế và tác động về giới (theo các tiêu chí nêu tại khoản 1, khoản 3 Điều 6 Nghị định 34/2016/NĐ-CP). Theo đó, thông qua kết quả khảo sát về số doanh nghiệp công nghiệp năm 2016, 2017 sẽ đánh giá, thống kê, ước tính được số lượng doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện ĐVCN.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ đánh giá kỹ hơn tác động tích cực và tiêu cực về kinh tế. Chính sách “Mở rộng phạm vi đối tượng động viên công nghiệp” không gây ra tác động về giới rõ rệt.
2.2	<p>* Bộ Thông tin và Truyền thông: Giải pháp thực hiện chính sách này trong dự thảo Tờ trình và Báo cáo</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN.

STT	Ý KIÊN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	đánh giá tác động chỉ mở rộng đối tượng áp dụng đối với ĐVCN. Do đó, đề nghị cân nhắc sửa lại tên chính sách này cho phù hợp.	
2.3	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi của chính sách này là “mở rộng phạm vi đối tượng ĐVCN”, tuy nhiên, giải pháp chính sách được lựa chọn là giải pháp 3 - bao gồm mở rộng phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN và đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN (trang 7 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý tên gọi và nội dung của chính sách này cho phù hợp và thống nhất; - <i>Về mở rộng đối tượng tham gia ĐVCN:</i> Phạm vi đối tượng tham gia động viên công nghiệp tại dự thảo Luật được mở rất rộng so với quy định hiện hành của Pháp lệnh. Việc mở rộng đối tượng tham gia động viên công nghiệp cần được cân nhắc, nghiên cứu kỹ trên cơ sở nhu cầu huy động và khả năng đáp ứng của doanh nghiệp được động viên tham gia vào sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo: Đánh giá tác động kĩ lưỡng giải pháp chính sách này, nhất là tác động về kinh tế (đối với ngân sách nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp) và tác động về xã hội (trong đó có vấn đề bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp và người lao động trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp); làm rõ phạm vi những doanh nghiệp công nghiệp thuộc diện huy động (bên cạnh tiêu chí về thành phần kinh tế thì còn có tiêu chí về lĩnh vực hoạt động); đánh giá tác động cụ thể đối với các doanh nghiệp thuộc trường hợp mở rộng theo chính sách này của dự án Luật (như doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang; các doanh nghiệp công nghệ thông tin, tự động hóa, viễn thông, vật liệu mới, năng lượng, công nghiệp phụ trợ...); - <i>Về mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN:</i> Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động về việc mở rộng phạm vi đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN đối với lực lượng Dân quân tự vệ; 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>- Đề nghị cân nhắc tính hợp lý, phù hợp của việc nêu lý do lựa chọn giải pháp 2 là “một số cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức và một bộ phận Nhân dân nhận thức chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, còn chủ quan, xem nhẹ về nhiệm vụ động viên công nghiệp. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa thường xuyên gắn với thực hiện ĐVCN với thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành, địa phương, đơn vị; chưa phát huy hết hiệu lực của các cấp chính quyền, cơ quan chức năng, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Nhiều chủ doanh nghiệp né tránh không thực hiện nhiệm vụ; chưa kịp thời thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người lao động được bố trí trong dây chuyền động viên công nghiệp có xu hướng chuyển sang doanh nghiệp khác có thu nhập cao hơn nhưng cơ quan chức năng không đủ cơ sở pháp lý để xử lý” vì không bảo đảm tính thuyết phục và logic cho lập luận về việc lựa chọn giải pháp chính sách này.</p>	
3	Khoản 2. Chính sách 2: Hoàn thiện phương thức thực hiện động viên công nghiệp	
3.1	<p>* Bộ Thông tin và Truyền thông: Nội dung giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn trong dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chưa thể hiện được đầy đủ, thống nhất trong dự thảo Luật (Điều 3). Do đó, đề nghị thống nhất nội dung này tại các văn bản nêu trên.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ rà soát, chỉnh sửa cho thống nhất giữa các văn bản trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN.
3.2	<p>* Bộ Tài chính: Đề nghị cân nhắc lại phương thức “đầu tư” và lý do “phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật về đầu tư” nêu tại khoản này do tại Điều 1 Luật Đầu tư năm 2020 quy định phạm vi điều chỉnh “... về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài”, không điều chỉnh hoạt động sử dụng ngân sách.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên.
3.3	<p>* Bộ Tư pháp: - Đối với phương thức thực hiện động viên công nghiệp: Đề nghị rà</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải

STT	Ý KIÉN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>soát, nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan về doanh nghiệp, đầu tư, đầu thầu, giá... để bảo đảm nội dung chính sách phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; phân tích, đánh giá kỹ lưỡng hơn tác động của chính sách này, bao gồm đánh giá tác động đối với từng đối tượng chịu tác động là các loại hình doanh nghiệp khác nhau;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá tác động về kinh tế: Đề nghị nghiên cứu bổ sung các đánh giá mang tính chất định lượng và cụ thể hơn. 	trình ở trên.
4	Khoản 3. Chính sách 3: Hoàn thiện quy định về phân cấp quản lý, thực hiện động viên công nghiệp	
4.1	<p>* Bộ Nội vụ: Đề nghị rà soát, biên tập lại nội dung này theo hướng không quy định phân quyền trực tiếp cho các bộ ở trong Luật Động viên công nghiệp; đẩy mạnh phân quyền giữa Chính phủ với chính quyền địa phương, quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong Luật; bảo đảm quản lý thống nhất của Chính phủ và phù hợp với quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên.
4.2	<p>* Bộ Tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị làm rõ cơ quan, tổ chức có trách nhiệm “quản lý, thực hiện ĐVCN” để cân nhắc, đề xuất nội dung chính sách này cho phù hợp; bảo đảm xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan gắn với quy trình, thủ tục thực hiện ĐVCN (bao gồm chuẩn bị ĐVCN và thực hành ĐVCN); - Một số quy định tại dự thảo Luật liên quan đến thẩm quyền của một số cơ quan cũng cần được nghiên cứu, cân nhắc. Ví dụ như quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền “quyết định khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp” (khoản 1 Điều 7) không rõ về thời gian, thời hạn thực hiện việc quyết định khảo sát; việc tiếp tục giữ quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch động 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	viên công nghiệp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (điểm b khoản 3 Điều 8) cần được cân nhắc về sự cần thiết cũng như sự phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.	
4.3	<p>* Thành phố Hải Phòng: Tại điểm 3.3.1. Giải pháp thực hiện chính sách: Đề nghị chỉnh lý nội dung “Không quy định vai trò quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN của tập đoàn, tổng công ty” thành “Không quy định vai trò quản lý và không quy định riêng vai trò tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN của tập đoàn, tổng công ty” vì các đơn vị này vẫn tham gia ĐVCN theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên.
5	Khoản 4. Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về chế độ, chính sách trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp	
5.1	<p>* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Về giải pháp 2, đề nghị lượng hóa, ước tính cụ thể kinh phí hàng năm ngân sách nhà nước phải đầu tư, chi trả cho hoạt động liên quan đến bảo đảm chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động trực tiếp tham gia động viên công nghiệp.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và có ý kiến giải trình như sau: đề nghị không lượng hóa, ước tính cụ thể kinh phí ngân sách nhà nước phải đảm bảo hàng năm, nhưng sẽ phân tích làm rõ tích cực, tiêu cực về kinh tế để lựa chọn giải pháp.
5.2	<p>* Bộ Tư pháp: - Đề nghị phân tích, đánh giá tác động kỹ lưỡng đối với kinh tế, nhất là các giải pháp làm phát sinh thêm chi phí do bổ sung chế độ, chính sách mới. Ví dụ: quy định “doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ và hoạt động trên địa bàn chiến lược thì được hưởng chính sách ưu đãi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”, “được hạch toán một số khoản chi đặc thù vào giá thành sản phẩm trong trường hợp giá sản phẩm được duyệt theo kế hoạch không đủ so với thực tế sản xuất khi thực hành ĐVCN”, “được doanh nghiệp chi trả phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh như đối với người lao động trong doanh nghiệp quốc phòng, an ninh” (điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật).</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung làm rõ vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>- Đề nghị cân nhắc việc quy định “<i>hướng chính sách ưu đãi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>” (điểm đ khoản 2 Điều 19) vì Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền ban hành các chế độ, chính sách cụ thể. Đồng thời, đề nghị cân nhắc việc quy định cụ thể tại dự án Luật này các <i>nội dung chi</i> cho chuẩn bị và thực hành ĐVCN (Điều 22 và Điều 23 dự thảo Đề cương chi tiết).</p>	<p>- Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp, tương thích với các quy định của pháp luật khác có liên quan.</p>
IV	Mục III. LÄY Ý KIẾN	
	Không có ý kiến tham gia đóng góp	
V	Mục IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	
	Không có ý kiến tham gia đóng góp	

III. DỰ THẢO LUẬT ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
I	Ý KIẾN CHUNG	
1	<p>* Bộ Tư pháp: Trên cơ sở chỉnh lý, hoàn thiện các chính sách của dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý bối cảnh và nội dung dự thảo Đề cương chi tiết Luật để thể hiện cụ thể và đầy đủ các nội dung giải pháp chính sách được đề xuất lựa chọn.</p>	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ chỉnh lý cho phù hợp trong Đề cương chi tiết Luật CNQP, ĐVCN.</p>
2	<p>* Bộ Tài chính: Đề nghị cụ thể hóa nội dung “Đối tượng tham gia ĐVCN gồm các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhưng tỷ lệ vốn góp nước ngoài không có quyền quyết định), hoạt động trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp; mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN bao gồm QĐND và</p>	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung, cụ thể hóa vào Đề cương chi tiết CNQP, ĐVCN.</p>

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	DQTV" vào Dự thảo Luật.	
3	<p>* Tỉnh Gia Lai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị điều chỉnh tên luật thành “Luật Động viên công nghiệp phục vụ quốc phòng”; - Đề nghị sử dụng thống nhất từ “Nhà nước” thay cho “nhà nước” trong văn bản cho đúng quy định. 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng đề nghị điều chỉnh tên Luật thành Luật CNQP, ĐVCN và tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
4	<p>* Thành phố Cần Thơ:</p> <p>Nội dung dự thảo Luật chưa có quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp (chỉ có quy định về trách nhiệm của chủ doanh nghiệp). Đề nghị nghiên cứu lại vấn đề này bảo đảm thống nhất với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật (Điều 1) “<i>quy định về chuẩn bị, thực hành động viên công nghiệp; chế độ, chính sách; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong chuẩn bị, thực hành động viên công nghiệp</i>”.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
5	<p>* Tỉnh Nghệ An:</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động tại các doanh nghiệp ĐVCN trong dự thảo Luật.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung trách nhiệm của các bên có liên quan trong đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động tại các doanh nghiệp ĐVCN trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN.
6	Ý kiến tham gia vào bộ cục dự thảo Luật:	
6.1	<p>* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <p>Đề nghị nghiên cứu mẫu số 4 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP để viết lại đề cương dự thảo Luật cho phù hợp, trong đó cần tập trung làm rõ những nội dung như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê những vấn đề mà dự thảo Luật điều chỉnh; - Chỉ rõ các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) mà luật này sẽ áp 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<p>dụng. Thuyết minh sự phù hợp của từng đối tượng áp dụng với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh rõ mục đích, kết cấu và những nội dung chính của điều quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, các quy định cấm; - Thuyết minh rõ nội dung của điều (có thể không cần thiết kể thành điều cụ thể); - Liệt kê các luật của Quốc hội sẽ hết hiệu lực kể từ ngày luật này có hiệu lực (nếu có). 	
6.2	<p>* Tỉnh Sơn La: Đề nghị bổ sung điều khoản về “khen thưởng và xử lý vi phạm” để bảo đảm cấu trúc một văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời làm cơ sở để sửa đổi các Luật liên quan, làm căn cứ để ban hành các văn bản quy định chi tiết hoặc hướng dẫn thực hiện.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng giải trình như sau: Những nội dung liên quan đến “Khen thưởng và xử lý vi phạm” sẽ được tiến hành theo quy định của pháp luật có liên quan về khen thưởng. Do trong dự thảo Luật không có điểm khác biệt về vấn đề này nên không quy định một điều khoản riêng.
II	Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
1	Ý kiến chung	
1.1	<p>* Tỉnh Gia Lai: Đề nghị bổ sung thêm 01 điều tại chương này quy định việc bồi thường thiệt hại đối với doanh nghiệp khi thực hành tháo dỡ, di chuyển, vận hành dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ để phù hợp với Điều 23 của Luật này.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN chính sách đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh khi thực hiện động viên công nghiệp. ✓
1.2	<p>* Tỉnh Sơn La, tỉnh Nghệ An, Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề nghị bổ sung thêm quy định “Đối tượng áp dụng” tại chương này; đồng thời cần quy định cụ thể tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên.

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	đối với “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhưng tỷ lệ góp vốn nước ngoài không có quyền quyết định”.	
2	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
2.1	<p>* Bộ Tư pháp: Đề nghị giải thích về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự án Luật này, nêu rõ những nội dung được kê thừa từ Pháp lệnh, những nội dung thay đổi hoặc bổ sung so với Pháp lệnh trên cơ sở xác định rõ khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của ĐVCN với tư cách là một nhiệm vụ của động viên quốc phòng, phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng; cần nghiên cứu và làm rõ một số nội hàm, như doanh nghiệp công nghiệp, sửa chữa, trang bị kỹ thuật, sản phẩm động viên công nghiệp, chuẩn bị ĐVCN, thực hành ĐVCN...</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu và đã giải trình ở trên.
2.2	<p>* Bộ Giao thông vận tải: Đề nghị bỏ cụm từ “doanh nghiệp” vì tổ chức đã bao gồm các doanh nghiệp.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng xin giải trình như sau: đề nghị giữ nguyên từ “doanh nghiệp” để nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp so với tổ chức khác, vì liên quan đến đặc thù trong các hoạt động CNQP, ĐVCN.
2.3	<p>* Tỉnh Nghệ An: Đề nghị thống nhất đối tượng huy động là “doanh nghiệp công nghiệp” trong toàn bộ nội dung dự thảo.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, điều chỉnh vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
3	Điều 2. Giải thích từ ngữ	
3.1	<p>* Bộ Ngoại giao: Tại khoản 1: Đề nghị thay cụm từ “trong chiến tranh” bằng cụm từ “tình trạng chiến tranh” theo Luật Quốc phòng 2018.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
3.2	<p>* Tỉnh Quảng Ninh: Đề nghị bổ sung: - <i>Diễn tập</i> ĐVCN là hình thức huấn luyện, bồi dưỡng cho cơ quan, tổ</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, nghiên cứu bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	chức, doanh nghiệp nhiệm vụ chuẩn bị động viên và thực hành động viên; - <i>Trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện ĐVCN</i> là hành vi không chấp hành nhiệm vụ chuẩn bị động viên, thực hành ĐVCN.	
3.3	* Thành phố Cần Thơ: Đề nghị làm rõ khái niệm “Chủ doanh nghiệp”.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, đã chỉnh sửa “chủ doanh nghiệp” thành “người quản lý doanh nghiệp”
4	Điều 3. Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp	
4.1	* Bộ Giao thông vận tải: Tại điểm đ khoản 1, đề nghị bổ sung cụm từ “đơn vị” vào sau cụm từ “cơ quan”, bỏ cụm từ “quản lý” và viết lại thành “... hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc được ủy quyền lựa chọn phương thức và tổ chức thực hiện theo quy định của Chính phủ”.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
4.2	* Tỉnh Gia Lai: Tại điểm đ khoản 1: Đề nghị bổ sung thêm nội dung “Quy định chi tiết việc lựa chọn phương thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN” vào sau từ “Chính phủ” để phù hợp với Điều 24 dự thảo Luật.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
5	Điều 4. Nguyên tắc động viên công nghiệp	
5.1	* Tỉnh Phú Thọ: Tại khoản 3, đề nghị bổ sung và chỉnh lý lại thành “ <i>Tự chủ, tự lực, tự cường, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, trên cơ sở phát huy nội lực, đồng thời phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước, địa phương</i> ”	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
5.2	* Bộ Ngoại giao: Đề nghị bổ sung “Nguyên tắc tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
5.3	* Tỉnh Nghệ An:	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	Đề nghị bổ sung 01 khoản à “Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp, người lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp”.	cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
6	Điều 5. Trách nhiệm của chủ doanh nghiệp và người lao động khi thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp	
6.1	* Tỉnh Phú Thọ, Gia Lai, Sơn La, thành phố Cần Thơ: Đề nghị chuyển toàn bộ nội dung điều này sang Chương V và sửa đổi tên chương V là “Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người lao động trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp”	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
6.2	* Bộ Giao thông vận tải: - Tại điểm a khoản 1: Đề nghị bổ sung cụm từ “theo quy định tại Điều 7 của Luật này” vào sau cụm từ “quy định”; - Tại điểm c khoản 1: Đề nghị bổ sung cụm từ “và các quy định pháp luật về đấu thầu” vào sau cụm từ “động viên công nghiệp”.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
6.3	* Bộ Ngoại giao: Đề nghị thay cụm từ “chủ doanh nghiệp” bằng cụm từ “người quản lý doanh nghiệp” theo Luật Doanh nghiệp 2020.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
6.4	* Tỉnh Vĩnh Phúc: Tại điểm a khoản 1: Đề nghị bổ sung và chỉnh lý thành “Cung cấp đầy đủ, chính xác về năng lực sản xuất, sửa chữa; phối hợp với cơ quan khảo sát thực hiện khảo sát thực tế tại doanh nghiệp theo quy định”.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
6.5	* Tỉnh Quảng Ninh: Tại điểm b khoản 1: Đề nghị xem xét lại cụm từ “báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp”, vì theo quy định của pháp luật hiện hành chỉ có cơ quan cấp giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp ngoài Nhà nước).	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
7	Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong động viên công nghiệp	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
7.1	<p>* Tỉnh Gia Lai: Tại khoản 1: Đề nghị bổ sung thêm từ “chóng đối” vào sau từ “Trốn tránh,” để làm rõ hơn các hành vi nghiêm cấm trong ĐVCN.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
7.2	<p>* Tỉnh Sơn La: Đề nghị bổ sung quy định “các hành vi khác nhằm mục đích gây tổn hại, cản trở hoạt động ĐVCN”.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
III	Chương II. CHUẨN BỊ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP	
1	<p>Điều 7. Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị kĩ thuật</p>	
1.1	<p>* Tỉnh Ninh Bình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 2, đề nghị bổ sung và chỉnh lý lại thành “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp trên địa bàn, báo cáo kết quả với Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thông báo kết quả khảo sát cho các doanh nghiệp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được khảo sát</i>”; - Tại khoản 3, đề nghị bổ sung và chỉnh lý lại thành “<i>Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp thuộc quyền quản lý</i>”. 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
1.2	<p>* Tỉnh Sơn La: Đề nghị quy định rõ trong Luật về tiêu chí xác định doanh nghiệp đủ điều kiện ĐVCN, hoặc quy định “Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí xác định doanh nghiệp đủ điều kiện ĐVCN” để làm căn cứ thống nhất cho việc xây dựng, thẩm định kế hoạch chuẩn bị ĐVCN cũng như thực hành ĐVCN, tránh xảy ra lúng túng hoặc tùy nghi trong triển khai áp dụng Luật.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
1.3	<p>* Tỉnh Nghệ An:</p>	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	Đề nghị thông nhất về thẩm quyền khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp tại điều này và thẩm quyền lập kế hoạch động viên công nghiệp tại Điều 8.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
2	Điều 8. Kế hoạch động viên công nghiệp	
2.1	<p>* Tỉnh Gia Lai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bổ sung thời gian của kỳ Kế hoạch cần lập; - Tại điểm a khoản 3: Đề nghị bổ sung cơ quan có chức năng thẩm định Kế hoạch nhà nước về ĐVCN. 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
2.2	<p>* Tỉnh Nghệ An:</p> <p>Tại khoản 2: Đề nghị bổ sung “Kế hoạch chỉ huy điều hành”, “Kế hoạch ĐVCN của doanh nghiệp”; đề nghị nghiên cứu lại từ “thuộc” tại điểm a để tránh hiểu thành nội dung chỉ đề cập tới doanh nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (doanh nghiệp Nhà nước).</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
3	Điều 10. Hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp	
3.1	<p>* Bộ Ngoại giao:</p> <p>Đề nghị làm rõ thêm nội dung “hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất” có bao gồm việc đầu tư, cấp vốn của Bộ Quốc phòng đối với các doanh nghiệp tư nhân hay không; nội dung này có thể bị xem là “trợ cấp” nếu không thuộc 03 ngoại lệ (hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ vùng khó khăn hoặc đáp ứng yêu cầu mới về bảo vệ môi trường) của Hiệp định Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM) của WTO</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
4	Điều 12. Diễn tập động viên công nghiệp	
4.1	<p>* Tỉnh Gia Lai:</p> <p>Tại khoản 1: Đề nghị bổ sung cụm từ “khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ” sau cụm từ “tham gia diễn tập ĐVCN”</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
5	Điều 13. Dự trữ vật tư	
5.1	<p>* Bộ Tài chính: Đề nghị làm rõ mối liên hệ giữa danh mục vật tư dự trữ cho ĐVCN quy định tại Nghị định 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia với danh mục vật tư dự trữ cho ĐVCN trình Thủ tướng Chính phủ nêu tại dự thảo Luật.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
IV	Chương III. THỰC HÀNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP	
1	Điều 14. Quyết định động viên công nghiệp	
1.1	<p>* Tỉnh Gia Lai: - Đề nghị bổ sung 01 khoản quy định “cấp Quân khu khi nhận được Quyết định động viên công nghiệp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì chỉ đạo đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quân sự cấp tỉnh triển khai như thế nào?” để phù hợp với điểm d khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật; - Tại khoản 4: Đề nghị bổ sung cụm từ “hướng dẫn chi tiết” sau cụm từ “Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định”.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
1.2	<p>* Tỉnh Nghệ An: Tại khoản 1: Đề nghị chỉnh lý để tránh trùng lặp nội dung về giao chỉ tiêu ĐVCN với Điều 9.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
2	Điều 15. Di chuyển địa điểm đối với doanh nghiệp phải di chuyển	
2.1	<p>* Bộ Giao thông vận tải: Đề nghị bổ sung điều kiện, thẩm quyền di chuyển địa điểm doanh nghiệp từ tỉnh này sang địa bàn tỉnh khác</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
3	Điều 16. Bảo đảm vật tư, tài chính	
3.1	<p>* Bộ Tài chính:</p>	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bổ sung quy định về bảo đảm tài chính cho phù hợp với tên điều; - Đề nghị chỉnh lý khoản 1 thành “<i>Khi có quyết định ĐVCN và quyết định xuất vật tư dự trữ quốc gia để thực hành ĐVCN của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ đạo đơn vị dự trữ quốc gia thuộc quyền xuất vật tư dự trữ quốc gia cho thực hành ĐVCN</i>”; - Đề nghị chỉnh lý khoản 2 thành “<i>Doanh nghiệp có nhiệm vụ ĐVCN tổ chức tiếp nhận vật tư dự trữ tại các đơn vị dự trữ quốc gia</i>”. 	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
4	Điều 18. Giao, nhận sản phẩm động viên công nghiệp	
4.1	<p>* Bộ Giao thông vận tải: Đề nghị bổ sung cụm từ “và đơn vị dân quân tự vệ” vào sau cụm từ “của Quân đội nhân dân”.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
V	Chương IV. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP	
1	Điều 19. Chính sách đối với doanh nghiệp trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp	
1.1	<p>* Bộ Nội vụ: Đề nghị bỏ điểm c khoản 1 để thực hiện chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN.
1.2	<p>* Bộ Tài chính: Đề nghị làm rõ việc xử lý nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp thực hành ĐVCN đối với các đối tác khi không thực hiện được hợp đồng kinh tế, thương mại, dân sự đã ký kết và làm rõ chính sách cho doanh nghiệp thực hành ĐVCN như quy định tại dự thảo Luật.</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
1.3	<p>* Tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị bổ sung thêm quy định chính sách đối với doanh nghiệp</p>	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	không có đầu tư dây chuyền sản xuất của Nhà nước để doanh nghiệp có trách nhiệm trong nhiệm vụ khảo sát hàng năm.	cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
2	Điều 20. Chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp	
2.1	* Bộ Nội vụ: Đề nghị bỏ khoản 1 để thực hiện chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
3	Điều 21. Nguồn kinh phí	
3.1	* Tỉnh Sơn La: Đề nghị quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện đối với địa phương lấy từ ngân sách địa phương hay ngân sách Trung ương?	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN và có ý kiến giải trình như sau: Nguồn ngân sách thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
3.2	* Tỉnh Quảng Ninh Đề nghị bổ sung thêm khoản 3 “Nguồn viện trợ quốc tế” để thống nhất nguồn kinh phí thực hiện nêu tại khoản 1 Mục V dự thảo Tờ trình; điều chỉnh khoản 3 thành khoản 4.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
3.3	* Tỉnh Vĩnh Phúc Đề nghị bổ sung nội dung “Ngân sách địa phương bảo đảm cho nhiệm vụ khảo sát doanh nghiệp ĐVCN theo Quyết định của Thủ tướng” để bảo đảm ngân sách hằng năm cho nhiệm vụ khảo sát các doanh nghiệp ĐVCN được giao trên địa bàn tỉnh.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
4	Điều 22. Nội dung chỉ cho chuẩn bị động viên công nghiệp	
4.1	* Bộ Ngoại giao:	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, bổ sung vào

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
	Đề nghị làm rõ thêm nội dung “hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất” có bao gồm việc đầu tư, cấp vốn của Bộ Quốc phòng đối với các doanh nghiệp tư nhân hay không; nội dung này có thể bị xem là “trợ cấp” nếu không thuộc 03 ngoại lệ (hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ vùng khó khăn hoặc đáp ứng yêu cầu mới về bảo vệ môi trường) của Hiệp định Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM) của WTO.	hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN và có ý kiến giải trình như sau: Đối tượng tham gia ĐVCN gồm doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nhà nước, tập thể, tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài (như đã đề cập trong Dự thảo Hồ sơ Dự án Luật) có quyền và nghĩa vụ bình đẳng trước pháp luật. Việc đầu tư, cấp vốn cho doanh nghiệp trong việc “hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất” và thực hiện các nhiệm vụ ĐVCN khác đã được xác định rõ và tuân thủ theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu thầu, giá..; do vậy, không được xem là “trợ cấp” dưới bất kỳ hình thức nào.
VI	Chương V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG CHUẨN BỊ VÀ THỰC HÀNH ĐVCN	
1	Ý kiến chung	
1.1	<p>* Bộ Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị nghiên cứu lại sự phù hợp của nội dung tại các Điều 26, 27, 28, 29 quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính và các bộ, ngành “<i>Tham gia thẩm định dự án đầu tư chuẩn bị ĐVNC hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật của doanh nghiệp</i>” với nội dung giải pháp thực hiện Chính sách 3 “Hoàn thiện quy định về phân cấp quản lý, thực hiện ĐVCN” trong dự thảo Tờ trình (bộ, ngành trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN); - Đề nghị nghiên cứu bổ sung 01 điều quy định trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ để phù hợp với quy định tại các Điều 7, 8, 9, 13, 14; bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân trong chuẩn bị, thực hành ĐVCN. 	
2	Điều 24. Trách nhiệm của Chính phủ	

STT	Ý KIẾN THAM GIA	GIẢI TRÌNH, TIẾP THU
2.1	* Thành phố Cần Thơ: Đề nghị chuyển khoản 2 điều này về Chương I của dự thảo Luật.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN
3	Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
3.1	* Tỉnh Vĩnh Phúc Đề nghị bổ sung quy định “Hằng năm khảo sát các doanh nghiệp ĐVCN theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao”.	Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, sẽ nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN

IV. CÁC Ý KIẾN CHUNG VỀ HỒ SƠ LUẬT

I	VỀ HỒ SƠ LUẬT
1	<p>* Bộ Tư pháp</p> <p>- Đề làm sâu sắc hơn các cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc đề nghị xây dựng Luật, đồng thời bảo đảm tính thuyết phục của các giải pháp chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các quy định pháp luật có liên quan (như pháp luật về quốc phòng, doanh nghiệp, đầu tư, ngân sách nhà nước, đầu thầu, giá...); chỉ rõ những quy định của Pháp lệnh chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật và những quy định của Pháp lệnh đã không còn phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu thêm kinh nghiệm nước ngoài về ĐVCN để tham khảo cho quá trình nghiên cứu, xây dựng dự án Luật này.</p> <p>- Một số nội dung trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật chưa bảo đảm tính thống nhất, nhất quán. Ví dụ như trang 5 dự thảo Tờ trình nêu mục đích xây dựng Luật và khoản 1 Điều 2 dự thảo Đề cương quy định động viên công nghiệp là “huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang”. Tuy nhiên, nội dung giải pháp 2 của Chính sách 2 có đề xuất “thực hiện phương</p>

	<p><i>thực giao kế hoạch, chỉ tiêu cho cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở kỹ thuật của đơn vị Quân đội... ”</i> (trang 9 dự thảo Tờ trình, trang 12 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý để bảo đảm tính thống nhất của hồ sơ đề nghị xây dựng Luật.</p>	
II	VỀ BÁO CÁO TỔNG KẾT	
1	<p>* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị rà soát thêm các Luật được ban hành từ năm 2019 đến nay có liên quan đến Pháp lệnh động viên quốc phòng để bao quát hết những nội dung cần đề xuất sửa đổi tại dự án Luật Động viên công nghiệp và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; - Tại khoản 2 Mục II Phần B Phần thứ nhất “Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp”: Đề nghị viết lại đoạn cuối để cập nhật đầy đủ thông tin tính đến thời điểm hiện tại. Vì việc khảo sát lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp đã được thực hiện trong các năm 2016, 2017. Do đó đến nay, Bộ Quốc phòng đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện ĐVCN, mà không phải là “sẽ trình sau khi tổng hợp kết quả khảo sát” như báo cáo nêu. - Đề nghị bổ sung các phụ lục sau làm cơ sở để các bộ, ngành đối chiếu, rà soát hệ thống pháp luật hiện hành và đề xuất nội dung điều chỉnh cho phù hợp ở dự thảo Luật: (i) Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực điều chỉnh những nội dung về động viên công nghiệp; (ii) Kết quả rà soát, phân tích những quy định pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu quy định về ĐVCN. 	<p>Vấn đề này, Bộ Quốc phòng nhất trí tiếp thu, nghiên cứu điều chỉnh trong hồ sơ Luật CNQP, ĐVCN</p>

Ngoài ra, có một số ý kiến về chính tả, kỹ thuật văn bản, Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, tiếp thu, đồng thời rà soát, chỉnh lý hồ sơ dự thảo Thông tư./.

Số: /BC-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng
Dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp**

PHẦN I - XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BÁT CẬP TỔNG QUAN

**I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT CÔNG NGHIỆP QUỐC
PHÒNG, ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP**

Tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; các mâu thuẫn cơ bản của thời đại tiếp tục tồn tại và phát triển; cạnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn. Đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực của thế giới, trong đó có nước ta. Các nước lớn tăng cường điều chỉnh chiến lược, phô trương sức mạnh quân sự, răn đe, kiềm chế và can dự, chi phối vào nội bộ các nước khác; đẩy nhanh phát triển vũ khí siêu thanh, đưa vào trang bị nhiều loại vũ khí mới, hiện đại. Xung đột vũ trang biên giới, chiến tranh cục bộ ly khai, mất ổn định ở nhiều quốc gia. Mỹ và đồng minh tổ chức nhiều cuộc diễn tập quy mô lớn ở Biển Đông; Trung Quốc ban hành Luật Hải cảnh, Luật Bảo vệ và quản lý biên giới, tăng cường các hoạt động khẳng định chủ quyền theo yêu sách “Tứ Sa”, quyết liệt ngăn chặn khai thác dầu khí, đánh bắt hải sản của các nước, gây nhiều thách thức đối với khu vực. Vùng biển Tây Nam tiềm ẩn những phức tạp mới, người Campuchia gốc Việt di cư tự do về Việt Nam có xu hướng tăng cao. Môi trường quốc tế, quan hệ với đối tượng và đối tác, thị trường quốc tế liên quan tới mua bán vũ khí và công nghệ quân sự có những thay đổi đòi hỏi phải có các giải pháp, thích ứng phù hợp. Công nghiệp quốc phòng (CNQP) nhiều nước trên thế giới có xu hướng đẩy mạnh tiếp cận công nghệ quân sự và công nghệ lưỡng dụng tiếp tục có những bước nhảy vọt, nhiều loại vũ khí mới ra đời, xu hướng chiến tranh hiện đại sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng phổ biến. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn biến nhanh chóng, mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với CNQP của mỗi quốc gia.

Ở trong nước, sau 35 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật: hệ thống pháp luật được hoàn thiện một bước cơ bản, có nhiều đổi mới, thực chất, chất lượng nâng cao; tổ chức bộ máy Nhà nước hoạt động hiệu lực hiệu quả hơn; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển, quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Doanh nghiệp nhà nước được tiến hành sắp xếp,

tổ chức lại, Nhà nước chỉ nắm giữ những lĩnh vực trọng yếu, then chốt; kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta; tiềm lực khoa học công nghệ (KHCN) của đất nước được tăng cường, đóng góp tích cực vào nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, bước đầu tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, không ngừng mở rộng đi vào chiều sâu, thế và lực của đất nước không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường.

Trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế - xã hội thế giới và trong nước có nhiều biến động, khó khăn, thách thức nêu trên, CNQP, Động viên công nghiệp (ĐVCN) đã có những đóng góp quan trọng trong chiến lược đảm bảo vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang và tham gia phát triển kinh tế đất nước.

Qua sau gần 20 năm triển khai Pháp lệnh ĐVCN và hơn 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP; CNQP, ĐVCN đã đạt được nhiều kết quả và thành tựu quan trọng, công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các Pháp lệnh được triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân về xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động CNQP, ĐVCN ngày càng được nâng cao; cơ cấu và tổ chức lực lượng CNQP từng bước được củng cố và phát triển; sự gắn kết giữa CNQP và công nghiệp dân sinh có bước đổi mới, đi vào thực chất góp phần quan trọng duy trì năng lực sản xuất quốc phòng (SXQP) và đóng góp tích cực vào cuộc cuộc xây dựng phát triển kinh tế, xã hội đất nước; hoạt động KHCN ngày càng lớn mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu, phục vụ đắc lực nhiệm vụ nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang, tạo đột phá về năng lực sản xuất vũ khí trang bị; đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ, công nhân lành nghề tăng mạnh về số lượng và chất lượng; việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở ĐVCN đảm bảo khách quan, dân chủ, đúng quy định góp phần giữ gìn đội ngũ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; lĩnh vực hợp tác quốc tế về CNQP có nhiều đổi mới, phát triển, trở thành trụ cột trong đối ngoại quốc phòng, góp phần quan trọng bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả chủ yếu đã đạt được nêu trên, nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP, triển khai hoạt động ĐVCN vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập như:

Thứ nhất, các văn bản quy phạm pháp luật về CNQP, ĐVCN chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển CNQP và hoạt động ĐVCN trong tình hình mới: Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN quy định chưa đầy đủ, cụ thể, rõ ràng gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện; một số quy định của Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN đã không còn phù hợp với các văn

bản pháp luật hiện hành¹; thiếu hành lang pháp lý cho doanh nghiệp CNQP tham gia nghiên cứu, thiết kế, sản xuất sản phẩm công nghệ cao đạt hiệu quả (*Các quy định về cơ chế sử dụng Quỹ phát triển KHCN để hợp tác với các tổ chức KHCN, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; cơ chế thành lập và sử dụng Quỹ đầu tư cho đổi mới sáng tạo; hướng dẫn đăng ký và chế tài bảo hộ sáng chế mật; quy định về cơ chế đặc thù trong mua sắm vật tư, linh kiện, thiết bị, máy móc phục vụ cho các nhiệm vụ CNQP; quy định để định giá các sản phẩm CNQP công nghệ cao*).

Thứ hai, chức năng quản lý nhà nước về CNQP, ĐVCN chưa phát huy tối đa hiệu lực trong phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu cho Đảng, Nhà nước về xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp để kết hợp kinh tế với quốc phòng của quốc gia, của từng địa phương chưa được coi trọng đúng mức. Việc lập các Quy hoạch, Kế hoạch phát triển CNQP có bước đổi mới, nhưng tính thực tiễn, hiệu quả còn chưa cao. Chưa gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sửa chữa và với vận hành sử dụng. Tiềm lực CNQP, năng lực ĐVCN để chuẩn bị cho thời chiến còn hạn chế.

Thứ ba, phân định nhiệm vụ giữa CNQP và công nghiệp an ninh (CNAN) trong đảm bảo các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh chưa rõ ràng, minh bạch. Cơ chế giao nhiệm vụ, đầu tư trong ĐVCN chưa đầy đủ và phù hợp, chưa thống nhất với hệ thống pháp luật về ngân sách, đầu thầu, giá, từ đó chưa tạo được động lực để huy động và tận dụng năng lực sẵn có của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang vào sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội; trong quá trình thực hiện có những bất cập nhất định (qua nhiều khâu triển khai, thiếu tính chủ động và kịp thời; hiệu quả thấp và gây lãng phí khi doanh nghiệp sáp nhập, chia tách, phá sản, giải thể, đổi mới công nghệ, thay đổi mục đích kinh doanh... dẫn đến không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ ĐVCN); sự thu hút các thành phần kinh tế dân sinh tham gia SXQP còn nhiều hạn chế; Cơ chế ưu tiên sử dụng các sản phẩm do CNQP sản xuất chưa được hoàn thiện.

Thứ tư, chưa xây dựng các cơ chế đặc thù và luật hóa cơ chế, chính sách trên các nội dung trọng yếu của CNQP như: đào tạo, gìn giữ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động tiềm lực và đầu tư nâng cao tiềm lực cho CNQP; KHCN và sản xuất sản phẩm quốc phòng công nghệ cao. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu thiết kế, chế tạo trang bị kỹ thuật (TBKT) một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa có nhiều chuyên gia đầu ngành, chuyên gia giỏi, nhất là lĩnh vực thiết kế TBKT. Cơ chế, chính sách về KHCN, cơ chế quản lý, điều hành các chương trình, dự án KHCN nghiên cứu, thiết kế, chế tạo TBKT mới còn bất cập, chồng

¹Luật Quốc phòng năm 2018 và Luật Công an nhân dân năm 2018 về nội dung CNQP, an ninh; Luật Doanh nghiệp năm 2014 về quản lý, cung cấp thông tin doanh nghiệp; Luật Đầu tư công năm 2019 về sử dụng và quản lý vốn đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về lập, chấp hành NSNN; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ; Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2019 quy định liên quan đến đăng ký, sử dụng, chuyển giao thông tin, tài liệu, sáng chế; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2016 quy định tuyển dụng, tuyển chọn, chế độ chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng...

chéo, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản và đơn vị chủ trì. Việc áp dụng Luật Sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo TBKT mới còn bất cập.

Thứ năm, trong hội nhập quốc tế, CNQP chủ yếu diễn ra một chiều, phần lớn là nhập khẩu TBKT từ các nước, chưa thâm nhập sâu rộng vào thị trường xuất khẩu vũ khí. Chưa hình thành các liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong một số lĩnh vực CNQP; sản phẩm quốc phòng xuất khẩu, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của nhiều doanh nghiệp CNQP còn hạn chế.

Thứ sáu, còn nhiều hạn chế bất cập trong triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN. Đối tượng doanh nghiệp và lĩnh vực công nghệ được ĐVCN còng bó hẹp, chưa sát với thực tiễn, chưa phù hợp với xu thế hội nhập thế giới để tiếp cận tích cực hơn nữa nguồn lực công nghiệp của các thành phần kinh tế, trong đó có các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chưa chú trọng phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sản xuất các sản phẩm có tính lưỡng dụng, vừa phục vụ cho phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng. Việc huy động năng lực của doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN chưa tương xứng với tiềm lực công nghiệp của đất nước, còn nhỏ lẻ và phân tán, hiệu quả chưa cao; các dây chuyền của doanh nghiệp được ĐVCN có trang thiết bị công nghệ hiện đại chiếm tỉ lệ thấp; chỉ tham gia sản xuất một số loại đạn hỏa lực bộ binh và lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa được một số ít chủng loại vũ khí trang bị; chưa có khả năng sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị hiện đại, công nghệ cao. Chưa quy định về trách nhiệm của Chủ doanh nghiệp và người lao động trong dây chuyền ĐVCN khi chuẩn bị và thực hành ĐVCN dẫn đến việc huy động, duy trì nguồn nhân lực cho nhiệm vụ ĐVCN gặp khó khăn, trở ngại nhất định. Chế độ, chính sách trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN mới chỉ là quy định khung, chưa đầy đủ, cụ thể; chưa phù hợp với hoạt động đặc thù của ĐVCN dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện, giải quyết những chính sách này; chưa có cơ chế bảo đảm, hỗ trợ, thu hút, khuyến khích, ưu tiên doanh nghiệp, cá nhân tham gia ĐVCN.

Mặt khác, CNQP luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, chăm lo, chỉ đạo sát sao trong quá trình xây dựng và phát triển. Bộ Chính trị đã ban hành 03 Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển CNQP (Nghị quyết 05, Nghị quyết 27 và Nghị quyết 06) với những quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, giải pháp xây dựng và phát triển CNQP phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước, trong đó xác định: “*Xây dựng và phát triển CNQP là nhiệm vụ cơ bản vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt, vừa là nhiệm vụ chiến lược lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn Đảng, toàn dân, toàn quân*”, “*CNQP là ngành đặc thù, phải được chăm lo xây dựng và phát triển theo một cơ chế đặc thù và được ưu tiên trong đầu tư phát triển*”, “*Coi trọng phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực khoa học - công nghệ, huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ CNQP; tập trung đầu tư có trọng điểm cho các sản phẩm mũi nhọn với trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại; tăng tính lưỡng dụng trong đầu tư phát triển; kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất quốc phòng với kinh tế*”, “*Huy động sự*

tham gia tích cực, đầy đủ của công nghiệp quốc gia trong các khâu, các bước của CNQP, nhất là việc huy động đội ngũ cán bộ KHCN và các cơ sở công nghiệp dân sinh sản xuất các nguyên, vật liệu chính cho CNQP". Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển CNQP và ĐVCN như sau: "Xây dựng, phát triển CNQP, CNAN hiện đại, lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội; có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh tại các khu vực phòng thủ. Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ". Nghị quyết cũng khẳng định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là "Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh,... xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân", "Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại;.... Phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại". Để thực hiện, Nghị quyết cũng đề ra nhiệm vụ và giải pháp cho phát triển CNQP: "Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới", "Nghiên cứu, sản xuất được một số chủng loại vũ khí, trang bị, khí tài hiện đại cần thiết cho phòng thủ, bảo vệ đất nước, nhất là các loại vũ khí chiến lược", "Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh và liên quan đến quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới. Chủ động tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh", "Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh phù hợp với hội nhập quốc tế và yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới".

Trên tinh thần đó và qua ý kiến thông nhất cao của bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các Tập đoàn công nghiệp, cơ quan đơn vị trong và ngoài Quân đội trong quá trình tổng kết 12 năm thi hành Pháp lệnh CNQP (2008-2020) và 15 năm thực hiện Pháp lệnh ĐVCN (2003-2018), việc xây dựng Dự án Luật CNQP, ĐVCN (trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh CNQP và Pháp lệnh ĐVCN hợp nhất trong một luật) trình Quốc hội xem xét thông qua là cần thiết, phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Việc xây dựng Luật CNQP, ĐVCN hướng tới các mục tiêu sau đây:

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về CNQP và ĐVCN theo hướng đổi mới, đồng bộ, thiết thực, khả thi, cải cách thủ tục hành chính; tạo bước đột phá cho phát triển CNQP và nâng cao hiệu quả ĐVCN.

- Tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động: thu hút nguồn lực dân sinh cho phát triển CNQP, mở rộng ĐVCN; phát triển CNQP kết hợp phục vụ dân sinh;

đổi mới, nâng cao sáng tạo hoạt động KHCN, phát triển nguồn nhân lực để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh sản phẩm quốc phòng, nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ một số công nghệ mới và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh của cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đảm bảo nguồn lực cho phát triển CNQP, ĐVCN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Hệ thống cơ sở ĐVCN ngày càng lớn mạnh cả về quy mô, lẫn chiều sâu công nghệ, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào phát triển CNQP. Xây dựng và phát triển CNQP theo hướng tự chủ, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng, là một bộ phận chủ chốt của CNQP, an ninh, thực sự trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; đạt trình độ KHCN tiên tiến, hiện đại, đủ năng lực nghiên cứu, sản xuất vũ khí công nghệ cao, các loại TBKT đáp ứng nhu cầu của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang cả trước mặt và lâu dài, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

PHẦN II - ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

I. CHÍNH SÁCH 1: PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG THEO HƯỚNG LƯƠNG DỤNG, BẢO ĐẢM SỰ THAM GIA CỦA DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

1. Xác định những vấn đề bất cập

CNQP là một bộ phận quan trọng của công nghiệp quốc gia và tiềm lực quốc phòng, an ninh. Định hướng xây dựng, phát triển nền CNQP, an ninh hiện đại, lưỡng dụng², vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc phát huy tính lưỡng dụng cần được triển khai theo hai hướng. Hướng thứ nhất là lưỡng dụng trong các CNQP nòng cốt để phát huy hiệu quả đầu tư trong thời bình thông qua việc sản xuất kinh tế phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và duy trì năng lực trong thời bình. Hướng thứ hai là lưỡng dụng trong công nghiệp dân sinh để huy động phục vụ CNQP.

² Đây là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong xây dựng CNQP (từ Đại hội X trở về trước) cũng như CNQP, an ninh (Đại hội XI đến nay). Để hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội, tại Đại hội lần thứ II (năm 1951), Đảng xác định: “Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó”, cho nên phải “tổng động viên tiền của, tài trí, sức người, phát triển mọi lực lượng, mọi khả năng đặng thắng quân xâm lược”; trong đó, phát triển công nghiệp “cần chú trọng phát triển các xí nghiệp nhà nước, nhất là về kỹ nghệ quốc phòng để thỏa mãn nhu cầu kháng chiến và gây cơ sở cho bộ phận kinh tế nhà nước”. “Chế nhiều vũ khí, dụng cụ, sản phẩm để đánh giặc và để cung cấp cho nhân dân”. Yêu cầu lưỡng dụng của CNQP được thể hiện rõ trong văn kiện ở các kỳ đại hội sau, như: sử dụng một phần năng lực CNQP vào việc xây dựng kinh tế (Đại hội VI), huy động năng lực của xí nghiệp quốc phòng làm hàng dân dụng với hiệu quả thiết thực (Đại hội VII), khuyến khích các nhà máy CNQP sản xuất các sản phẩm dân dụng để tăng thêm năng lực phát triển (Đại hội X), Đây mạnh phát triển CNQP, an ninh theo hướng lưỡng dụng (Đại hội XII). Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: Xây dựng, phát triển CNQP, an ninh theo hướng lưỡng dụng, ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện chủ trương nêu trên còn tồn tại một số vấn đề bất cập như:

* *Đối với các cơ sở CNQP nòng cốt:*

- Hiện nay, chưa có chính sách khuyến khích phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng. Trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển CNQP, nội dung lưỡng dụng chưa được quan tâm. Các dự án đầu tư mới chỉ đáp ứng được yêu cầu sản xuất vũ khí, trang bị phục vụ quốc phòng, chưa có đánh giá, dự báo các yếu tố về khả năng sản xuất hoặc chuyển đổi để sản xuất phục vụ nhu cầu dân sinh. Điều này gây ra những hạn chế trong việc tận dụng năng lực đã được đầu tư của cơ sở CNQP để phát triển sản phẩm kinh tế và ngược lại. Đây là một trong những nguyên nhân khiến các hoạt động CNQP vẫn khép kín trong Bộ Quốc phòng.

- Thực tế, đặt hàng quốc phòng còn hạn chế nên việc sản xuất theo các đơn đặt hàng của Bộ Quốc phòng chỉ khai thác khoảng trên 30% công suất thiết kế³. Do đó, phát sinh tình trạng dôi dư nhân lực sản xuất, dôi dư công suất. Ngoài ra, do chưa có chính sách khuyến khích phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng nên khi nghiên cứu sản xuất hoặc nhập khẩu dây chuyền sản xuất sản phẩm CNQP chưa tính đến đặc thù này, chưa phát huy hiệu quả sản xuất lưỡng dụng. Một số dây chuyền có thể tận dụng để sản xuất sản phẩm phục vụ dân sinh, tuy nhiên nhiều sản phẩm chưa theo kịp nhu cầu thị trường, mẫu mã chưa phù hợp thị hiếu.

* *Đối với các cơ sở công nghiệp dân sinh:*

- Phạm vi các lĩnh vực hoạt động của CNQP mà công nghiệp dân sinh tham gia còn hạn chế⁴, mới chỉ tập trung vào lĩnh vực xây dựng cơ bản, cung cấp vật tư, thiết bị. Những lĩnh vực công nghệ cao, có tính lưỡng dụng như luyện kim, hóa chất, điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu, thì chưa được mở rộng để thu hút tham gia vào chuỗi sản xuất CNQP.

- Trong các dự án đầu tư của Nhà nước cho công nghiệp dân sinh, chưa xem xét, đánh giá nhu cầu của CNQP khiến việc huy động công nghiệp dân sinh vào cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng chưa hiệu quả, đồng thời chưa thể đóng vai trò mũi nhọn tạo đột phá cho công nghiệp quốc gia như quan điểm của Đảng.

- Chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng. Xu thế hiện nay cho thấy các doanh nghiệp của khu vực dân sinh đầu tư cho KHCN là tương đối

³ Công suất của các dây chuyền CNQP được đầu tư để phục vụ nhu cầu sản xuất cho thời chiến do đó trong thời bình các dây chuyền bị dôi dư công suất.

⁴ Từ 2012 đến nay, chỉ có 33 doanh nghiệp, tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động CNQP theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu.

lớn⁵, đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao, lưỡng dụng⁶; các thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hiện nay ở Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế quốc dân⁷; được đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiệm cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật thế giới cũng chưa thu hút được.

- Điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động CNQP theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Đầu tư⁸. Các lĩnh vực hoạt động CNQP cần huy động nguồn lực từ công nghiệp dân sinh không được phổ biến, mở rộng để thu hút nguồn lực.

2. Mục tiêu của chính sách

- Xây dựng các quy định, hành lang pháp lý để định hướng phát triển CNQP có hàm lượng công nghệ lưỡng dụng cao, bảo đảm sự tham gia của công nghiệp dân sinh trong hoạt động CNQP.

- Xây dựng cơ chế phát huy hiệu quả vốn đầu tư và năng lực của các dây chuyền quốc phòng trong phục vụ nhu cầu dân sinh; cơ chế ưu đãi, khuyến khích các cơ sở CNQP sản xuất sản phẩm kinh tế.

- Tạo cơ sở pháp lý để huy động tối đa năng lực sản xuất, công nghệ của các thành phần kinh tế công nghiệp dân sinh cho phát triển CNQP lưỡng dụng.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Không có thay đổi, giữ nguyên như hiện trạng và như trong các quy định liên quan tại Pháp lệnh CNQP năm 2008.

3.2. Giải pháp 2:

- Quy định khái quát tại Luật CNQP, ĐVCN: Các khái niệm CNQP lưỡng dụng, công nghệ lưỡng dụng, sản phẩm lưỡng dụng,...; quy định các nguyên tắc về việc phải đánh giá các tiêu chí lưỡng dụng trong xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, các dự án đầu tư xây dựng và phát triển CNQP;

- Xây dựng chính sách ưu đãi về vốn vay để doanh nghiệp CNQP đầu tư cho chuyển đổi sản xuất hàng kinh tế trên cơ sở dây chuyền công nghệ hiện có. ưu đãi về thuế, phí,... đối với các mặt hàng kinh tế được sản xuất trên các dây

⁵ Cơ cấu đầu tư cho KHCN giữa tư nhân và xã hội trước đây là nhà nước 70%; xã hội 30% thì từ 2019 là 52/48. Con số thống kê của ngành thuế cũng cho thấy, trong giai đoạn từ 2011 đến 2018, các doanh nghiệp, tập đoàn trích lập quỹ cho KHCN lên tới 19.000 tỷ đồng.

⁶ Vingroup đã thành lập Công ty Phát triển Công nghệ Vintech, Viện nghiên cứu công nghệ cao; Công ty nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo ... để đầu tư nghiên cứu và khai thác sử dụng trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an ninh mạng. Tập đoàn Viettel đã thành lập Tổng công ty Công nghệ cao Viettel để đầu tư công nghệ chế tạo radar quân sự, hệ thống chỉ huy điều khiển, quang điện tử,... đều là các lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao. Một số lĩnh vực dân sự có thể ứng dụng cho quân sự như trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vật, máy học, dữ liệu lớn cũng đang được Tập đoàn đầu tư mạnh mẽ.

⁷ Tính lũy kế đến ngày 20/12/2020, cả nước có 33.070 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 384 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt 231,86 tỷ USD, bằng 60,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

⁸ Theo quy định của Luật Đầu tư, điều kiện đầu tư kinh doanh chỉ được quy định từ cấp nghị định trở lên hoặc trong điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

chuyên quốc phòng. Phân công chuyên môn hóa cho các cơ sở CNQP một số lĩnh vực công nghệ đặc thù lưỡng dụng phục vụ dân sinh: hóa nổ, đóng tàu, cơ khí gia dụng...

- Luật giao Bộ Quốc phòng đề xuất lĩnh vực, ngành nghề lưỡng dụng⁹, Chính phủ phê duyệt để làm tiêu chí ưu tiên, định hướng chung cho các dự án đầu tư; quy định các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp vay vốn để đầu tư sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ lưỡng dụng; quy định các điều kiện nội địa hóa sản xuất, chuyển giao công nghệ lưỡng dụng đối với các hợp đồng nhập khẩu sản phẩm quốc phòng¹⁰.

3.3. Giải pháp 3: Bao gồm các nội dung của giải pháp 2 và bổ sung thêm quy định nguyên tắc sau:

- Đối với các dự án đầu tư của Nhà nước cho công nghiệp dân sinh, có đánh giá mức độ đáp ứng cho CNQP¹¹.

- Quy định trong Luật cho phép các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế của công nghiệp dân sinh tham gia hoạt động CNQP, Luật giao Chính phủ quy định phạm vi, lĩnh vực hoạt động CNQP mà công nghiệp dân sinh tham gia¹²; chính sách thu hút của Nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (cả trong nước và ngoài nước) tham gia hoạt động CNQP¹³. Luật giao Chính phủ quy định điều kiện tham gia các hoạt động CNQP; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động CNQP.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:* Không phát sinh các chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* *Tiêu cực:*

- Không phuy được tính lưỡng dụng trong các dự án đầu tư khiếu nại hiệu quả đầu tư thấp; không giải quyết được vấn đề dôi dư công suất của các dây chuyền quốc phòng.

- Gây lãng phí NSNN khi phải đầu tư cho CNQP một số dây chuyền sản

⁹ Hiện nay công nghệ lưỡng dụng hiện đại tập trung vào một số lĩnh vực sau: Vũ trang và vệ tinh; Không gian mạng; Công nghệ lượng tử (chế tạo siêu máy tính); trí tuệ nhân tạo; các thiết bị tự hành (thiết bị bay, lặn không người lái, xe chiến đấu; công nghiệp rô bốt (kết hợp trí tuệ nhân tạo và thiết bị tự hành để sản xuất robot chiến đấu thay con người), công nghệ vật liệu mới.

¹⁰ Quy định việc các hợp đồng nhập khẩu sản phẩm quốc phòng từ nước ngoài có số lượng lớn hơn 5000 sản phẩm hoặc giá trị lớn hơn 100 triệu USD phải xem xét điều kiện chuyển giao công nghệ trên cơ sở đánh giá tính lưỡng dụng của công nghệ đó.

¹¹ Các dự án đầu tư từ NSNN cho ngành sản xuất nguyên liệu, bán thành phẩm: như luyện kim, hóa chất, điện, điện tử, viễn thông,... cần có đánh giá thêm yếu tố lưỡng dụng, khả năng đáp ứng nhu cầu cho CNQP.

¹² Hóa chất, luyện kim, cơ khí chế tạo máy, điện tử, tin học, viễn thông, vật liệu,...

¹³ Đối với doanh nghiệp: Ưu đãi về thuế; giảm hoặc miễn trách nhiệm tài sản; hỗ trợ ngân sách để đầu tư hoàn thiện công nghệ lưỡng dụng. Đối với người lao động: Phụ cấp ưu đãi, miễn lao động công ích; trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bị thương,...

xuất riêng, trong khi có thể thu hút, huy động được từ công nghiệp dân sinh.

- Không mở rộng được phạm vi tham gia của các công nghiệp dân sinh vào các hoạt động CNQP; chưa tạo ra nhiều việc làm ổn định cho công nghiệp dân sinh, giúp nâng cao đời sống, an sinh xã hội.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Đã đáp ứng được nhu cầu cung cấp quốc phòng, an ninh quốc gia.

* *Tiêu cực:*

- Chưa phát huy được vai trò đầu tàu, mũi nhọn của CNQP trong nền công nghiệp quốc gia, chưa xây dựng được hình ảnh CNQP lớn mạnh, đủ năng lực chủ động sản xuất các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại cho Quân đội.

- Chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khu vực công nghiệp dân sinh tham gia xây dựng và phát triển CNQP, cung cấp sức mạnh quốc phòng, góp phần bảo vệ Tổ quốc.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh các thủ tục hành chính mới.

d) Tác động về giới: Không làm phát sinh các vấn đề về giới.

d) Tác động về hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Hệ thống pháp luật không phát sinh sửa đổi hoặc phải xây dựng luật mới thay thế.

* *Tiêu cực:*

- Không khắc phục được các bất cập do hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan chưa phù hợp với các diễn biến, tình hình thay đổi.

- Chưa khóa lấp được những khoảng trống, những lĩnh vực mới mà luật hiện hành chưa có quy định điều chỉnh.

4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:*

- Phát huy được hiệu quả đầu tư cho các cơ sở CNQP do có đánh giá về tính lưỡng dụng, có xem xét các yếu tố về thị trường, có định hướng các ngành nghề, lĩnh vực lưỡng dụng.

- Các chính sách khuyến khích sản xuất hàng kinh tế trên các dây chuyền Quốc phòng giúp khai thác được công suất, nhân lực dồi duí của dây chuyền, nâng cao doanh thu cho các doanh nghiệp¹⁴. Giảm tải cho NSNN những chi phí

¹⁴ Vay vốn với lãi suất thấp dưới 5%/năm cho các khoản đầu tư chuyển đổi để kết hợp sản xuất hàng kinh tế có thể giúp tận dụng thêm 10 – 15% công suất dây chuyền dồi duí. Giá trị sản xuất hàng kinh tế của các cơ sở CNQP thuộc Tổng cục CNQP năm 2020 khoảng 13.200 tỷ đồng, nếu được ưu đãi về thuế (giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất, thuế bảo vệ môi trường, thuế xuất, nhập khẩu,...), dự báo giá trị này sẽ có thể tăng thêm từ 20 – 30%.

để duy trì năng lực cho một số dây chuyền quốc phòng.

* *Tiêu cực:*

- Chưa tạo được sự bình đẳng, cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế để tham gia hoạt động CNQP lưỡng dụng, chưa tạo được thêm việc làm, tăng thu nhập cho doanh nghiệp và người lao động thuộc khu vực công nghiệp dân sinh.
- Gây lãng phí NSNN khi phải đầu tư cho CNQP một số dây chuyền sản xuất riêng, trong khi có thể thu hút, huy động được từ công nghiệp dân sinh.

b) *Tác động về xã hội:*

* *Tích cực:* Việc các dây chuyền CNQP tham gia sản xuất hàng kinh tế trong thời bình không chỉ giúp tận dụng hiệu quả vốn đầu tư mà còn giúp duy trì được năng lực sản xuất của dây chuyền quốc phòng trong thời bình, sẵn sàng sản xuất cho các tình huống thời chiến. Người dân và các doanh nghiệp được sống làm việc trong môi trường ổn định về xã hội, chính trị, an tâm lao động sản xuất, tạo sự tin tưởng trong toàn dân.

* *Tiêu cực:* Chưa huy động được nguồn lực công nghiệp dân sinh trong xây dựng và phát triển CNQP, trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:* Không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

d) *Tác động về giới:* Không làm phát sinh các vấn đề về giới.

đ) *Tác động về hệ thống pháp luật:*

* *Tích cực:* Khắc phục được những hạn chế, bất cập các Pháp lệnh CNQP, cập nhật được các văn bản luật liên quan, nhất thể hóa để phù hợp với tình hình hiện nay.

* *Tiêu cực:* Xây dựng các chính sách mới đòi hỏi phải thay thế các Pháp lệnh thành Luật CNQP, ĐVCN và xây dựng các văn bản dưới luật để quy định chi tiết.

4.3. Giải pháp 3:

a) *Tác động về kinh tế:*

* *Tích cực:* Như tại giải pháp 2.

- Việc cho phép các thành phần kinh tế của công nghiệp dân sinh tham gia hoạt động CNQP và quy định đánh giá nhu cầu phục vụ CNQP đối với các dự án đầu tư của Nhà nước cho lĩnh vực công nghiệp dân sinh sẽ góp phần giảm ngân sách đầu tư cho CNQP khi có thể tận dụng, huy động năng lực từ công nghiệp dân sinh.

- Mở rộng phạm vi tham gia hoạt động CNQP của các thành phần công nghiệp dân sinh cho phép tạo thêm công ăn, việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

b) *Tác động về xã hội:*

* *Tích cực:* Tương tự như giải pháp 2 và có thêm một số mặt tích cực sau:

- Gắn được trách nhiệm của các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức của công nghiệp dân sinh đối với nghĩa vụ xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, bảo vệ tổ quốc, nâng cao ý thức tự hào dân tộc trong toàn xã hội.

- Việc các dây chuyền CNQP tham gia sản xuất hàng kinh tế trong thời bình không chỉ giúp tận dụng hiệu quả vốn đầu tư mà còn giúp duy trì được năng lực sản xuất của dây chuyền quốc phòng trong thời bình, sẵn sàng sản xuất cho các tình huống thời chiến. Người dân và các doanh nghiệp được sống làm việc trong môi trường ổn định về xã hội, chính trị, an tâm lao động sản xuất.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:*

* *Tích cực:* Thủ tục hành chính rõ ràng, minh bạch, thuận tiện, tạo sức hút tối đa cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động CNQP.

* *Tiêu cực:* Phát sinh thủ tục hành chính giữa Nhà nước và doanh nghiệp khi phải xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện và thủ tục tham gia hoạt động CNQP. Đây là thủ tục bắt buộc vì CNQP là ngành sản xuất có tính chất đặc thù, việc tham gia hoạt động CNQP phải có điều kiện và trải qua quy trình, thủ tục cấp phép.

d) *Tác động về giới:* Không làm phát sinh các vấn đề về giới.

d) *Tác động về hệ thống pháp luật:* Tương tự như giải pháp 2.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích, so sánh những mặt tích cực và hạn chế của 03 giải pháp. Trong đó, giải pháp 02 đã giải quyết được những bất cập của các cơ sở CNQP và phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng. Tuy nhiên, để bảo đảm theo hướng ngược lại với sự tham gia của các thành phần kinh tế công nghiệp dân sinh vào các hoạt động CNQP thì cần phải thực hiện bổ sung một số nội dung tại Giải pháp 3. Do đó, Bộ Quốc phòng ***lựa chọn Giải pháp 3*** để bảo đảm phát huy được tối đa tính lưỡng dụng trong CNQP và công nghiệp dân sinh.

II. CHÍNH SÁCH 2: QUY HOẠCH HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

1. Xác định những vấn đề bất cập

Trong những năm qua, hệ thống tổ chức ngành CNQP Việt Nam đã có bước phát triển. Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP trong tình hình mới theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước vẫn còn nhiều bất cập, tồn tại, cụ thể:

- Do điều kiện lịch sử nên các cơ sở CNQP hình thành chủ yếu trong thời kỳ chiến tranh và bố trí không đều giữa các miền. CNQP hiện có 79 cơ sở CNQP nòng cốt và 37 cơ sở ĐVCN trực tiếp tham gia sản xuất, sửa chữa TBKT, được bố trí trên ba miền Bắc, Trung, Nam (theo Quyết định 2057/QĐ-TTg ngày 16/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ). Trong số này, các lĩnh vực chủ yếu của CNQP tập trung tại miền Bắc và ngày càng phát triển, trong khi đó tại miền Nam đa phần là các cơ sở sửa chữa tổng hợp TBKT; đặc biệt tại miền Trung, các cơ sở CNQP còn

rất mỏng, hiện mới chỉ có 01 cơ sở CNQP nòng cốt, 01 cơ sở sửa chữa TBKT của Quân chủng Hải quân và một số cơ sở ĐVCN, chưa có nhà máy sản xuất TBKT, kể cả các loại vũ khí thông dụng trang bị cho trung đoàn bộ binh. Điều này hạn chế khả năng phát huy năng lực của các cơ sở CNQP vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là tại miền Trung và miền Nam, cũng như huy động tiềm lực công nghiệp dân sinh khu vực phía Nam như các khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương vào hoạt động CNQP.

- Hệ thống các cơ sở CNQP nòng cốt nằm tại nhiều đầu mối khác nhau của Bộ Quốc phòng nên tính quy tụ về đặc điểm công nghệ, sản phẩm chưa cao, quy mô cơ bản còn nhỏ. Điều này làm nảy sinh nhiều bất cập trong phối hợp giữa các đầu mối triển khai chu trình sản xuất quốc phòng; nguồn lực đầu tư bị phân tán, không tập trung, trong khi đó nguồn vốn đầu tư từ NSNN hạn hẹp, gây khó khăn trong quá trình đầu tư phát triển, nhất là những sản phẩm vũ khí công nghệ cao lại đòi hỏi nguồn vốn lớn. Nếu không có giải pháp kịp thời sẽ dẫn đến nguy cơ tụt hậu ngày càng xa về công nghệ, năng suất và doanh nghiệp CNQP khó thích ứng với nền kinh tế thị trường của đất nước.

- Mô hình hoạt động của các cơ sở CNQP chưa có sự thống nhất. Hiện nay, các doanh nghiệp CNQP vừa là đối tượng quản lý của các quy định về hành chính quân sự, vừa chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp CNQP đã chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, là các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tuy nhiên, các cơ sở CNQP nòng cốt đang thực hiện hạch toán kinh tế ở các mức độ khác nhau. Hầu hết các đơn vị thuộc Tổng cục CNQP, Tổng cục Hậu cần và một số đơn vị của Tổng cục Kỹ thuật và các quân binh chủng thực hiện hạch toán kinh tế độc lập và đầy đủ; còn một số đơn vị khác thực hiện hạch toán nội bộ hoặc là dự toán, các cơ sở CNQP nòng cốt thuộc đội hình các quân binh chủng - là lực lượng chiến đấu đang bị quản lý mạnh bởi các quy luật quân sự.

- Các cơ sở nghiên cứu chủ yếu vẫn là đơn vị sự nghiệp KHCN, chưa có cơ chế tạo nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp KHCN theo định hướng chung của Đảng và Nhà nước. Điều này làm hạn chế sự đổi mới, sáng tạo trong hoạt động KHCN, chưa tạo động lực để chú trọng đến tính lưỡng dụng của sản phẩm nghiên cứu (như kiểu dáng công nghiệp, mẫu mã, tính năng...), chưa phát huy được vai trò là động lực then chốt để nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh.

- Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống cơ sở CNQP nòng cốt chưa có sự đổi mới căn bản, toàn diện và chưa đồng bộ. Chức năng quản lý nhà nước về CNQP hiện đang phân tán trong nhiều cơ quan Bộ Quốc phòng, chưa đảm bảo tập trung, thống nhất dẫn đến ảnh hưởng tính hiệu lực hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện. Cụ thể: Hệ thống quản lý CNQP trong Bộ Quốc phòng gồm 3 cấp: cấp Bộ Quốc phòng, cấp trên trực tiếp của nhà máy (gồm 10 đầu mối: các Tổng cục, Quân khu, Quân binh chủng) và cấp nhà máy. Tuy nhiên, ở một số đầu mối trực thuộc Bộ còn phát sinh thêm cấp trung gian thứ 4 là các cục chuyên ngành (thí

dụ: Cục Kỹ thuật tại các Quân Binhh chủng, Cục Quân khí, Cục Xe máy tại TCKT...). Chức năng, nhiệm vụ của các khối: đặt hàng, sản xuất - sửa chữa, khai thác sử dụng còn chưa được phân định rõ, điều này gây ra những lúng túng, chồng chéo trong điều hành và triển khai thực hiện, làm giảm tính hiệu quả trong khâu kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Ngoài ra, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra rất nhanh, đặt ra nhiều thách thức mới như: tụt hậu về công nghệ, lao động chi phí thấp mất dần lợi thế, vòng đời của các vũ khí, khí tài sẽ bị rút ngắn để nhanh chóng áp dụng các sản phẩm với công nghệ tiên tiến... Đây là thách thức đối với sự phát triển của CNQP Việt Nam trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa và đất nước ngày càng tham gia hội nhập sâu, rộng trong quan hệ quốc tế.

Với những khó khăn, bất cập nêu trên, đặt ra yêu cầu trong giai đoạn tới phải tiếp tục tiến hành quy hoạch hệ thống tổ chức CNQP theo hướng tập trung, thống nhất nhằm đáp ứng chiến lược, sách lược phát triển CNQP.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ sở pháp lý để kiện toàn đồng bộ cơ cấu ngành CNQP từ cơ quan quản lý nhà nước đến các cơ sở CNQP, ĐVCN với lộ trình, bước đi phù hợp, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và triển khai hoạt động CNQP.

- Nâng cao năng lực thích ứng với nền kinh tế thị trường của các cơ sở CNQP nòng cốt; đảm bảo tập trung có trọng tâm, trọng điểm nguồn lực đầu tư; đảm bảo tính đồng bộ, gắn kết các khâu trong chu trình sản xuất vũ khí trang bị.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định pháp luật hiện hành (Pháp lệnh CNQP và Pháp lệnh ĐVCN). Không thực hiện sáp xếp hệ thống cơ sở CNQP.

3.2. Giải pháp 2:

- Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý CNQP trong BQP đảm bảo thực hiện tốt, phát huy đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

- Tổ chức cơ cấu, sáp xếp lại các cơ sở CNQP theo hướng quy tụ bám sát nhiệm vụ SXQP theo chuyên ngành sản phẩm và thể bố trí chiến lược, bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả.

3.3. Giải pháp 3:

- Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý CNQP trong Bộ Quốc phòng theo hướng tập trung chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về CNQP cho một cơ quan chuyên trách chủ trì thực hiện, khắc phục triệt để các khâu trung gian, chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan.

- Thực hiện tổ chức sáp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt theo lộ trình 2 bước:

- + Bước 1: Tổ chức cơ cấu, sáp xếp lại các cơ sở CNQP theo hướng quy tụ giảm số lượng đầu mối, tăng quy mô của các cơ sở CNQP nòng cốt bám sát

nhiệm vụ SXQP theo chuyên ngành sản phẩm và thế bộ trí chiến lược, bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả; thực hiện cơ chế tự chủ cho các cơ sở nghiên cứu để tiến hành chuyển đổi thành doanh nghiệp KHCN.

+ Bước 2: Phát triển, hình thành các tập đoàn CNQP (Tổ hợp CNQP) theo hướng hiện đại, lưỡng dụng, có trình độ KHCN cao, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vũ khí, trang bị cho lực lượng vũ trang, đủ năng lực thích ứng với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động về kinh tế:

* *Lợi ích:* Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* *Chi phí:* Những năm qua CNQP Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, đã bước đầu hội nhập vào cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế. Song do CNQP có khác biệt so với các ngành kinh tế quốc dân, cùng với sự phát triển nhanh của xu hướng toàn cầu hóa nếu hệ thống tổ chức CNQP không có sự đổi mới sẽ khó theo kịp và ngày càng tụt hậu về công nghệ, trình độ quản trị doanh nghiệp, khó nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm quốc phòng. Từ đó tạo gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong việc duy trì CNQP để đảm bảo chính sách tự lực, tự cường về vũ khí trang bị.

- Nguồn lực đầu tư của Nhà nước bị chia nhỏ, phân tán tại nhiều đầu mối có chung lĩnh vực, dẫn đến trung dãm, giảm hiệu quả đầu tư.

b) Tác động về xã hội:

** Đối với Nhà nước:*

- Hệ thống quản lý chưa tương xứng với vị thế mới của CNQP trong đóng góp vào sự lớn mạnh của quốc phòng toàn dân và nền kinh tế trong thời đại cuộc cách mạng KHCN, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- CNQP được xác định là ngành mũi nhọn quan trọng của công nghiệp quốc gia, là lĩnh vực then chốt Nhà nước cần phải nắm giữ. Tuy nhiên, chưa tạo được đột phá để dẫn hướng cho công nghiệp quốc gia.

** Đối với doanh nghiệp, tổ chức, người dân:*

- Địa điểm đóng quân của các cơ sở CNQP thường ở vùng sâu, vùng xa, có địa bàn chiến lược nên ngoài đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, doanh nghiệp CNQP có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương. Sự hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng sẽ ảnh hưởng lớn đến chức năng này.

- Chưa quy định về trách nhiệm của Chủ doanh nghiệp và người lao động trong dây chuyền ĐVCN khi chuẩn bị và thực hành ĐVCN. Thực tế, nhiều Chủ doanh nghiệp né tránh không thực hiện nhiệm vụ, không cung cấp hoặc cung cấp

không đầy đủ, trung thực thông tin của doanh nghiệp; chưa kịp thời thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được giao theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) *Tác động về giới:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) *Tác động hệ thống pháp luật:*

* *Tích cực:* Không phải xây dựng Luật CNQP, ĐVCN, không làm phát sinh văn bản quy phạm pháp luật mới.

* *Tiêu cực:*

- Chưa luật hóa được quan điểm, định hướng chủ trương mới của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP và trách nhiệm của các bộ, ban, ngành và địa phương. Chưa đồng bộ với Luật Quốc phòng về vị thế của CNQP trong xây dựng thể trạng quốc phòng toàn dân.

- Tồn tại những quy định chồng chéo, mâu thuẫn nêu tại vấn đề bất cập. Điều này có thể dẫn đến sự không đồng bộ của hệ thống pháp luật trong quá trình thực thi.

4.2. Giải pháp 2:

a) *Tác động về kinh tế:*

* *Lợi ích:*

- Việc kiện toàn lại tổ chức quản lý nhà nước về CNQP trong BQP theo đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan giúp nâng cao hiệu quả hoạt động. Qua đó, cùng với sự sắp xếp các cơ sở CNQP theo hướng tinh gọn sẽ tối ưu hóa nguồn lực đầu tư cho CNQP.

- Khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý theo hướng tinh gọn, tích tụ, tập trung, chuyên môn hóa, hoạt động với tư cách pháp nhân kép thì hiệu quả sử dụng nguồn lực dành cho CNQP sẽ tăng cao, giảm chi phí doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh, năng xuất lao động... dẫn đến đóng góp của các doanh nghiệp CNQP cho xây dựng lực lượng vũ trang và nền kinh tế quốc dân ngày càng tăng. Dự kiến sẽ tiến hành cơ cấu, sát nhập các doanh nghiệp CNQP, theo lộ trình đến năm 2025 giảm 32% đầu mối, riêng đối với doanh nghiệp CNQP do Tổng cục CNQP quản lý sẽ giảm 41% đầu mối. Sau sắp xếp số lượng lao động của các doanh nghiệp sẽ giảm từ 7-12% (do cắt giảm lực lượng gián tiếp, các khâu trung gian, đổi mới công nghệ), thu nhập bình quân của người lao động tăng từ 5-9%. Các chỉ số phát triển của doanh nghiệp đạt và vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 mà Đảng đề ra (tại văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII).

* *Chi phí:* Việc sắp xếp lại về cơ cấu tổ chức, quản lý sẽ dẫn đến yêu cầu chi ngân sách trong giai đoạn đầu khi thi hành Luật cho việc xử lý lao động dôi dư hoặc tuyển dụng lao động tăng thêm đối với một số vị trí việc làm, lĩnh vực chuyên

môn, kỹ năng cần thiết. Theo tính toán, sau khi sắp xếp lại về tổ chức quản lý, trong 3-5 năm, chi ngân sách giải quyết lao động dôi dư khoảng 200 tỷ đồng.

b) Tác động về xã hội:

* *Đối với Nhà nước:* Sự phân định rõ ràng trong chức năng quản lý nhà nước làm tăng hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Đảm bảo gắn kết các khâu trong quá trình sản xuất sản phẩm vũ khí trang bị, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm.

* *Đối với doanh nghiệp, tổ chức, người dân:* Việc sắp xếp lại các cơ sở CNQP sẽ ảnh hưởng việc làm và thu nhập của người lao động.

c) *Tác động về giới:* Các thay đổi về lao động (dôi dư, tuyển dụng thêm) có tác động về giới. Các con số cụ thể về sự tác động theo giới tính này sẽ được xác định cụ thể trong các bước tiếp theo. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực về giới (đặc biệt là nữ) thì các biện pháp cụ thể để thực thi chính sách này phải hạn chế các tác động tiêu cực tới nữ giới, đặc biệt trong việc giải quyết chính sách lao động dôi dư và thu hút nhân lực có chất lượng làm việc trong lĩnh vực CNQP.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

* *Tích cực:* Giảm các thủ tục hành chính do giảm các cấp trung gian và tăng tính chủ động phối hợp của các cơ quan.

* *Tiêu cực:* Khi tiến hành sắp xếp, tổ chức lại các doanh nghiệp thì phải điều chỉnh, làm mới các hồ sơ giấy tờ có liên quan.

e) Tác động hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Khắc phục được những lúng túng trong quá trình thực thi các quy định, tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho xây dựng và phát triển CNQP.

* *Tiêu cực:* Phải ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện.

4.3. Giải pháp 3:

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

* *Lợi ích:* Như giải pháp 2 và thêm:

- Tập trung chức năng quản lý nhà nước trong Bộ Quốc phòng cho một cơ quan chuyên trách sẽ giúp hoạt động quản lý hiệu quả, giúp doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận quan hệ kinh tế thị trường.

- Việc tổ chức sắp xếp các cơ sở CNQP theo lộ trình đảm bảo sự bền vững phát triển của cơ sở CNQP, phù hợp nhiệm vụ trước mắt và định hướng phát triển lâu dài của cơ sở CNQP nòng cốt, không tạo ra sự chuyển biến đột ngột, đứt gãy trong sản xuất sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh. Đồng thời, cũng tạo lộ trình, mục tiêu đầy mạnh sự tích tụ làm cho doanh nghiệp CNQP có sự chuyển biến về chất, trở thành các Tập đoàn CNQP thực sự tham gia hiệu quả vào nền kinh tế quốc dân, đủ lực để có thể vận hành theo cơ chế thị trường, giảm

sự phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước, giảm chi đầu tư công cho đầu tư phát triển CNQP.

* *Chi phí*: Như giải pháp 2.

b) *Tác động về giới*: Như giải pháp 2.

c) *Tác động về thủ tục hành chính*:

* *Tích cực*: Các cơ sở CNQP sau khi tổ chức được sắp xếp trở nên tinh gọn hiệu quả, cắt giảm nhiều thủ tục hành chính, tăng khả năng tự chủ cho doanh nghiệp. Thúc đẩy áp dụng công nghệ số trong xử lý thủ tục hành chính.

* *Tiêu cực*: Những cơ sở bị giải thể, sát nhập phải có các giải pháp phù hợp về thủ tục hành chính để đảm bảo vận hành, không bị xáo trộn trong thời gian đầu. Cần triển khai các thủ tục hành chính chuyển tiếp của giai đoạn trước và sau sắp xếp để đồng bộ.

d) *Tác động hệ thống pháp luật*: như giải pháp 2.

5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

Qua đánh giá sơ bộ ban đầu các tác động về kinh tế - xã hội, bình đẳng giới, thủ tục hành chính, hệ thống văn bản pháp luật như mô tả ở trên và trên cơ sở tham vấn với các đối tượng liên quan, đặc biệt là từ góc độ đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, yêu cầu từ thực tiễn của ngành CNQP và các định hướng chính sách cho thấy chính sách được đề xuất phù hợp là *giải pháp 3*. Những giải pháp này cần được luật hóa trong Luật CNQP, ĐVCN.

III. CHÍNH SÁCH 3. THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

1. Xác định những vấn đề bất cập

Đối với ngành CNQP, hoạt động KHCN, trong đó có công tác nghiên cứu thiết kế, công nghệ chế tạo TBKT và phát triển sản phẩm mới có vai trò rất quan trọng. Hiện nay, ngành CNQP đã chủ động nghiên cứu, chế tạo và đưa vào sử dụng nhiều sản phẩm TBKT phục vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu (trong đó, trên 80% là từ kết quả tự nghiên cứu trong nước, chỉ có khoảng 20% là do nước ngoài chuyển giao công nghệ).

Tuy nhiên, các chính sách hiện tại đối với hoạt động KHCN trong lĩnh vực CNQP vẫn còn tồn tại, bất cập:

- Các quy định, quy trình quản lý thiết kế, công nghệ chế tạo TBKT (định nghĩa TBKT, quản lý tài liệu thiết kế, quản lý công nghệ,...) chỉ có phạm vi áp dụng trong Bộ Quốc phòng, chưa được luật hóa để áp dụng cho các cơ sở ĐVCN và cơ sở tham gia hoạt động nghiên cứu phục vụ CNQP dẫn đến vướng mắc trong quá trình huy động đa dạng nguồn lực tham gia phát triển CNQP.

- Mỗi chặng trong chu trình khoa học - công nghệ - sản xuất của sản phẩm quốc phòng đều thực hiện theo thủ tục riêng nên làm giảm tính liên kết của toàn chu trình, chưa tận dụng được nhiều nguồn lực đầu tư cho các sản phẩm

mục tiêu, đồng thời làm chậm tiến độ đưa sản phẩm từ nghiên cứu vào trang bị¹⁵; gây khó khăn trong việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm tích hợp, công nghệ cao¹⁶.

- Chưa có cơ chế cụ thể để trích lại lợi nhuận từ sản xuất có ứng dụng kết quả nghiên cứu KHCN đưa vào tái đầu tư nghiên cứu khoa học và hoàn thiện công nghệ đối với sản phẩm TBKT¹⁷, chưa thực thi được đầy đủ Luật Sở hữu trí tuệ trong công tác KHCN và SXQP. Đây là nguyên nhân làm chậm quá trình chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp KHCN thành doanh nghiệp KHCN làm tiền đề để xây dựng cơ chế tự chủ trong nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu của các cơ sở CNQP.

- Các sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm, thiết bị... sử dụng trong các nhiệm vụ phát triển TBKT có tính bảo mật cao, rất khó tiếp cận trên thị trường trong nước và trên thế giới. Trong khi đó, việc mua sắm các sản phẩm này vẫn chịu sự điều chỉnh của Luật Đầu thầu, Luật đầu tư công; nhưng chưa có quy định cụ thể cho sản phẩm quốc phòng nên cần có nhiều thủ tục và sự công khai trong mua sắm. Do đó, cần có chính sách ưu tiên trong thủ tục mua sắm các sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm trong nghiên cứu, phát triển TBKT.

- Chủ trương của Đảng, Nhà nước và Quân đội là huy động tiềm lực KHCN quốc gia và hợp tác quốc tế để phục vụ CNQP. Tuy nhiên, do các yếu tố liên quan đến bảo mật thông tin nên quá trình thực hiện có hiệu quả chưa thực sự cao. Do đó, cần có giải pháp phù hợp để huy động tiềm lực KHCN quốc gia cũng như hợp tác quốc tế phục vụ quốc phòng.

2. Mục tiêu của chính sách nhằm giải quyết vấn đề

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm quốc phòng, nhất là những sản phẩm tích hợp, công nghệ cao, công nghệ mới.

- Xây dựng chế độ, chính sách phù hợp trong đầu tư, giao nhiệm vụ và đối tượng đãi ngộ trong hoạt động KHCN đảm bảo gắn với đặc thù chu trình khoa học - công nghệ - sản xuất nhằm thúc đẩy sự phát triển KHCN trong CNQP nói chung và trong nghiên cứu, chế tạo TBKT nói riêng.

- Tăng cường tự chủ của các cơ sở CNQP, mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài quân đội để sản xuất sản phẩm quốc phòng cũng như phục vụ dân sinh.

¹⁵Trung bình mỗi sản phẩm TBKT cần 7÷10 năm để đưa vào trang bị cho Quân đội.

¹⁶Các sản phẩm tích hợp có tính đơn chiếc, chi phí chế thử lớn không thể mờ để tài nghiên cứu thiết kế, chế thử riêng mà việc nghiên cứu, thiết kế phải luôn gắn liền với chế tạo không thể tách rời.

¹⁷Đặc thù của cơ chế đặt hàng SXQP là không thương mại hóa, Nhà nước phê duyệt giá sản phẩm với tỷ suất lợi nhuận được ấn định.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện nay.

3.2. Giải pháp 2: Quy định tại Luật các chính sách thúc đẩy hoạt động KHCN phục vụ nghiên cứu, sản xuất TBKT, bao gồm:

- Luật hóa các quy định về quản lý thiết kế, công nghệ sản xuất sản phẩm quốc phòng.

- Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, ủy quyền quản lý các chương trình nghiên cứu, phát triển, sản xuất TBKT gắn với triển khai xuyên suốt các khâu từ nghiên cứu thiết kế, chế thử đến sản xuất sản phẩm đưa vào trang bị trên cơ sở phù hợp chiến lược, kế hoạch trang bị; chiến lược, kế hoạch đảm bảo kỹ thuật. Quy định chính sách huy động nguồn lực từ các ngân sách và các Quỹ đảm bảo đầy đủ các khâu của quá trình phát triển TBKT.

- Quy định cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả KHCN để tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới.

3.3. Giải pháp 3: Như nội dung của giải pháp 2 và bổ sung các chính sách ưu tiên cho hoạt động KHCN phục vụ nghiên cứu, phát triển TBKT:

- Xây dựng chính sách đặc thù về thủ tục mua sắm sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm... phục vụ nghiên cứu, phát triển TBKT.

- Quy định chính sách bảo mật trong hợp tác nghiên cứu sản phẩm phục vụ quốc phòng và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở CNQP và viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài quân đội.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động về kinh tế:

- * *Tích cực:* Không phát sinh chi phí mới để thực hiện Giải pháp.

- * *Tiêu cực:*

- Chưa có cơ chế giao nhiệm vụ, ủy quyền quản lý các chương trình nghiên cứu, phát triển, sản xuất TBKT, đảm bảo nguồn lực cho các chương trình phát triển TBKT xuyên suốt từ nghiên cứu tới sản xuất đưa vào trang bị;

- Chưa có quy định trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất để tái đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới do đó chưa tạo cơ chế tự chủ trong nghiên cứu, đầu tư và hợp tác nghiên cứu KHCN của các cơ sở CNQP;

- Mới chỉ có quy định ưu đãi đối với việc nhập khẩu các loại vật tư kỹ thuật phục vụ CNQP mà trong nước chưa sản xuất được; chưa có chính sách đặc thù để mua sắm được các sản phẩm mẫu, bán thành phẩm, thiết bị đặc chủng vốn là bí mật và rất khó tiếp cận trên thị trường trong nước và thế giới.

- Chưa có quy định về mã hóa, bảo mật nên có phần hạn chế quá trình hợp tác nghiên cứu KHCN liên quan tới TBKT.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:*

- Đã có một số chính sách về bảo đảm nguồn lực tài chính cho nghiên cứu VTTBKT từ ngân sách, Quỹ phát triển KHCN của đơn vị CNQP nòng cốt, đầu tư của các tổ chức, cá nhân; chính sách ưu đãi đối với việc nhập khẩu các loại vật tư kỹ thuật phục vụ CNQP; khuyến khích và có chính sách ưu đãi tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ xây dựng và phát triển CNQP.

- Trên thực tế, đã nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và tự chế tạo được một số TBKT; một số sản phẩm có tính chất lưỡng dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh.

* *Tiêu cực:*

- Chưa có các quy phạm pháp luật để quản lý, đảm bảo năng suất, chất lượng đối với các cơ sở ngoài Quân đội tham gia nghiên cứu, chế tạo phục vụ CNQP.

- Chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm CNQP dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn; hạn chế khả năng chuyển giao công nghệ, ứng dụng các công trình, sản phẩm nghiên cứu trong các dự án KHCN vào phục vụ quốc phòng, dân sinh.

- Chưa có đầy đủ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy khoa học công nghệ phục vụ CNQP; nâng cao chất lượng các sản phẩm CNQP đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

đ) Tác động hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Bảo đảm sự ổn định của hệ thống pháp luật.

* *Tiêu cực:* Chưa thể chế hóa được quan điểm, định hướng chủ trương mới của Đảng về hoạt động KHCN trong CNQP; không khắc phục được những hạn chế, vướng mắc bất cập của Pháp lệnh như đã nêu trên.

4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:*

- Quy phạm pháp luật đầy đủ về quản lý thiết kế, công nghệ chế tạo đảm bảo chặt chẽ, an toàn, chất lượng, đồng thời tạo ra hành lang pháp lý để các cơ sở ngoài Quân đội tham gia nghiên cứu, thiết kế, chế tạo phục vụ CNQP.

- Bổ sung cơ chế giao nhiệm vụ, ủy quyền quản lý, đảm bảo nguồn lực thống nhất cùng với khả năng tái đầu tư nguồn lực cho nghiên cứu KHCN sẽ thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm trong lĩnh vực CNQP.

- Việc huy động nguồn lực từ các ngân sách và các Quỹ sẽ đảm bảo đầy đủ cho các khâu của quá trình phát triển TBKT.

- Cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả KHCN nhằm tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới.

* *Tiêu cực:*

- Cần phải xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển TBKT bám sát chiến lược phát triển KHCN và chiến lược trang bị của Quân đội để hoạt động nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả.

- Phát sinh chi phí nhất định từ ngân sách để phục vụ cho các chính sách mới về khoa học và công nghệ.

b) *Tác động về xã hội:*

* *Tích cực:*

- Nâng cao sự tự chủ, đầu tư và hợp tác nghiên cứu KHCN sẽ khuyến khích các cơ sở trong và ngoài quân đội tích cực triển khai các dự án, nhiệm vụ KHCN có giá trị và sát yêu cầu thực tiễn, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, ứng dụng các công trình, sản phẩm nghiên cứu KHCN vào phục vụ quốc phòng và dân sinh nhằm phát triển kinh tế - xã hội và gia tăng đầu tư trở lại cho công tác nghiên cứu và phát triển.

- Tạo điều kiện nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, cải tiến, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tính lưỡng dụng.

* *Tiêu cực:* Không có.

c) *Tác động về giới:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) *Tác động hệ thống pháp luật:*

* *Tích cực:* Bảo đảm quy định cụ thể, rõ ràng các chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ CNQP, vừa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định có liên quan tại Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và khắc phục được những hạn chế trong các quy định của Pháp lệnh hiện hành.

* *Tiêu cực:* Xây dựng, ban hành Luật (thay thế Pháp lệnh) và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết thi hành; đồng thời ban hành các quy phạm pháp luật, hướng dẫn chi tiết của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật KHCN trong Bộ Quốc phòng để đáp ứng được đặc thù ngành CNQP.

4.3. Giải pháp 3:

a) *Tác động về kinh tế:*

* *Tích cực:* Ngoài các điểm tích cực như giải pháp 2 thì việc có chính sách đặc thù về thủ tục mua sắm sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm... phục vụ nghiên cứu, phát triển TBKT sẽ góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển TBKT để đáp ứng được yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của Quân đội. Khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở CNQP và viện nghiên cứu, trường đại học,

các doanh nghiệp hoạt động KHCN. Đồng thời, bảo đảm tính bí mật trong hợp tác nghiên cứu sản phẩm phục vụ quốc phòng.

* *Tiêu cực:*

- Phải có phương thức kiểm soát phù hợp để tránh lộ lọt thông tin bí mật và lãng phí nguồn lực.

b) *Tác động về xã hội:*

* *Tích cực:* Ngoài các điểm tích cực như giải pháp 2 thì các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sẽ góp phần khuyến khích, thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở CNQP và viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài quân đội; huy động sự tham gia của các chuyên gia, cơ sở, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài quân đội vào nghiên cứu sản xuất các sản phẩm CNQP.

* *Tiêu cực:* Các chi phí phát sinh do chính sách mới về ưu đãi, hỗ trợ khuyến khích, thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở CNQP và viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp hoạt động KHCN trong và ngoài quân đội.

c) *Tác động về giới:* Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

d) *Tác động về thủ tục hành chính:*

* *Tích cực:* Giảm bớt các thủ tục hành chính trong mua sắm sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm... và hợp tác nghiên cứu, phát triển TBKT.

* *Tiêu cực:* Phải bổ sung thêm các thủ tục kiểm soát, chống lộ lọt thông tin khi hợp tác, nghiên cứu phát triển TBKT.

đ) *Tác động hệ thống pháp luật*

* *Tích cực:* Như Giải pháp 2.

* *Tiêu cực:* Như Giải pháp 2 và phải sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết Luật Đầu tư để phù hợp với đặc thù nghiên cứu TBKT.

5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

Từ những phân tích ở trên, Bộ Quốc phòng ***lựa chọn Giải pháp 3***. Cơ quan ban hành chính sách là Quốc hội.

IV. CHÍNH SÁCH 4: HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

1. Xác định những vấn đề bất cập

Huy động nguồn lực về tài chính và nhận lực chất lượng cao bảo đảm cho phát triển là vấn đề then chốt trong xây dựng và phát triển CNQP. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã có những quan điểm, chủ trương định hướng tạo nguồn lực tài chính để đầu tư cho phát triển CNQP (Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo đã xác định các mục tiêu cụ thể: Tăng mức đầu tư phát

triển CNQP; khẩn trương xây dựng hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế chính sách đặc thù để tận dụng và phát huy tối đa các nguồn lực, phải xác định cơ chế ưu tiên để huy động nguồn lực tài chính và nhân lực; đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho CNQP, lấy nguồn vốn từ NSNN là chính, được bố trí theo chương trình mục tiêu trọng điểm quốc gia và bảo đảm đủ theo kế hoạch đã duyệt; chú trọng và có cơ chế phù hợp để huy động, khai thác các nguồn vốn khác). Pháp lệnh đã có một điều khoản riêng về nguồn vốn đầu tư cho phát triển CNQP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 02/10/2020 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phát triển CNQP, an ninh, trong đó xác định phải kiên trì phấn đấu thực hiện những mục tiêu, phương hướng phát triển CNQP, an ninh.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định “*Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; ... Phần đầu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*” . Trong đó, đề ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là “*Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”. Công tác tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo thu hút nhân lực phục vụ CNQP là nhân tố cơ bản, cốt lõi để xây dựng và phát triển CNQP góp phần nâng cao tiềm lực quân sự, quốc phòng của đất nước gắn với xây dựng, phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn vẫn còn một số hạn chế, tồn tại trong xây dựng phát triển CNQP như:

- Nguồn vốn bảo đảm cho hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển CNQP từ NSNN chưa đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu (Thực tế kinh phí đầu tư vốn NSNN cho CNQP trong giai đoạn 2011÷2020 chỉ chiếm khoảng 7,6% NSNN đầu tư của BQP và đạt khoảng 56% so với kế hoạch đăng ký); CNQP đã có nhiều Đề án, Chương trình mục tiêu xây dựng và phát triển nhưng chưa được bố trí vốn, một số chương trình chỉ bố trí được một phần vốn kế hoạch đề ra. Việc đầu tư cho CNQP chủ yếu phụ thuộc vào NSNN trong khi nguồn vốn đầu tư của Chính phủ chủ yếu được sử dụng cho đầu tư phát triển, nguồn ngân sách quốc phòng chủ yếu được sử dụng để đầu tư mua sắm, đổi mới, nâng cấp TBKT. Về lâu dài, ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu phát triển từng bước bảo đảm TBKT cho lực lượng vũ trang của CNQP, đặc biệt là nghiên cứu, chế tạo, sản xuất được một số loại vũ khí, trang bị, khí tài hiện đại có ý nghĩa chiến lược để nâng cao tiềm lực, tạo tiền đề phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Việc huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để xây dựng, phát triển CNQP nhằm giảm gánh nặng cho NSNN còn nhiều vướng mắc, bất cập như: Công tác đầu tư tương đối dàn trải, thiếu tập trung, không đồng bộ, thống nhất với mục tiêu phát triển chung của ngành; cơ chế, chính sách hợp tác,

liên doanh, liên kết giữa CNQP với các thành phần kinh tế không tạo được sức hút; chưa sẵn sàng chia sẻ bí quyết công nghệ;....

- Các chế độ, chính sách về tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo, đai ngộ đối với nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực CNQP đặc biệt là lao động tay nghề cao, các chuyên gia, cán bộ đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ còn mang nặng tính bình quân, chưa tạo được sức hút. Thu nhập hàng tháng theo kết quả sản xuất kinh doanh của người lao động thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp trên địa bàn hoạt động thuần sản xuất kinh tế, chưa tương quan hợp lý với tiền lương trên thị trường lao động, công việc có tính chất đặc thù, độc hại, nguy hiểm, gây thiếu hụt nguồn nhân lực đặc biệt là nhân lực chất lượng cao do không bảo đảm tính cạnh tranh.

- Chính sách thu hút, thuê chuyên gia nước ngoài của các cơ sở CNQP nòng cốt còn một số bất cập, vướng mắc về thủ tục cấp giấy phép lao động; quy trình thẩm định, lựa chọn chuyên gia phức tạp, kéo dài; chi phí thuê chuyên gia cao;... Thực tế số lượng chuyên gia nước ngoài được các cơ sở CNQP nòng cốt chủ động thu hút, tự triển khai các thủ tục thuê theo hợp đồng là rất hạn chế (chuyên gia chủ yếu tham gia theo các dự án tiếp nhận chuyển giao công nghệ của Bộ Quốc phòng).

Với những hạn chế nêu trên, trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động hiệu quả các nguồn lực từ NSNN và nguồn vốn ngoài ngân sách cho xây dựng và phát triển CNQP; thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Từ đó, bảo đảm hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng TBKT, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa Quân đội, phù hợp với chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đồng thời, thích ứng với sự phát triển nhanh của nền kinh tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xây dựng hành lang pháp lý để nâng cao chất lượng, tạo động lực đột phá cho xây dựng và phát triển CNQP theo hướng đổi mới, đồng bộ, hiệu quả. Bảo đảm phân bổ, bố trí vốn từ NSNN đầu tư cho CNQP có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với mục tiêu chiến lược đề ra; có cơ chế ưu tiên nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển cho một số lĩnh vực đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài NSNN, vốn vay tín dụng, ưu đãi, huy động tài chính, công nghệ chuyển giao từ các nhà tài trợ,... để triển khai chiến lược quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển kết hợp với NSNN nhằm bổ sung, tăng cường kinh phí bảo đảm cho CNQP.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách thu hút, huy động nguồn nhân lực chất lượng cao ở trong và ngoài nước tham gia xây dựng và phát triển CNQP, đồng thời có cơ chế duy trì, phát triển nguồn nhân lực hiện có, đặc biệt là người lao động lành nghề, các cán bộ, chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực CNQP.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định hiện hành¹⁸.

3.2. Giải pháp 2:

- Quy định cơ chế, chính sách Nhà nước bảo đảm cho phát triển CNQP như: bố trí, phân bổ vốn NSNN đầu tư cho CNQP thành khoản mục riêng trong hệ thống danh mục; dự trữ nguồn lực vật tư chiến lược cho CNQP, ĐVCN để đáp ứng nhu cầu thời bình và thời chiến; bố trí quỹ đất đảm bảo cho phát triển CNQP, vành đai an toàn cho CNQP trong điều kiện đô thị hóa.

- Hình thành Quỹ phát triển CNQP¹⁹ (từ lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp CNQP; địa phương hỗ trợ; huy động từ các tổ chức, cá nhân có tiềm lực tài chính ngoài Quân đội; từ NSNN bổ sung). Trong đó, Luật giao Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu, tổ chức, cơ chế hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển CNQP.

- Xây dựng chính sách thu hút, tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển CNQP. Có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với một số ngành nghề đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”.

3.3. Giải pháp 3: Tương tự như giải pháp 2 và bổ sung một số nội dung như sau:

- Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các thành phần kinh tế tham gia hỗ trợ phát triển CNQP về nguồn vốn, nhân lực chất lượng cao theo nguyên tắc các bên cùng được hưởng lợi, sẵn sàng chia sẻ một số bí quyết công nghệ có tính lưỡng dụng.

- Huy động vốn vay ưu đãi, chuyển giao công nghệ, hợp tác với các nhà tài trợ nước ngoài để phát triển, nghiên cứu, sản xuất, chế tạo một số sản phẩm quốc phòng, lưỡng dụng kỹ thuật, công nghệ cao.

- Hoàn thiện các chính sách thu hút, ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ, năng lực chuyên môn cao tham gia một số hoạt động tại các cơ sở CNQP nòng cốt (như quy trình, thủ tục để thẩm định, miễn giấy phép lao động, chỉ định lựa chọn, trả thù lao đặc biệt theo hợp đồng thuê khoán, miễn giảm một phần các loại thuế, phí).

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1:

a) Tác động kinh tế - xã hội:

* **Tích cực:** Đã hình thành một số cơ chế chính sách, đáp ứng được một

¹⁸ Giữ nguyên quy định hiện hành về huy động nguồn lực tài chính, nhân lực cho phát triển CNQP tại Pháp lệnh CNQP và Nghị định số 46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009

¹⁹ Quỹ phát triển CNQP tích tụ nguồn lực tài chính từ các nguồn vốn hợp pháp khác nhau (trích khoảng 3-5% từ lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp CNQP; địa phương hỗ trợ; huy động từ các tổ chức, cá nhân có tiềm lực tài chính ngoài Quân đội,...) nhằm triển khai chiến lược quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng và phát triển CNQP theo định hướng đổi mới, sáng tạo, đồng bộ, thống nhất, trọng tâm là một số lĩnh vực đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”; kết hợp với NSNN để bổ sung, tăng cường kinh phí bảo đảm cho CNQP.

phần các quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng và phát triển CNQP, ĐVCN nhằm cung cấp năng lực bảo đảm TBKT cho lực lượng vũ trang. Quá trình thực hiện các chính sách ưu đãi, thu hút nhân lực đã mang lại niềm tin, lợi ích cho người lao động làm việc trong lĩnh vực CNQP nhất là những lĩnh vực độc hại, nguy hiểm. Không làm phát sinh chi phí đối với NSNN.

* *Tiêu cực:* Không giải quyết được các vấn đề bất cập như đã nêu ở trên. Về lâu dài, việc không đáp ứng đủ nguồn lực tài chính cho xây dựng, phát triển CNQP sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu từng bước bảo đảm TBKT cho lực lượng vũ trang, đặc biệt là nghiên cứu, chế tạo, sản xuất được một số loại vũ khí, trang bị, khí tài hiện đại có ý nghĩa chiến lược. Các quy hoạch, kế hoạch đầu tư trong lĩnh vực CNQP tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào NSNN; hạn chế việc huy động, thu hút các nguồn vốn hợp pháp nhằm giảm gánh nặng cho NSNN. Các chế độ, chính sách đối với nguồn nhân lực trong nước và nước ngoài đặc biệt là lao động tay nghề cao, các chuyên gia, cán bộ đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực CNQP chưa được chú trọng.

b) *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không làm phát sinh các thủ tục hành chính mới.

d) *Tác động hệ thống pháp luật:*

* *Tích cực:* Bảo đảm sự ổn định của các quy định pháp luật hiện hành về CNQP; không phải xây dựng Luật CNQP, ĐVCN.

* *Tiêu cực:* Không thể chênh lệch được quan điểm, định hướng chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP trong tình hình mới; không khắc phục được những hạn chế, vướng mắc như đã nêu ở phần bất cập.

4.2. Giải pháp 2:

a) *Tác động kinh tế - xã hội:*

* *Tích cực:*

- Giải pháp chính sách “Quy định rõ việc bố trí, phân bổ vốn NSNN đầu tư cho CNQP thành khoản mục riêng trong hệ thống danh mục” sẽ không làm tăng chi phí NSNN vì không làm ảnh hưởng tới tổng mức chi tiêu được phân bổ cho ngân sách quốc phòng. Sự khác biệt là chỉ tạo một dòng ngân sách riêng cho phát triển CNQP; với một khoản mục riêng, ngân sách cho đầu tư phát triển CNQP sẽ có tính rõ ràng, ổn định và có tính tiên lượng cao hơn trong dài hạn. Điều này là yếu tố quan trọng bảo đảm ngân sách và tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công dành cho CNQP; các hoạt động đầu tư trong CNQP sẽ có trọng tâm, trọng điểm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, ưu tiên cho một số lĩnh vực đặc thù, lĩnh vực “công nghệ cao”.

- Việc hình thành Quỹ phát triển CNQP để quản lý, tích tụ nguồn lực tài chính từ các nguồn vốn hợp pháp khác nhau sẽ góp phần nâng cao tính chủ động trong triển khai các quy hoạch, kế hoạch đầu tư, đáp ứng được nhu cầu về nguồn

lực tài chính xây dựng và phát triển CNQP, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Kết hợp với NSNN để bổ sung, tăng cường kinh phí bảo đảm cho CNQP.

- Các chính sách về thu hút, tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo nguồn nhân lực sẽ tạo động lực thu hút, gìn giữ, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là lao động lành nghề, cán bộ, chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ phục vụ trong lĩnh vực CNQP. Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu, sản xuất các loại TBKT mới, hiện đại, “công nghệ cao”; tạo cơ hội để người lao động phấn đấu, trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn, giải phóng sức sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động. Bảo đảm chế độ, chính sách cho người lao động theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ tiêu hao sức khỏe góp phần bảo đảm thu nhập, quyền lợi chính đáng, an sinh xã hội, ổn định tâm lý của các đối tượng tham gia hoạt động CNQP. Quy định cụ thể về các chính sách thu hút, đào tạo, tuyển dụng, tuyển chọn không làm tăng chi phí của NSNN mà sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp CNQP nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cải thiện cơ chế, chính sách trả lương cho người lao động.

* *Tiêu cự:* Chi phí quỹ lương của các doanh nghiệp CNQP sẽ tăng lên. Có sự chênh lệch về thu nhập giữa đội ngũ nhân lực chất lượng cao, lao động lành nghề, cán bộ, chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật, công nghệ với các lực lượng lao động khác.

b) *Tác động về giới:* Hiện nay, số lao động nữ làm việc trong các cơ sở CNQP toàn quân chiếm trên 23% tổng số lao động; trong đó nhiều lao động nữ có trình độ tham gia nghiên cứu KHCN, là cán bộ quản lý, góp phần quan trọng trong xây dựng và phát triển CNQP. Vì vậy, giải pháp này thúc đẩy và mang đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của người lao động nam và nữ; không mang tính phân biệt về giới.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:* Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và người dân nên không có tác động về thủ tục hành chính.

d) *Tác động hệ thống pháp luật:*

* *Tích cự:* Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, xây dựng hành lang pháp lý để nâng cao chất lượng, tạo động lực đột phá cho xây dựng và phát triển CNQP theo hướng đổi mới, đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với mục tiêu chiến lược đề ra. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính nhằm duy trì, gìn giữ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm quyền lợi cho người lao động trong lĩnh vực CNQP.

* *Tiêu cự:* Phải sửa đổi nâng các Pháp lệnh thành Luật CNQP, ĐVCN, bổ sung một số nội dung chi tiết về thu hút, tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo nhân lực chất lượng cao; cần phải xây dựng các quy định cụ thể về cơ cấu, cơ chế hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ phát triển CNQP.

4.3. Giải pháp 3:

Tác động của các chính sách về quy định khoản mục riêng cho CNQP trong hệ thống danh mục NSNN, hình thành Quỹ phát triển CNQP, thu hút, tuyển dụng, tuyển chọn, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tương tự như đã nêu tại giải pháp số 2. Tác động của các chính sách bổ sung tại giải pháp 3 như sau:

a) Tác động kinh tế - xã hội:

** Tích cực:*

- Việc xây dựng các cơ chế, chính sách tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài NSNN, huy động các thành phần kinh tế tham gia hỗ trợ về nguồn vốn, nhân lực chất lượng cao cho xây dựng và phát triển CNQP theo nguyên tắc các bên cùng được hưởng lợi sẽ góp phần chia sẻ áp lực bảo đảm tài chính của NSNN, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN tập trung đầu tư phát triển các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, có tính đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”. Bên cạnh đó, gắn kết chặt chẽ CNQP với công nghiệp quốc gia; mở rộng khả năng hợp tác, kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp CNQP với các thành phần kinh tế đóng góp vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặc biệt là Cách mạng về công nghệ quân sự đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới, các chính sách huy động vốn vay ưu đãi, chuyển giao công nghệ, hợp tác với các nhà tài trợ nước ngoài để phát triển, nghiên cứu, sản xuất, chế tạo một số sản phẩm quốc phòng, lưỡng dụng có hàm lượng kỹ thuật, công nghệ cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho CNQP tiếp cận với các “công nghệ cao”, thành tựu tiên tiến của thế giới. Từ đó, tạo tiền đề vững chắc để phát triển CNQP bảo đảm TBKT hiện đại, vũ khí chiến lược cho lực lượng vũ trang; đồng thời khẳng định vị thế, vai trò dẫn dắt của CNQP, là mũi nhọn trong quá trình xây dựng, phát triển công nghiệp quốc gia, từng bước hội nhập với thị trường quốc tế.

- Việc hoàn thiện các chính sách thu hút, ưu đãi đối với chuyên gia nước ngoài trong lĩnh vực CNQP sẽ góp phần tạo động lực để các chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ, năng lực chuyên môn cao tham gia nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm trong lĩnh vực đặc thù CNQP, lĩnh vực “công nghệ cao”. Tạo điều kiện để CNQP phát triển có trình độ, năng lực tương đương với thế giới; các cán bộ, chuyên gia trong nước có cơ hội tiếp xúc, học hỏi trực tiếp từ các chuyên gia đầu ngành của quốc tế.

* *Tiêu cực:* Việc ưu đãi các chuyên gia nước ngoài về cơ chế trả lương, miễn giảm một phần các loại thuế, phí,... có thể làm giảm thu NSNN trong thời gian thực hiện. Tuy nhiên, về lâu dài, trình độ, năng lực công nghệ của CNQP sẽ được tăng cường đáng kể, phát triển tương đương với thế giới, đặc biệt là trong một số lĩnh vực đặc thù, lĩnh vực “công nghệ cao”.

b) Tác động về giới: Chính sách không tạo ra tác động về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách sẽ góp phần hoàn thiện, cải

cách một số thủ tục hành chính về thẩm định, miễn giấy phép lao động, chỉ định lựa chọn,... đối với các chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động CNQP. Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và người dân.

d) Tác động hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng hành lang pháp lý nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật nhằm huy động vốn đầu tư ngoài NSNN, vốn vay ưu đãi, các thành phần kinh tế, các đối tác nước ngoài tham gia xây dựng và phát triển CNQP. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm, trình độ, năng lực chuyên môn cao tham gia hoạt động CNQP. Khắc phục các hạn chế như đã nêu ở phần bất cập.

* *Tiêu cực:* Phải sửa đổi nâng các Pháp lệnh thành Luật CNQP, ĐVCN, bổ sung một số nội dung chi tiết về huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài NSNN, các thành phần kinh tế, vốn vay ưu đãi, chuyển giao công nghệ, hợp tác với các nhà tài trợ; cần phải xây dựng quy định cụ thể về thu hút, ưu đãi đối với chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động tại các cơ sở CNQP nòng cốt.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Sau khi đánh giá tác động, cân bằng giữa lợi ích và chi phí, Bộ Quốc phòng kiến nghị ***lựa chọn Giải pháp 3.***

V. CHÍNH SÁCH 5: BẢO ĐẢM HIỆU QUẢ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

1. Xác định những vấn đề bất cập

- Hiện nay, việc triển khai ĐVCN chỉ giới hạn đối với doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cơ khí, luyện kim, hóa chất và điện tử; không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài²⁰; chưa huy động được tất cả các thành phần kinh tế tham gia; làm hạn chế khả năng huy động tối đa năng lực, tiềm lực, nội lực công nghiệp quốc gia tham gia ĐVCN. Đối tượng sử dụng sản phẩm ĐVCN chỉ giới hạn cho Quân đội nhân dân là chưa đầy đủ, toàn diện và chưa phù hợp với yêu cầu chiến lược trang bị cho lực lượng vũ trang. Mục tiêu, nhiệm vụ của ĐVCN chưa đáp ứng và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân.

- Pháp luật về ĐVCN hiện hành quy định ĐVCN được triển khai thực hiện theo phương thức “*giao nhiệm vụ, đầu tư*”; chưa phù hợp với hệ thống pháp luật về đầu tư, giá, đấu thầu khi sử dụng NSNN. Điều này gây ra sự lãng phí, bất cập khi triển khai thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN được phân định, phân cấp đối với doanh nghiệp thuộc quyền của bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty; doanh

²⁰ Chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế quốc dân; được đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiệm cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật thế giới.

nghiệp do địa phương quản lý. Quy định này có nhiều điểm chưa phù hợp²¹, còn chồng chéo, phân tán, chưa cụ thể²²; chưa bảo đảm sự quản lý thống nhất của trung ương, chưa phân cấp cho chính quyền địa phương trong thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực trên địa bàn; chưa phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Pháp lệnh ĐVCN chưa quy định về trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp và người lao động trong dây chuyền ĐVCN khi chuẩn bị và thực hành ĐVCN. Chế độ, chính sách trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN mới chỉ là quy định khung; chưa đầy đủ, cụ thể, chưa phù hợp với hoạt động đặc thù của ĐVCN; chưa có cơ chế bảo đảm, hỗ trợ, thu hút, khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp, cá nhân tham gia ĐVCN. Trong thực tiễn, các cơ quan chức năng (cơ quan quản lý, cơ quan thực hiện chi trả chính sách...) chưa đủ cơ sở để thực hiện; người quản lý doanh nghiệp, người lao động khó tiếp cận và thực hiện các thủ tục để thụ hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Pháp lệnh và các văn bản liên quan.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Huy động tối đa mọi tiềm lực công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để nâng cao năng lực ĐVCN sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; tạo tiền đề xây dựng kế hoạch, phương án, quyết định số lượng, nhiệm vụ và chỉ tiêu sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật đối với từng doanh nghiệp khi thực hành ĐVCN.

- Xây dựng cơ chế pháp lý đồng bộ, triển khai việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và quản lý sản xuất các sản phẩm ĐVCN bảo đảm khoa học, chặt chẽ, minh bạch, hiệu quả; sản phẩm ĐVCN có tính năng kỹ chiến thuật phù hợp với phương thức tác chiến của Quân đội và Dân quân tự vệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng. Tăng cường công tác quản lý, điều độ, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; gắn trách nhiệm của cơ quan trực tiếp giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu với cơ quan quản lý lĩnh vực, ngành, đơn vị nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và đơn vị sử dụng; huy động cao nhất tiềm lực công nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện ĐVCN;

²¹ Theo Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp được tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm, không hoàn toàn thuộc quyền quản lý của địa phương hoặc của Trung ương. Hệ thống tổ chức, cơ cấu về quan hệ ngành dọc, chỉ đạo, quản lý được thực hiện đối với doanh nghiệp nhà nước, nhưng chưa cụ thể. Các loại hình doanh nghiệp khác chủ yếu phân định theo chức năng chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu về vốn, người quản lý doanh nghiệp; nhằm bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, chủ động điều chỉnh quy mô, ngành nghề kinh doanh. Do vậy, triển khai giao nhiệm vụ theo hệ thống tổ chức ngành dọc đối với doanh nghiệp (như Pháp lệnh gọi là thuộc quyền) chưa phù hợp với quy định về quyền của doanh nghiệp.

²² Về quản lý doanh nghiệp, bộ, ngành có chức năng quản lý nhà nước, chủ yếu ở tầm vĩ mô; tập đoàn kinh tế, tổng công ty có chức năng kinh doanh, nhưng thực chất không có pháp nhân mà chỉ là tổ chức tập hợp các công ty (có pháp nhân độc lập) có mối liên hệ về vốn, tài chính, công nghệ, thị trường, thương hiệu, nghiên cứu, đào tạo... Nhiều nội dung, quy định của Pháp lệnh không triển khai hoặc triển khai không kịp thời, chồng chéo, trùng gian qua nhiều khâu, nhiều cấp, như: Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu ĐVCN cho các tập đoàn, tổng công ty (thực tế nội dung này chỉ cần giao cho bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); giao bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty tổ chức khảo sát năng lực các doanh nghiệp thuộc quyền là khôi lỗi khai thi (nội dung này giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khảo sát doanh nghiệp trên địa bàn là hiệu quả). Thực tiễn cho thấy vai trò của tập đoàn, tổng công ty trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN là không thực sự cần thiết.

- Phân định rõ trách nhiệm của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN; tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm tính chủ động cho bộ, ngành, địa phương trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN; phân định, xác định thẩm quyền của chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền trong thực hiện ĐVCN phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chức năng quản lý theo địa bàn, khu vực phòng thủ;

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện chính sách đối với doanh nghiệp tham gia ĐVCN; bảo đảm tính đúng, tính đủ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp và người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN, phù hợp với tính chất hoạt động trong ĐVCN; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định pháp luật hiện hành (Pháp lệnh ĐVCN).

3.2. Giải pháp 2:

- Mở rộng phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN gồm các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (*bao gồm tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*) hoạt động trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân;

- Hoàn thiện phương thức thực hiện ĐVCN theo hướng kế thừa các phương thức của Pháp lệnh (*giao nhiệm vụ, đấu thầu*), bổ sung phương thức đặt hàng; tạo hành lang pháp lý để triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN đáp ứng yêu cầu từng nhiệm vụ, từng thời kỳ, giai đoạn". Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ ĐVCN căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tính chất hàng hóa, sản phẩm; yêu cầu bảo đảm tiến độ, bí mật quân sự, lựa chọn phương thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN theo quy định của Chính phủ;

- Quy định trách nhiệm trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức thực hiện đối với nhiệm vụ ĐVCN: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ĐVCN; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý về ĐVCN; bộ, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN. Đồng thời, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm, quyền hạn thực hiện ĐVCN trong địa bàn quản lý phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ;

- Bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi tham gia ĐVCN tương ứng như chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và lực lượng khác (Lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ) khi tham gia hoạt động quốc phòng, trong cùng điều kiện, tính chất hoạt động đã được quy định tại các hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan.

3.3. Giải pháp 3:

- Mở rộng phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN (*trong đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ vốn góp không có quyền quyết định*); mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm động viên công nghiệp (gồm Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ). Luật giao Thủ tướng Chính phủ quyết định đối tượng, nội dung, phương pháp khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

- Hoàn thiện phương thức thực hiện ĐVCN theo hướng bổ sung phương thức đặt hàng, đấu thầu. Quy định trách nhiệm trong quản lý nhà nước và phân cấp quản lý trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN. Luật giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phương thức và trình tự, thủ tục giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong các trường hợp cụ thể.

- Quy định trách nhiệm trong quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức thực hiện đối với nhiệm vụ ĐVCN: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ĐVCN; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý về ĐVCN; bộ, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về ĐVCN. Đồng thời, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm, quyền hạn thực hiện ĐVCN trong địa bàn quản lý phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Bổ sung quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi tham gia ĐVCN tương ứng như chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và lực lượng khác (Lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ) khi tham gia hoạt động quốc phòng, trong cùng điều kiện, tính chất hoạt động đã được quy định tại các hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định pháp luật hiện hành (Pháp lệnh ĐVCN).

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:* Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* *Tiêu cực:*

- Đối tượng ĐVCN không có doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài làm hạn chế tiếp thu được những công nghệ tiên tiến để nghiên cứu áp dụng, nhằm nâng cao năng lực sản xuất cho doanh nghiệp trong nước; hạn chế đến việc chủ động sản xuất trang bị kỹ thuật trong nước cả thời bình và thời chiến; phải phụ thuộc nhập khẩu trang bị kỹ thuật từ nước ngoài, dẫn đến tăng chi phí NSNN, ảnh hưởng đến dự trữ (ngoại tệ) quốc gia.

- Nếu không có quy hoạch, định hướng đầu tư và sự điều hành của Nhà nước, sẽ gây lãng phí ngân sách do việc đầu tư dàn trải, trùng lắp; sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tham gia ĐVCN sẽ bị ảnh hưởng nếu không được giao chỉ tiêu thường xuyên hoặc định kỳ.

- Tăng chi NSNN bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ ĐVCN như chi phí nhân lực khảo sát, đánh giá năng lực của doanh nghiệp, chi phí đầu tư cho doanh nghiệp ĐVCN.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Đáp ứng một phần việc phát huy nội lực của công nghiệp quốc gia trong việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

* *Tiêu cực:*

- Chưa huy động tối đa sự tham gia ĐVCN của các doanh nghiệp ngoài quân đội và khuyến khích, tạo điều kiện các thành phần kinh tế tham gia nhiệm vụ quốc phòng.

- Chưa phân định rõ trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp, dẫn đến nhiều nội dung trong thực hiện ĐVCN không triển khai hoặc triển khai không kịp thời, chồng chéo, trùng gian qua nhiều khâu, nhiều cấp.

- Cơ quan có thẩm quyền chưa có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện ĐVCN; hạn chế việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện ĐVCN từ Trung ương đến địa phương và doanh nghiệp; tạo nên mảng trống về công tác quản lý doanh nghiệp trong ĐVCN, ảnh hưởng đến việc quản lý tiềm lực sẵn sàng huy động cho quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ.

- Ảnh hưởng đến việc xây dựng khu vực phòng thủ thành thê liên hoàn, vững chắc toàn diện. Ảnh hưởng đến việc chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật cho tác chiến trong khu vực phòng thủ.

- Chưa bảo đảm quyền lợi của doanh nghiệp và cá nhân khi tham gia chuẩn bị và thực hành ĐVCN; chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện nhiệm vụ ĐVCN chưa đồng bộ, thống nhất với chế độ, chính sách của lực lượng khác khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động về giới: Giải pháp này không phát sinh vấn đề về giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật:

* *Tích cực:* Bảo đảm sự ổn định của quy định pháp luật hiện hành về CNQP và ĐVCN.

* *Tiêu cực:*

- Không khắc phục được những bất cập nêu trên; không đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện để tạo cơ sở pháp lý bảo đảm quyền lợi cho doanh nghiệp ngoài quân đội khi tham gia ĐVCN.

4.2. Giải pháp 2:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:*

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế

tham gia ĐVCN; huy động được tiềm năng kinh tế, tiếp thu công nghệ tiên tiến để nghiên cứu, áp dụng nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất sản phẩm quốc phòng trong nước; chủ động sản xuất được trang bị kỹ thuật, giảm nhập khẩu từ nước ngoài; giảm các chi phí không cần thiết do xác định hợp lý trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện ĐVCN; góp phần tiết kiệm NSNN.

- Tăng nguồn lực cho quốc phòng sẽ góp phần phát triển sản xuất, khi triển khai và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, mục tiêu quốc gia, đề án về xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giảm tối đa việc đầu tư cho CNQP đối với các lĩnh vực, ngành công nghiệp mà doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang có thể mạnh.

** Tiêu cục:*

- Phát sinh NSNN chỉ cho bảo đảm chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi thực hiện nhiệm vụ ĐVCN; số tăng cụ thể từng loại phụ cấp trên giá thành sản phẩm như sau: Phụ cấp thâm niên khoảng 1 - 2%; phụ cấp trách nhiệm, độc hại, thu hút khoản 3 - 4%; tổng các loại phụ cấp từ 4% - 6%. Tuy nhiên, khoản NSNN chỉ cho nhiệm vụ chuẩn bị ĐVCN để sản xuất các sản phẩm ĐVCN hàng năm không nhiều (chỉ từ 5 - 7 tỷ đồng/năm), do vậy mức tăng 4% - 6% (tương đương khoảng 300 - 400 triệu đồng/năm) là không đáng kể (định mức được tính trên cơ sở quy định tại Quyết định số 15/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp đặc thù quân sự đối với một số đối tượng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Thông tư số 75/2019/TT-BQP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn công tác quản lý giá trong Bộ Quốc phòng.

- Việc huy động cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ vốn góp có quyền quyết định tham gia vào nhiệm vụ ĐVCN là khó bảo đảm tính khả thi.

b) Tác động về xã hội:

** Tích cực:*

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngoài quân đội có điều kiện tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và trách nhiệm tham gia xây dựng củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; góp phần giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể để bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ ĐVCN; phân định rõ trách nhiệm thực hiện ĐVCN phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chức năng quản lý theo địa bàn, khu vực phòng thủ.

- Góp phần xây dựng khu vực phòng thủ thành thê liên hoàn, vững chắc, toàn diện; về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; chủ động trong chuẩn

bị cơ sở vật chất; tăng khả năng bảo đảm trang bị kỹ thuật cho tác chiến khu vực phòng thủ.

- Bảo đảm chế độ, chính sách theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ tiêu hao, bù đắp sức khỏe cho đối tượng thụ hưởng sẽ góp phần làm tăng thu nhập, bảo đảm lợi ích, quyền lợi chính đáng, giúp ổn định tâm lý cho các đối tượng trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN; góp phần tạo sức hút để huy động thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

- Bảo đảm sự công bằng đối với cùng một đối tượng có cùng điều kiện, tính chất hoạt động, đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành; nâng cao trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, người lao động và các đối tượng khác tham gia ĐVCN; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

* *Tiêu cục:* Việc mở rộng đối tượng ĐVCN bao gồm tất cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể phát sinh vấn đề về trách nhiệm hợp tác trong trường hợp đối tác không được phép tham gia vào sản xuất, sửa chữa sản phẩm quốc phòng của Việt Nam. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà tổng số cổ phần do tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài nắm giữ chiếm tỷ lệ cao sẽ khó huy động khi thực hành ĐVCN, đặc biệt là trong chiến tranh.

c) *Tác động về thủ tục hành chính:*

- Quy trình, thủ tục rõ ràng, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong triển khai thực hiện. Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Việc phân cấp, phân quyền cụ thể từ Trung ương đến bộ, ngành, địa phương, giảm các khâu trung gian, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

d) *Tác động về giới:*

* *Tích cục:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt về giới. Tăng cơ hội việc làm cho lao động nam và nữ, thu nhập và khả năng tiếp cận tới các dịch vụ xã hội cơ bản, mạng lưới an sinh xã hội.

e) *Tác động hệ thống pháp luật:*

* *Tích cục:* Khắc phục những hạn chế của Pháp lệnh CNQP và Pháp lệnh ĐVCN. Cụ thể hóa đầy đủ nội dung, tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật đồng bộ thống nhất thực hiện chung đối với tất cả các cơ sở CNQP; đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành²³; đảm bảo tương thích với Điều ước quốc tế.

* *Tiêu cục:* Cần phải xây dựng luật để thay thế Pháp lệnh và xây dựng các văn bản dưới luật để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

²³ Các luật: Doanh nghiệp; NSNN; đầu tư; đầu tư công; quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh, doanh tại doanh nghiệp; đầu thầu; giá, xây dựng...

4.3. Giải pháp 3:

a) Tác động về kinh tế:

* *Tích cực:* Tương tự như Giải pháp 2.

* *Tiêu cực:* Chi phí phát sinh NSNN cho bảo đảm chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi thực hiện nhiệm vụ ĐVCN thấp hơn so với Giải pháp 2 do phạm vi đối tượng tham gia ĐVCN hẹp hơn.

b) Tác động về xã hội:

* *Tích cực:* Tương tự như Giải pháp 2. Đồng thời, bảo đảm tính khả thi trong việc huy động doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động ĐVCN (chỉ huy động đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ vốn góp không có quyền quyết định).

* *Tiêu cực:* Có thể phát sinh các vấn đề về hợp tác trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động ĐVCN.

c) Tác động về thủ tục hành chính: Tương tự như Giải pháp 2.

d) Tác động về giới: Tương tự như Giải pháp 2.

đ) Tác động hệ thống pháp luật: Tương tự như Giải pháp 2.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, Bộ Quốc phòng ***lựa chọn Giải pháp 3.*** Cơ quan ban hành chính sách là Quốc hội.

PHẦN 3. LÁY Ý KIÉN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

I. LÁY Ý KIÉN

1. Quá trình đánh giá tác động của dự án Luật CNQP, ĐVCN, Bộ Quốc phòng đã tổ chức các cuộc hội thảo, toạ đàm với các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương có liên quan, các nhà khoa học, quản lý trong và ngoài Quân đội, các nhà hoạt động thực tiễn về nội dung chính sách của dự án Luật; kết hợp hoạt động tư vấn trong suốt quá trình khởi động, nghiên cứu xây dựng Luật; tổ chức hội thảo lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia có kinh nghiệm xây dựng Luật đồng thời triển khai các hoạt động khảo sát, điều tra xã hội học, lấy ý kiến rộng rãi cơ quan, tổ chức và nhân dân về dự án Luật.

2. Lấy ý kiến và tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Quốc phòng để chỉnh lý, bổ sung đảm bảo tính thống nhất, phù hợp trong hệ thống pháp luật Việt nam, tính minh bạch, khách quan, khả thi của các quy định trong dự án Luật.

II. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam trong phạm vi quyền hạn của mình, giám sát và đánh giá việc thi hành chính sách về Luật CNQP, ĐVCN.

2. Chính phủ, Bộ Quốc phòng, bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm đánh giá và thi hành chính sách Luật CNQP, ĐVCN./.

Nơi nhận:

- Chính phủ (60);
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP⁽⁸⁾;
- Bộ Tư pháp;
- Ủy ban QP&AN của Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị;
- Tổng cục CNQP;
- Văn phòng BQP;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, TCCNQP. S...

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /20 /QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 20

DỰ THẢO

LUẬT

CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng; nhiệm vụ của Công nghiệp quốc phòng; tổ chức, hoạt động Công nghiệp quốc phòng; chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp; chế độ, chính sách đối với Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý chuyên trách về Công nghiệp quốc phòng là đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ giúp Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

2. Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt là các cơ sở được đầu tư bằng nguồn lực của nhà nước hoặc nguồn lực của doanh nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, do Bộ Quốc phòng quyết định thành lập hoặc trực tiếp quản lý.

3. Tập đoàn Công nghiệp quốc phòng là nhóm doanh nghiệp Công nghiệp quốc phòng có mối quan hệ với nhau theo chuyên ngành sản phẩm, có mức tích tụ tập trung cao về nguồn lực, đảm bảo tự chủ về công nghệ và sản phẩm, có năng lực quản trị doanh nghiệp hiện đại, đáp ứng khả năng hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường.

4. Công nghệ lưỡng dụng là công nghệ được nghiên cứu, phát triển cho cả mục đích quân sự và dân sự.

5. Sản phẩm lưỡng dụng là sản phẩm có thể sử dụng cho mục đích quân sự và dân sự.

6. Trang bị kỹ thuật là các loại vũ khí, tổ hợp vũ khí, đạn dược, phương tiện, khí tài có trong biên chế của lực lượng vũ trang nhân dân.

7. Sản phẩm an ninh là sản phẩm phục vụ công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân và lực lượng thực thi pháp luật khác.

8. Sản phẩm an ninh quân dụng là vũ khí quân dụng, vật liệu nổ quân dụng phục vụ công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân và các lực lượng thực thi pháp luật khác.

9. Động viên công nghiệp là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực của doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang nhân dân để hỗ trợ Công nghiệp quốc phòng sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ.

10. Cơ sở công nghiệp động viên là cơ sở sản xuất công nghiệp được Nhà nước đầu tư xây dựng năng lực sản xuất phục vụ quốc phòng.

11. Sản phẩm động viên công nghiệp là trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật, bán thành phẩm được sản xuất, sửa chữa trên dây chuyền động viên công nghiệp theo chỉ tiêu nhiệm vụ Bộ Quốc phòng giao.

12. Dây chuyền động viên công nghiệp là hệ thống các trang thiết bị công nghệ, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt theo sơ đồ quá trình công nghệ, bảo đảm vận hành đồng bộ để sản xuất, sửa chữa sản phẩm động viên công nghiệp.

15. Chỉ tiêu động viên công nghiệp là số lượng sản phẩm động viên công nghiệp phải sản xuất, sửa chữa khi có quyết định động viên công nghiệp.

16. Chuẩn bị động viên công nghiệp là việc thực hiện các biện pháp nhằm tạo ra năng lực để sẵn sàng sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ trong thời bình.

17. Thực hành động viên công nghiệp là việc thực hiện các biện pháp để tiến hành sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ khi có lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ và trong tình trạng chiến tranh.

Điều 3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Công nghiệp quốc phòng

1. Công nghiệp quốc phòng là bộ phận quan trọng của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh đất nước; là ngành đặc thù, có chức năng, nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công nghiệp quốc phòng có chức năng, nhiệm vụ:

a) Nghiên cứu, phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa trang bị kỹ thuật, sản phẩm an ninh, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm nhu cầu sản phẩm an ninh quân dụng cho lực lượng Công an nhân dân và các lực lượng thực thi pháp luật khác;

c) Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

d) Hợp tác quốc tế về Công nghiệp quốc phòng.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam; sự thống lĩnh của Chủ tịch nước; sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Tuân thủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và các chiến lược quân sự, quốc phòng; phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân trong mọi tình huống.

4. Phù hợp với khả năng phát triển kinh tế của đất nước, có trình độ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm bí mật, an toàn, hiệu quả và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng.

5. Phát triển Công nghiệp quốc phòng tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, kết hợp với chủ động hội nhập quốc tế, trong đó nội lực là yếu tố quyết định.

6. Hệ thống tổ chức Công nghiệp quốc phòng bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả, cơ chế hoạt động đồng bộ, thống nhất, phù hợp với đặc thù lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

7. Ngoài việc đáp ứng các nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, động viên công nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Động viên công nghiệp phải được tiến hành trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của doanh nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư một phần trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ;

b) Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên công nghiệp cho doanh nghiệp phải bảo đảm tính đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ và phù hợp với năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp;

c) Động viên công nghiệp phải theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm đủ chỉ tiêu, đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật;

d) Ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ của công nghiệp quốc gia trong động viên công nghiệp.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

1. Tiết lộ bí mật nhà nước về:

a) Quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, kết quả khoa học, công nghệ có liên quan đến Công nghiệp quốc phòng, nhiệm vụ sản xuất sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh;

b) Kế hoạch động viên công nghiệp, bí mật sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ động viên công nghiệp.

2. Phá hoại, mua, bán, tặng, cho, cho thuê, cầm cố, thế chấp, khai thác, sử dụng trái phép trang thiết bị và các tài sản khác do Nhà nước giao cho cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt hoặc giao cho doanh nghiệp để hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp.

3. Mua, bán, tàng trữ, sử dụng trái phép trang bị kỹ thuật và sản phẩm chuyên dụng do Công nghiệp quốc phòng sản xuất; sử dụng sản phẩm động viên công nghiệp vào mục đích kinh doanh và mục đích khác.

4. Chiếm đoạt, sử dụng và chuyển giao trái phép những thông tin, tài liệu, sáng chế, quy trình và bí quyết công nghệ thuộc bí mật nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

5. Cản trở, trốn tránh trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, việc chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi trái pháp luật trong hoạt động Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

**Chương II
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

**Mục 1. QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

Điều 6. Quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng

1. Quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng phải tuân thủ nguyên tắc được quy định tại Điều 4 Luật này và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Khai thác, sử dụng hiệu quả tiềm năng, nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng; bảo đảm trang bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho lực lượng vũ trang và hiện đại hóa Quân đội;

b) Bảo đảm cân đối, đồng bộ, có quy mô hợp lý, được bố trí phù hợp với thế phòng thủ tác chiến chiến lược;

c) Bảo đảm phát triển theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Căn cứ lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng gồm:

- a) Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- b) Chiến lược bảo đảm trang bị kỹ thuật cho lực lượng vũ trang nhân dân;
- c) Quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp quốc gia, khả năng cân đối các nguồn lực đầu tư của Nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác cho xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng.

3. Nội dung quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng gồm:

- a) Quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ;
- b) Tổ chức hệ thống cơ sở Công nghiệp quốc phòng;
- c) Các đề án, chương trình, dự án trọng điểm;
- d) Các nguồn lực và điều kiện bảo đảm;
- đ) Giải pháp tổ chức thực hiện.

4. Thủ quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng

- a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng;
- b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án, chương trình, dự án trọng điểm

1. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng được phê duyệt, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và cơ quan nhà nước có liên quan xây dựng danh mục đề án, chương trình, dự án trọng điểm sử dụng ngân sách nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Việc tổ chức triển khai các đề án, chương trình, dự án trọng điểm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 2. GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG, ĐẦU THẦU VÀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT QUỐC PHÒNG

Điều 8. Giao nhiệm vụ, đặt hàng

1. Nguyên tắc giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt:

- a) Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng áp dụng khi Bộ Quốc phòng có nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ quốc phòng; các đối tượng khác có nhu cầu về sản phẩm an ninh quân dụng do cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt có năng lực cung cấp;
- b) Việc giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ quốc phòng chỉ thực hiện đối với cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt trực thuộc cấp trên được giao nhiệm vụ chi ngân sách theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Cấp có thẩm quyền chỉ giao nhiệm vụ cho cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt có chức năng nhiệm vụ sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ quốc phòng phù hợp với nhiệm vụ được giao;
- d) Ưu tiên đặt hàng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, sản phẩm an ninh quân dụng do Công nghiệp quốc phòng sản xuất;
- đ) Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc các khối đặt hàng - sản xuất, sửa chữa - khai thác sử dụng và cơ quan quản lý chuyên trách về Công nghiệp quốc phòng;
- e) Sản phẩm, dịch vụ quốc phòng được đặt hàng phải có giá tiêu thụ, giá dịch vụ, mức trợ giá được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá.

2. Đối với trường hợp giao nhiệm vụ, khi sản phẩm, dịch vụ quốc phòng chưa xây dựng được định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá thì thực hiện theo số lượng, khối lượng, chi phí hợp lý theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục sản phẩm, dịch vụ quốc phòng áp dụng phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với sản phẩm, dịch vụ quốc phòng được bố trí từ kế hoạch mua sắm do Bộ Quốc phòng quản lý; quy định việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, sản phẩm an ninh quân dụng đối với cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt theo đặt hàng của các đối tượng ngoài phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Đầu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ quốc phòng

Sản phẩm, dịch vụ quốc phòng áp dụng phương thức đấu thầu thực hiện theo quy định của Pháp luật về đấu thầu.

Điều 10. Quản lý sản xuất quốc phòng

1. Nguyên tắc quản lý sản xuất quốc phòng:

a) Hoạt động sản xuất quốc phòng do Bộ Quốc phòng quản lý tập trung, thống nhất và có phân cấp cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Hoạt động sản xuất quốc phòng phải thực hiện đúng quy định của pháp luật; kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, sản xuất và khai thác, sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật;

c) Sản xuất quốc phòng phải bảo toàn và phát triển năng lực sản xuất quốc phòng; bảo đảm về chất lượng sản phẩm, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nội dung quản lý sản xuất quốc phòng:

- a) Kế hoạch sản xuất quốc phòng;
- b) Công tác bảo đảm cho quá trình sản xuất quốc phòng;
- c) Tổ chức sản xuất quốc phòng;
- d) Nghiệm thu và quản lý sản phẩm sau nghiệm thu;
- đ) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;
- e) Chế độ báo cáo, kiểm tra.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết điều này.

Mục 3. ĐẢM BẢO NGUỒN LỰC

Điều 11. Nguồn vốn đầu tư phát triển Công nghiệp quốc phòng

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển Công nghiệp quốc phòng gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Quỹ phát triển Công nghiệp quốc phòng, quỹ đầu tư phát triển, quỹ phát triển khoa học công nghệ và các quỹ hợp pháp khác của cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt;
- c) Đầu tư hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng;
- d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách cho xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên bảo đảm ngân sách cho nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ quốc phòng, an ninh.

Ngân sách nhà nước bố trí cho Công nghiệp quốc phòng được lập thành khoản mục riêng trong hệ thống ngân sách nhà nước.

3. Chính phủ quyết định xác lập và giao Bộ Quốc phòng quản lý Quỹ phát triển Công nghiệp quốc phòng từ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt và các nguồn hợp pháp khác phục vụ tái đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, sản xuất và cung cấp dịch vụ Công nghiệp quốc phòng.

4. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư, quỹ phát triển Công nghiệp quốc phòng phải thực hiện theo kế hoạch và quy định của pháp luật.

Điều 12. Hoạt động khoa học công nghệ

1. Nguyên tắc nghiên cứu khoa học công nghệ:

a) Bảo đảm định hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, phát huy nội lực trong nghiên cứu khoa học;

b) Sản phẩm của nghiên cứu khoa học phải có tính ứng dụng cao, được thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ xuyên suốt các khâu từ nghiên cứu thiết kế, chế thử đến sản xuất sản phẩm đưa vào trang bị;

c) Có tính lưỡng dụng trong nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ;

d) Công tác quản lý, sử dụng tài liệu thiết kế, công nghệ sản xuất sản phẩm quốc phòng phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

đ) Khuyến khích và có chính sách ưu đãi đối với tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động khoa học công nghệ phục vụ nhiệm vụ xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng.

2. Nội dung nghiên cứu khoa học công nghệ:

a) Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo trang bị kỹ thuật mới và các sản phẩm lưỡng dụng phục vụ dân sinh; sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa trang bị kỹ thuật;

b) Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, cải tiến, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tính lưỡng dụng.

c) Hợp tác và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa trang bị kỹ thuật và sản xuất sản phẩm lưỡng dụng;

3. Bộ Quốc phòng quy định chi tiết về quản lý tài liệu thiết kế và công nghệ sản xuất sản phẩm quốc phòng.

Điều 13. Nhân lực phục vụ Công nghiệp quốc phòng

1. Nhân lực phục vụ cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt gồm:

a) Những người có ngành nghề và trình độ chuyên môn phù hợp với nhu cầu sử dụng, đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức, sức khỏe, có nguyện vọng và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tuyển dụng;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, công nhân trong và ngoài quân đội được cấp có thẩm quyền điều động vào phục vụ trong tình trạng chiến tranh và tình trạng khẩn cấp về quốc phòng;

c) Lao động hợp đồng;

d) Các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước.

2. Nhân lực phục vụ tại doanh nghiệp, tổ chức tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng thực hiện theo pháp luật lao động.

Điều 14. Bảo đảm dự trữ vật tư kỹ thuật cho Công nghiệp quốc phòng

1. Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với việc nhập khẩu các loại vật tư kỹ thuật phục vụ Công nghiệp quốc phòng mà trong nước chưa sản xuất được, thực hiện dự trữ vật tư kỹ thuật đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.
2. Vật tư kỹ thuật nhập khẩu cho Công nghiệp quốc phòng thuộc hàng hóa nhập khẩu được xét miễn hoặc giảm thuế theo quy định của pháp luật.
3. Vật tư kỹ thuật phục vụ cho Công nghiệp quốc phòng được dự trữ theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.
4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành cơ quan liên quan lập Danh mục vật tư kỹ thuật nhập khẩu và vật tư dự trữ cho Công nghiệp quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
5. Trong từng thời kỳ, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Danh mục vật tư kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 15. Đất phục vụ Công nghiệp quốc phòng

1. Đất phục vụ Công nghiệp quốc phòng
 - a) Xây dựng công trình, nhà xưởng, các dây chuyền của các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt và dây chuyền động viên công nghiệp;
 - b) Di dời các nhà máy trong thực hành động viên công nghiệp;
 - c) Khu vực vành đai an toàn tại các cơ sở Công nghiệp quốc phòng có yêu cầu về bảo đảm an toàn theo quy định;
 - d) Bố trí đầu tư trên các địa bàn, khu vực chiến lược;
 - đ) Chuẩn bị cơ sở dự phòng sơ tán cơ sở Công nghiệp quốc phòng khi có chiến tranh.
2. Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ Công nghiệp quốc phòng.
3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước, địa phương lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, trình Chính phủ phê duyệt.

Mục 4. TỔ CHỨC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Điều 16. Hệ thống cơ sở Công nghiệp quốc phòng

1. Hệ thống cơ sở Công nghiệp quốc phòng gồm:
 - a) Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt: Cơ sở nghiên cứu; cơ sở đào tạo; cơ sở sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật; cơ sở hoạt động

thương mại quân sự; cơ sở cất giữ trang bị kỹ thuật, vật tư kỹ thuật cho sản xuất quốc phòng và dự trữ quốc gia;

b) Cơ sở công nghiệp động viên.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan lập danh mục các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt và định kỳ 2 năm rà soát, bổ sung đối với cơ sở công nghiệp động viên tại khoản 1 Điều này, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 17. Hoạt động của cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt

1. Nghiên cứu, phát triển, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa trang bị kỹ thuật, sản phẩm an ninh quân dụng, vật tư kỹ thuật, các sản phẩm, dịch vụ khác phục vụ quốc phòng, an ninh và kinh tế - xã hội.

2. Chuyển giao công nghệ, đào tạo, huấn luyện nhân lực trong chuẩn bị động viên công nghiệp.

3. Chuẩn bị các điều kiện bảo đảm yêu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật khi đất nước chuyển sang thời chiến.

4. Liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sản xuất các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh và tham gia phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

a) Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế và các tổ chức, cá nhân nước ngoài để sản xuất các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi;

b) Hoạt động liên doanh, liên kết thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng.

Điều 18. Tái cơ cấu, sắp xếp các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt

1. Nguyên tắc tái cơ cấu, sắp xếp các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt:

a) Phù hợp với tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và Quy hoạch xây dựng và phát triển ngành Công nghiệp quốc phòng;

b) Bảo đảm tinh, gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sửa chữa;

c) Phù hợp thế bố trí phòng thủ tác chiến chiến lược, duy trì và phát triển tiềm lực Công nghiệp quốc phòng.

2. Hình thành các Tập đoàn Công nghiệp quốc phòng lưỡng dụng, hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao.

3. Việc tái cơ cấu, sắp xếp cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt do Chính phủ quy định.

Điều 19. Huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng trên các lĩnh vực, gồm:

- a) Nghiên cứu, sản xuất chi tiết, phụ tùng, vật tư, bán thành phẩm, sản phẩm quốc phòng, sản phẩm lưỡng dụng;
- b) Cung ứng các sản phẩm dịch vụ nâng cao quản trị doanh nghiệp, bảo mật thông tin, thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ cao phục vụ xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng;
- c) Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình hạ tầng Công nghiệp quốc phòng;
- d) Thực hiện chuyển giao công nghệ cho các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt theo thỏa thuận hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền;
- đ) Thực hiện liên doanh, liên kết với các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt sản xuất các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh và tham gia phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dịch vụ, sản phẩm quốc phòng áp dụng phương thức đặt hàng, đấu thầu tại khoản 2 Điều này.

4. Bộ Quốc phòng xây dựng danh mục lĩnh vực ngành nghề lưỡng dụng trình Thủ tướng phê duyệt.

Điều 20. Điều kiện tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phải có đủ năng lực tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng.

2. Chính phủ quy định điều kiện tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng có quyền lợi:

- a) Được Nhà nước bảo vệ các lợi ích hợp pháp trong quá trình tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng;

- b) Được yêu cầu cung cấp và sử dụng thông tin về các lĩnh vực tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng trong phạm vi quốc phòng của pháp luật;
- c) Được thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện tổ chức, cá nhân干涉 việc tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng và làm sai quy định có liên quan;
- d) Được hỗ trợ về đầu tư, nghiên cứu khoa học công nghệ, cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước đối với Công nghiệp quốc phòng.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng có nghĩa vụ:

- a) Tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, lĩnh vực được giao và tuân thủ các cam kết trong hợp đồng quốc phòng đã ký kết và được phê duyệt;
- b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động Công nghiệp quốc phòng;
- c) Chấp hành chế độ báo cáo, kiểm tra, thanh tra về hoạt động Công nghiệp quốc phòng theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Chương III CHUẨN BỊ VÀ THỰC HÀNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP Mục 1. CHUẨN BỊ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 22. Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định khảo sát tổng thể năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

2. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng hướng dẫn khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp; hàng năm, Bộ Quốc phòng khảo sát bổ sung các doanh nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp trên địa bàn, báo cáo kết quả với Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thông báo kết quả khảo sát doanh nghiệp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp được khảo sát thực hiện theo kế hoạch khảo sát của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Bộ Quốc phòng hướng dẫn điều kiện, tiêu chí và tổ chức lựa chọn doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 23. Kế hoạch động viên công nghiệp

1. Thẩm quyền lập kế hoạch:

- a) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập Kế hoạch nhà nước về động viên công nghiệp;
- b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ động viên công nghiệp lập kế hoạch động viên công nghiệp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch động viên công nghiệp của địa phương;
- d) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc lập kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định thẩm quyền lập kế hoạch động viên công nghiệp của đơn vị Quân đội nhân dân.

2. Nội dung kế hoạch động viên công nghiệp:

- a) Kế hoạch huy động doanh nghiệp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Kế hoạch bảo đảm ngân sách;
- c) Kế hoạch dự trữ vật tư;
- d) Kế hoạch di chuyển;
- đ) Kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ động viên công nghiệp.

3. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch:

- a) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch Nhà nước về động viên công nghiệp;
- b) Bộ Quốc phòng thẩm định; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- c) Cơ quan Bộ Quốc phòng thẩm định; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của quân khu, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- d) Cơ quan quân khu thẩm định; Tư lệnh Quân khu phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- đ) Cơ quan cấp trên trực tiếp thẩm định; Thủ trưởng cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp của đơn vị thuộc quyền trong Quân đội nhân dân.

4. Rà soát, điều chỉnh, lập mới kế hoạch:

- a) Hàng năm, cơ quan, đơn vị được giao lập kế hoạch động viên công nghiệp phải rà soát kế hoạch động viên công nghiệp; trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này quyết định việc điều chỉnh hoặc lập mới kế hoạch trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này;

b) Kế hoạch động viên công nghiệp được điều chỉnh trong trường hợp có sự thay đổi nội dung nhưng chưa đến mức phải lập mới;

c) Kế hoạch động viên công nghiệp được lập mới trong trường hợp thay đổi doanh nghiệp được giao nhiệm vụ động viên công nghiệp.

Điều 24. Giao chỉ tiêu động viên công nghiệp

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao chỉ tiêu động viên công nghiệp cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định cụ thể chỉ tiêu động viên công nghiệp của từng doanh nghiệp.

3. Căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao chỉ tiêu động viên công nghiệp cho doanh nghiệp được giao quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu động viên công nghiệp cho doanh nghiệp do địa phương quản lý.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao chỉ tiêu động viên công nghiệp cho các đơn vị Quân đội nhân dân.

Điều 25. Hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp

1. Bộ Quốc phòng phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hướng dẫn doanh nghiệp lập dự án đầu tư chuẩn bị động viên công nghiệp để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật.

2. Bộ Quốc phòng thẩm định, phê duyệt và nghiệm thu dự án đầu tư chuẩn bị động viên công nghiệp để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật của doanh nghiệp; quyết định đưa dây chuyền động viên công nghiệp vào thực hiện nhiệm vụ.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Quản lý, duy trì dây chuyền động viên công nghiệp

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý số lượng, chất lượng tài liệu công nghệ và trang thiết bị do Nhà nước giao cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp.

2. Doanh nghiệp được đầu tư và giao quản lý dây chuyền động viên công nghiệp:

a) Thực hiện đăng ký; xây dựng quy chế quản lý, sử dụng; kiểm tra, bảo dưỡng; kiểm kê định kỳ trang thiết bị do Nhà nước giao;

b) Khi có nhu cầu sử dụng trang thiết bị do Nhà nước giao ngoài kế hoạch động viên công nghiệp, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan trực tiếp quản lý và Bộ Quốc phòng. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, Bộ Quốc phòng phải có văn bản trả lời.

Khi được phép sử dụng, doanh nghiệp chỉ khai thác trong thời hạn cho phép và phải trích khấu hao tài sản cố định để bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp;

c) Tổ chức huấn luyện cho người lao động được bố trí trong dây chuyền động viên công nghiệp.

3. Hàng năm, Bộ Quốc phòng lập dự toán ngân sách bảo đảm duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp về không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp (do sáp nhập, chia tách, chuyển giao quyền sở hữu, giải thể, phá sản hoặc đổi mới công nghệ), cơ quan được giao quản lý dây chuyền động viên công nghiệp phải thành lập hội đồng kiểm kê đánh giá thực trạng của tài liệu công nghệ và tình trạng kỹ thuật, giá trị của trang thiết bị do Nhà nước giao cho doanh nghiệp, báo cáo Bộ Quốc phòng.

5. Bộ Quốc phòng báo cáo doanh nghiệp không đủ điều kiện động viên công nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thu hồi, quản lý hoặc chuyển giao cho doanh nghiệp khác tài liệu công nghệ và trang thiết bị do Nhà nước giao cho doanh nghiệp.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc trích khấu hao tài sản cố định; xác định bồi thường tổn thất đối với tài liệu công nghệ và trang thiết bị do Nhà nước giao cho doanh nghiệp khi có quyết định thu hồi.

Điều 27. Diễn tập động viên công nghiệp

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ động viên công nghiệp có trách nhiệm tham gia diễn tập động viên công nghiệp.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy mô, nội dung và hình thức diễn tập động viên công nghiệp.

Điều 28. Dự trữ vật tư

1. Bộ Quốc phòng phối hợp Bộ Tài chính lập danh mục vật tư dự trữ cho động viên công nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Vật tư dự trữ phục vụ động viên công nghiệp phải đồng bộ, có chất lượng cao, số lượng thích hợp, cung cấp kịp thời, chính xác.

3. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm dự trữ vật tư chuyên dụng quốc phòng, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm dự trữ vật tư thông dụng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch và kế hoạch dự trữ vật tư phục vụ động viên công nghiệp. Khi có yêu cầu bổ sung, sửa đổi danh mục vật tư dự trữ theo trách nhiệm được phân công thì Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính lập báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Việc quản lý vật tư dự trữ phục vụ động viên công nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hàng dự trữ quốc gia.

Mục 2. THỰC HÀNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 29. Quyết định động viên công nghiệp

1. Quyết định động viên công nghiệp:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng doanh nghiệp và chỉ tiêu động viên công nghiệp cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi thực hành động viên công nghiệp;

b) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định chỉ tiêu động viên công nghiệp của từng doanh nghiệp khi thực hành động viên công nghiệp;

c) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai cho doanh nghiệp thực hiện quyết định động viên công nghiệp;

d) Khi không còn yêu cầu động viên công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ quyết định kết thúc thực hành động viên công nghiệp.

2. Thông báo quyết định động viên công nghiệp:

a) Quyết định động viên công nghiệp phải thông báo đúng thời hạn, chính xác. Việc thông báo được tiến hành theo hệ thống hành chính từ Trung ương đến địa phương, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ động viên công nghiệp; từ Bộ Quốc phòng đến cơ quan quân sự cấp tỉnh và đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân có nhiệm vụ động viên công nghiệp;

b) Văn phòng Chính phủ thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đến bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Bộ Tổng Tham mưu thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy

d) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến doanh nghiệp có nhiệm vụ động viên công nghiệp;

đ) Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thông báo Quyết định động viên công nghiệp của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến cơ quan, đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ động viên công nghiệp.

3. Thời hạn hoàn thành thông báo quyết định động viên công nghiệp được xác định trong kế hoạch động viên công nghiệp.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc thông báo quyết định động viên công nghiệp.

Điều 30. Di chuyển địa điểm đối với doanh nghiệp phải di chuyển

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí địa điểm di chuyển đến cho doanh nghiệp thuộc diện di chuyển theo kế hoạch động viên công nghiệp; bảo đảm phương tiện phục vụ di chuyển cho doanh nghiệp.

2. Khi thực hiện di chuyển, doanh nghiệp thuộc diện di chuyển phải báo cáo cơ quan quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi có địa điểm mà doanh nghiệp cần di chuyển đến.

3. Thời hạn hoàn thành việc di chuyển của doanh nghiệp được xác định trong kế hoạch động viên công nghiệp.

Điều 31. Bảo đảm vật tư, tài chính

1. Khi có quyết định động viên công nghiệp và Quyết định xuất vật tư dự trữ quốc gia của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ đạo đơn vị dự trữ thuộc quyền xuất vật tư dự trữ cho thực hành động viên công nghiệp.

2. Doanh nghiệp có nhiệm vụ động viên công nghiệp tổ chức tiếp nhận vật tư tại các cơ sở dự trữ quốc gia.

Điều 32. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật

1. Doanh nghiệp thuộc diện di chuyển, thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật ngay sau khi hoàn thành việc di chuyển.

2. Doanh nghiệp được bảo đảm vật tư dự trữ, thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật ngay sau khi nhận được vật tư.

3. Doanh nghiệp không thuộc diện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật ngay sau khi nhận được quyết định động viên công nghiệp.

Điều 33. Giao, nhận sản phẩm động viên công nghiệp

1. Doanh nghiệp bàn giao sản phẩm động viên công nghiệp đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, đúng chủng loại, đúng thời hạn và địa điểm; đơn vị tiếp nhận của Quân đội nhân dân thực hiện kiểm tra, tiếp nhận sản phẩm động viên công nghiệp.

2. Việc giao, nhận sản phẩm động viên công nghiệp được xác định trong kế hoạch động viên công nghiệp.

Mục 3. PHƯƠNG THỨC, KINH PHÍ BẢO ĐẢM TRONG CHUẨN BỊ VÀ THỰC HÀNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 34. Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp

1. Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trong chuẩn bị động viên công nghiệp:

- a) Hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ;
- b) Sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật để duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng;
- c) Sản xuất, cung cấp các sản phẩm động viên công nghiệp thực hiện theo phương thức đặt hàng, đấu thầu;
- d) Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình của dây chuyền động viên công nghiệp thực hiện theo phương thức đấu thầu;
- đ) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan trực thuộc được ủy quyền lựa chọn phương thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp theo quy định của Chính phủ.

2. Thực hành động viên công nghiệp thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ.

Điều 35. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho chuẩn bị động viên công nghiệp được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi thực hành động viên công nghiệp.

3. Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 36. Nội dung chi cho chuẩn bị động viên công nghiệp

1. Bộ Quốc phòng được chi cho các công việc sau:

- a) Khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp;
- b) Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật để động viên công nghiệp;
- c) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp: Thuê khoán chuyên môn, chế thử sản phẩm, hội thảo và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

- d) Bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động trong dây chuyền động viên công nghiệp;
- d) Diễn tập động viên công nghiệp;
- e) Bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị trong dây chuyền động viên công nghiệp;
- g) Công lao động, vật tư sản xuất, sửa chữa, chi phí năng lượng, quản lý xí nghiệp, bảo hiểm, công đoàn và những chi phí khác theo quy định của Nhà nước về giá thành sản phẩm;
- h) Dự trữ vật tư: Vốn vật tư dự trữ; mua sắm trang thiết bị phục vụ dự trữ; xây dựng, cải tạo kho bãi và công trình phụ trợ khác;
- i) Khảo sát, lựa chọn địa điểm di chuyển đến của doanh nghiệp thuộc diện di chuyển;
- k) Nghiệp vụ động viên công nghiệp: Hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, in sổ sách, mẫu biểu; mua sắm trang bị văn phòng phục vụ công tác động viên công nghiệp;
- l) Những công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật về động viên công nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được chi cho các công việc sau:

- a) Khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp;
- b) Diễn tập động viên công nghiệp;
- c) Khảo sát, lựa chọn địa điểm di chuyển đến của doanh nghiệp thuộc diện di chuyển;
- d) Nghiệp vụ động viên công nghiệp: Hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, in sổ sách, mẫu biểu; mua sắm trang bị văn phòng phục vụ công tác động viên công nghiệp;
- đ) Những công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật về động viên công nghiệp;
- e) Ngân sách nhà nước bảo đảm cho chuẩn bị động viên công nghiệp thuộc nhiệm vụ của Bộ Tài chính được chi cho dự trữ vật tư: Vốn vật tư dự trữ, mua sắm trang thiết bị phục vụ dự trữ, xây dựng, cải tạo kho bãi và các công trình phụ trợ khác.

Điều 37. Nội dung chi của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho thực hành động viên công nghiệp

1. Di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp khi có quyết định động viên công nghiệp:

- a) Xây dựng cơ sở hạ tầng và điều kiện bảo đảm khác phục vụ dây chuyền tại địa điểm di chuyển đến;
- b) Tháo dỡ, bao gói, bốc xếp, khắc phục hư hỏng trong quá trình vận chuyển, lắp đặt, vận hành dây chuyền; bảo đảm phương tiện vận chuyển người và trang thiết bị thuộc dây chuyền đến vị trí mới và ngược lại;
- c) Thanh toán các khoản chi phí và bồi thường thiệt hại cho chủ phương tiện có phương tiện được huy động phục vụ di chuyển.

2. Công lao động, vật tư sản xuất, sửa chữa, chi phí năng lượng và những chi phí khác theo quy định của Nhà nước về giá thành sản phẩm để sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật khi có quyết định động viên công nghiệp.

3. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp: Thuê khoán chuyên môn, chế thử sản phẩm, hội thảo và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

4. Dự trữ vật tư: Vốn vật tư dự trữ; mua sắm trang thiết bị phục vụ dự trữ; xây dựng, cải tạo kho bãi và công trình phụ trợ khác.

5. Hỗ trợ sản xuất cho doanh nghiệp sau khi hoàn thành nhiệm vụ động viên công nghiệp.

6. Nghiệp vụ động viên công nghiệp: Hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, in sổ sách, mẫu biểu; mua sắm trang bị văn phòng phục vụ công tác động viên công nghiệp.

7. Những công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật về động viên công nghiệp.

Mục 4. TỔ CHỨC CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP ĐỘNG VIÊN

Điều 38: Cơ sở công nghiệp động viên

1. Các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ vốn góp không có quyền quyết định.

2. Hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nghiên cứu khoa học công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ, có khả năng nghiên cứu thiết kế, chuyển giao công nghệ, sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ.

Điều 39. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của cơ sở công nghiệp động viên

1. Động viên công nghiệp được chuẩn bị từ thời bình và thực hành động viên khi có lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ và trong tình trạng chiến tranh.

2. Cơ sở công nghiệp động viên có nhiệm vụ quản lý và bảo đảm duy trì năng lực của dây chuyền động viên công nghiệp trong thời bình; sản xuất, sửa

chữa trang bị kỹ thuật cho Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ khi có lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ và trong tình trạng chiến tranh.

Điều 40. Trách nhiệm cơ sở công nghiệp động viên khi thực hiện động viên công nghiệp

1. Trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác về năng lực sản xuất, sửa chữa cho cơ quan khảo sát theo quy định;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định sáp nhập, chia tách, chuyển giao quyền sở hữu, giải thể, phá sản hoặc đổi mới công nghệ mà không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp thì người quản lý doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định thành lập doanh nghiệp, cơ quan được giao quản lý dây chuyền động viên công nghiệp và Bộ Quốc phòng;

c) Chấp hành quyết định của cấp có thẩm quyền về việc giao thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp;

d) Tuyển chọn, bố trí người lao động có đủ năng lực, trình độ bảo đảm duy trì hoạt động của dây chuyền động viên công nghiệp; bảo đảm chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành;

đ) Quản lý, điều hành hoạt động của dây chuyền trong thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp;

e) Khi doanh nghiệp không còn khả năng động viên công nghiệp, người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài liệu công nghệ, trang thiết bị do Nhà nước giao theo quyết định thu hồi của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; nếu có tổn thất thì doanh nghiệp phải bồi thường tổn thất trước khi bàn giao; việc xác định bồi thường tổn thất được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng;

f) Chịu sự giám sát, kiểm tra, đôn đốc của cơ quan chức năng và Bộ Quốc phòng.

2. Trách nhiệm của người lao động: Chấp hành sự quản lý, điều hành của chủ doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp.

Chương IV CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 41. Chính sách đối với cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt

1. Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được hưởng chính sách:

a) Nhà nước đầu tư đủ vốn để hình thành tài sản trực tiếp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng;

b) Ưu tiên, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với lĩnh vực sản xuất vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao; xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng của dự án quan trọng

trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nguồn lực, ngành nghề đặc thù của Công nghiệp quốc phòng, công nghệ lưỡng dụng;

c) Nhà nước đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, năng lượng đối với nơi chưa có sẵn các hệ thống bảo đảm giao thông và cung cấp năng lượng;

d) Được miễn tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất cần thiết được sử dụng trong thời gian trực tiếp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; được miễn tiền thuê giá trị tăng đối với một số sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về thuế;

d) Được hạch toán một số khoản chi phí đặc thù vào giá thành sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, bao gồm: chi phí trả lương cho người nghỉ chuẩn bị hưu đối với trường hợp không được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc có hỗ trợ nhưng không đủ; chi đạm bảo quân trang cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng;

e) Ưu đãi, giảm về thuế, phí, giá đối với sản phẩm kinh tế, sản phẩm lưỡng dụng;

f) Sử dụng các nguồn lực được giao để tổ chức sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng và hoạt động kinh doanh bổ sung khi không ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh được giao, nhưng phải hạch toán riêng phần hoạt động kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật;

g) Đặc thù về tuyển dụng, tuyển chọn và chính sách trả lương, chế độ ưu đãi cho người lao động. Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được hạch toán các chi phí đặc biệt, thu hút các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật này vào chi phí sản xuất;

h) Nhà nước cấp kinh phí cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa các dây chuyền sản xuất quốc phòng trong trường hợp tạm ngừng sản xuất mà không có khả năng tự bù đắp chi phí;

i) Nhà nước xem xét hỗ trợ hai quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng hai tháng lương thực hiện, trong trường hợp không đủ nguồn để trích lập hai quỹ đó;

k) Nhà nước hỗ trợ kinh phí nhà trẻ, giáo dục tại địa bàn chưa có trường lớp theo hệ thống giáo dục công lập; kinh phí y tế đối với những nơi do điều kiện đặc biệt phải duy trì bệnh xá;

l) Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt hoạt động trên các địa bàn chiến lược, kết hợp nhiệm vụ kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi và hỗ trợ khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

m) Đối với chương trình, dự án cần đầu tư khẩn cấp được áp dụng cơ chế đầu tư công trong các trường hợp cấp bách;

n) Các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi, vay tín dụng do Nhà nước bảo lãnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định trong sản xuất các sản phẩm quốc phòng theo hình thức sử

dụng trước, thanh toán sau phù hợp với kinh phí mua sắm trang bị của Bộ Quốc phòng và nhiệm vụ được giao;

o) Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt là doanh nghiệp được tự chủ trong hoạt động đầu tư mua sắm về công nghệ, trang thiết bị, vật tư, dịch vụ phục vụ nghiên cứu, sản xuất, triển khai phát triển sản phẩm trong hoạt động khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh.

2. Người lao động trong cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được hưởng chính sách:

a) Chế độ, chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động và các chế độ ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

b) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề tại các trường trong, ngoài quân đội và ở nước ngoài;

c) Chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật trong trường hợp bị thương hoặc bị chết khi đang thực hiện nhiệm vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 42. Chính sách đối với doanh nghiệp trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp

1. Chuẩn bị động viên công nghiệp, doanh nghiệp được:

a) Bảo đảm kịp thời, đầy đủ tài liệu công nghệ và trang thiết bị để hoàn chỉnh dây chuyền động viên công nghiệp;

b) Bảo đảm kịp thời, đúng chủng loại, số lượng, chất lượng vật tư phục vụ sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật để duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp;

c) Được hạch toán chi phụ cấp đặc thù, phụ cấp thâm niêm, phụ cấp trách nhiệm, độc hại, thu hút vào giá thành sản phẩm để chi trả cho người lao động trực tiếp trong thời gian thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa sản phẩm động viên công nghiệp;

d) Thanh toán và bảo đảm kinh phí đúng thời hạn;

đ) Doanh nghiệp khi thực hiện sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật và tiếp nhận chuyển giao công nghệ trong động viên công nghiệp, không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thực hành động viên công nghiệp, doanh nghiệp được:

a) Bảo đảm phương tiện vận chuyển khi di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp đến địa điểm mới;

- b) Bảo đảm kịp thời vật tư, trang thiết bị và kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp;
- c) Hưởng ưu đãi về thuế khi sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp; được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất phục vụ cho nhiệm vụ động viên công nghiệp;
- d) Giảm hoặc miễn truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong trường hợp do thực hiện quyết định động viên công nghiệp mà không thực hiện được hợp đồng kinh tế, thương mại, dân sự đang có hiệu lực vào thời điểm nhận quyết định động viên công nghiệp;
- d) Được Nhà nước cấp kinh phí bù đắp chi phí trong trường hợp giá sản phẩm được duyệt theo kế hoạch không đủ so với thực tế sản xuất, sửa chữa; kinh phí cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa vận hành dây chuyền động viên công nghiệp trong trường hợp tạm ngừng sản xuất mà không có khả năng tự bù đắp chi phí.

3. Kết thúc động viên công nghiệp, doanh nghiệp được:

- a) Bảo đảm phương tiện di chuyển dây chuyền động viên công nghiệp về địa điểm trước khi di chuyển;
- b) Hỗ trợ kinh phí để phục hồi sản xuất.

Điều 43. Chế độ trả lương và ưu đãi cho cá nhân tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng

- 1. Người lao động trong cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được trả lương và hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi như sau:
 - a) Lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, riêng đối với cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt là chế độ tiền lương thực lĩnh hàng tháng theo kết quả sản xuất kinh doanh;
 - b) Lao động trực tiếp tham gia nghiên cứu, chế tạo, sửa chữa, bảo quản, vận chuyển trang bị kỹ thuật hoặc đảm nhiệm công việc đòi hỏi trách nhiệm cao được hưởng khoản tiền trách nhiệm trong thời gian thực hiện nhiệm vụ; được hưởng khoản tiền độc hại, nguy hiểm đối với ngành nghề, công việc quốc phòng đặc thù;
 - c) Công nhân, viên chức quốc phòng, ngoài chế độ tiền lương còn được hưởng thêm chế độ phụ cấp theo quy định của pháp luật về chế độ tiền lương đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
 - d) Lao động định biên các dây chuyền sản xuất quốc phòng trong thời gian tạm ngừng sản xuất quốc phòng mà doanh nghiệp không đủ điều kiện bù đắp chi phí thì được nhà nước hỗ trợ lương;
 - d) Lao động khi làm nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, an ninh ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khi thực hiện công việc cấp bách,

nguy hiểm phục vụ quốc phòng, an ninh mà bị tai nạn thì được xét hưởng chế độ thương binh hoặc nếu bị chết thì được xét hưởng chế độ liệt sĩ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Nguồn nhân lực chất lượng cao khi làm việc trong cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt:

a) Lao động có trình độ đại học trở lên, công nhân kỹ thuật những ngành nghề đặc thù quốc phòng, công nhân kỹ thuật bậc cao được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi tại khoản 1 Điều này và chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao;

b) Được tạo điều kiện về vị trí việc làm phù hợp năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Được tạo điều kiện về đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành khi làm việc trong các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được trả lương và hưởng các chế độ chính sách ưu đãi sau:

a) Được đàm phán và hưởng lương, thưởng, lợi ích từ kết quả công việc theo thỏa thuận với cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt;

b) Được cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt ưu tiên tạo điều kiện về cơ sở vật chất và nhân lực trong triển khai nhiệm vụ.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với lao động trong cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 44. Chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp

1. Được doanh nghiệp chi trả phụ cấp đặc thù, phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, độc hại, thu hút trong thời gian thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa sản phẩm động viên công nghiệp.

2. Trong thời gian diễn tập và thực hành động viên công nghiệp mà bị tai nạn, ốm đau, bị thương, tử trận, hy sinh thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 45. Hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ trong Công nghiệp quốc phòng

1. Nhà nước khuyến khích hợp tác, tổ chức chuyển giao công nghệ, đào tạo, huấn luyện nhân lực giữa các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học công nghệ phục vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng được hưởng cơ chế chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được quyền quyết định và chịu trách nhiệm trong lựa chọn đối tác, hình thức hợp tác phù hợp khi tiến hành hợp tác với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ trong hoạt động khoa học công nghệ, bảo đảm giữ bí mật nhiệm vụ phát triển, sản xuất sản phẩm quốc phòng theo quy định.

3. Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được phép tham gia các dự án khoa học công nghệ phục vụ phát triển năng lực khoa học công nghệ quốc gia trong lĩnh vực phù hợp với chức năng nhiệm vụ của mình.

Điều 46. Chế độ, chính sách ưu đãi đặc thù trong nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ Công nghiệp quốc phòng

1. Các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được thực hiện cơ chế tự chủ trong hoạt động khoa học công nghệ:

a) Quyết định việc tổ chức nhiệm vụ khoa học công nghệ được giao;

b) Quyết định việc mua sắm chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho nhiệm vụ khoa học công nghệ.

2. Các sản phẩm khoa học công nghệ phục vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng và quốc phòng, an ninh được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các quyền lợi khác theo Luật sở hữu trí tuệ.

3. Thực hiện cơ chế trích lại một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả khoa học công nghệ để tái đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới.

4. Áp dụng chính sách mua sắm đặc thù đối với sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm, thiết bị đặc chủng phục vụ nghiên cứu, phát triển trang bị kỹ thuật.

5. Các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được phép huy động các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành tham gia các hoạt động khoa học công nghệ phục vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng.

6. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 3, 4 và 5 Điều này. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục nhóm sản phẩm mẫu, vật tư, bán thành phẩm, thiết bị đặc chủng tại khoản 4 Điều này.

7. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành có liên quan xây dựng cơ chế tự chủ trong hoạt động khoa học công nghệ tại khoản 1 Điều này.

**Chương V
HỢP TÁC QUỐC TẾ**

Điều 47. Nguyên tắc hợp tác quốc tế

1. Thực hiện hợp tác quốc tế trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế theo thẩm quyền; tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật

quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Nhà nước tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi.

3. Ưu tiên lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ lưỡng dụng.

4. Bảo đảm bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh của Việt Nam.

Điều 48. Nội dung, hình thức hợp tác quốc tế

1. Ký kết và thực hiện các điều ước, thỏa thuận quốc tế trong hợp tác Công nghiệp quốc phòng với các nước theo pháp luật về ký kết, thực hiện điều ước, thỏa thuận quốc tế.

2. Ký kết và thực hiện các hợp đồng thương mại quốc tế.

3. Liên doanh, liên kết trong hoạt động Công nghiệp quốc phòng.

4. Tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ đối tác nước ngoài.

5. Thực hiện chuyển giao công nghệ cho đối tác nước ngoài.

6. Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, trao đổi chuyên gia cho Công nghiệp quốc phòng.

7. Thăm làm việc, trao đổi thông tin, tài liệu kỹ thuật.

8. Xuất khẩu sản phẩm do cơ sở Công nghiệp quốc phòng sản xuất.

9. Nhập khẩu sản phẩm phục vụ cho các cơ sở Công nghiệp quốc phòng.

10. Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, các triển lãm quốc tế về Công nghiệp quốc phòng.

11. Các nội dung khác khi được sự cho phép của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 49. Liên doanh, liên kết trong hoạt động Công nghiệp quốc phòng

1. Khi liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài, cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt phải chấp hành quy định của Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan; đối tác nước ngoài phải được sự thẩm định, phê duyệt của các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước.

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án liên doanh, liên kết trong hoạt động Công nghiệp quốc phòng theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Trong hoạt động liên doanh, liên kết, tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của các đối tác nước ngoài không vượt quá 49%.

Điều 50. Nhập khẩu hàng quốc phòng

1. Chỉ nhập khẩu các sản phẩm quốc phòng mà Công nghiệp quốc phòng trong nước chưa sản xuất được hoặc nhập khẩu các sản phẩm quốc phòng có tiêu

chuẩn, chất lượng cao hơn và tương đương hàng quốc phòng do cơ sở Công nghiệp quốc phòng sản xuất trong trường hợp trong nước không đáp ứng được nhu cầu về số lượng.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết về quy trình nhập khẩu hàng quốc phòng.

Điều 51. Xuất khẩu dịch vụ, sản phẩm quốc phòng

1. Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt có đủ tư cách pháp nhân, năng lực được xuất khẩu dịch vụ, sản phẩm quốc phòng.

2. Đối tác nhập khẩu phải được thẩm định của cơ quan chức năng có thẩm quyền; có cam kết về mục đích sử dụng cuối cùng, người sử dụng cuối cùng theo quy định của luật pháp quốc tế.

3. Định kỳ 02 năm, Bộ Quốc phòng xây dựng, báo cáo Chính phủ phê duyệt danh mục sản phẩm quốc phòng, danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết về việc xuất khẩu dịch vụ, sản phẩm quốc phòng.

Điều 52. Hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ

1. Nội dung hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ:

- a) Chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm quốc phòng công nghệ cao;
- b) Chuyển giao tài liệu thiết kế, công nghệ;
- c) Đào tạo làm chủ thiết kế, làm chủ công nghệ sản xuất;
- d) Chuyển giao máy móc, trang thiết bị dây chuyền sản xuất;
- đ) Chuyển giao bản quyền sản xuất.

2. Lĩnh vực ưu tiên hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ:

- a) Vũ khí công nghệ cao;
- b) Công nghệ vật liệu mới.

3. Tiêu chí lựa chọn đối tác trong hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ:

- a) Ưu tiên đối tác có cam kết chuyển giao công nghệ lưỡng dụng, hiện đại;
- b) Sử dụng nguồn cung cấp vật tư, bán thành phẩm có xuất xứ nội địa, bao tiêu sản phẩm.

4. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp nhận chuyển giao công nghệ lưỡng dụng được hưởng các chính sách:

- a) Ưu đãi về thuế, phí nhập khẩu;

- b) Miễn tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đối với diện tích đất cần thiết sử dụng cho vận hành dây chuyền lưỡng dụng nhập khẩu;

c) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi để chuyển đổi sản xuất các sản phẩm quốc phòng.

5. Hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ tuân thủ các quy định của Luật này, Luật chuyển giao công nghệ và các luật khác có liên quan.

Điều 53. Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại quân sự

1. Nội dung hoạt động xúc tiến thương mại quân sự:

a) Tham gia các triển lãm quốc phòng quốc tế;

b) Tiếp xúc, trao đổi, quảng bá, giới thiệu sản phẩm quốc phòng.

2. Cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt được quyền quyết định thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại quân sự phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo danh mục sản phẩm quốc phòng được phép xuất khẩu và quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Nhà nước hỗ trợ kinh phí từ Quỹ xúc tiến thương mại cho các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt trong thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại quân sự.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết về quản lý tổ chức các triển lãm quốc phòng quốc tế tại Việt Nam.

Chương VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

Điều 54. Nội dung quản lý nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

2. Nội dung quản lý nhà nước:

a) Ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp;

b) Xây dựng và triển khai các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển Công nghiệp quốc phòng;

c) Tổ chức, kiện toàn, sắp xếp hệ thống cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt; mở rộng, kiện toàn mạng lưới cơ sở công nghiệp động viên;

d) Xây dựng kế hoạch đảm bảo nguồn lực cho Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp;

đ) Ban hành các cơ chế, chính sách quản lý đối với Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp;

e) Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành của Công nghiệp quốc phòng;

f) Quản lý việc triển khai các hoạt động Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp: Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng; nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa trang bị kỹ thuật; kế hoạch đặt hàng sản xuất, sửa chữa sản phẩm quốc phòng; chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp;

g) Quản lý sản xuất quốc phòng: Tài liệu thiết kế, công nghệ, định mức kinh tế - kỹ thuật, kiểm định, đánh giá, giám sát chất lượng sản phẩm quốc phòng;

h) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp;

i) Tổ chức, quản lý hợp tác quốc tế và thương mại quân sự về Công nghiệp quốc phòng.

k) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành, xử lý các vi phạm theo các quy định của pháp luật trong hoạt động Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

l) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý Nhà nước về Công nghiệp quốc phòng; là cơ quan chủ quản của các cơ sở Công nghiệp quốc phòng nòng cốt.

Cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng giúp Bộ Quốc phòng trực tiếp triển khai hoạt động quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

2. Kiện toàn hệ thống tổ chức Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp trong Bộ Quốc phòng.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

4. Xây dựng tiềm lực Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị thuộc quyền trong xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng danh mục sản phẩm an ninh quân dụng do Bộ Công an đặt hàng cơ sở Công nghiệp quốc phòng sản xuất.

Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng Danh mục sản phẩm an ninh quân dụng đặt hàng cơ sở Công nghiệp quốc phòng nghiên cứu, sản xuất phục vụ nhiệm vụ an ninh.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định danh mục các sản phẩm an ninh, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều này để đặt hàng cơ sở Công nghiệp quốc phòng nghiên cứu, sản xuất, cải tiến, hiện đại hóa.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ cho cơ sở Công nghiệp quốc phòng.

Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết hợp nhiệm vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý.

2. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết hợp nhiệm vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý, trong thực hiện chức năng tham mưu cho Chính phủ về tính lưỡng dụng của các dự án đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch đầu tư chương trình Công nghiệp quốc phòng, kế hoạch nhà nước về động viên công nghiệp.

5. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu động viên công nghiệp giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, dự toán ngân sách động viên công nghiệp hằng năm; dự toán cho nguồn lực dự trữ quốc gia về vật tư chiến lược phục vụ nhu cầu thời bình, thời chiến của Công nghiệp quốc phòng.

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết hợp nhiệm vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do Bộ Tài chính quản lý.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch đầu tư chương trình Công nghiệp quốc phòng, kế hoạch nhà nước về động viên công nghiệp.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn lực và danh mục dự trữ quốc gia về vật tư chiến lược phục vụ nhu cầu thời bình, thời chiến của Công nghiệp quốc phòng.

Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết

hợp nhiệm vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do Bộ Công Thương quản lý.

2. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí kết hợp nhiệm vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành, lồng ghép yếu tố lưỡng dụng trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển công nghiệp quốc gia do Bộ Công Thương quản lý.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch đầu tư chương trình Công nghiệp quốc phòng, tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch động viên công nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tham gia thẩm định các dự án đầu tư chuẩn bị động viên công nghiệp hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng trong xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển tổng thể công nghiệp quốc gia và các quy hoạch vùng.

Điều 60. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết hợp nhiệm vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong triển khai hiệu quả các chính sách huy động nguồn lực khoa học và công nghệ của quốc gia cho xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực thi các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật chuyển giao công nghệ đối với lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng.

Điều 61. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp. Có trách nhiệm ưu tiên bố trí lồng ghép kết hợp nhiệm vụ phát triển Công nghiệp quốc phòng trong chiến lược xây dựng và phát triển ngành do mình quản lý.

2. Tham gia thẩm định dự án đầu tư chuẩn bị động viên công nghiệp hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị kỹ thuật của doanh nghiệp; tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch động viên công nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

Điều 62. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về động viên công nghiệp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp;

ưu tiên quy hoạch quỹ đất tại địa phương phục vụ xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng.

2. Quản lý doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quản lý dây chuyền động viên công nghiệp theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp.

4. Thông báo bằng văn bản cho Bộ Quốc phòng kế hoạch dài hạn, 05 năm về phát triển công nghiệp của địa phương liên quan đến động viên công nghiệp.

Điều 63. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hoạt động Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy chức năng giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển Công nghiệp quốc phòng, việc thực hiện pháp luật về động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 64. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng.... năm.....
2. Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng số 02/2008/PL-UBTVQH12, Pháp lệnh Động viên công nghiệp số 09/2003/PL-UBTVQH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 65. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nội dung được giao tại các Điều khoản của Luật này.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

CỤC QUÂN LỰC / BTM
ĐẾN { Số: 690/ĐV
Ngày 30/10/2018

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12012/BC-BQP

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO
Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh
Động viên công nghiệp (2003 - 2018)

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018).

Trên cơ sở kết quả tổng kết ở các cấp, ngày 20 tháng 7 năm 2018, thửa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng tổ chức Hội nghị trực tuyến tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018);

Bộ Quốc phòng báo cáo kết quả 15 năm thực hiện Pháp lệnh Động viên công nghiệp (2003-2018) như sau:

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
PHÁP LỆNH ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong 15 năm qua, thực hiện Pháp lệnh động viên công nghiệp (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh) có những thuận lợi và những khó khăn đan xen. Toàn cầu hóa kinh tế phát triển mạnh mẽ; sản xuất công nghiệp có nhiều thay đổi theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại. Lĩnh vực khoa học, công nghệ quân sự tiếp tục có những bước nhảy vọt, nhiều loại vũ khí mới ra đời; xu hướng chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao là phổ biến. Trong nước, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp, là động lực tăng trưởng kinh tế; nhưng do hoạt động theo cơ chế thị trường nên các doanh nghiệp công nghiệp (DNCN) thường xuyên biến động, chuyển hướng kinh doanh, sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển giao quyền sở hữu, phá sản; khả năng đáp ứng cho việc huy động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng còn gặp nhiều khó khăn. Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường tiềm lực quốc phòng đã được quan tâm nhưng hiệu quả còn hạn chế; việc thực

hiện yêu cầu lưỡng dụng trong các quy hoạch, dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu đặc thù sản xuất vũ khí trang bị quân sự chưa được triển khai sâu rộng. Nhiệm vụ đặt ra đối với việc huy động công nghiệp dân sinh bảo đảm trang bị cho Quân đội là rất nặng nề; nhu cầu bảo đảm lớn, yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao, nguồn vốn còn hạn hẹp. Trong bối cảnh đó, sau 15 năm triển khai thực hiện Pháp lệnh, đánh giá một cách tổng quát, công tác ĐVCN đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng của đất nước.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO; TUYÊN TRUYỀN, PHÔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LỆNH

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Sau khi Pháp lệnh được ban hành, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền 05 văn bản QPPL và nhiều văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện.

Cấp ủy, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quan tâm, nghiên cứu quán triệt, đề ra chủ trương, giải pháp, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện một cách đồng bộ nhiệm vụ ĐVCN theo đúng quy định của Pháp lệnh và chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Pháp lệnh

Các bộ, ngành, địa phương, đơn vị quân đội đã triển khai phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Pháp lệnh đến các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, DNCN và Nhân dân bằng nhiều hình thức; tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, DNCN, cá nhân ngày càng được nâng lên, tích cực tham gia công tác ĐVCN.

II. KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) tổ chức hai đợt tổng khảo sát năng lực công nghệ sản xuất, sửa chữa của các DNCN trên phạm vi toàn quốc (năm 2007, 2016). Tiến hành rà soát hơn ba trăm nghìn doanh nghiệp; lựa chọn khảo sát được hàng nghìn DNCN trong các lĩnh vực: Cơ khí, hóa chất, luyện kim, điện tử. Năm 2012, lựa chọn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 211 DNCN đủ điều kiện ĐVCN;

hiện nay, đang tiếp tục đánh giá, lựa chọn Hồ sơ của 5.451 DNCN đã khảo sát năm 2016, 2017 để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Việc khảo sát đã giúp Bộ Quốc phòng có cơ sở đánh giá tiềm lực nền công nghiệp, khả năng huy động năng lực của DNCN thực hiện nhiệm vụ quốc phòng khi có chiến tranh; đồng thời giúp các bộ, ngành, địa phương chủ động huy động nguồn lực, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng; làm cơ sở để triển khai thực hiện nhiệm vụ trong từng giai đoạn và xây dựng Kế hoạch Nhà nước về ĐVCN.

2. Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp

Bộ Quốc phòng phối hợp với các bộ, ngành liên quan chuẩn bị một số yếu tố cơ bản, làm căn cứ để triển khai xây dựng Kế hoạch Nhà nước về ĐVCN như: Đánh giá thực lực, tính toán nhu cầu trang bị của Quân đội; dự báo mức tiêu hao trong chiến tranh; đánh giá khả năng sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp quốc phòng và từ các nguồn khác; triển khai khảo sát khả năng sản xuất, sửa chữa của các DNCN; ban hành đầy đủ hệ thống mẫu biểu, hướng dẫn xây dựng kế hoạch ĐVCN của các bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Kế hoạch Nhà nước về ĐVCN sẽ được triển khai xây dựng sau khi Bộ Quốc phòng tổng hợp kết quả khảo sát năm 2016, 2017 và lựa chọn các DNCN đủ điều kiện ĐVCN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Xây dựng, quản lý, duy trì dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị

Trên từng hướng, từng khu vực, từng địa phương đã tiến hành đầu tư, xây dựng được các dây chuyền ĐVCN sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị cho Quân đội. Số lượng các dây chuyền được xây dựng mới tăng; trình độ sản xuất của các dây chuyền ngày càng được hoàn thiện. Vũ khí trang bị sản xuất, sửa chữa trên các dây chuyền ĐVCN đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, nghiêm thu, đưa vào trang bị quân sự và cấp phát cho các đơn vị sử dụng trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu. Việc sản xuất, sửa chữa trang bị để duy trì năng lực dây chuyền ĐVCN ở các DNCN được thực hiện đúng theo quy định của Pháp lệnh (định kỳ không quá 4 năm một lần).

Công tác quản lý các dây chuyền ĐVCN được thực hiện ở 3 cấp (Quân khu, Bộ CHQS cấp tỉnh, DNCN); định kỳ tiến hành kiểm kê, báo cáo về cơ quan quản lý theo phân cấp. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá thực trạng, kịp thời đưa ra khỏi danh mục quản lý, thu hồi các dây chuyền sản xuất loại trang bị không còn trong biên chế quân đội, không đúng đối tượng ĐVCN, không còn khả năng ĐVCN do DNCN đã giải thể, chuyển đổi mục đích kinh doanh.

4. Bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động

Thực hiện kế hoạch huấn luyện hằng năm của Bộ Quốc phòng, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động, lực lượng tham gia trong các dây chuyền

ĐVCN. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào các vấn đề thiết thực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ như: Nâng cao trình độ chuyên môn; huấn luyện cho lực lượng kỵ cận; công tác bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ trong sản xuất, sửa chữa trang bị; huấn luyện bắn thử nghiệm, nghiệm thu các loại vũ khí, đạn dược; tập huấn nghiệp vụ khi doanh nghiệp có sự thay đổi, phát triển về công nghệ. Nội dung, chương trình huấn luyện được xây dựng, phê duyệt, kiểm tra, đánh giá kết quả theo đúng quy định.

5. Diễn tập động viên công nghiệp

Căn cứ vào kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ, một số địa phương đã xác định và có kế hoạch chuẩn bị địa điểm di chuyển cho các DNCN thuộc diện ĐVCN phải di chuyển khi chiến tranh xảy ra. Chủ động diễn tập ĐVCN khi diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố ở nhiều mức độ như: Tổ chức diễn tập thực hành ĐVCN với quy mô lớn bao gồm cả xây dựng văn kiện và thực hành di chuyển DNCN; tổ chức bảo đảm vật tư, tài chính; thực hành sản xuất, sửa chữa trang bị tại địa điểm di chuyển khi có chiến tranh (thành phố Hải Phòng, tỉnh Ninh Bình). Sử dụng vũ khí trang bị sản xuất trên dây chuyền ĐVCN bắn huấn luyện, diễn tập hoặc trang bị cho các lực lượng trong diễn tập khu vực phòng thủ địa phương (Quân khu 1, 5, 9). Các địa phương khác, tùy theo quy mô và khả năng đã thực hành huy động năng lực của DNCN trên địa bàn để sản xuất một số mặt hàng bảo đảm cho nhu cầu tác chiến của các lực lượng trong khu vực phòng thủ. Nội dung diễn tập ĐVCN gắn với diễn tập khu vực phòng thủ được các địa phương thực hiện trong những năm qua đạt được mục đích, yêu cầu, rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu.

6. Bảo đảm ngân sách động viên công nghiệp

Các cơ quan, đơn vị, DNCN đã làm tốt công tác tham mưu, phối hợp, chủ động đề xuất, lập và thẩm định dự toán ngân sách để triển khai hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ ĐVCN. Trên cơ sở chỉ tiêu ngân sách Thủ tướng Chính phủ giao, việc giao chỉ tiêu, phân cấp ngân sách ĐVCN được tiến hành đồng bộ, thống nhất, theo đúng thẩm quyền từ Bộ Quốc phòng đến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và DNCN, đơn vị quân đội. Kết hợp chặt chẽ, hợp lý việc sử dụng ngân sách trung ương với huy động nguồn ngân sách địa phương. Công tác quản lý, sử dụng ngân sách đúng theo quy định của pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả.

7. Thực hiện các quy định về chế độ chính sách

Các DNCN khi tham gia nhiệm vụ ĐVCN được bảo đảm đầy đủ, kịp thời tài liệu công nghệ, trang thiết bị, vật tư để hoàn chỉnh dây chuyền, sản xuất thử và khi sản xuất, sửa chữa trang bị để duy trì năng lực dây chuyền. Giá thanh toán sản phẩm ĐVCN được xác định, quản lý và thanh toán theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý trên cơ sở định mức, khung giá của Nhà nước và Bộ Quốc phòng tại thời điểm thanh toán; bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và

người lao động. Một số chính sách đặc thù khi tham gia thực hiện nhiệm vụ ĐVCN (như hỗ trợ chi phí do trượt giá; chế thử sản phẩm; phát sinh tỷ lệ sản phẩm hư hỏng do không sản xuất thường xuyên...) được bảo đảm kịp thời, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các đối tượng được huy động tham gia nhiệm vụ ĐVCN.

8. Thực hiện quy định quản lý nhà nước về động viên công nghiệp

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các cấp, các ngành đã triển khai thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về ĐVCN như: Xây dựng, ban hành, hướng dẫn thi hành các văn bản QPPL; tuyên truyền, giáo dục pháp luật; kiểm tra, thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; sơ kết, tổng kết. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước về ĐVCN đã từng bước được thực hiện theo quy định của pháp luật về ĐVCN.

C. HẠN CHẾ, BẤT CẬP

I. HẠN CHẾ

1. Nhiệm vụ ĐVCN được duy trì và từng bước có sự phát triển nhưng chưa thật sự có vai trò nổi bật; kết quả đạt được chưa tương xứng với thực tế về tiềm năng, thế mạnh của từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương.

2. Nhiệm vụ ĐVCN chưa được thực hiện đồng bộ, toàn diện, thống nhất trên toàn quốc; một số nội dung chưa được thực hiện đầy đủ hoặc chưa triển khai thực hiện, như: Xây dựng Kế hoạch nhà nước về ĐVCN; giao chỉ tiêu ĐVCN cho các bộ, ngành, địa phương; dự trữ vật tư; chuẩn bị địa điểm cho DNCN di chuyển khi có chiến tranh.

3. Trong một thời gian dài, việc huy động các DNCN để ĐVCN chỉ được tiến hành một cách nhỏ lẻ, riêng rẽ; chưa có quy hoạch tổng thể, kế hoạch thống nhất của Nhà nước. Các dự án xây dựng dây chuyền ĐVCN chỉ đạt đến trình độ lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa một số ít chủng loại vũ khí trang bị, sản xuất được một số loại đạn bộ binh thông thường; chưa có khả năng sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị hiện đại, công nghệ cao.

4. Sự kết hợp giữa công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân sinh trong ĐVCN còn thiếu chặt chẽ và chưa toàn diện.

II. BẤT CẬP

1. Pháp lệnh chưa kịp thời thể chế hóa đầy đủ, toàn diện chủ trương, quan điểm của Đảng

Từ năm 2003 đến nay, Đảng ta đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, an ninh, liên quan đến

ĐVCN nhưng chưa được kịp thời thể chế hóa trong Pháp lệnh hiện hành, như:

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị (Khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, xác định rõ và đồng bộ phương hướng, mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về xây dựng khu vực phòng thủ.

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) xác định rõ chủ trương, quan điểm mới về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã có sự phát triển mới về phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang như "...sẵn sàng vũ trang toàn dân bảo vệ Tổ quốc".

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc có sự phát triển là "bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa"; nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với quốc phòng, an ninh có sự phát triển là "tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; nhà nước quản lý "tập trung, thống nhất" đối với quốc phòng, an ninh; yếu tố văn hóa, đối ngoại được bổ sung trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và tiềm lực khu vực phòng thủ; kết hợp quốc phòng với kinh tế, văn hóa, xã hội và kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng.

2. Một số quy định của Pháp lệnh chưa thống nhất, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

a) Về tính phù hợp với Hiến pháp năm 2013

Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: "*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*". Vì vậy, việc luật hóa các quy định của Pháp lệnh bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013 là yêu cầu bắt buộc và cần thiết.

b) Về đối tượng áp dụng

Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh quy định "*Động viên công nghiệp là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa của DNCN ngoài lực lượng vũ trang để sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội*" chưa phù hợp với Điều

68, Hiến pháp năm 2013 quy định “...bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân”; với Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN thông qua ngày 08/6/2018 tại kỳ họp thứ 5, Khóa 14 quy định nhiệm vụ công nghiệp quốc phòng (trong đó có ĐVCN) bao gồm “nghiên cứu phát triển, ứng dụng cải tiến, hiện đại hóa vũ khí trang bị, vật tư kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ cho quốc phòng; phù hợp với chiến lược bảo đảm vũ khí trang bị, thiết bị quân sự bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân”.

c) Về quy định không huy động DNCN có yếu tố nước ngoài

Điều 2, Pháp lệnh quy định “*Động viên công nghiệp không áp dụng đối với các DNCN có vốn đầu tư nước ngoài được quy định trong Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*” là chưa hoàn toàn phù hợp với thực tiễn và tình hình phát triển của kinh tế, xã hội, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, cần bổ sung quy định để mở rộng huy động các DNCN có vốn đầu tư nước ngoài nhưng thành viên hoặc cổ đông nước ngoài có tỷ lệ góp vốn ít, không có quyền biểu quyết hoặc DNCN được giao nhiệm vụ ĐVCN sản xuất các loại bán sản phẩm, sản phẩm, không có yêu cầu bí mật quân sự (trừ doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài). Thực tiễn nghiên cứu, đa số các nước trên thế giới đều triển khai huy động theo phương thức này.

d) Về lĩnh vực hoạt động của các DNCN cần huy động

Pháp lệnh chưa quy định về lĩnh vực hoạt động của các DNCN thuộc diện huy động (việc này được quy định ở văn bản dưới Pháp lệnh là Nghị định số 132/2004/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Động viên công nghiệp; theo đó, ĐVCN chỉ huy động “các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện tử”). Kết quả tổng kết tại hầu hết các đơn vị, địa phương đều đánh giá quy định như vậy là chưa đầy đủ, văn bản thực hiện là Nghị định nên tính hiệu lực pháp lý không cao và không mở rộng huy động DNCN hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác là chưa sát với thực tiễn. Vì vậy, cần nghiên cứu, bổ sung quy định mở rộng huy động các DNCN hoạt động trong một số lĩnh vực khác như: Tự động hóa, vật liệu mới, chế biến, công nghệ thông tin, năng lượng, dược, y tế... nhằm huy động cao nhất mọi nguồn lực công nghiệp “phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc” đã quy định tại Điều 64 Hiến pháp năm 2013.

e) Về sản phẩm ĐVCN

Khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh quy định ĐVCN chỉ tiến hành sản xuất, sửa chữa “trang bị là các loại vũ khí, khí tài phương tiện kỹ thuật có trong biên chế của Quân đội”; quy định như trên là chưa đầy đủ, chưa sát với thực tiễn. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định ĐVCN để tiến hành sản xuất, sửa chữa các loại trang bị chính (vũ khí, khí tài phương tiện kỹ thuật), trang bị hỗ trợ, trang bị bảo

đảm; bán sản phẩm để cấu thành một loại trang bị hoàn chỉnh; các loại trang bị, vũ khí thô sơ không có trong biên chế của Quân đội nhưng trong thực tiễn vẫn có nhu cầu để bảo đảm cho nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân.

g) Về những hành vi bị cấm

Khoản 4 Điều 6 nghiêm cấm hành vi: "*Sử dụng sản phẩm ĐVCN vào mục đích kinh doanh và các mục đích khác*" nhưng trong Pháp lệnh chưa có điều khoản nào quy định cụ thể về "*sản phẩm ĐVCN*" và "*mục đích sử dụng sản phẩm ĐVCN đúng quy định của pháp luật*". Quy định này chưa chặt chẽ, chưa đầy đủ và còn bỏ sót hành vi vi phạm. Vì vậy, cần bổ sung quy định để làm rõ "*sản phẩm ĐVCN bao gồm trang bị hoàn chỉnh và các bộ phận cấu thành trang bị*" và "*các sản phẩm ĐVCN chỉ được sử dụng vì mục đích quân sự được quy định theo Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*".

h) Về quy định phân cấp quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN

Quy định về phân cấp quản lý, triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN đối với các DNCN thuộc quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty có những điểm chưa phù hợp, còn chồng chéo, phân tán. Trên thực tế việc phân định giữa DNCN thuộc quyền quản lý địa phương hoặc trung ương chưa có quy định cụ thể (quản lý nhà nước, quản lý hành chính, quản lý chuyên môn); nhiều doanh nghiệp thuộc quyền quản lý của các bộ, ngành, tổng công ty chưa thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan quản lý địa phương; do vậy, địa phương khó tổng hợp và nắm bắt toàn bộ DNCN trên địa bàn... Vì vậy, cần có quy định để phân định rõ vai trò quản lý đối với các DNCN theo địa bàn tỉnh, thành phố khi thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

i) Về cơ chế thực hiện nhiệm vụ

Pháp lệnh hiện hành quy định ĐVCN được thực hiện theo "*cơ chế giao nhiệm vụ, đầu tư*"; phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến các bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và DNCN. Cơ chế này có những hạn chế nhất định, qua nhiều khâu triển khai, thiếu tính chủ động và kịp thời; hiệu quả thấp và gây lãng phí lớn khi doanh nghiệp sáp nhập, chia tách, phá sản, giải thể, đổi mới công nghệ, thay đổi mục đích kinh doanh... dẫn đến không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ ĐVCN (tổn bộ các trang thiết bị được đầu tư không thể giao cho doanh nghiệp khác do không đồng bộ về quy trình sản xuất). Vì vậy, cần nghiên cứu, xác định cơ chế thực hiện đối với từng loại hình doanh nghiệp; kết hợp cơ chế đặt hàng hoặc cơ chế khác cho phù hợp, tăng hiệu quả, bảo đảm chất lượng.

k) Về quy định chế độ chính sách

Trong Pháp lệnh, chế độ, chính sách, đảm bảo quyền lợi của DNCN và

người lao động trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN mới chỉ là quy định khung, chưa đầy đủ, cụ thể; chưa phù hợp với hoạt động quân sự đặc thù; chưa có cơ chế hỗ trợ, thu hút, khuyến khích, ưu tiên các DNCN, cá nhân tham gia ĐVCN. Trong thực tiễn, các cơ quan chức năng (cơ quan quản lý, cơ quan thực hiện chi trả chính sách...) chưa đủ cơ sở để thực hiện; DNCN, người lao động khó tiếp cận và thực hiện các thủ tục để thụ hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Pháp lệnh và các văn bản liên quan.

I) Về quy định thuế

Các quy định về thuế trong Pháp lệnh còn có nội dung bất cập, chưa cụ thể, đầy đủ; chỉ quy định “*ưu đãi về thuế*” cho DNCN khi thực hành ĐVCN (Khoản C Điều 28), chưa quy định thuế cho DNCN khi chuẩn bị ĐVCN. Do vậy, khi tiến hành thủ tục hoàn thuế, cơ quan thuế không đủ cơ sở để đối chiếu và thường áp dụng, vận dụng theo nhiều văn bản khác nhau, hiệu lực pháp lý không cao (Hiện nay đang áp dụng theo quy định tại mục 18 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC “*Chỉ có doanh nghiệp của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài cho Quân đội mới không chịu thuế giá trị gia tăng; các đơn vị không thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được giao nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài vẫn phải chịu thuế giá trị gia tăng*”). Do vậy, trong thực tế nhiều DNCN khi tham gia ĐVCN nhưng vẫn không được thụ hưởng ưu đãi về thuế.

m) Về xử lý vi phạm

Điều 35, 36 Pháp lệnh quy định xử lý các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp. Tuy nhiên, quy định này mới chỉ ở dạng khung mà chưa có chế tài cụ thể; do vậy, khi xem xét hành vi vi phạm, cơ quan thực thi pháp luật phải nghiên cứu, đối chiếu nhiều văn bản, không kịp thời giáo dục, răn đe, xử lý, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Trên thực tế nhiều chủ doanh nghiệp và người lao động né tránh không thực hiện nhiệm vụ, không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, trung thực thông tin của doanh nghiệp; chưa kịp thời thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt... nhưng cơ quan có chức năng không đủ cơ sở để xử lý. Vì vậy, cần phải bổ sung, chi tiết quy định này.

n) Một số vấn đề khác

Ngoài những nội dung trên, cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định, sử dụng từ ngữ, kỹ thuật lập pháp bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

Những bất cập trên đã được các bộ, địa phương, cơ quan, tổ chức tổng kết, xem xét, đánh giá một cách nghiêm túc và kiến nghị luật hóa cho phù hợp với tình hình trong giai đoạn hiện nay.

D. NGUYÊN NHÂN

I. NGUYÊN NHÂN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, địa phương có liên quan, cùng với sự chuyển biến nhận thức về nhiệm vụ ĐVCN là động lực quan trọng để triển khai thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh.

2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các DNCN, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chủ trì các địa phương và cơ quan, đơn vị và DNCN trong quán triệt và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu ĐVCN.

3. Chủ động nghiên cứu, đề xuất; phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương kiểm tra, đôn đốc, kịp thời giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. NGUYÊN NHÂN HẠN CHẼ, BẤT CẬP

1. Việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để tăng cường quản lý nhà nước về ĐVCN đã được bổ sung, hoàn thiện, song vẫn chưa đồng bộ, kịp thời; chưa có cơ chế phù hợp, chế độ, chính sách ưu tiên, khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để huy động tiềm lực công nghiệp quốc gia; nội dung các quy định còn nhiều bất cập, thiếu cụ thể, chưa đồng bộ với hệ thống văn bản QPPL hiện hành, chưa phù hợp với sự phát triển của tình hình hiện nay.

2. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp để kết hợp kinh tế với quốc phòng của quốc gia, của từng địa phương chưa được coi trọng đúng mức; chưa chú trọng phát triển các DNCN sản xuất các sản phẩm có tính lưỡng dụng, vừa phục vụ cho phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng.

3. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa thường xuyên gắn việc thực hiện Pháp lệnh với việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành, địa phương, đơn vị; chưa phát huy hết hiệu lực của các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Chỉ đạo, điều hành, ở một số địa phương, đơn vị chưa quyết liệt; sự phân công phân cấp, phối hợp hiệp đồng chưa đồng bộ, nhịp nhàng; có biểu hiện khoán trackage cho cơ quan quân sự các cấp.

4. Vai trò tham mưu của cơ quan quân sự các cấp (cơ quan quân sự địa phương, cơ quan chuyên trách, bán chuyên trách ở các cấp, các ngành, cán bộ làm công tác ĐVCN) còn nhiều hạn chế; biên chế lực lượng theo dõi, chỉ đạo công tác ĐVCN chủ yếu là kiêm nhiệm; do vậy, quá trình triển khai thực hiện thiếu đồng bộ, phối hợp chưa thống nhất.

5. Ngân sách bảo đảm cho nhiệm vụ ĐVCN rất hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

E. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA SAU 15 NĂM THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Pháp lệnh và các văn bản quy định chi tiết thi hành là cơ sở pháp lý để huy động các DNCN ngoài lực lượng vũ trang tham gia sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội; góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng của đất nước và hoàn thiện hệ thống pháp luật về động viên quốc phòng trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Qua 15 năm thực hiện, các cấp, các ngành đã thực hiện và đã đạt được một số kết quả quan trọng các nội dung quy định trong Pháp lệnh; huy động các DNCN ngoài lực lượng vũ trang tham gia sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội, góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng của đất nước. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ ĐVCN từng bước được quan tâm hơn. Đã xây dựng, ban hành được một số văn bản, từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức triển khai thực hiện. Tiến hành đầu tư, xây dựng, đưa vào sử dụng, duy trì năng lực một số dây chuyền ĐVCN để sản xuất, sửa chữa trang bị và sẵn sàng động viên khi cần thiết. Tuy nhiên, việc huy động năng lực của các DNCN thực hiện nhiệm vụ ĐVCN vẫn chưa tương xứng với tiềm lực công nghiệp của đất nước, còn nhỏ lẻ và phân tán, hiệu quả chưa cao. Các dây chuyền, thiết bị công nghệ hiện đại chiếm tỉ lệ thấp; đến nay mới chỉ đạt đến trình độ lắp ráp, sửa chữa vừa, bảo dưỡng một số loại vũ khí hoặc sản xuất một số đạn bộ binh thông thường, chưa có khả năng sản xuất, sửa chữa vũ khí hiện đại, công nghệ cao. Tổ chức, cơ chế quản lý, thực hiện còn nhiều bất cập. Quá trình triển khai thực hiện đã rút ra được một số kinh nghiệm thực tiễn; đánh giá được những hạn chế, khó khăn, bất cập về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, làm cơ sở để triển khai nhiệm vụ ĐVCN trong những năm tiếp theo.

3. Một số quy định trong Pháp lệnh còn thiếu thống nhất, chưa phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các văn bản QPPL hiện hành; chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA SAU 15 NĂM THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

1. Thường xuyên quán triệt các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp Nhân dân, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, DNCN nắm chắc và hiểu rõ về Pháp lệnh; từ đó đề cao trách nhiệm đối với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng nói chung, nhiệm vụ ĐVCN nói riêng.

2. Phải có hệ thống văn bản QPPL, văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ ĐVCN thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và từng địa phương.

3. Xây dựng kế hoạch, chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương gắn với quy hoạch phát triển tổng thể, quy hoạch vùng. Chú trọng phát triển DNCN thuộc các ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện tử gắn với nhiệm vụ công tác quân sự quốc phòng; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội và các lực lượng tác chiến trong khu vực phòng thủ. Phải có cách làm phù hợp với thực tế từng địa phương, doanh nghiệp để có những bước đi vững chắc, toàn diện, góp phần xây dựng địa phương giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực, trình độ thực hiện tốt nhiệm vụ ĐVCN; đồng thời quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các DNCN mở rộng sản xuất. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với DNCN và người lao động trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

5. Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành của địa phương với cơ quan quân sự, thực hiện tốt công tác khảo sát, phúc tra, quản lý và nắm chắc năng lực sản xuất, sửa chữa của các DNCN thuộc đối tượng tham gia ĐVCN theo quy định của Pháp lệnh.

6. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm theo từng nhiệm vụ, từng giai đoạn; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát để kịp thời chấn chỉnh khuyết điểm, yếu kém; biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ; kiên quyết xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về ĐVCN.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt công tác dự báo, tham mưu chiến lược; kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước về các giải pháp để chuẩn bị chu đáo, toàn diện cho chiến tranh ngay từ thời bình, trong đó xác định vị trí, vai trò của ĐVCN là bộ phận hữu cơ, không thể

tách rời; chủ động, tích cực huy động hiệu quả các DNCN góp phần bảo đảm vũ khí trang bị, tăng cường sức mạnh quân sự, củng cố tiềm lực quốc phòng.

2. Rà soát nội dung và tình hình thực hiện các văn bản về ĐVCN để xây dựng, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách về ĐVCN theo hướng đổi mới, cải cách hành chính, phù hợp với chiến lược bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Chú trọng xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để huy động tối đa các nguồn lực công nghiệp; mở rộng phạm vi, đối tượng, thành phần, tạo hành lang pháp lý quan trọng để triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

3. Khảo sát, đánh giá chính xác, quản lý chặt chẽ tiềm lực công nghiệp, khả năng huy động các DNCN tham gia ĐVCN bảo đảm trang bị cho nền quốc phòng khi có chiến tranh trên từng địa phương, từng vùng, từng hướng. Huy động tối đa mọi tiềm lực của công nghiệp dân sinh; đặc biệt là các ngành có khả năng tham gia sâu, thiết thực vào nhiệm vụ ĐVCN sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội như: Cơ khí, chế tạo, luyện kim, hóa chất, điện tử, công nghệ, nghiên cứu, tin học, bưu chính – viễn thông.

4. Xây dựng Kế hoạch Nhà nước về ĐVCN. Định hướng, chỉ đạo, đồng bộ các cơ sở dữ liệu để xây dựng kế hoạch ĐVCN của các bộ, ngành, tổng công ty, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và kế hoạch của từng DNCN. Xác định bố trí chiến lược trong xây dựng các dự án chuẩn bị ĐVCN, danh mục sản phẩm; tạo yếu tố chủ động triển khai nhiệm vụ ĐVCN ở các cấp.

5. Duy trì năng lực các dây chuyền ĐVCN đã được xây dựng; tiếp tục hoàn thiện công nghệ sản xuất, sửa chữa để duy trì và nâng cao chất lượng, độ tin cậy, ổn định của sản phẩm, bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất; nâng cao khả năng sẵn sàng động viên của các dây chuyền ĐVCN khi cần thiết. Đưa vào trang bị quân sự và sử dụng trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu các loại trang bị đã được nghiệm thu. Rà soát, kiểm tra, đánh giá thực trạng, kịp thời đưa ra khỏi danh mục quản lý, thu hồi trang thiết bị do Nhà nước và Bộ Quốc phòng đầu tư tại các dây chuyền sản xuất trang bị không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

6. Kết hợp chặt chẽ công nghiệp quốc phòng nòng cốt với công nghiệp dân sinh. Tận dụng thành tựu khoa học công nghệ để triển khai xây dựng các dây chuyền ĐVCN; từng bước tiếp cận và nâng cao năng lực công nghệ sản xuất theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng địa bàn; phát triển từ chiều rộng (huy động các DNCN có quy mô nhỏ, công nghệ đơn giản, sản xuất các sản phẩm đơn giản), đến phát triển theo chiều sâu (huy động các DNCN sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ, kỹ thuật cao. Khai thác thế mạnh, khả năng của từng vùng, từng địa phương, từng DNCN để triển khai thực hiện nhiệm vụ ĐVCN phù hợp với chiến lược trang bị của lực lượng vũ trang nhân dân; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

II. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

1. Cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể địa phương, các đơn vị quân đội tiếp tục quán triệt, chủ trương, đường lối chiến tranh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng và các quy định trong Pháp lệnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục Pháp lệnh sâu rộng tới mọi tầng lớp Nhân dân, DNCN và người lao động.
2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chủ trì các địa phương và cơ quan, đơn vị trong quán triệt và triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ ĐVCN.
3. Thực hiện tốt công tác khảo sát, phúc tra, quản lý chặt chẽ năng lực sản xuất, sửa chữa của các DNCN trên địa bàn; tạo cơ sở vững chắc để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ ĐVCN được giao.
4. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp với củng cố, tăng cường quốc phòng, phù hợp với chiến lược quốc phòng, chiến lược bảo vệ Tổ quốc và phải có sự tham gia, phối hợp thẩm định của Bộ Quốc phòng về những nội dung liên quan đến quốc phòng. Chú trọng phát triển các dự án sản xuất sản phẩm có tính lưỡng dụng, bảo đảm tính cân đối, đồng bộ, quy mô hợp lý; bố trí phù hợp dây chuyền ĐVCN ở địa bàn chiến lược, vừa góp phần bảo đảm nhu cầu vũ khí trang bị cho Quân đội, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.
5. Nâng cao chất lượng chính trị, bảo đảm cho hoạt động có hiệu quả của các tổ chức Đảng, Đoàn trong các DNCN.
6. Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các DNCN mở rộng sản xuất; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với các DNCN, người lao động tham gia thực hiện nhiệm vụ ĐVCN theo quy định của Pháp lệnh. Đề xuất chế độ, chính sách đặc thù, ưu tiên, khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia ĐVCN; hỗ trợ các DNCN sản xuất các mặt hàng dân sự có công nghệ tương đương với nhóm sản phẩm quốc phòng.
7. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát để kịp thời chấn chỉnh khuyết điểm, yếu kém; thực hiện sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về ĐVCN; tăng cường chức năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác ĐVCN ở tất cả các cấp, các ngành.

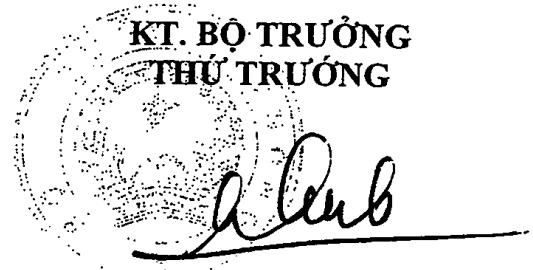
**Phần thứ 3
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề nghị Chính phủ báo cáo Quốc hội nâng Pháp lệnh Động viên công nghiệp thành Luật Động viên công nghiệp để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện nhiệm vụ ĐVCN đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Bộ Quốc phòng kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./. N

Nơi nhận:

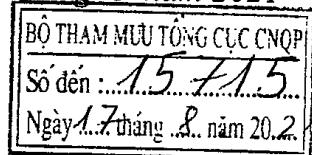
- Như trên;
- Bộ trưởng BQP (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Cục Quân lực/BTTM;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, PC, NCTH; T10.



Thượng tướng Phan Văn Giang

Số. 2934 /BC-BQP

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021



16

BÁO CÁO
Tổng kết 12 năm thực hiện
Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng (2008-2020)



Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng số 02/2008/UBTVQH12 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 26/01/2008 và Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 05/02/2008; được sửa đổi, bổ sung tại Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV. Qua 12 năm triển khai thực hiện, Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng là cơ sở pháp lý để các bộ, ngành, địa phương, đơn vị Quân đội quán triệt, tổ chức thực hiện xây dựng Công nghiệp quốc phòng (CNQP); góp phần thiết thực vào công cuộc đổi mới đất nước, củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP. Trên cơ sở kết quả tổng kết ở các cấp, ngày 15/7/2021, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng tổ chức Hội nghị tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP.

Bộ Quốc phòng báo cáo kết quả 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP (sau đây viết gọn là Pháp lệnh) như sau:

Phần I

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong 12 năm thực hiện Pháp lệnh có những thuận lợi khó khăn đan xen, xu thế toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực. Cảnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ và giữa các nước lớn diễn ra dưới nhiều hình thức, nhất là cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc diễn ra ngày càng gay gắt, đặc biệt gần đây đại dịch Covid-19 kéo dài gây suy thoái, ảnh hưởng đến kinh tế, thương mại toàn cầu và xu thế chiến tranh hiện đại. CNQP các nước có rất nhiều thay đổi theo hướng tiếp cận công nghiệp tiên tiến hiện đại; công nghệ quân sự tiếp tục có những bước nhảy vọt, nhiều loại vũ khí mới ra đời; xu hướng chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng phổ biến. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn biến nhanh, mở ra nhiều cơ hội đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức

đối với mỗi quốc gia. Đảm bảo quốc phòng, an ninh theo hướng thông minh hóa các trang thiết bị vũ khí vẫn luôn là chiến lược CNQP của Liên minh Châu Âu, Mỹ, Nga, Trung Quốc và nhiều quốc gia trên thế giới.

Trong nước, tình hình chính trị xã hội, quốc phòng, an ninh cơ bản ổn định, kinh tế tăng trưởng khá. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, của Quân đội các nhiệm kỳ luôn xác định quan điểm củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; đồng thời, đặt ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; đề cao, phát huy nội lực, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh, tự lực tự cường trong nghiên cứu phát triển, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật (VKTBKT); tập trung phát triển nền CNQP của đất nước, chủ động hội nhập và mở rộng hợp tác quốc tế. Đánh giá một cách tổng quát, sau 12 năm triển khai thực hiện Pháp lệnh, công tác CNQP đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng của đất nước.

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Pháp lệnh

Sau khi Pháp lệnh được ban hành, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan và tổ chức liên quan tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và nhiều văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh đã được cấp ủy, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quan tâm, nghiên cứu quán triệt, đề ra chủ trương, giải pháp. Ban hành các văn bản, kế hoạch cụ thể, tạo cơ sở, tiền đề quan trọng tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ nhiệm vụ CNQP theo đúng quy định của Pháp lệnh và chức năng nhiệm vụ được giao; tạo sự chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân về xây dựng và phát triển CNQP trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Công tác tham mưu, đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Pháp lệnh của các bộ, ngành và chính quyền địa phương

Triển khai và thực hiện Pháp lệnh, trong những năm qua, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã tham mưu cho Ban chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị ban hành các Nghị quyết chuyên đề về phát triển CNQP như: Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Quân ủy Trung ương ban hành Nghị quyết số 791-NQ/QUTW ngày 20/12/2012 về lãnh đạo công tác khoa học công nghệ (KHCN) và môi trường trong Quân đội đến năm 2020 và những năm tiếp theo... Đây là những văn kiện quan trọng, chỉ đạo, định hướng chiến lược đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP, tạo hành lang pháp lý để CNQP phát triển, đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bám sát chủ trương của Đảng, nhất là Nghị quyết 06-NQ/TW và thực tiễn đất nước, với chức năng được Chính phủ giao trách nhiệm chủ trì thực hiện quản lý Nhà nước về CNQP. Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tham mưu, đề xuất cho Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới CNQP. Đồng thời, Bộ Quốc phòng đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực đầu tư; xuất khẩu, nhập khẩu, mua sắm hàng quốc phòng; quản lý vật liệu nổ công nghiệp; đóng tàu quân sự và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.... Các bộ, ngành có liên quan đã ban hành các hướng dẫn theo chức năng quản lý Nhà nước có liên quan đến CNQP như Bộ Công an đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ; Bộ Công Thương quản lý về vật liệu nổ công nghiệp... chính quyền địa phương các cấp đã phối hợp, tham mưu, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Quân đội về CNQP hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn như cấp đất quốc phòng, đơn giản hóa các thủ tục trong hoạt động sản xuất kinh tế...

Ngoài ra, Bộ Quốc phòng đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viettel (Nghị định 05/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018), trong đó bổ sung thêm chức năng tham gia phát triển CNQP công nghệ cao cho Tập đoàn. Ban hành Thông tư số 94/2015/TT-BQP ngày 13/8/2015 về cơ chế hợp tác trong nghiên cứu, sản xuất trang bị kỹ thuật quân sự giữa các cơ quan, đơn vị trong Quân đội với Tập đoàn Viettel. Qua đó, mở rộng tiềm lực của CNQP Việt Nam, nâng cao những đóng góp của CNQP trong tham gia phát triển kinh tế.

(Chi tiết có phụ lục I kèm theo)

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp của các bộ, ngành, địa phương đến xây dựng và phát triển CNQP

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được giao, các bộ, ban, ngành, chính quyền địa phương đã phối hợp, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để xây dựng và phát triển CNQP như cấp đất, các chính sách về thuế, thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các cơ sở CNQP tham gia các hoạt động sản xuất kinh tế tại địa phương, phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự cho các cơ sở CNQP, giải quyết các sự cố, vướng mắc trên địa bàn, tạo môi trường ổn định cho sản xuất, kinh doanh... Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng trong đề xuất, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho phát triển CNQP, cùng với Bộ Quốc phòng xây dựng Quy hoạch xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 29/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ); Kế hoạch triển khai đến năm 2020 Đề án đẩy mạnh phát triển CNQP, An ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 28/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án Quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp “vũ khí công nghệ cao” đến năm 2025, tầm nhìn 2035 (Bộ Chính trị thông qua tại Thông báo Kết luận số 45-TB/TW ngày 02/02/2018). Bộ Khoa học và Công nghệ đã tạo điều kiện triển khai các Đề án, Chương trình KHCN trọng điểm quốc gia, các Đề tài KHCN cấp Nhà nước liên quan đến phát triển VKTBKT cho Quân đội. Bộ Tài chính phối hợp Bộ Quốc phòng ban hành các quy định và triển khai các thủ tục ưu đãi về thuế,

thủ tục hải quan đối với hàng hóa, vật tư quốc phòng. Bộ Công an, Bộ Công Thương phối hợp Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý Nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, phát triển công nghiệp phụ trợ và cung cấp nguyên vật liệu cho CNQP. Các cơ sở nghiên cứu ngoài Quân đội phối hợp với các cơ sở sản xuất, các cơ sở nghiên cứu của CNQP triển khai các chương trình, đề án, đề tài KHCN liên quan đến công nghệ vật liệu, lĩnh vực “vũ khí công nghệ cao”... phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu thiết kế, chế tạo, sửa chữa, cải tiến hiện đại hóa các loại VKTBKT trong Quân đội.

4. Thực hiện các nguyên tắc trong xây dựng và phát triển CNQP

Quá trình xây dựng và phát triển CNQP luôn đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, thống nhất quản lý của Nhà nước; thường xuyên được các đồng chí Lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ quan tâm, chỉ đạo sâu sát. Điều này được khẳng định trong các Báo cáo Chính trị tại các kỳ Đại hội của Đảng các khóa XI, XII và mới đây nhất là khóa XIII. Đến nay, cơ bản đã xây dựng bộ máy tổ chức quản lý hoạt động CNQP từ cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Chính phủ, các bộ, ngành đến các cơ sở CNQP nòng cốt. Trong đó, Chính phủ giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, chính quyền địa phương thực hiện tham mưu, đề xuất, quản lý, chăm lo cho sự phát triển của CNQP. Bên cạnh đó, đối với những Chương trình trọng điểm phát triển CNQP, Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, người đứng đầu các bộ, ban, ngành có liên quan là thành viên, như: Ban chỉ đạo Nhà nước về Chương trình phát triển CNQP, An ninh; Ban chỉ đạo Nhà nước về Chương trình “vũ khí công nghệ cao”.

Xây dựng và phát triển CNQP luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng yêu cầu trang bị các lực lượng vũ trang. Các sản phẩm của CNQP gắn liền với nhu cầu trang bị, phương thức tác chiến, nghệ thuật quân sự của Quân đội, đa dạng về chủng loại, chất lượng ngày càng nâng cao, đủ năng lực sản xuất các loại VKTBKT cho lục quân, sản xuất được nhiều chủng loại cho các quân binh chủng (tàu, thông tin liên lạc, ra đa, hoá học...), có đủ khả năng sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa được hầu hết chủng loại VKTBKT có trong biên chế. Chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từng bước tiếp cận để vươn lên làm chủ thiết kế công nghệ chế tạo các vũ khí thông minh và tích hợp các hệ thống vũ khí có điều khiển... Nghiên cứu, ứng dụng các vật liệu mới, các chuyên ngành công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật... để chế tạo VKTBKT và thực hiện thí điểm chuyển đổi số, tự động hóa hệ thống chỉ huy quản lý hoạt động quân sự ở cấp Bộ Quốc phòng, Quân khu, Quân chủng.

Nguyên tắc xây dựng và phát triển CNQP luôn gắn với quan điểm phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế. Thường xuyên coi trọng phát triển nguồn nhân lực, nguồn lực KHCN, huy động thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ CNQP; tập trung đầu tư có trọng điểm cho các sản phẩm mũi nhọn với trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại; tăng tính lưỡng dụng trong đầu tư phát triển; kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất quốc phòng với kinh tế.

5. Thực hiện các nội dung hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của CNQP trong cơ chế thị trường

Thực hiện chủ trương của Đảng về chủ động hội nhập quốc tế, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ sở CNQP làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt và triển khai Nghị quyết số 22/NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 31/3/2016 của Chính phủ về đối ngoại quốc phòng; quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết số 806-NQ/QUTW ngày 31/12/2013 của Quân ủy Trung ương về hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Đến nay, lĩnh vực hợp tác quốc tế về CNQP trở thành trụ cột trong đối ngoại quốc phòng, góp phần quan trọng bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, mang lại hiệu quả thiết thực cho xây dựng và phát triển CNQP.

Đã tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế về lĩnh vực CNQP với một số nước Châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc, Hàn Quốc, Ucraina, Belarus... bên cạnh các đối tác truyền thống như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ... Qua đó tiếp cận các công nghệ tiên tiến, tìm kiếm nhà cung cấp, xây dựng mạng lưới chuyên gia - đối tác, tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như nguồn lực tài chính, tiếp nhận và làm chủ được công nghệ sản xuất VKTBKT tiên tiến, hiện đại và rút ngắn thời gian nghiên cứu, phát triển, sản xuất; nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ.

Chủ động tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế và các triển lãm quốc phòng quốc tế. Các cơ sở CNQP đã quan tâm xây dựng chiến lược phát triển thị trường trong và ngoài nước có chiều sâu, cơ bản, vững chắc; quan tâm đầu tư tiềm lực khoa học, nghiên cứu cải tiến dây chuyền công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, quản trị doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm tăng sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kinh tế đối ngoại để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả. Điển hình như năm 2018, lần đầu tiên Bộ Quốc phòng giao Tổng cục CNQP chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia trưng bày sản phẩm do CNQP Việt Nam sản xuất tại Triển lãm quốc phòng quốc tế tại Triển lãm quốc phòng quốc tế Indo Defense, tham gia giới thiệu sản phẩm tại diễn đàn Kỹ thuật quân sự quốc tế ARMY-2018 tại Liên bang Nga của Tập đoàn Viettel... Những hoạt động này trên đã quảng bá hình ảnh và khẳng định vị thế của CNQP Việt Nam đối với bạn bè quốc tế.

6. Thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch và chương trình, dự án đầu tư phát triển CNQP

a) Công tác lập quy hoạch, kế hoạch

Trên cơ sở nghiên cứu, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về lĩnh vực CNQP, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quân sự, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược bảo đảm vũ khí trang bị cho Quân đội nhân dân Việt Nam, Đề án về tổ chức Quân đội..., Bộ Quốc phòng

đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị, trong đó đã giao cho các Bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP; phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch xây dựng và phát triển CNQP 5 năm 2011 - 2015; Chương trình mục tiêu xây dựng và phát triển CNQP giai đoạn 2016 - 2020; Quy hoạch xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2025, tầm nhìn năm 2035; Chỉ thị về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phát triển CNQP, an ninh; Kế hoạch triển khai thực hiện đến năm 2025 Quy hoạch xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2025, tầm nhìn năm 2035. Đề phát triển “vũ khí công nghệ cao”, Bộ Quốc phòng đã xây dựng và được Bộ Chính trị thông qua Đề án quy hoạch xây dựng và phát triển “vũ khí công nghệ cao” đến năm 2025, tầm nhìn năm 2035; qua đó, tạo hành lang pháp lý quan trọng để triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP tự chủ, lưỡng dụng, đáp ứng nhu cầu sản xuất VKTBKT phục vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cho Quân đội và tham gia phát triển kinh tế.

Quy hoạch thế bố trí vùng miền và xây dựng tiềm lực CNQP đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Chiến lược Quốc phòng Việt Nam đã xác định sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt trên ba miền, nhất là miền Trung và miền Nam, phù hợp với thế trận phòng thủ chiến lược trên các chiến trường. Hiện Bộ Quốc phòng đang xây dựng Đề án nâng cao năng lực sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị lục quân khu vực miền Nam để triển khai thực hiện trong thời gian tới, đáp ứng nhu cầu tại chỗ vũ khí trang bị khi có tình huống xảy ra.

b) Công tác lập và triển khai kế hoạch đầu tư Chương trình CNQP

Công tác đầu tư phát triển tiềm lực CNQP được lãnh đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương tập trung ưu tiên cho vũ khí lục quân và các quân binh chủng, lực lượng tiền thăng lên hiện đại; đã báo cáo và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện các kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm theo đúng các quy định của pháp luật.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đầu tư, các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng, phát huy tốt các dây chuyền, trang thiết bị công nghệ được đầu tư, đã hỗ trợ tích cực cho công tác nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm mới. Kết quả đầu tư đã tạo bước đột phá về năng lực sản xuất vũ khí lục quân, đóng tàu quân sự và sản xuất các trang bị thông tin, ra đa. Cùng với nâng cao năng lực sản xuất, đã đầu tư năng lực sửa chữa, tăng hạn được nhiều loại VKTBKT hiện đại, như: máy bay chiến đấu, tên lửa hàng không, tên lửa phòng không và ra đa thế hệ mới; sửa chữa tàu ngầm Kilo, các loại tàu chiến hiện đại; đổi mới công nghệ sửa chữa, hiện đại hóa xe tăng - thiết giáp... Các kết quả nêu trên đã góp phần quan trọng trong bảo đảm VKTBKT đáp ứng yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

7. Công tác nghiên cứu khoa học, thiết kế, sản xuất, sửa chữa VKTBKT phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ CNQP

Công tác nghiên cứu khoa học, thiết kế, sản xuất, sửa chữa VKTBKT đã có bước phát triển mạnh mẽ, hiệu quả, thiết thực, phục vụ đắc lực nhiệm vụ nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới, đáp ứng yêu cầu sản xuất quốc

phòng và nhu cầu trang bị của Quân đội. Công tác bảo đảm công nghệ (tài liệu và các yếu tố về kỹ thuật, công nghệ...) cho sản xuất được triển khai chặt chẽ, bám sát nhiệm vụ trọng tâm, góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác nâng cao chất lượng sản phẩm được triển khai tổng lực và kiên quyết, từng sản phẩm được khảo sát, phân tích làm rõ các tồn tại, nguyên nhân, biện pháp khắc phục để điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Công tác đầu tư tiềm lực cho KHCN và nghiên cứu, thiết kế sản xuất, sửa chữa VKTBKT luôn được chú trọng; một số phòng thí nghiệm chuyên dùng đã được đầu tư khá đồng bộ, hiện đại và được khai thác có hiệu quả như: phòng thí nghiệm thuộc Viện KHCN Quân sự; các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở đào tạo thuộc Tổng cục CNQP, Tập đoàn Viettel; hiện đại hóa Phòng thí nghiệm Học viện Kỹ thuật quân sự... qua đó đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu, thiết kế, sửa chữa, cải tiến hiện đại hóa VKTBKT.

Bộ Quốc phòng đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả các đề án KHCN lớn như KC-NQ06, KC-T, KC-I, KC-AT, KC-KT... các đề án sản phẩm quốc gia, dự án thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao... và các đề tài, nhiệm vụ khoa học phục vụ sản xuất quốc phòng và cải tiến, hiện đại hóa vũ khí trang bị. Trong giai đoạn 2008-2021 có trên 80% VKTBKT do CNQP sản xuất là kết quả của các đề tài nghiên cứu. Riêng Tổng cục CNQP đã triển khai thực hiện gần 60 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, 200 đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ Quốc phòng và hàng trăm đề tài, nhiệm vụ cấp Tổng cục, Học Viện Kỹ thuật quân sự thực hiện 98 nhiệm vụ cấp quốc gia, 105 nhiệm vụ cấp Bộ và tương đương; Viện KHCN quân sự phối hợp với các quân chủng triển khai 24 đề tài cấp quốc gia và 64 đề tài cấp Bộ Quốc phòng... các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu chế thử sau khi đánh giá nghiệm thu phần nhiều được ứng dụng vào sản xuất.

Đến nay, CNQP đã cơ bản làm chủ thiết kế, công nghệ chế tạo, sản xuất được hầu hết các loại vũ khí, khí tài, đạn dược thuộc trang bị của sư đoàn bộ binh; các loại đạn pháo phản lực, đạn pháo chiến dịch (sản xuất loạt nhỏ); đạn súng pháo phòng không; các loại khí tài quan sát ngắm bắn (ban ngày và ban đêm) cho bộ binh và pháo binh. Đã đóng được tàu tên lửa 500 tấn, tàu pháo 400 tấn, các loại tàu tuần tiễu, tàu cứu hộ cứu nạn và các tàu bổ trợ khác. Bước đầu nghiên cứu, chế tạo thành công một số VKTBKT hiện đại, vũ khí "công nghệ cao". Đã sản xuất được nhiều chủng loại vật tư, nguyên vật liệu nền phục vụ cho sản xuất vũ khí - khí tài - đạn dược (các mác thuốc phóng thông dụng, thuốc hoả thuật, hợp kim đồng, hợp kim nhôm và một số loại thép hợp kim...). Đã nghiên cứu, chế tạo các dòng ra đa, máy thông tin thế hệ mới...; nghiên cứu phát triển thành công các hệ thống trinh sát vô tuyến điện, máy gây nhiễu, hệ thống tự động hóa chỉ huy tác chiến điện tử cho các quân khu...; nghiên cứu chế tạo máy bay không người lái trinh sát hạng nhẹ; xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin và tác chiến không gian mạng, các hệ thống mô phỏng phục vụ huấn luyện... Tiêu biểu vào tháng 9/2015, Tổng cục CNQP tổ chức thực hiện thành công cuộc bắn trình diễn 10 loại vũ khí mới do CNQP nghiên cứu, chế tạo. Vừa qua, trong tháng 5 và tháng 11/2020 Viettel bắn nghiệm thu thành công một số loại "vũ khí công nghệ cao", Tổng cục CNQP tổ

chức thực hiện thành công cuộc bắn trình diễn 16 loại vũ khí mới do Đề án KHCN cấp Bộ Quốc phòng KC.NQ.06. Đến nay, hầu hết các loại vũ khí mới bắn trình diễn đã được cho sản xuất đưa vào trang bị trong Quân đội

Công nghệ sửa chữa VKTBKT đã được nâng cấp về số lượng, chất lượng, chủng loại ngày càng tốt hơn, nhanh hơn; sau sửa chữa đạt độ tin cậy và ổn định cao, đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu. Các nhà máy CNQP cơ bản có đủ khả năng sửa chữa vừa các loại VKTBKT được trang bị trước những năm 2000; sửa chữa, cải tiến hiện đại hóa được một số loại vũ khí, khí tài như máy bay chiến đấu, tên lửa phòng không, hàng không, ra đa, tàu chiến, xe tăng... Ngoài ra, ngành cũng đang tập trung hoàn thiện năng lực sửa chữa các loại VKTBKT hiện đại mới mua sắm và được trang bị trong thời gian gần đây.

Về huy động tiềm lực KHCN của các đơn vị trong và ngoài Quân đội phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng, phát triển CNQP được Bộ Quốc phòng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, cụ thể là Tổng cục CNQP đã tham gia cùng Cục Khoa học quân sự xây dựng các chương trình hợp tác nghiên cứu KHCN giữa Bộ Quốc phòng với Bộ KHCN, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh..., một số chương trình, đề tài KHCN hợp tác giữa đơn vị nghiên cứu với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Quân đội đạt kết quả tốt.

8. Đánh giá hiệu quả kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng

Trước yêu cầu đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập và yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới, nhất là sau khi có Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI); Nghị quyết 520-NQ/QUTW ngày 25/9/2012 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của Quân đội đến năm 2020; Kết luận số 57-KL/TW ngày 16/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh, các đơn vị CNQP xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng là nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa không chỉ trước mắt mà còn là chiến lược lâu dài, góp phần quan trọng vào việc duy trì năng lực sản xuất quốc phòng, giữ gìn đội ngũ lao động và đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Các nhà máy đã tận dụng tối đa công năng dồi duí, trình độ công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng, dây chuyền sản xuất quốc phòng, kết hợp với đầu tư mới để sản xuất các sản phẩm kinh tế, tạo nguồn lực tài chính tái đầu tư cho sản xuất quốc phòng và tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Từ chỗ sản xuất các sản phẩm còn nhỏ lẻ, manh mún, giá trị thấp, đến nay, nhiều nhà máy đã phát huy thế mạnh ở lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, pháo hoa, đóng tàu, cơ khí, may mặc, điện tử, viễn thông, quang học...; từng bước xây dựng được thương hiệu cho các sản phẩm của mình. Doanh thu kinh tế ở nhiều đơn vị chiếm tỷ trọng bình quân trên 40% tổng doanh thu; doanh thu xuất khẩu sản phẩm quốc phòng từng bước tăng trưởng. Giai đoạn 2011-2021, doanh thu của toàn ngành CNQP đạt khoảng 269.700 tỷ đồng (bình quân tăng 7,8%/năm); doanh thu năm 2021 dự kiến đạt 33.900 tỷ đồng (gấp 2,1 lần so với năm 2011).

9. Tổng hợp, đánh giá cơ cấu, chất lượng, số lượng nhân lực tại các cơ sở CNQP; công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho CNQP

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ khoa học, kỹ thuật Công nghệ, công nhân lành nghề chuyên ngành đặc thù CNQP đã tăng mạnh về số lượng và chất lượng, nhất là đội ngũ nhân lực về đóng tàu, viễn thông và “vũ khí công nghệ cao”; bước đầu làm chủ được các công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa VKTBKT. Đã hình thành các tổ, nhóm nghiên cứu mạnh trên một số lĩnh vực, đặc biệt như: đạn súng bộ binh, súng bộ binh; vật liệu kim loại, phi kim loại; thuốc phóng - thuốc nổ, hoá thuật; đóng tàu; hàng không vũ trụ, trí tuệ nhân tạo... Đã tuyển dụng được một lượng lớn nhân lực chất lượng cao từ ngoài vào phục vụ trong ngành CNQP, nhất là tại Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Đến nay, tổng số lao động trong các cơ sở CNQP nòng cốt trực tiếp nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa VKTBKT khoảng 65.000 người, trong đó số lượng cán bộ khoa học kỹ thuật có tham gia nghiên cứu, thiết kế kỹ thuật, công nghệ sản xuất VKTBKT và hỗ trợ sản xuất CNQP trong toàn quân hiện có khoảng 18.000 người, cán bộ có trình độ từ đại học trở lên chiếm khoảng 74,41%, (sau đại học là 13,27%).

Đã kết hợp chặt chẽ các hình thức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao; trong đó, đã chú trọng đến công tác huấn luyện, đào tạo thông qua tiếp nhận chuyên giao công nghệ, qua đó trình độ cán bộ KHCN cũng như tay nghề của đội ngũ công nhân được nâng lên đáng kể. Đã tăng cường đào tạo ngoài nước đối với các ngành công nghệ cao và đào tạo tại các trường ngoài Quân đội đối với các ngành cần thiết mà trường Quân đội không tổ chức đào tạo. Bên cạnh việc quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật công nghệ, đội ngũ cán bộ quản lý cũng được quan tâm xây dựng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

10. Công tác tổ chức lực lượng CNQP

Công tác tổ chức lực lượng CNQP được quan tâm chỉ đạo, từng bước điều chỉnh, kiện toàn hệ thống tổ chức, biên chế lực lượng các cơ sở CNQP nòng cốt theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên môn hóa, giảm số lượng, tăng quy mô các cơ sở sản xuất, sửa chữa, bảo đảm đáp ứng nhiệm vụ cho cả 3 miền Bắc - Trung - Nam, tạo thế bố trí chiến lược trên các địa bàn, đáp ứng yêu cầu sản xuất, sửa chữa các loại VKTBKT trong các tình huống.

Bộ Quốc phòng đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển Tập đoàn Viễn thông Quân đội thành Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, thành lập một số Tổng Công ty trên cơ sở hợp nhất các cơ sở CNQP hiện có theo nhóm sản phẩm, qua đó tập trung nguồn lực, phát triển năng lực sản xuất quốc phòng, kinh tế và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đã chuyển đổi hoạt động 47 công ty CNQP (*nha may*) sang 47 công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được Nhà nước đầu tư 100% vốn và ban hành Biểu tổ chức biên chế 32/47 công ty; chuyển đổi hoạt động của 01 Viện nghiên cứu theo mô hình tự chủ về tài chính bước đầu đạt kết quả tốt; tới đây sẽ tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình đối với các viện nghiên cứu trong Quân đội nhằm phát huy tiềm năng, vai trò, trách nhiệm của đơn vị, cán bộ nghiên cứu và giảm chi tiêu ngân sách nhà nước.

Đối với các nhà máy CNQP nòng cốt, đã xây dựng định biên dây chuyền quốc phòng thời bình và thời chiến. Tổ chức mua sắm dự trữ vật tư chiến lược cho nhu cầu thời chiến và tổ chức bảo quản tại các kho chiến lược. Công tác diễn tập chuyển trạng thái CNQP đã được quan tâm, đã xây dựng các kế hoạch chuyển trạng thái và tham gia diễn tập chiến chiến lược trên các hướng chiến trường, thực hành di chuyển và tổ chức sản xuất VKTBKT trên các dây chuyền trong điều kiện tác chiến.

Trên từng hướng, từng khu vực và một số địa phương đã tiến hành đầu tư, xây dựng được các cơ sở CNQP (bao gồm cơ sở CNQP nòng cốt và các dây chuyền động viên công nghiệp). Số lượng cơ sở CNQP được xây dựng mới tăng, hiện có hơn 40 dây chuyền động viên công nghiệp được triển khai đầu tư xây dựng và giao nhiệm vụ theo quy định của Pháp lệnh Động viên công nghiệp; trình độ sản xuất của các dây chuyền từng bước được hoàn thiện, chủng loại sản phẩm ngày càng đa dạng, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, bước đầu đáp ứng một phần nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

11. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở CNQP nòng cốt và cơ sở động viên công nghiệp và đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động CNQP

Trong điều kiện đất nước còn khó khăn, Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Quốc phòng đã có nhiều chủ trương, chính sách quan tâm đến xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên trong toàn quân như: Thông tư số 151/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế hoạt động đối với doanh nghiệp và người lao động tại các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh trong đó các cơ sở công nghiệp được hỗ trợ tiền lương và kinh phí bảo quản, bảo dưỡng các dây chuyền tạm ngừng sản xuất, hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi; Thông tư số 182/2017/TT-BQP ngày 03/8/2017 của Bộ Quốc phòng về hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp Quân đội trả lương và đóng bảo hiểm đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong thời gian nghỉ chờ hưu. Quy định các chế độ phụ cấp đặc thù quân sự, phụ cấp thu hút, khu vực, phụ cấp trách nhiệm và các chính sách được triển khai thực hiện kịp thời theo sự chỉ đạo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở công nghiệp hoạt động, thu hút lao động chất lượng cao trong lĩnh vực CNQP, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên yên tâm công tác, khắc phục khó khăn, gắn bó với đơn vị, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hằng năm, các cơ sở CNQP đều tổ chức thực hiện kiểm tra sức khỏe, khám chữa bệnh nghề nghiệp cho các cán bộ, nhân viên kỹ thuật trong toàn đơn vị, đặc biệt là các đối tượng làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe... Các cơ sở CNQP luôn thực hiện nghiêm quy chế lãnh đạo về công tác cán bộ, điều động luân chuyển, chính sách hậu phương Quân đội, các chế độ chính sách khác đảm bảo khách quan, dân chủ, đúng chế độ quy định của Nhà nước và Quân đội.

12. Mối quan hệ giữa Pháp lệnh với các luật và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Từ năm 2008 đến nay, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, quan điểm mới về xây dựng quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ Quốc trong tình hình mới, trong đó nhiều chủ trương, quan điểm mới liên quan đến xây dựng và phát triển CNQP chưa được thể chế hóa đầy đủ trong Pháp lệnh hiện hành, cụ thể là:

- Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo xác định “kiện toàn hệ thống tổ chức, tập trung đầu mối quản lý nhà nước về CNQP. Chỉ đạo chặt chẽ việc sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt theo hướng tập trung, thống nhất, giảm trung gian, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sản xuất với sửa chữa. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các khối: đặt hàng; sản xuất - sửa chữa; khai thác sử dụng”; Kết luận số 16-KL/TW ngày 07/7/2017 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội Nhân dân Việt Nam đến năm 2021 điều chỉnh Quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 23/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng đã xác định “Phát triển CNQP an ninh theo hướng lưỡng dụng thực sự trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết CNQP, an ninh và công nghiệp dân sinh” và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định “Xây dựng, phát triển nền CNQP hiện đại, lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội”. Những quan điểm chủ trương trên đã xác định rõ vị trí vai trò và nhiệm vụ của CNQP trong tình hình mới, dẫn đến một số quy định của Pháp lệnh đến nay không còn phù hợp.

- Điều 12 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định “CNQP, an ninh là bộ phận của công nghiệp quốc gia, một phần quan trọng của thực lực, tiềm lực quốc phòng, an ninh, là ngành đặc thù; Nhà nước có chính sách, cơ chế đặc thù, xây dựng CNQP, an ninh theo hướng lưỡng dụng, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia...”; Nghị Quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) cũng xác định “Xây dựng và phát triển CNQP là chương trình mục tiêu trọng điểm quốc gia; CNQP là ngành đặc thù, phải được chăm lo xây dựng và phát triển theo một cơ chế đặc thù và được ưu tiên đầu tư phát triển; tập trung đầu tư có trọng điểm cho các sản phẩm mũi nhọn với trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại; tăng tính lưỡng dụng trong đầu tư phát triển”. Pháp lệnh cũng không thể chế nội dung này và hiện nay cũng chưa có quy định cụ thể, đặc thù về nguồn lực đầu tư cho CNQP (nguồn vốn đầu tư; chế độ đặc thù cho nhân lực phục vụ CNQP; đất cho phục vụ CNQP...).

- Điều 8 và 11 của Pháp lệnh quy định “...hoạt động của cơ sở CNQP nòng cốt theo cơ chế đặt hàng hoặc giao kè hoạch” chưa có hình thức hoạt động theo cơ chế mua sắm, đấu thầu, điều này sẽ hạn chế các thế mạnh của doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh khi tham gia phát triển CNQP.

- Luật Đầu tư công năm 2019 quy định “*Dự án đầu tư công khẩn cấp là dự án đầu tư nhằm kịp thời phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo quyết định của cấp có thẩm quyền*”, Pháp lệnh chưa quy định nội dung này.

- Điều 14 Pháp lệnh quy định “*Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Tài chính và cơ quan nhà nước xây dựng, chương trình, dự án đầu tư về CNQP trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và tổ chức thực hiện*” không phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 17 của Luật Đầu tư công 2019 “*Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cơ quan tổ chức mình quản lý*”.

- Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định “*Nghĩa vụ của doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp*”, nhưng trong Pháp lệnh chưa quy định về việc tổ chức quản lý, đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp.

- Khoản 3, Điều 10 của Pháp lệnh quy định “*Điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động CNQP của tổ chức, cá nhân do Thủ tướng Chính phủ quy định*”, không phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014 quy định “*Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề được quy định tại các Luật, Pháp lệnh, Nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”.

- Hiện nay, doanh nghiệp CNQP thực hiện đồng thời cả hai nhiệm vụ “*nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ kinh tế*”; tuy nhiên, trong Pháp lệnh chưa quy định rõ ràng về hoạt động làm kinh tế của doanh nghiệp CNQP, đây là điều kiện tiên quyết để CNQP sinh tồn và phát triển; chưa quy định trong việc đầu tư công nghệ lưỡng dụng và thúc đẩy nghiên cứu - phát triển các sản phẩm lưỡng dụng. Pháp lệnh chưa quy định cụ thể về vai trò và sự tham gia doanh nghiệp trong và ngoài nước đối với phát triển CNQP, chưa hướng tới cơ chế thị trường theo xu thế phát triển CNQP trên thế giới.

- Cần thống nhất, đồng bộ các nội dung về quản lý nhà nước về CNQP để gắn xây dựng phát triển CNQP nồng cốt với huy động nguồn lực công nghiệp và KHcn của quốc gia (*Pháp lệnh CNQP quy định mọi thành phần kinh tế tham gia vào xây dựng phát triển CNQP, nhưng Pháp lệnh ĐVCN chỉ tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp nhà nước...*), do vậy cần bổ sung quy định cho phép mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng và phát triển CNQP (*đa dạng hóa sở hữu và nguồn lực đầu tư cho CNQP*).

- Với sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các cơ sở CNQP; hiện nay, một số doanh nghiệp đã tham gia nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, để có hành lang pháp lý cần bổ sung các quy định mà Pháp lệnh chưa đề

cập như: *Các quy định về cơ chế sử dụng Quỹ phát triển KHCN để hợp tác với các tổ chức KHCN, Viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; cơ chế thành lập và sử dụng Quỹ đầu tư cho Đổi mới sáng tạo; hướng dẫn đăng ký và cơ chế tài bảo hộ sáng chế mặt; quy định về cơ chế đặc thù trong mua sắm vật tư, linh kiện, thiết bị, máy móc phục vụ cho các nhiệm vụ CNQP; quy định để định giá các sản phẩm CNQP công nghệ cao.*

Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện một số quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nhiều nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về CNQP. Những hạn chế, bất cập, vướng mắc nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực và hiệu quả xây dựng CNQP; chưa thực sự tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát triển CNQP (*Chi tiết có phụ lục II kèm theo*).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Sau 12 năm triển khai thực hiện Pháp lệnh, đã đạt được những thành tựu quan trọng đối với xây dựng và phát triển CNQP Việt Nam. Pháp lệnh đã tạo cơ sở pháp lý cho các hoạch định chính sách phát triển CNQP, hoàn thiện hệ thống tổ chức đồng bộ từ quản lý Nhà nước đến cơ sở sản xuất, là cơ sở cho quá trình xây dựng nền CNQP hội nhập nền Công nghiệp quốc gia và hội nhập với nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa. Đảm bảo cho CNQP phát triển đáp ứng yêu cầu sản xuất vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang, đồng thời góp phần quan trọng vào sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định chưa đầy đủ, cụ thể, rõ ràng gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Một số quy định của Pháp lệnh đã không còn phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, chưa được kịp thời bổ sung, điều chỉnh. Chưa có các cơ chế đặc thù trên các nội dung trọng yếu của CNQP như: đào tạo, gìn giữ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động tiềm lực và đầu tư nâng cao tiềm lực cho CNQP; KHCN và sản xuất sản phẩm quốc phòng công nghệ cao. Việc lập các Quy hoạch, Kế hoạch phát triển CNQP có bước đổi mới, nhưng tính thực tiễn, hiệu quả còn chưa cao.

- Chức năng quản lý nhà nước về CNQP của Bộ Quốc phòng chưa phát huy tối đa hiệu lực trong phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu cho Đảng, Nhà nước về xây dựng và phát triển CNQP. Chức năng, nhiệm vụ các khối: đặt hàng; sản xuất - sửa chữa; khai thác sử dụng chưa được phân định rõ; chưa gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sản xuất với sửa chữa. Tiềm lực CNQP để chuẩn bị cho thời chiến khu vực miền Trung, miền Nam còn hạn chế. Chuyển đổi hoạt động của các Viện nghiên cứu sang mô hình đơn vị tự chủ về tài chính còn vướng mắc.

- Cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ và quản lý sản xuất quốc phòng chưa đồng bộ, chưa tạo cơ chế tự chủ cho các đầu mối quản lý. Sự thu hút các doanh

nghiệp, tổ chức, cá nhân ngoài Quân đội tham gia sản xuất quốc phòng còn nhiều hạn chế. Nên công nghiệp phụ trợ cho CNQP chưa đáp ứng yêu cầu, chưa có cơ chế ưu tiên sử dụng các sản phẩm do CNQP sản xuất.

- Đội ngũ cán bộ nghiên cứu thiết kế, chế tạo VKTBKT một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa có nhiều chuyên gia đầu ngành, chuyên gia giỏi, nhất là lĩnh vực thiết kế VKTBKT. Cơ chế, chính sách về KHCN, cơ chế quản lý, điều hành các chương trình, dự án KHCN nghiên cứu, thiết kế, chế tạo VKTBKT mới còn bất cập, chồng chéo, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản và đơn vị chủ trì. Việc áp dụng Luật sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu, chế tạo VKTBKT mới còn bất cập.

- Trong hội nhập quốc tế, CNQP chủ yếu diễn ra một chiều, phần lớn là nhập khẩu vũ khí trang bị từ các nước, chưa thâm nhập sâu rộng vào thị trường xuất khẩu vũ khí. Pháp lệnh chưa quy định cụ thể, chi tiết và có cơ chế khuyến khích thúc đẩy xuất khẩu vũ khí trang bị quân sự. Chưa hình thành các liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong một số lĩnh vực CNQP, sản phẩm quốc phòng xuất khẩu còn hạn chế, năng lực cạnh tranh còn ở mức thấp.

b) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Tình hình an ninh, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, bên cạnh đó CNQP là ngành đặc thù nên có những tác động khó khăn trong tiến trình hội nhập, chịu nhiều rào cản của luật pháp quốc tế cả đa phương và đơn phương.

+ Thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự thay đổi nhanh chóng của KHCN, hình thành phuơng thức sản xuất mới, đòi hỏi phải có lực lượng lao động trình độ cao.

+ Ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới dẫn đến kinh tế trong nước phục hồi chậm, ngân sách dành cho đầu tư phát triển CNQP, đầu tư cho KHCN và đặt hàng sản xuất quốc phòng còn hạn hẹp.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Pháp lệnh và các văn bản ban hành cơ chế, chính sách để xây dựng và phát triển CNQP của một số bộ, ngành, chính quyền địa phuơng chưa được quan tâm đúng mức. Nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP cơ bản do các đầu mối thuộc Bộ Quốc phòng triển khai; chưa có sự tham gia sâu rộng của các bộ, ngành, địa phuơng và của nền công nghiệp quốc gia.

+ Chất lượng dự báo trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch đối với một số nhiệm vụ còn chưa cao, chưa sát với điều kiện thực tế; chưa huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong xây dựng và phát triển CNQP.

+ Chưa kịp đổi mới tư duy về tổ chức, cơ chế quản lý CNQP; chưa tạo được động lực mạnh mẽ để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển CNQP; việc xây dựng hệ thống cơ chế chính sách đặc thù, tạo hành lang pháp lý cho phát triển CNQP chưa được quan tâm đúng mức nên chưa đồng bộ, kịp thời và mang lại hiệu quả.

3. Đánh giá chung và một số vấn đề rút ra sau 12 năm thực hiện Pháp lệnh

Pháp lệnh CNQP được ban hành có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo nền tảng pháp lý quan trọng, là cơ sở để triển khai hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến CNQP nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển CNQP. Sau khi Pháp lệnh được ban hành, Bộ Quốc phòng đã chủ động tham mưu, đề xuất xây dựng các văn bản để triển khai thi hành Pháp lệnh, trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, chương trình đề án, dự án xây dựng, phát triển CNQP phù hợp từng giai đoạn; vai trò của CNQP ngày càng được nâng lên và góp phần quan trọng vào sự phát triển của kinh tế đất nước.

Bài học rút ra là cần có sự phối hợp chặt chẽ, nâng cao trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng và phát triển CNQP. Cần thiết phải xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, đồng bộ, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn; phải xây dựng cơ chế đặc thù cho xây dựng và phát triển CNQP, đặc biệt trong lĩnh vực “vũ khí công nghệ cao”.

Có cơ chế chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là chế độ trọng dụng nhân tài. Từng bước nâng cao trình độ của đội ngũ quản lý. Phải kiên định kiên trì các mục tiêu trong phát triển CNQP; tăng cường kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng.

Thường xuyên tiến hành rà soát, có sự điều chỉnh kịp thời các quy định cho phù hợp với tình hình mới, phù hợp với các văn bản quy phạm hiện hành có tính pháp lý cao hơn, tránh chồng chéo, tạo hành lang pháp lý thuận tiện trong triển khai thực hiện, tạo động lực cho phát triển CNQP. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng cá nhân tiêu biểu, tập thể xuất sắc, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁP LỆNH TRONG THỜI GIAN TỚI

I. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Để phát triển ngành CNQP trong thời gian tới cần tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện tích cực hơn nữa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong các Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị (khóa IX) về xây dựng và phát triển CNQP đến năm 2020 và những năm tiếp theo; số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; phương hướng, mục tiêu xây dựng Quân đội theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Triển khai đồng bộ, toàn diện các nội dung công tác CNQP, tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

1. Xây dựng và phát triển CNQP theo hướng tự chủ, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; đạt trình độ KHCN tiên tiến, hiện đại, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy,

tinh nhuệ, từng bước hiện đại; trong đó có một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; đáp ứng nhu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang cả trước mắt và lâu dài.

2. Kiện toàn tổ chức lực lượng CNQP với lộ trình và bước đi phù hợp, gắn với tổ chức lực lượng và phương thức tác chiến của Quân đội; tổ chức cơ quan quản lý nhà nước với mô hình phù hợp với đặc thù CNQP, bảo đảm tập trung, thống nhất về quản lý nhà nước để giúp Chính phủ chỉ đạo triển khai xây dựng và phát triển CNQP; Sắp xếp các cơ sở CNQP bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sản xuất với sửa chữa. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách cho CNQP.

3. Nâng cao năng lực nghiên cứu thiết kế, chế tạo, sửa chữa, cải tiến hiện đại hoá các loại VKTBKT mới có tính năng chiến thuật, kỹ thuật hiện đại đáp ứng yêu cầu tác chiến của Quân đội, cũng như đủ điều kiện xuất khẩu, trên cơ sở làm chủ được thiết kế, công nghệ cốt lõi và tăng tỷ lệ nội địa hóa. Tập trung đầu tư sản xuất thành công một số chủng loại vũ khí, trang bị, khí tài hiện đại, chiến lược đáp ứng cho phòng thủ đất nước trên 05 nhóm chuyên ngành chính: Vũ khí trang bị cho Lục quân; Tàu quân sự và vũ khí dưới nước; Tên lửa và hàng không vũ trụ quân sự; Khí tài quân sự; Vật tư kỹ thuật.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, nhất là đội ngũ cán bộ, chủ trì các cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao công tác tuyên truyền phổ biến nhận thức về CNQP đối với mọi đối tượng, đặc biệt là quan điểm về tổ chức, cơ chế quản lý CNQP và các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước có liên quan đến xây dựng, phát triển CNQP. Tập trung vào một số giải pháp sau:

1. Tập trung ưu tiên, đột phá vào nhiệm vụ xây dựng và ban hành Luật CNQP, hoàn thiện hệ thống chính sách, cơ chế bảo đảm tính đồng bộ, đổi mới CNQP, hoàn thiện hệ thống chính sách, cơ chế bảo đảm tính đồng bộ, đổi mới và hiệu quả, có sự phân công, phân cấp chặt chẽ trong quản lý CNQP từ Chính phủ tới các bộ, ngành, địa phương. Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển CNQP, trong đó, tập trung vào các nội dung: nghiên cứu phát triển vũ khí trang bị công nghệ cao; thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực có chất lượng, khuyến khích nhân tài phục vụ cho xây dựng và phát triển CNQP; huy động các thành phần kinh tế, doanh nghiệp có tiềm lực về tài chính và KHCN tham gia đầu tư phát triển CNQP; triển khai các dự án đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mũi nhọn...

2. Tiếp tục nghiên cứu đề xuất quy hoạch hệ thống cơ sở CNQP phù hợp với tổ chức lực lượng Quân đội trong tình hình mới, bảo đảm nhiệm vụ trên cả ba miền. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức và cơ chế quản lý lực lượng CNQP theo hướng tinh, gọn, mạnh trên cơ sở tham khảo mô hình CNQP của các nước có nền CNQP tiên tiến trên thế giới. Trước mắt, đẩy mạnh kiện toàn tổ chức lực lượng và sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt theo hướng tập trung, giảm số lượng và sắp xếp các cơ sở CNQP nòng cốt theo hướng tập trung, giảm số lượng, tăng quy mô các cơ sở sản xuất, sửa chữa; thành lập các doanh nghiệp

trên cơ sở hợp nhất các cơ sở CNQP hiện có theo nhóm sản phẩm, ngành nghề, tiến tới năm 2025 hình thành các cơ sở, các loại hình doanh nghiệp CNQP phù hợp, đồng thời chuyển hoạt động của một số Viện nghiên cứu sang mô hình hoạt động doanh nghiệp KHCN.

3. Đẩy mạnh chương trình đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xây dựng và phát triển CNQP. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật những ngành đặc thù quốc phòng và cán bộ quản lý, nhất là các chuyên gia đầu ngành, chuyên gia giỏi trong lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo VKTBKT. Chú trọng xây dựng, đào tạo để hình thành các nhóm công trình sư, kỹ sư trưởng chuyên sâu từng chuyên ngành theo hướng tập trung từ khâu lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, gắn chặt với các nhà máy quốc phòng làm nhiệm vụ chế thử, chế tạo, sản xuất. Kết hợp chặt chẽ các hình thức đào tạo, tăng cường đào tạo ngoài nước đối với các ngành công nghệ cao; đào tạo kết hợp với chuyên giao công nghệ; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với bố trí, sử dụng và bảo đảm chính sách cán bộ.

4. Đổi mới công nghệ sản xuất, sửa chữa, cải tiến hiện đại hóa VKTBKT, tạo sự tăng trưởng cả về số lượng và chủng loại mới, có tính năng chiến - kỹ thuật cao, phù hợp với chiến lược trang bị của Quân đội và các lực lượng vũ trang. Không nhập khẩu những sản phẩm CNQP mà ta có khả năng nghiên cứu sản xuất đạt yêu cầu chất lượng, tiến độ. Phát huy tốt việc kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, ưu tiên phát triển các lĩnh vực CNQP có thể mạnh phục vụ kinh tế quốc dân, tạo nguồn lực đầu tư phát triển CNQP.

5. Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng, hiệu quả các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu thiết kế, chế tạo, sửa chữa, cải tiến hiện đại hóa VKTBKT. Xây dựng và sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển KHCN của Bộ Quốc phòng và các doanh nghiệp phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo phát triển VKTBKT mới.

6. Ưu tiên nguồn vốn cho đầu tư phát triển CNQP từ nguồn ngân sách nhà nước, nhất là đối với các dự án, sản phẩm mũi nhọn và bảo đảm đủ vốn theo các chương trình, kế hoạch đã duyệt; đồng thời, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ kết quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp CNQP.

7. Tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết CNQP và công nghiệp dân sinh. Kết hợp nhiệm vụ xây dựng, phát triển CNQP trong chiến lược xây dựng, phát triển của các bộ, ngành và địa phương. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Công an, Công Thương, Thông tin và Truyền thông... để xuất cấp có thẩm quyền phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng trong quá trình thực hiện, tránh trùng lặp.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ để ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất vũ khí trang bị. Hợp tác cùng nghiên cứu phát triển và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm quốc phòng với các đối tác nước ngoài; hướng tới xuất khẩu sản phẩm quốc phòng. Nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của doanh nghiệp CNQP.

Phần III
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Chính phủ quan tâm theo dõi, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP; trọng tâm là nhiệm vụ xây dựng và thực thi quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách. Lãnh đạo, chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị phối hợp, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao về xây dựng và phát triển CNQP.

2. Đề nghị Chính phủ cho phép Bộ Quốc phòng xây dựng Luật CNQP thay thế Pháp lệnh CNQP để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong xây dựng và phát triển CNQP đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

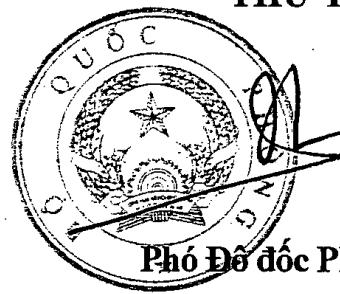
Bộ Quốc phòng kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP⁽⁸⁾;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Tổng cục Chính trị;
- Tổng cục CNQP;
- Văn phòng BQP;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, TCCNQP. S18.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Phó Đô đốc Phạm Hoài Nam



Phụ lục I
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CNQP
(Kèm theo Báo cáo số: 2934 /BC-BQP ngày 16/8/2021 của Bộ Quốc phòng)

STT	Loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày văn bản	Tên văn bản	Tình trạng	Ghi chú (đề xuất, kiến nghị)
I VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG VÀ CÁC LĨNH VỰC LIÊN QUAN ĐẾN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ					
1	Luật của Quốc hội	22/2018/QH14 ngày 08/6/2018	Luật Quốc phòng	Còn hiệu lực	
2	Pháp lệnh của UBTV Quốc hội	02/2008/UBTVQH12 ngày 26/01/2008	Pháp lệnh về CNQP	Còn hiệu lực	Tổng kết Pháp lệnh, ban hành Luật CNQP (chi tiết tại Phụ lục II)
3	Nghị định của Chính phủ	46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh CNQP	Còn hiệu lực	Ban hành Nghị định mới cùng với Luật CNQP
4	Nghị định của Chính phủ	104/2010/NĐ-CP ngày 11/10/2010	Nghị định về chức, quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh	Còn hiệu lực	
5	Nghị định của Chính phủ	93/2015/NĐ-CP ngày 15/10/2015	Nghị định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng an ninh	Còn hiệu lực	
6	Nghị định của Chính phủ	22/2016/NĐ-CP ngày 31/3/2016	Nghị định quy định về đối ngoại quốc phòng	Còn hiệu lực	
7	Quyết định của Thủ tướng CP	111/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa BQP với Bộ Công nghiệp, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về CNQP	Còn hiệu lực	
8	Quyết định của Thủ tướng CP	111/2009/QĐ-TTg ngày 01/9/2009	Quyết định Quy định điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động CNQP	Hết hiệu lực	

9	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2057/2009/QĐ-TTg ngày 16/11/2009	Quyết định phê duyệt danh sách cơ sở CNQP	Còn hiệu lực	
10	Thông tư của BQP	633/2007/TT-BQP ngày 02/02/2007	Thông tư ban hành Quy chế phối hợp giữa BQP với Bộ Công nghiệp và các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về CNQP	Còn hiệu lực	
11	Thông tư của BQP	88/2010/TT-BQP ngày 02/7/2010	Thông tư ban hành Quy chế Tổ chức, quản lý và phối hợp công tác đối ngoại quân sự	Còn hiệu lực	Ban hành mới (chi tiết tại Phụ lục II)
12	Thông tư của BQP	34/2012/TT-BQP ngày 17/4/2012	Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 111/2009/QĐ-TTg ngày 01/9/2009 Quy định điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động CNQP	Hết hiệu lực	
11	Thông tư liên tịch của BQP và BTC	222/2013/TTLT-BQP-BTC ngày 23/12/2013	Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cơ sở và người lao động trong cơ sở CNQP nòng cốt quy định tại Điều 8 Nghị định số 46/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh CNQP	Còn hiệu lực	
13	Quyết định của Bộ trưởng BQP	294/2000/QĐ-BQP ngày 06/3/2000	Quyết định Bộ trưởng BQP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục CNQP	Còn hiệu lực	Ban hành Thông tư thay thế (chi tiết tại Phụ lục II)
II VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP					
1	Luật của Quốc hội	14/2017/QH14 ngày 20/6/2017; 50/2019/QH14 ngày 25/11/2019	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Còn hiệu lực	
2	Nghị định của Chính phủ	36/2009/NĐ-CP ngày 15/4/2009	Nghị định về quản lý, sử dụng pháo	Còn hiệu lực	Có nội dung mâu thuẫn, vướng mắc (chi tiết tại Phụ lục II)
3	Nghị định của Chính phủ	39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009	Nghị định về vật liệu nổ công nghiệp	Còn hiệu lực	

4	Nghị định của Chính phủ	71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	Còn hiệu lực	
5	Nghị định của Chính phủ	42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020	Nghị định quy định Danh mục, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ và đường thuỷ nội địa	Còn hiệu lực	Có nội dung mâu thuẫn, vướng mắc (chi tiết tại Phụ lục II)
6	Thông tư của BQP	22/2013/TT-BQP ngày 11/3/2013	Thông tư Quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong Quân đội	Hết hiệu lực	
7	Thông tư của BQP	85/2018/TT-BQP ngày 23/6/2018	Thông tư quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của BQP	Còn hiệu lực	
8	Thông tư của Bộ Công thương	13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN	Còn hiệu lực	Có nội dung mâu thuẫn, vướng mắc (chi tiết tại Phụ lục II)

III VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC ĐÓNG TÀU QUÂN SỰ

1	Thông tư của BQP	129/TT-BQP ngày 04/12/2012	Thông tư ban hành Quy chế quản lý đóng tàu quân sự	Còn hiệu lực; các nội dung liên quan đến đấu thầu hết hiệu lực	Ban hành mới (chi tiết tại Phụ lục II)
2	Thông tư của BQP	09/TT-BQP ngày 01/02/2010	Thông tư Quy định về việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm kỹ thuật cho Vũ khí trang bị kỹ thuật Hải quân	Còn hiệu lực	
3	Thông tư của BQP	32/TT-BQP ngày 24/01/2017	Thông tư Quy định đăng ký, quản lý, sử dụng tàu thuyền quân sự	Còn hiệu lực	
4	Thông tư của BQP	88/2017/TT-BQP ngày 14/4/2017	Thông tư quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	Ban hành mới (chi tiết tại Phụ lục II)

5	Quyết định của Bộ trưởng BQP	32/2003/QĐ-BQP ngày 03/4/2003	Quyết định ban hành Quy chế Quản lý công nghệ đóng tàu quân sự	Còn hiệu lực	Bãi bỏ (chi tiết tại Phụ lục II)
IV	VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ				
1	Thông tư của BQP	75/2010/TT-BQP ngày 12/6/2010	Thông tư hướng dẫn chi tiết một số nội dung về quản lý đấu thầu trong Bộ Quốc phòng	Hết hiệu lực	
2	Thông tư của BQP	108/2010/TT-BQP ngày 30/8/2010	Thông tư quy định về phân cấp, ủy quyền quyết định dự án đầu tư và xây dựng trong Bộ Quốc phòng	Hết hiệu lực	
3	Thông tư của BQP	111/2010/TT-BQP ngày 13/9/2010	Thông tư hướng dẫn quy trình thẩm định dự án đầu tư và xây dựng trong Bộ Quốc phòng	Hết hiệu lực	
4	Thông tư của BQP	140/2011/TT-BQP ngày 08/8/2011	Thông tư quy định giảm trừ chi phí đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc tự thực hiện trong Bộ Quốc phòng	Hết hiệu lực	
5	Thông tư của BQP	210/2011/TT-BQP ngày 28/11/2011	Thông tư quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc các nguồn vốn đầu tư trong Bộ Quốc phòng	Hết hiệu lực	
6	Thông tư của BQP	88/2017/TT-BQP ngày 14/4/2017	Thông tư quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	Cùng với lĩnh vực đóng tàu
7	Thông tư của BQP	99/2017/TT-BQP ngày 27/4/2017	Thông tư hướng dẫn một số nội dung về công tác giám sát và đánh giá đầu tư trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	
8	Thông tư của BQP	101/2017/TT-BQP ngày 27/4/2017	Thông tư quy định về phân cấp ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	
9	Thông tư của BQP	233/2017/TT-BQP ngày 12/09/2017	Thông tư quy định về quyết toán hoàn thành thuộc các nguồn vốn đầu tư trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	

V VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC MUA SẮM

1	Thông tư của BQP	20/2009/TT-BQP ngày 14/5/2009	Thông tư về hướng dẫn lập, trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá các loại hàng hóa, dịch vụ phục vụ quốc phòng	Hết hiệu lực	
2	Thông tư của BQP	71/2009/TT-BQP ngày 15/9/2009	Thông tư về quản lý chất lượng hàng hóa quốc phòng mua sắm, nhập khẩu	Hết hiệu lực	
3	Thông tư của BQP	83/2013/TT-BQP ngày 09/7/2013	Thông tư ban hành quy trình thẩm định, phê duyệt và cấp phép nhập khẩu hàng quốc phòng trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	
4	Thông tư của BQP	199/2014/TT-BQP ngày 31/12/2014	Thông tư quy định quy định chi tiết và hướng dẫn công tác quản lý giá trong lĩnh vực quốc phòng	Hết hiệu lực	
5	Thông tư của BQP	40/2017/TT-BQP ngày 23/02/2017	Thông tư quy định danh mục hàng hóa cấp nhập khẩu, cấm xuất khẩu thuộc diện quản lý của Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	
6	Thông tư của BQP	288/2017/TT-BQP ngày 20/11/2017	Thông tư quy định xuất khẩu, nhập khẩu và mua sắm hàng hoá trong nước do BQP quản lý	Hết hiệu lực	
7	Thông tư của BQP	175/2019/TT-BQP ngày 25/11/2019	Thông tư quy định quy định chi tiết và hướng dẫn công tác quản lý giá trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	

VI CÁC VĂN BẢN KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1	Thông tư của BQP	182/2014/TT-BQP ngày 22/12/2014	Thông tư quy định về sử dụng vũ khí, khí tài, đạn dược sản xuất loạt “O”	Còn hiệu lực	
2	Thông tư của BQP	120/2015/TT-BQP ngày 30/10/2015	Thông tư quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn và chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại đơn vị thuộc Bộ quốc phòng	Còn hiệu lực	

3	Thông tư của BQP	145/2016/TT-BQP ngày 19/9/2016	Thông tư quy định về quản lý hàng dự trữ quốc gia trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	
4	Thông tư của BQP	48/2016/TT-BQP ngày 12/4/2016	Thông tư quy định về quản lý tài liệu thiết kế sản phẩm quốc phòng	Còn hiệu lực	
5	Thông tư của BQP	109/2016/TT-BQP ngày 05/08/2016	Thông tư về Quy chuẩn QCVN 02:2016/BQP – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hủy đốt thuốc phóng đạn dược	Còn hiệu lực	
6	Thông tư của BQP	188/2017/TT-BQP ngày 09/8/2017	Thông tư quy định loại khói biên chế và sử lý tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng	Còn hiệu lực	
7	Thông tư của BQP	163/2019/TT-BQP ngày 30/11/2018	Thông tư quy định 01 Thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận huấn luyện an toàn Vật liệu nổ công nghiệp	Còn hiệu lực	

Phụ lục II
VĂN BẢN QPPL ĐƯỢC RÀ SOÁT CÓ NỘI DUNG MÂU THUẦN, CHỒNG CHÉO,
BẤT CẬP KHÔNG CÒN PHÙ HỢP THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CNQP
(Kèm theo Báo cáo số: 1934 /BC-BQP ngày 16/8/2021 của Bộ Quốc phòng)

TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung mẫu thuần, chồng chéo, bất cập hoặc không còn phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, cản hâm sự phát triển	Kiến nghị (đình chỉ thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Ghi chú
I	PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI						
1	Pháp lệnh	02/2008/UBT VQH12 ngày 26/01/2008	Pháp lệnh CNQP	Pháp lệnh ban hành đến nay đã 12 năm nên chưa thể chế hóa đầy đủ, nhất là các chủ trương mới của Đảng, Nhà nước về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, về yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và phát triển CNQP; chưa đề ra được các chính sách đặc thù cho xây dựng, phát triển CNQP. Một số quy định tại Pháp lệnh có những điểm bất cập, chưa phù hợp và thống nhất với Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân liên quan đến quốc phòng, an ninh; Luật Quốc phòng năm 2018 và Luật Công an nhân dân năm 2018 về nội dung CNQP, an ninh; Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về quản lý, cung cấp thông tin doanh nghiệp; Luật Đầu tư công năm 2019 quy định về sử dụng và quản lý vốn đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về lập, chấp hành ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 quy định các vấn đề về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ; Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi	Tổng kết Pháp lệnh, xây dựng và ban hành Luật CNQP	Từ 2021	

				năm 2019 quy định liên quan đến đăng ký, sử dụng, chuyển giao thông tin, tài liệu, sáng chế; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2016 quy định tuyển dụng, tuyển chọn, chế độ chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng...			
II	NHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ						
1	Nghị định	46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh CNQP	Cùng lý do như Pháp lệnh CNQP	Ban hành Nghị định mới thay thế (cùng với Luật CNQP)	2022	
2	Nghị định	42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020	Quy định danh mục, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ và đường thuỷ nội địa	<p>Không bảo đảm khả thi:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP quy định: Đối với hoạt động vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ngoài việc thực hiện Nghị định này còn phải thực hiện theo quy định của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không được quy định tại Nghị định của Chính phủ mà được quy định tại Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017. Do đó, quy định tại khoản 3 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP không đủ cơ sở để triển khai thực hiện. Danh mục hàng hoá nguy hiểm tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 42/2020/NĐ-CP bao gồm một số hàng hoá đã được quy định việc vận chuyển ở văn bản quy phạm pháp luật khác, cụ thể như sau: - Đối với đạn dược, vũ khí, ngòi nổ, bom, mìn, đạn 	Đinh chỉ thi hành để sửa đổi, bổ sung	2021	

			<p>tín hiệu, tên lửa, hạt lửa..., việc vận chuyển đã được quy định tại các điều: 33, 36, 59 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.</p> <p>- Đối với tiền chất thuốc nổ: Theo quy định khoản 4 Điều 73 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Danh mục tiền chất thuốc nổ đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp. Theo đó, các loại hàng hóa trong Danh mục hàng hóa nguy hiểm như: Amoni nitrat (thứ tự 126), Natri nitrat (thứ tự 868), Kali nitrat (thứ tự 857), Natri clorat (thứ tự 866), Kali clorat (thứ tự 856), Kali perclorat (thứ tự 860) nếu có hàm lượng đạt ngưỡng theo Phụ lục III kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT sẽ là tiền chất thuốc nổ.</p> <p>3. Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP quy định: Đối với hoạt động vận chuyển các loại hàng hóa nguy hiểm phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng của lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Theo quy định này, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phải ban hành thông tư liên tịch để quy định việc vận chuyển các loại hàng hóa nguy hiểm phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng của lực lượng vũ trang.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, không có hình thức văn bản quy phạm pháp luật là thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.</p>		
--	--	--	--	--	--

				Mặt khác, Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cấm quy định thủ tục hành chính trong Thông tư của Bộ trưởng, trừ trường hợp được giao trong luật. Do đó, việc triển khai thực hiện quy định tại khoản 4 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP sẽ gặp khó khăn.			
III	THÔNG TƯ						
1	Thông tư của BQP	88/2010/TT-BQP ngày 02/7/2010	Ban hành Quy chế Tổ chức, quản lý và phối hợp công tác đối ngoại quân sự	Quy định hiện hành về đối ngoại quân sự chưa xây dựng được các nội dung đặc thù quy định trách nhiệm, quyền hạn cho các cơ quan, đơn vị đầu mối Bộ Quốc phòng có chức năng quản lý các doanh nghiệp nhà nước, viện nghiên cứu, trường đào tạo để tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về kinh tế đơn thuần, nghiên cứu, xúc tiến thương mại,... Vì vậy, việc giải quyết các thủ tục đoàn vào cho các đối tác (kể cả các đối tác theo các chương trình, dự án) vào làm việc với các cơ quan, đơn vị của Tổng cục cũng như thủ tục xin tiếp xã giao các đối tác còn phức tạp, mất nhiều thời gian, dẫn đến mất chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, mất thời cơ và cơ hội cho doanh nghiệp.	Ban hành Thông tư mới thay thế	2021	Tổng cục CNQP đã có văn bản đề nghị Cục đối ngoại sửa đổi các nội dung nhằm khắc phục bất cập
2	Thông tư của BQP	288/2017/TT- BQP ngày 20/11/2017	Quy định xuất khẩu, nhập khẩu và mua sắm hàng hoá trong nước do BQP	Quy chế xuất khẩu, nhập khẩu và mua sắm hàng hóa trong nước do Bộ Quốc phòng quản lý (Thông tư số 288/2017/TT-BQP ngày 20/11/2017 của Bộ Quốc phòng) đã có quy định về việc xuất khẩu hàng quốc phòng. Tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu đến nay vẫn còn rất hạn chế. Ngoài các nguyên nhân chủ quan (giá cả, mẫu mã sản phẩm quốc phòng còn hạn chế, chưa đầu tư đúng mức cho các hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế) thì chủ yếu là do chưa xây dựng	Sửa đổi, bổ sung	2020- 2021	

			quản lý	được các quy định đặc thù để khuyến khích các hoạt động sản xuất xuất khẩu, chưa phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp xuất khẩu chủ lực của Bộ Quốc phòng trong công tác phối hợp quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại, danh mục hàng hoá được hưởng ưu tiên về thủ tục hải quan còn hạn chế (không có các bán thành phẩm),...			
3	Thông tư của BQP	129/TT-BQP ngày 04/12/2012	Ban hành Quy chế quản lý đóng tàu quân sự	Quy chế Quản lý ĐTQS hiện hành được xây dựng trên cơ sở các quy định pháp luật giai đoạn 1999-2012. Từ năm 2013 cho đến nay, Nhà nước đã ban hành mới nhiều văn bản QPPL về lĩnh vực quản lý đầu tư, đầu tư công, xây dựng, đấu thầu; đồng thời, Bộ Quốc phòng đã ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung một số quy định liên quan để phù hợp với các quy định của Nhà nước; một số quy định tại Quy chế 129 đến nay không còn phù hợp, cần phải được sửa đổi, bổ sung. Bên cạnh đó, thực tế triển khai Quy chế Quản lý ĐTQS thời gian qua cho thấy, việc tổ chức thực hiện một số khâu còn có sự lúng túng, chất lượng hồ sơ chưa cao, thực hiện chưa thông nhất do chưa có quy định chi tiết, gây ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ công tác lập, thẩm định, phê duyệt và kéo dài thời gian hoàn thiện thủ tục hồ sơ. Việc quy định nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị chưa được cụ thể nên hiệu quả công tác phối hợp chưa cao. Các chỉ tiêu, định mức trong đóng tàu quân sự chưa được ban hành để áp dụng, dẫn đến phải vận dụng các quy định quản lý của lĩnh vực xây dựng, chưa phù hợp với đặc thù của ngành ĐTQS. Từ các yếu tố về pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành mới Thông tư của Bộ Quốc phòng thay thế Thông tư số 129/2012/TT-BQP ngày 04/12/2012 cũng như các	- BQP ban hành Thông tư mới thay thế; - BQP ban hành Quyết định về định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư trong đóng tàu quân sự - Tổng cục CNQP ban hành định mức nhân công trong đóng tàu quân sự	2021	Tổng cục CNQP đang dự thảo Tờ trình BQP ban hành Thông tư mới . Theo ý kiến các cơ quan Bộ Quốc phòng, Tổng cục CNQP sẽ loại bỏ các nội dung lựa chọn nhà thầu trong ĐTQS, mua sắm vật tư, trang thiết bi, nhập khẩu vũ

				quyết định về việc ban hành các định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư, định mức kinh tế kỹ thuật về nhân công trong đóng tàu quân sự tại thời điểm hiện nay là thực sự cần thiết.			khí, trang bị quốc phòng.
4	Thông tư của BQP	88/2017/TT-BQP ngày 14/4/2017	Quy định một số nội dung về đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong Bộ Quốc phòng	Hiện Cục Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn chỉnh dự thảo Thông tư mới (thay thế Thông tư 88/2017/TT-BQP ngày 14/4/2017); Tổng cục CNQP cũng đã có Công văn số 3558/CNQP-TM ngày 27/5/2020 đề nghị bổ sung các nội dung đặc thù về lựa chọn nhà thầu trong đóng tàu quân sự	Ban hành Thông tư mới thay thế (bao gồm các nội dung lựa chọn nhà thầu đặc thù trong đóng tàu quân sự)	2021	
5	Thông tư của Bộ Công thương	13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018	Quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN	<p>1. Tên Thông tư, phạm vi điều chỉnh (<i>Điều 1</i>) và nội dung(<i>Điều 2, Điều 4, Điều 5, Điều 6, tên Chương II, Điều 7, Điều 10, tên Chương III, Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Phụ lục II, Phụ lục II, Phụ lục IV,</i>) có cụm từ "<i>tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất VLNCN</i>" không phù hợp với quy định tại <i>khoản 10 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ</i> (<i>tiền chất thuốc nổ là hóa chất nguy hiểm, trực tiếp dùng để sản xuất thuốc nổ</i>). Đồng thời, không phù hợp với quy định tại <i>khoản 4 Điều 73 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ</i> (<i>Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục tiền chất thuốc nổ</i>).</p> <p>2. Khoản 5 Điều 14 Thông tư quy định: Tổ chức có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, <i>Giấy phép dịch vụ nổ mìn do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp</i> phải thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi được phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp ít nhất 10 ngày trước khi sử dụng vật liệu nổ công</p>	Sửa đổi, bổ sung	2021	Hiện nay Bộ Công Thương đang tiến hành sửa đổi

				nghiệp theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này. Quy định này có nội dung trái với <i>điểm đ khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý sử dụng vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ</i> . Theo đó, Luật quy định chỉ có Tổ chức, doanh nghiệp được Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất 10 ngày trước khi thực hiện các hoạt động theo giấy phép chứ không quy định tổ chức có <i>Giấy phép dịch vụ nổ mìn do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp</i> phải thực hiện thông báo.			
IV CÁC HÌNH THỨC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC							
1	Quyết định của Bộ trưởng BQP	294/2000/QĐ-BQP ngày 06/3/2000	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục CNQP	Nhiều nội dung chức năng nhiệm vụ đã không còn phù hợp với thực tiễn chức năng, nhiệm vụ được giao hiện nay của Tổng cục cũng như tổ chức, biên chế cơ quan Tổng cục theo Quyết định số 1718/QĐ-BQP ngày 30/5/2020 của Bộ trưởng BQP về việc tổ chức lại Cơ quan Tổng cục CNQP	Ban hành Thông tư thay thế	2021	Tổng cục CNQP đã dự thảo Thông tư báo cáo BQP
2	Quyết định của Bộ trưởng BQP	32/2003/QĐ-BQP ngày 03/4/2003	Ban hành Quy chế Quản lý công nghệ đóng tàu quân sự	Nhiều nội dung quy định về quản lý thiết kế, công nghệ đóng tàu trùng lắp, mâu thuẫn với Quy chế Quản lý ĐTQS hiện hành và dự thảo quy chế mới	Bãi bỏ	2021	Đã đề nghị bãi bỏ trong dự thảo TT tư ban hành Quy chế QLĐT quân sự mới